

THIÊN CHÚA Ở ĐÂU?



LỜI GIỚI THIỆU

Đây là câu hỏi nhiều người đã tự hỏi: Có Thiên Chúa không và nếu có thì Thiên Chúa ở đâu? – Thiên Chúa ở ngay bên chúng ta mà chúng ta đã không nhận biết Ngài. Thiên Chúa tạo dựng muôn loài muôn vật và vũ trụ bao la. Tài liệu này sẽ từ từ dẫn chúng ta khám phá và nhận biết Ngài, chính Thiên Chúa đã tạo dựng nên ta, đã tạo dựng nên trời đất muôn vật.

Để hiểu biết hơn, mời các bạn đọc hết tác phẩm này, bạn sẽ tìm thấy Thiên Chúa không xa cách với chúng ta và bạn thật sự là thụ tạo Ngài đã yêu thương và tạo dựng nên và ở trong cuộc đời của bạn.

Cầu mong bạn sẽ là người gặp được Thiên Chúa ở trong cuộc sống của mình.

LM. VIỆT-CHÂU, SSS

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ TRUYỀN THÔNG DÂN CHÚA, MỸ CHÂU

NỘI DUNG

LỜI GIỚI THIỆU	3
1. NGUỒN GỐC VŨ TRỤ.....	5
2. THIÊN CHÚA TẠO DỰNG	20
3. AĐAM – EVÀ	32
5. NHỮNG ĐỊNH LUẬT SIÊU NHIÊN	52
7. KINH THÁNH CÓ PHẢN KHOA HỌC KHÔNG?	161
8. NHỮNG ĐOẠN KHÓ HIỂU TRONG PHÚC ÂM.....	166
9. MÌNH MÁU CHÚA KITÔ TRONG PHÉP THÁNH THỂ	199
10. CON NGƯỜI CÓ BỎI KHỈ MÀ RA KHÔNG? ...	218
11. TẠI SAO CHÚNG TA PHẢI KÍNH MẾN ĐỨC MẸ?	228

1. NGUỒN GỐC VŨ TRỤ



Thưa xưa cha ông chúng ta ngỡ rằng Thiên Chúa chỉ tạo dựng mặt đất với mặt trời, mặt trăng và các vì sao lấp lánh vào nền trời, mà Thiên Chúa đã được tôn thờ là Đấng vô cùng cao trọng quyền phép, nhưng nhờ khoa học đã khám phá ra cả một vũ trụ bao la vô cùng vô tận, hàng tỷ tỷ tinh tú, và những sự sắp xếp kỳ diệu của sự tạo dựng mọi vật mọi loài, chúng ta mới nhận ra Thiên Chúa là Đấng cao trọng, tài năng quyền phép vạn bội.

Nhưng chính trong sự tiến bộ khoa học mà chúng ta nhận biết vinh quang của Chúa thì tiếc rằng nhiều người nhìn vào sự bao la của vũ trụ mà không tin Thiên Chúa có thể tạo dựng được như vậy. Lại có người tin vào tài năng kiến thức của họ mà cho rằng họ đã tìm kiếm khắp nơi mà chẳng thấy Thiên Chúa đâu cả.

Người đạo Chúa tin Thiên Chúa là Đấng tạo dựng trời đất: “Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời đất. Đất còn

trống rỗng chưa có hình dạng ...”. Và chúng ta thấy mọi sự Thiên Chúa tạo dựng đều lớp lang thứ tự trong điều kiện khoa học, mọi khám phá của khoa học đều chứng tỏ công trình sáng tạo của Thiên Chúa là công trình khoa học tuyệt vời, Chúa Giêsu đã phán trong Thông Điệp Tinh Yêu Nhân Hậu gửi các Hồn Nhỏ ngày 21-7-1966: “... Các lý thuyết thông thái của họ dùng làm gì? Khoa học đích thực phát xuất từ nơi Cha, nhưng Cha chỉ ban cho những kẻ bé nhỏ”. Vâng, khoa học của con người đầy rẫy sai sót, khiếm khuyết, bế tắc. Nhưng trông cậy vào sự hướng dẫn của Thiên Chúa trong những tìm tòi hiểu biết thiên nhiên để chúng ta càng kính mến tôn thờ Ngài. Vậy xin Chúa Thánh Thần soi sáng, chúng ta tìm hiểu đôi chút về công cuộc sáng tạo của Thiên Chúa.

- VẬT CHẤT.

Mọi vật thể trong vũ trụ chỉ được cấu tạo bằng những nguyên tử vô cùng nhỏ bé, nhỏ đến nỗi không tưởng tượng nổi là có gì nhỏ hơn được nữa, thế mà nguyên tử lại được cấu kết bởi những thành phần hàng tỷ tỷ lần nhỏ bé hơn, như electron, proton, neutron và các hạt còn nhỏ bé hơn xen kẽ giữa proton và neutron trong các hạch tâm. Kỳ diệu hơn là các hạch tâm lại có sự cuốn hút các electron với tốc độ 300.000 Km/giây và quỹ đạo vô cùng nhỏ bé, chính tốc độ khủng khiếp đó đã tạo cho electron thành lớp vỏ, nhân thể tích các hạt li ti đó lên hàng tỉ tỉ lần mà trở thành nguyên tử: nguyên tử kết hợp với nguyên tử thành chất, chất kết hợp với chất thành vật. Mọi vật thể trong vũ trụ chỉ gồm khoảng 100 nguyên chất, nhưng chúng được pha trộn kết ghép thành hàng triệu hợp chất. Từ đất đá cỏ cây cho tới cơ thể chúng ta đều được cấu kết bằng những hợp chất.

- ÁNH SÁNG VÀ NHIỆT ĐỘ.

Ánh sáng từ cây củi, xăng dầu và các chất đốt trên mặt đất, người ta thường cho đó là nguồn electron, vì các hợp chất của chất đốt bị lửa phân huỷ thì các electron thuộc các nguyên tử phóng tỏa ra mà tạo thành ánh sáng, hoặc ánh sáng từ dòng điện, người ta cũng nghĩ đó thuần là electron vì do nguồn electron từ dòng điện phóng tỏa ra. Nhưng ánh sáng từ mặt trời là do phản ứng hạch tâm thì tại sao không thuần là nguồn proton mà lại là electron? Thật ra ánh sáng từ mặt trời cũng như ánh sáng từ nguồn chất liệu phát sáng trên mặt đất, các bạn sẽ thấy là gồm tất cả các thành phần cấu tạo nên vật chất như electron, proton, neutron, các hạt xen kẽ giữa các hạch tâm và có thể còn các hạt chúng ta chưa biết đến. Tất cả những loại hạt đó, khi chưa kết hợp với nhau để trở thành vật chất, xin gọi là những HẠT TỰ DO, là bao gồm tất cả chất liệu tạo nên vật thể, là SIÊU VẬT THỂ, hay viết gọn lại là HẠT TỰ DO.

Một đĩa thức ăn cho vào hâm trong lò vi sóng, nguồn electron từ lò vi sóng phóng tỏa và bị cuốn hút vào đĩa thức ăn, vừa làm tăng tốc độ các Hạt tự do sẵn có trong thức ăn, vừa làm tăng tốc độ electron thuộc các nguyên tử trong các hợp chất của đĩa thức ăn, làm thức ăn sôi lên. (Sự tăng tốc độ electron trong các nguyên tử thì chưa ai nói tới, mà chúng ta có thể suy đoán được qua sự giãn nở của vật chất khi gặp nóng, là các electron trong nguyên tử tăng tốc độ làm nguyên tử tăng thể tích, nên gặp nóng bị nở ra). Khi được đem ra khỏi lò vi sóng, đĩa thức ăn nguội dần vì một phần Hạt tự do bị cuốn hút vào không khí, một phần chậm lại, đồng thời các electron thuộc các nguyên tử cũng chậm lại.

Khi chúng ta cắt cỏ đổ thành đống, hôm sau lật cỏ lên thấy nóng hổi, thì đó là các electron liên kết các nguyên tử của đống cỏ phóng tỏa ra trong lúc chuyển đổi hợp chất, tăng tốc độ nguồn Hạt tự do sẵn có trong đống cỏ, làm tăng tốc độ electron thuộc các nguyên tử của các hợp chất trong đống cỏ, nên nhiệt độ tăng lên. Ngay trong cơ thể chúng ta, sự chuyển đổi thức ăn từ ruột vào máu, sự chuyển đổi máu từ phổi, thận và các thớ thịt trong cơ thể, thì nguồn electron liên kết nguyên tử trong các hợp chất phóng tỏa ra làm tăng tốc độ nguồn Hạt tự do sẵn có trong cơ thể, tăng tốc độ electron của các nguyên tử trong cơ thể chúng ta mà tạo nên độ ấm.

Một căn phòng có lò sưởi đang được đốt cháy, các hợp chất trong đống củi bị lửa phân hủy, nguồn electron thuộc các nguyên tử của đống củi phóng tỏa ra căn phòng mỗi giây hàng tỉ tỉ hạt, mỗi hạt chỉ tồn tại trong căn phòng khoảng 1/triệu giây rồi biến mất, không ai hỏi rằng chúng đi đâu? Thưa, chúng không đi đâu cả, chúng vẫn phóng điên loạn trong căn phòng với tốc độ chậm dần, phóng tỏa, chui rúc, và bị cuốn hút vào mọi vật, mọi ngõ ngách, vừa làm tăng tốc độ nguồn Hạt tự do sẵn có trong phòng, thế là căn phòng nóng lên. Dù lò sưởi có bị dập tắt thì căn phòng vẫn ấm cho tới khi tốc độ của nguồn Hạt tự do và các electron thuộc các nguyên tử của mọi vật trong phòng chậm lại và một phần Hạt tự do bị cuốn ra ngoài hay vào lòng đất.

Nguồn Hạt tự do chính là nhiệt độ, nguồn Hạt tự do càng dày đặc và tốc độ càng cao thì nhiệt độ càng cao, như chúng ta thấy nhiệt độ từ lòng mặt trời hàng triệu độ vì nơi đó dày đặc Hạt tự do có tốc độ cao, phần ngoài của

mặt trời hàng ngàn hàng vạn độ. Từng giây từng phút, nguồn Hạt tự do được phóng tỏa vào không gian với số lượng khôn kể, càng xa mặt trời thì nguồn Hạt tự do ấy càng thưa ra, nên nhiệt độ càng giảm, nên không có gì cản trở, nguồn Hạt tự do đó có thể phóng đi hàng chục tỉ năm, nhưng khi gặp trái đất, nguồn Hạt tự do bị cản dần bởi môi dung dày đặc Hạt tự do của vùng từ trường (Xem “Từ trường”), tầng khí quyển, những đám mây, làn hơi nước, đất đá, cỏ cây và mọi vật. Mỗi giây một mét vuông trên mặt đất nhận hàng tỉ Hạt tự do, cho rằng 1/10 bị dội ra, còn lại 9/10 số lượng Hạt tự do đó, có hạt biến mất khoảng 1/triệu giây, hạt nào biến chậm cũng chỉ khoảng 1/100 ngàn giây. Sự biến mất quá nhanh mà chúng ta không nghĩ đến, nhưng nguồn Hạt tự do vẫn tồn tại không hề mất đi một hạt nào: Khi phóng đi với vận tốc 300 ngàn cây số giây, những Hạt tự do không thể cùng một lúc xuyên suốt các vật thể, nhưng sau đó tốc độ chậm hơn, khi chúng ta không nhìn thấy chúng nữa, thì chúng vừa xâm nhập vừa bị cuốn hút vào mọi vật, vừa làm tăng tốc độ nguồn Hạt tự do sẵn có trong không khí và các vật, vừa làm tăng tốc độ electron thuộc các nguyên tử trong mọi vật thể, thế là bầu không khí và mặt đất nóng lên.

Những điều khó hiểu mà các nhà khoa học chưa giải thích như chúng ta thấy nhiệt độ làm các vật giãn nở khi gặp nóng là do electron trong các nguyên tử tăng tốc độ thì các nguyên tử cũng tăng thể tích nên các vật thể mới nở ra. Và sự truyền nhiệt là nguồn Hạt tự do bị cuốn hút từ vật nhiều Hạt tự do có tốc độ cao sang vật ít Hạt tự do có tốc độ thấp hơn, còn vật truyền nhiệt là vật mà các Hạt tự do dễ lưu thông và có sức cuốn hút Hạt tự do mạnh hơn. Mỗi khi chúng ta có cảm giác nóng là cơ thể chúng ta bị nguồn Hạt tự do dày đặc hơn và có tốc độ cao hơn từ

không khí hoặc các vật khác xâm nhập, khi chúng ta bị nám, bỏng, cháy, là cơ thể bị nguồn HẠT TỰ DO dày đặc và tốc độ quá cao từ các vật khác xâm nhập làm các tế bào bị phá hủy, và chúng ta có cảm giác lạnh là nguồn HẠT TỰ DO trong cơ thể chúng ta bị cuốn hút bởi không khí hoặc các vật có HẠT TỰ DO ít và chậm hơn. Việc ta có thể đo được nhiệt độ là nguồn HẠT TỰ DO trong vật được đo xâm nhập làm tăng thể tích của rượu hoặc thủy ngân trong nhiệt kế. Hoặc nguồn HẠT TỰ DO trong rượu hoặc thủy ngân bị cuốn hút bởi vật được đo, làm giảm thể tích rượu hoặc thủy ngân trong nhiệt kế.

Chùng đó đã đủ cho chúng ta thấy nhiệt độ là nguồn HẠT TỰ DO, là nguồn SIÊU VẬT THỂ trong vật thể, và chúng ta thấy rõ hơn như trong kỹ thuật điện lạnh, người ta dùng sức ly tâm để làm văng nguồn HẠT TỰ DO trong dung dịch làm lạnh hoặc trong nước mà giảm nhanh được nhiệt. Và người ta dùng lớp thủy ngân trắng sau lớp kiếng cộng với khoảng chân không của lớp bình thủy mà ngăn được nguồn HẠT TỰ DO của nước nóng khỏi bị cuốn hút ra ngoài, nên giữ được độ nóng của nước rất lâu. Ngược lại, bình đựng kem và bình nước đá là ngăn nguồn HẠT TỰ DO từ ngoài xâm nhập vào trong bình.

Vậy nhiệt độ là sự chiếm hữu của HẠT TỰ DO, là nguồn SIÊU VẬT THỂ trong vật thể, vật nóng hay lạnh tùy thuộc nguồn HẠT TỰ DO trong vật đó dày đặc và có tốc độ cao hoặc kém dày đặc và có tốc độ thấp hơn.

- TỪ TRƯỜNG.

Một số người cho rằng nhiệt độ của mặt đất được tạo nên bởi mặt trời lúc ban ngày được phóng tách ra ngoài

không gian vào ban đêm. Cách nhận xét đó không đúng, vì nguồn Hạt tự do chỉ bị cuốn hút bởi không khí và bốc lên tới độ cao nào đó thôi, chứ không thể phóng thoát ra ngoài không gian. Bởi nguồn Hạt tự do từ ánh sáng mặt trời và từ mọi vật phát sáng, sau khi đã biến thành nhiệt, cũng như nguồn Hạt tự do bởi các vật sinh nhiệt, vì nặng gấp hàng tỉ lần các vật nặng nhất so với tỉ lệ thể tích của chúng, nên nguồn Hạt tự do không thể thoát khỏi sức hút của trái đất mà chùng chất tích lũy từng giây từng phút đã nhiều tỉ năm, làm dày, rộng, và đặc chặt thêm môi dung Hạt tự do bao trùm từ ngoài trăm dặm cho tới tận tâm trái đất, càng sâu trong lòng đất càng đặc chặt và càng ngày càng đặc chặt thêm. Toàn thể trái đất từ không khí đến đất đá cỏ cây cùng mọi vật mọi loài đều chìm trong môi dung dày đặc Hạt tự do là môi dung siêu vật thể, giống như miếng bọt biển ngậm trong nước.

Còn phải biết thêm rằng: mọi định tinh, hành tinh, vệ tinh, từ khi hình thành đều bị bao bọc bởi vùng Hạt tự do nhiều ít tùy khối lượng của chúng, cho nên từng giây từng phút đều có nguồn phản ứng hạch tâm từ mặt trời và các vì sao tương tự, từ ánh sáng mặt trời không chỉ là nguồn proton được phóng đi, mà là nguồn Hạt tự do gồm tất cả các thành phần cấu tạo nên vật chất được phóng tỏa vào không gian. Và nguồn phát sáng từ nguyên liệu trên mặt đất cũng không thuần là electron, vì mọi vật đều chìm trong môi dung dày đặc Hạt tự do, nên nguồn phát sáng bởi củi, dầu, điện ..., cũng là nguồn Hạt tự do gồm đủ các thành phần cấu tạo nên vật chất.

Các nhà khoa học vẫn lầm tưởng rằng từ trường là tính của vật thể, tính của trái đất, của mặt trời và mọi tinh tú. Nhưng thật ra từ trường là khối SIÊU VẬT THỂ, nói đúng

hơn: môi dung dày đặc Hạt tự do là siêu vật thể tạo nên từ trường. Rất dễ nhận ra từ trường được tạo bởi môi dung Hạt tự do mà không phải tính của trái đất là người ta đã đo không gian của vùng ảnh hưởng từ trường của trái đất mà vẽ được hình dạng của nó: giống như ngọn đuốc trước làn gió mạnh, và phần đuôi nhọn luôn luôn ở vùng khuất mặt trời, như vậy nguồn Hạt tự do bao quanh trái đất bị nguồn Hạt tự do từ mặt trời THỎI, nếu không thì tại sao lại luôn có cái đuôi nhọn đó? Điều đó cho thấy rằng nguồn ánh sáng là siêu vật chất từ mặt trời mới thổi được nguồn siêu vật chất bao quanh trái đất. Và người ta còn thấy hình dạng của vùng từ trường trái đất bị thay đổi bởi “Gió mặt trời”, nhất là khi mặt trời tới thời kỳ “Bão lửa” thì vùng từ trường là khối Hạt tự do bao quanh trái đất bị nguồn Hạt tự do từ mặt trời thổi dữ dội hơn, là kéo dài thêm cái đuôi nhọn của vùng từ trường trái đất, như ngọn đuốc trước làn gió rất mạnh.

Từ chỗ chưa rõ về từ trường, người ta làm về máy phát điện chỉ là nam châm kích thích các electron liên kết các nguyên tử trong khối kim loại và đường dây mà tạo nên dòng điện, nhưng thử hỏi khi điện bị tiêu thụ: nguồn electron phóng vào không gian vô vàn vô số thì lấy electron ở đâu để bù cho các nguyên tử trong máy và đường dây, nếu không thì máy và đường dây sẽ bị hủy hoại trong chốc lát. Cho nên chúng ta phải hiểu tính năng của nam châm là cuốn hút electron, mà chúng ta thấy nam châm cuốn hút sắt thép là nam châm hợp với sắt thép; biến sắt thép thành nam châm để cuốn hút electron trong không gian của vùng từ trường. Và kim nam châm có hướng bắc nam là trong không gian của vùng từ trường luôn luôn có dòng electron sinh động theo hướng bắc nam, mà nam châm trở thành lõi đi của những dòng electron đó: Người

ta đã thí nghiệm: đặt một sợi dây đồng song song với một kim chỉ nam, rồi cho dòng điện chạy qua sợi dây đồng, thì kim nam châm liền đổi hướng mà chạm dây đồng đó. Rõ ràng là dòng electron theo hướng bắc nam trong không gian của vùng từ trường đang hướng kim nam châm theo hướng bắc nam, và khi chợt có dòng điện chạy qua sợi dây đồng thì kim nam châm đổi hướng để cuốn hút dòng electron mạnh hơn trong dây đồng đó...

Vậy phải hiểu về máy phát điện là khối nam châm cũng giống như cánh quạt của máy bơm nước, hoặc cánh quạt của máy thổi, là cuốn hút electron từ môi dung Hạt tự do của vùng từ trường, tổng vào đường dây mà tạo nên dòng điện, như ta đặt máy bơm nước hay đầu vòi của máy bơm nước chìm trong nước, hoặc cánh quạt của máy hút, máy thổi chìm trong không khí.

Cũng vì không nhận ra máy điện là do nam châm cuốn hút electron từ môi dung Hạt tự do tổng vào đường dây mà người ta đã không giải thích nổi hiện tượng mất điện một vùng rộng lớn (black out) xảy ra đây mấy năm tại Hòa Kỳ, là những máy điện vẫn chuyển động bình thường mà không có điện. Đó là nguồn electron cung ứng cho những máy điện khổng lồ của nước Mỹ bị gián đoạn trong không gian của vùng từ trường, như chiếc máy bơm bị cạn nguồn nước.

Và bên ngoài vùng từ trường là không gian chúng ta tưởng là chân không, thật ra nơi đó Hạt tự do thừa, vẫn tiếp tục bị cuốn hút bởi những vật thể.

Tóm lại, Hạt tự do quá nhỏ bé đến nỗi khi chúng không được kết hợp với nhau ở dạng vật chất và với tốc độ chậm

thì mắt con người không thấy đã vậy, mà kể cả những tia electron phóng đi với những máy móc tân kỳ hiện nay, vẫn không có phản ứng của sự va chạm với Hạt tự do được, cho nên các nhà khoa học vì quá tin vào tài năng của họ, quá tin vào máy móc hiện đại tân kỳ mà lầm rằng: Ngoài các vật thể và bầu không khí ra thì không còn gì khác. Đúng ra khối lượng Hạt tự do trong vùng từ trường bao quanh trái đất, mà chúng ta tưởng là không có gì đó, nếu được kết hợp theo cách kết cấu để trở thành vật chất, thì khối vật thể to lớn gấp vạn lần trái đất. Điểm này cho thấy sự quá mỏng manh của vũ trụ vật chất tưởng như không còn có gì hùng vĩ bằng và đời đời bền vững. Nhưng giả như tất cả các electron thuộc các nguyên tử của mọi vật thể đều chậm lại một chút thì không gian trở lại như mười lăm tỉ năm trước, nhường không gian cho thế giới siêu vật thể.

MẶT TRỜI.

Một trong khoảng 200 tỷ ngôi sao của dải Ngân Hà, thuộc một trong khoảng 100 tỷ thiên hà trong tầm nhìn của những viễn vọng kính, mặt trời là một ngôi sao gần trái đất nhất với khoảng cách 150 triệu cây số, thể tích hơn một triệu lần thể tích trái đất, đường kính gần 1 triệu 400 ngàn cây số, độ nóng phần lõi hàng triệu độ C, phần ngoài từ 5 đến 10 ngàn độ C. Mặt trời và cả hệ thống thái dương hình thành cách đây từ 5 đến 6 tỷ năm, từ một đám mây bụi và khí khổng lồ, và khoảng 5 tỷ năm nữa, khi đã phung phí hết năng lượng, mặt trời sẽ tàn lụi giống như cuộc đời mỗi người chúng ta cũng được sinh ra lớn lên rồi chết đi.

BẠCH CẦU (White Dwarf).

Như chúng ta cũng biết, nguồn năng lượng từ mặt trời được tạo bởi những phản ứng hạch tâm, mỗi giây tương đương bằng trăm trái bom hạch tâm, khoảng 1/10 khối lượng Hạt tự do từ những phản ứng hạch tâm đó được phóng tỏa vào không gian, mà trái đất chỉ nhận được dưới một phần tỷ, các nhà khoa học đã quên một điều là 9/10 khối lượng Hạt tự do còn lại bị cuốn hút tích lũy vào lòng mặt trời, từng giây từng giây như vậy đã ngoài 5 tỷ năm, vật chất càng mất đi thì siêu vật chất là nguồn Hạt tự do càng tăng. Tiếp tục như vậy 5 tỷ năm nữa, khi mặt trời cạn nguồn nhiên liệu để tạo năng lượng thì phần ngoài của mặt trời sẽ bành trướng thành to lớn, nhiệt độ giảm và đổi màu đỏ (Red Giant), sau đó áp suất mạnh hơn phía trong lòng mặt trời tổng ra làm phần ngoài nở tung thành đám mây bụi và khí, nhưng phần lõi của mặt trời chỉ bằng độ lớn của trái đất vẫn nguyên vẹn, tuy không còn tỏa sáng mà lại có trọng lượng tương đương trọng lượng mặt trời nên vẫn đủ sức để giữ trái đất và các hành tinh cùng các vệ tinh của chúng trong hệ thống mặt trời y như trước. Các nhà khoa học lầm rằng: Vật thể phần ngoài của mặt trời bị dòn ép vào phía trong mà tạo cho phần lõi ấy của mặt trời đặc chặt đến nỗi chỉ một muỗng cà phê cũng nặng hàng ngàn tấn. Sự thật, vật thể thì không có cách nào dòn ép để có thể đặc chặt đến thế, và dòn ép bằng nguyên do nào, mãnh lực nào? Chính các nhà không học cũng chỉ đặt dấu hỏi để đó mà chưa giải thích thỏa đáng. Nhưng phần lõi nhỏ bé có độ nặng và sức hút khủng khiếp đó của mặt trời được tạo bởi sự đặc chặt của khối siêu vật thể là nguồn Hạt tự do đã được tích lũy từ khi mặt trời hình thành. – Phải nói thêm rằng: Sự đặc chặt của siêu vật thể là vì các Hạt tự do không còn tốc độ và gắn bó tuyệt đối sát nhau, giống hệt như các hành tinh thuộc hệ thống mặt trời với tốc độ 30km/giây thì hệ thống mặt trời chiếm một khoảng

không gian bao la khủng khiếp như chúng ta thấy, nhưng giả tỷ tất cả các hành tinh đó không còn tốc độ mà gắn bó với mặt trời, thì khối thể đó nhỏ bé gấp tỉ tỉ lần so với không gian hệ thống mặt trời chiếm hữu trước đó, cho nên không lạ gì việc phần lõi của mặt trời chỉ nhỏ bé như trái đất mà lại đặc chặt đến nỗi có trọng lượng và sức hút tương đương với mặt trời lúc “sinh thời” – Sau khi phần ngoài của mặt trời bắn tóe thành đám mây bụi, phần lõi của mặt trời sẽ dần dần cuốn hút nguồn bụi và khí đó trở lại, cũng phải mất khoảng trăm triệu năm mới hoàn tất việc đó. Khi đã ổn định, phần lõi của mặt trời và những vì sao có cỡ lớn như mặt trời hoặc nhỏ hơn (khi tàn chết) sẽ nguội dần và có dáng bề ngoài giống như một hành tinh, đó là những BẠCH CẦU. (White Dwarf).

ẢO CẦU (Neutron Star).

Những vì sao càng lớn thì sự biến đổi vật chất của chúng từng giây từng phút từ vật thể sang siêu vật thể càng nhanh càng nhiều, cho nên những vì sao có tầm cỡ năm ba lần lớn hơn mặt trời, khi tới thời tàn chết thì còn lại phần lõi nhỏ hơn mà lại ngàn lần đặc chặt hơn Bạch Cầu, đến nỗi chỉ một muỗng cà phê cũng nặng hàng triệu tấn. Việc Ảo Cầu nhỏ hơn mà lại có trọng lượng và sức hút lớn hơn Bạch Cầu càng cho thấy sự lầm lẫn của các nhà khoa học về sự dồn ép vật thể phần ngoài vào phần lõi của các vì sao khi chúng tàn chết. Nhưng chúng ta hiểu Ảo Cầu là vật dày đặc nguồn Hạt tự do là nguồn siêu vật thể và vật thể thì còn lại rất ít.

SIÊU CẦU (Black Hole).

Những vì sao có tầm lớn cỡ hàng chục, hàng trăm lần mặt trời, khi tới thời chúng tàn chết thì phần ngoài nổ tung thành đám mây bụi và khí, phần lõi còn lại nhỏ hơn Bạch Cầu và Áo Cầu và trở thành khối thể đặc chặt hoàn toàn tinh rỗng là khối Hạt tự do, khối siêu vật thể, không bị pha trộn chút vật thể nào. Khối siêu vật thể này không còn phóng tỏa nguồn Hạt tự do và sức hút của nó mạnh đến nỗi nguồn Hạt tự do với tốc độ ánh sáng cũng không thoát khỏi để đến với chúng ta, nên trong điều kiện của những viễn vọng kính tối tân nhất hiện nay, nó vẫn tàng hình, đó là SIÊU CẦU. Mọi vật thể kể cả các vì sao khi xát gần Siêu Cầu đều bị cuốn hút vào nó, và liền tan rã thành siêu vật thể là nguồn Hạt tự do khi những vật thể đó đi qua VÙNG ĐỆM (Event Horizon). Một số vật thể chưa kịp tan rã thành siêu vật thể trong lúc vượt qua Vùng Đệm, khi chạm tới Siêu Cầu sẽ phát nổ vô cùng dữ dội, mới phát ra những tia Xray, các nhà thiên văn nhờ đó mà tìm thấy dấu vết của Siêu Cầu, đúng ra chỉ một số rất ít Xray thoát khỏi sức hút cực mạnh của Siêu Cầu đã vượt không gian và thời gian hàng tỷ năm mới đến được với chúng ta. Siêu cầu đặc chặt đến nỗi có những Siêu Cầu đường kính chỉ vài chục cây số đã có trọng lượng và sức hút gấp triệu lần mặt trời. Lại có những Siêu Cầu có trọng lượng với sức hút gấp tỷ lần mặt trời, cho nên có những Siêu Cầu đang nuốt hàng ngàn ngôi sao, và càng nuốt thì Siêu Cầu đó lại càng có trọng lượng lớn hơn và sức hút mạnh hơn, nên có thể có những Siêu Cầu dường như đang nuốt toàn bộ thiên hà mà Siêu Cầu đó là trung tâm. Các nhà khoa học cho biết rằng: Trung tâm Ngân Hà cũng có một Siêu Cầu rất lớn đang cuốn nuốt những ngôi sao trong vùng của nó và ngày càng tăng trọng lượng và sức hút.

SUNG NỔ (Big Bang).

Xảy ra cách cách đây khoảng 15 tỷ năm, Sung Nổ là một vụ nổ khủng khiếp không thể tưởng tượng nổi, đã tạo nên nhiệt độ hàng trăm triệu độ. Các nhà khoa học đã cho biết rằng từ sau khi có Sung Nổ thì vũ trụ được hình thành, mà họ không giải thích Sung Nổ là nổ cái gì? Nhưng nếu các bạn công nhận Nhiệt Độ là nguồn Hạt tự do, là siêu vật thể. Từ trường là môi dung Hạt tự do. Bạch Cầu là khối vật thể tích lũy đặc chặt siêu vật thể là nguồn Hạt tự do. Áo Cầu là khối vật thể tích lũy nguồn Hạt tự do đặc chặt gấp ngàn lần Bạch Cầu, các bạn cũng dễ hiểu Siêu Cầu là khối vật thể đặc chặt hoàn toàn là nguồn Hạt tự do của siêu vật thể, thì Sung Nổ chính là sự phát nổ của những khối siêu vật thể đặc chặt giống như Siêu Cầu mới tạo được vụ nổ to lớn mà nhiệt độ khủng khiếp như vậy. Vụ nổ đó đã tạo vận tốc cho nguồn Hạt tự do của siêu vật thể từ thế giới bên kia để chúng có điều kiện liên kết mà trở thành vật thể.

Chúng ta thấy rõ ràng Thiên Chúa dùng chính siêu vật chất từ thế giới thần linh của Người để làm thành vũ trụ vật chất. Vũ trụ chỉ hình thành sau vụ Sung Nổ tức là từ 15 tỷ năm nay, và vũ trụ chỉ tồn tại cho tới khi cạn nguồn năng lượng, là vận tốc của nguồn siêu vật thể đó chậm lại, tức khoảng 15 tỷ năm nữa mà thôi, trừ trường hợp bất thường như Chúa Giêsu đã phán về ngày chung tận: “Các quyền lực trên trời sẽ bị lay chuyển”, thì có thể vũ trụ vật chất này chấm tận sớm hơn.

Trên đây chỉ mượn những số liệu của các nhà khoa học mà chúng ta đã thấy thế giới siêu vật chất, thế giới thần linh, không mong mạnh mơ hồ mà vận lần vĩ đại, bền vững hơn thế giới này, và càng thực sự hiển hiện ngay

trước mắt chúng ta nếu chúng ta càng có những nhận thức khoa học đầy đủ.

Đề mục này chỉ nhằm mục đích giúp cho các bạn yêu khoa học thấy được rằng: niềm tin của chúng ta về linh hồn của con người, về Thiên Chúa và các thần thánh trong thế giới thần linh của Ngài, là hoàn toàn có cơ sở khoa học, không mò mẫm võ đoán vu vơ, do đó các bạn yên tâm mà ra sức tìm cách để chiếm đoạt Nước Trời.

2. THIÊN CHÚA TẠO DỰNG



Đoạn mở đầu sách Sáng Thế diễn đạt Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ vạn vật trong vòng sáu ngày, đã từng là đề tài cho nhiều người nhạo báng chê bai: nào tâm thường, phản khoa học, không ra đầu đuôi gì, chuyện tầm phào lảm cẩm... . Người đạo Chúa một số không để ý, có số cho rằng trí khôn mình chẳng thấm vào đâu, cứ tin Chúa là đủ rồi. Nhưng có người thắc mắc suy nghĩ sinh buồn phiền chán nản, thất vọng.

Vậy Kinh Thánh nói thế nào?

Sáng Thế 1, 1: “Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời đất. Đất còn trống rỗng, chưa có hình dạng, bóng tối bao trùm vực thẳm, và thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước.”

3- Thiên Chúa phán: “Phải có ánh sáng.” Liền có ánh sáng. Thiên Chúa thấy rằng ánh sáng tốt đẹp. Thiên Chúa phân rẽ ánh sáng và bóng tối. Thiên Chúa gọi ánh sáng là “ngày”, bóng tối là “đêm”. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ nhất.

6- Thiên Chúa phán: “Phải có một cái vòm ở giữa khối nước, để phân rẽ nước với nước.” Thiên Chúa làm ra cái vòm đó và phân rẽ nước phía dưới vòm với nước phía trên. Liền có như vậy. Thiên Chúa gọi vòm đó là “trời”. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ hai.

9- Thiên Chúa phán: “Nước phía dưới trời phải tụ lại một nơi, để chỗ cạn lộ ra. “Liền có như vậy. Thiên Chúa gọi chỗ cạn là “đất”, khối nước tụ lại là “biển”. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp.”

11- Thiên Chúa phán: “Đất phải sinh thảo mộc xanh tươi, cỏ mang hạt giống, và cây trên mặt đất có trái, ra trái tùy theo loại, trong có hạt giống.” Liền có như vậy. Đất trở sinh thảo mộc, cỏ mang hạt giống tùy theo loại, và cây ra trái, trong trái có hạt giống tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ ba.

14- Thiên Chúa phán: “Phải có những vầng sáng trên vòm trời, để phân rẽ ngày với đêm, để làm dấu chỉ xác định các đại lễ, ngày và năm. - Đó sẽ là những vầng sáng trên vòm trời để chiếu soi mặt đất.” Liền có như vậy. Thiên Chúa làm ra hai vầng sáng lớn: vầng sáng lớn hơn để điều khiển ngày, vầng sáng nhỏ hơn để điều khiển đêm; Người cũng làm ra các ngôi sao. Thiên Chúa đặt các vầng sáng trên vòm trời để chiếu soi mặt đất, để điều khiển ngày và đêm,

và để phân rẽ ánh sáng với bóng tối. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ tư.

20- Thiên Chúa phán: “Nước phải sinh ra đầy đầy những sinh vật lúc nhúc, và loài chim phải bay lượn trên mặt đất, dưới vòm trời.” Thiên Chúa sáng tạo các thủy quái khổng lồ, cùng mọi sinh vật vẫy vùng lúc nhúc dưới nước tùy theo loại, và mọi giống chim bay tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. Thiên Chúa chúc phúc cho chúng rằng: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy biển; và chim phải sinh sản cho nhiều trên mặt đất.” Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ năm.

24- Thiên Chúa phán: “Đất phải sinh ra các sinh vật tùy theo loại: gia súc, loài bò sát và dã thú tùy theo loại.” Liền có như vậy. Thiên Chúa làm ra dã thú tùy theo loại, gia súc tùy theo loại và loài bò sát dưới đất tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp.

26- Thiên Chúa phán: “Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm bá chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả mặt đất và mọi giống vật bò dưới đất.”

27- Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ.

28- Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất.”

29- Thiên Chúa phán: “Đây Ta ban cho các ngươi mọi thứ cỏ mang hạt giống trên khắp mặt đất, và mọi thứ cây có trái mang hạt giống, để làm lương thực cho các ngươi. Còn đối với mọi dã thú, chim trời và mọi vật bò dưới đất mà có sinh khí, thì Ta ban cho chúng mọi thứ cỏ xanh tươi để làm lương thực. Liền có như vậy.” Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp! Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ sáu.

Chương 2, 1: Thế là trời đất cùng với mọi thành phần đã hoàn tất. Ngày thứ bảy, Thiên Chúa đã hoàn thành công việc Người làm. Khi làm xong mọi công việc của Người, ngày thứ bảy, Thiên Chúa nghỉ ngơi.

3- Thiên Chúa ban phúc lành cho ngày thứ bảy và thánh hóa ngày đó, vì ngày đó Người đã nghỉ, ngưng làm mọi công việc sáng tạo của Người.

4- Đó là gốc tích trời đất khi được sáng tạo.

Thiên hạ phê bình chẳng sai, nếu theo nghĩa thường thì thật là lắm cảm, luộm thuộm, vòng vo Thế nhưng đừng lầm lẫn, vì đây là khoa học của Thiên Chúa, đây là công việc của Chúa Thánh Thần, Người đã dùng một cốt chuyện rất đơn sơ thô mộc như vậy, để ẩn chứa một công trình vĩ đại hơn cả việc tạo dựng trái đất, mà Chúa Giêsu Kitô đã dùng những dụ ngôn của Người để tiết lộ công trình đó: “Mở miệng ra Ta sẽ kể dụ ngôn, tiết lộ những bí nhiệm được giấu kín từ tạo thiên lập địa”:

St 1, 1: “Lúc khởi đầu, Thiên Chúa tạo dựng trái đất”: Câu đầu tiên này đã làm rất tốt việc xác định Thiên Chúa là Đấng tạo thành trái đất.

St 1, 2a: “Đất còn trống rỗng chưa có hình dạng”: Điểm son thứ hai là câu này quá khoa học: Ở thời điểm mà sách Sáng Thế đang được viết ra thì chưa ai có thể tưởng tượng nổi là vũ trụ vật chất chỉ mới hình thành khoảng mười lăm tỷ năm, mà người ta đều tưởng rằng vũ trụ đã có từ thuở đời đời và đời đời bền vững, thậm chí cho đến ngày nay người ta cũng không thể ngờ được rằng Thiên Chúa đã dùng nguyên liệu từ thế giới siêu vật thể của Ngài để tạo nên vũ trụ, thế mà đoạn này diễn đạt đúng việc đó.

St 1, 2b: “Bóng tối bao trùm vực thẳm”: “bóng tối” là quyền lực của ma quỷ: Lc 22, 53: “Ngày ngày Ta ở giữa các ngươi trong Đền thờ mà các ngươi không tra tay bắt. Nhưng đây là giờ của các ngươi và quyền lực tối tăm”, “vực thẳm”: Đọc dụ ngôn “Lazaro và người phú hộ”, có đoạn ông Ápraham nói với ông phú hộ: “Giữa ta đây và con có một vực thẳm rất lớn...” chúng ta mới hiểu được “vực thẳm” là hỏa ngục. Vậy trước khi Thiên Chúa tạo dựng trái đất thì quyền lực của ma quỷ bao trùm hỏa ngục.

St 1, 2c: “... Chúa Giêsu đáp: “Thật, tôi bảo thật ông: không ai có thể vào Nước Thiên Chúa, nếu không sinh ra bởi nước và Thần Khí. Cái bởi xác thịt sinh ra là xác thịt; cái bởi Thần Khí sinh ra là thần khí.” Nên chúng ta hiểu câu trên là: Công trình tạo dựng của Thiên Chúa về phần linh hồn cùng với sự sống thuộc trần thế.

St 1, 3: Thiên Chúa phán: “Phải có ánh sáng. Liền có ánh sáng”. Ánh sáng cần thiết nhất trong đời sống, nên chúng ta làm ngay thứ ánh sáng đó mà quên thứ ÁNH

SÁNG quan trọng gấp bội là: Thiên Chúa tạo dựng cả vũ trụ to lớn trùng trùng chỉ với mục đích tạo dựng con người. Thiên Chúa tạo dựng con người chỉ với mục đích cho chúng ta tu đức lập công để được sống hạnh phúc trong Nước Chúa. Cho nên việc đầu tiên Chúa tạo dựng ÁNH SÁNG để dẫn đưa chúng ta về cõi trường sinh, ÁNH SÁNG mà Chúa Kitô đã nói: “Ta là ánh sáng thế gian”. ÁNH SÁNG đó, là NHỮNG ĐỊNH LUẬT SIÊU NHIÊN. “Những định luật siêu nhiên” vô cùng cần thiết quan trọng nên Chúa đã tạo dựng đầu tiên.

St 1, 4-5: “Thiên Chúa thấy rằng ánh sáng tốt đẹp.”: Thiên Chúa sáng tạo những định luật siêu nhiên phát xuất từ lòng rất tốt lành, rất công bằng của Người mà Chúa Giêsu đã đến để công bố những định luật đó để thiên hạ thực hiện mà được ơn cứu độ.

St 1, 4b: “Thiên Chúa phân rẽ ánh sáng và bóng tối.”: Nghĩa thường thì chẳng làm gì phải phân rẽ ánh sáng với bóng tối, nhưng ở đây có nghĩa như Ga 1, 5: “Ánh sáng chiếu soi trong bóng tối, và bóng tối đã không diệt được ánh sáng.” Cho nên ÁNH SÁNG là sự công bằng, bác ái, chính trực... Còn bóng tối thì ngược lại là gian dối, ác độc, hận thù ...

St 1, 5a: “Thiên Chúa gọi ánh sáng là ‘ngày’, bóng tối là ‘đêm’” Ga 9, 4: “Chúng ta phải thực hiện công trình của Đấng đã sai Thầy, khi trời còn sáng; đêm đến, không ai có thể làm việc được.” Hoặc Ga 11, 9-10: “Chúa Giêsu trả lời: “Ban ngày chẳng có mười hai giờ đó sao? Ai đi ban ngày thì không vấp ngã, vì thấy ánh sáng mặt trời. Còn ai đi ban đêm, thì vấp ngã vì không có ánh sáng nơi mình!” Vậy “Ngày” là thời giờ, là giai đoạn mà Thiên

Chúa trong quyền lực của Ngài. “Đêm” là giai đoạn Thiên Chúa nhường lại quyền lực cho ma quỷ để chúng ta có cơ hội mà lập công phúc: Lc 22, 53: “Ngày ngày, tôi ở giữa các ông trong Đền Thờ, mà các ông không tra tay bắt. Nhưng đây là giờ của các ông và quyền lực của tối tăm”.

St 1, 5: “Qua một buổi chiều và một buổi sáng: Đó là ngày thứ nhất.” Thiên Chúa đã tạo dựng “Ánh sáng” là việc quan trọng nhất, cho nên sáu ngày là thứ tự từ việc quan trọng nhất đến việc quan trọng thứ sáu.

St 1, 6: “Thiên Chúa phán: “Phải có một cái vòm ở giữa khối nước, để phân rẽ nước với nước.” Thiên Chúa làm ra cái vòm đó và phân rẽ nước phía dưới vòm với nước phía trên. Liền có như vậy. Thiên Chúa gọi vòm đó là “trời”. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ hai.”: “Nước” là sự sống phần xác, “Cái vòm” là không khí, đó là sự tạo dựng linh hồn. Vậy “Trời” phải hiểu là linh hồn, “Nước phía trên vòm” là con người có linh hồn nên khác biệt với “Nước phía dưới vòm” là con vật. Việc quan trọng thứ hai mà Kinh Thánh nói đến là “Ngày thứ hai”.

St 1, 9-10: “Thiên Chúa phán: “Nước phía dưới trời phải tụ lại một nơi, để chỗ cạn lộ ra.” Liền có như vậy. Thiên Chúa gọi chỗ cạn là “đất”, khối nước tụ lại là “biển”. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp.”: Đọc đoạn Giavê Thiên Chúa rửa con rắn: “Người hãy lê bụng và ăn đất bụi mọi ngày trong đời người”, nên chúng ta hiểu “đất” là sự chết, “biển” là nước, là sinh vật. Ý nói mọi loài, kể cả loài người, được sinh ra rồi phải chết đi, thời gian của một đời đủ để lập công phúc mà vào được Nước Chúa. Đó là cách

tạo dựng tốt đẹp của Chúa: “Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp”.

St 1, 11-13: “Thiên Chúa phán: “Đất phải sinh thảo mộc xanh tươi, cỏ mang hạt giống, và cây trên mặt đất có trái, ra trái tùy theo loại, trong có hạt giống.” Liền có như vậy. Đất trở sinh thảo mộc, cỏ mang hạt giống tùy theo loại, và cây ra trái, trong trái có hạt giống tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ ba.”: Dụ ngôn Chúa Giêsu: Lc 6, 43-45: “Không có cây nào tốt mà lại sinh quả xấu, cũng chẳng có cây nào xấu mà lại sinh quả tốt. Thật vậy, xem quả thì biết cây. Ở bụi gai, làm sao bẻ được vả, trong bụi rậm, làm gì hái được nho!” Cũng như St 2, 9: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa khiến từ đất mọc lên đủ mọi thứ cây trông thì đẹp, ăn thì ngon, với cây trường sinh ở giữa vườn, và cây cho biết điều thiện điều ác.” Nên “cây”, “cỏ” ở đây là những việc làm. Ý Kinh Thánh là tất cả những việc chúng ta làm từ lớn tới nhỏ, từ tốt tới xấu đều di truyền hậu quả của nó, như vậy không chỉ tội bị truyền, mà phúc cũng được truyền.

St 1, 14-19: “Thiên Chúa phán: “Phải có những vầng sáng trên vòm trời, để phân rẽ ngày với đêm, để làm dấu chỉ xác định các đại lễ, ngày và năm. Đó sẽ là những vầng sáng trên vòm trời để chiếu soi mặt đất.” Liền có như vậy. Thiên Chúa làm ra hai vầng sáng lớn: vầng sáng lớn hơn để điều khiển ngày, vầng sáng nhỏ hơn để điều khiển đêm; Người cũng làm ra các ngôi sao. Thiên Chúa đặt các vầng sáng trên vòm trời để chiếu soi mặt đất, để điều khiển ngày và đêm, và để phân rẽ ánh sáng với bóng tối. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ tư.”

Như phân trên đã nói “ánh sáng” là những định luật siêu nhiên của Thiên Chúa, thì chúng ta thấy rõ hơn: vầng sáng được kể là từng định luật của Thiên Chúa: “Thiên Chúa đặt các vầng sáng trên vòm trời để chiếu soi mặt đất, để điều khiển ngày và đêm, và để phân rẽ ánh sáng với bóng tối”: Thiên Chúa tạo dựng những định luật để giám sát, xét xử, thưởng phạt mọi người, như Chúa Giêsu đã phán: Ga 12, 47-48: “Tôi đến không phải để xét xử thế gian, nhưng để cứu độ thế gian. Ai từ chối tôi và không đón nhận lời tôi, thì có quan tòa xét xử người ấy: chính lời tôi đã nói sẽ xét xử người ấy trong ngày sau hết.”, vì Lời Chúa Kitô bao gồm những định luật.

Đặc biệt Kinh Thánh nói đến hai vầng sáng lớn như mặt trời với mặt trăng để soi sáng ban ngày và ban đêm: Hai định luật lớn, định luật lớn hơn là “Có mới được cho” để điều khiển “ban ngày” là thời giờ, công việc trong quyền lực của Thiên Chúa. Còn định luật nhỏ hơn là hai định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng” và định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” cộng lại, là định luật “Vay trả” để điều khiển “ban đêm” là lúc, là việc thuộc quyền lực ma quỷ. Những vì sao được kể là những vầng sáng nhỏ là các định luật thật ra cũng không phải nhỏ mà nó cũng như các vì sao xa xăm nên không soi sáng bằng những định luật trên, hoặc những câu, những ví dụ vô cùng cần thiết quan trọng của Chúa Kitô: “Tha sẽ được tha”, “Nâng mình lên sẽ bị hạ xuống”, “Yêu sự sống mình thì sẽ mất”, “Muốn người ta làm gì cho mình thì cũng làm cho người ta như vậy”, Hãy có lòng nhân từ, như Cha các con là Đấng nhân từ”... .

St 1, 20-23: “Thiên Chúa phán: “Nước phải sinh ra đầy dẫy những sinh vật lúc nhúc, và loài chim phải bay lượn trên mặt đất, dưới vòm trời.” Thiên Chúa sáng tạo các thủy quái khổng lồ, cùng mọi sinh vật vẫy vùng lúc nhúc dưới nước tùy theo loại, và mọi giống chim bay tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. Thiên Chúa chúc phúc cho chúng rằng: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy biển; và chim phải sinh sản cho nhiều trên mặt đất.” Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ năm.” Mt 10, 16: “Này, Thầy sai anh em đi như chiên đi vào giữa bầy sói. Vậy anh em phải khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu.” Hoặc cụ thể hơn như St 3, 1: “Rắn là loài xảo quyệt nhất trong mọi giống vật ngoài đồng”. Đó là Kinh Thánh dùng hình ảnh những con vật để chỉ người tốt kẻ xấu, người hiền kẻ dữ, chứ rắn chẳng có gì là khôn. Cho nên chúng ta hiểu Thiên Chúa không sinh con người hoàn toàn tốt lành hiền lương mà sinh người hiền kẻ dữ, người thiện kẻ ác tùy nguồn gốc dòng giống. Và cuối cùng chúng ta lại vẫn thấy có câu “Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp”: có nghĩa rằng dù Chúa sinh không đồng đều như thế nhưng với những định luật công bằng của Thiên Chúa thì mọi sự đều tuyệt đối công bằng.

St 1, 24-25: “Thiên Chúa phán: “Đất phải sinh ra các sinh vật tùy theo loại: gia súc, loài bò sát và dã thú tùy theo loại.” Liền có như vậy. Thiên Chúa làm ra dã thú tùy theo loại, gia súc tùy theo loại và loài bò sát dưới đất tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp”: Đoạn này diễn đạt Chúa sinh đủ mọi loại người.

St 1, 26: “Thiên Chúa phán: “Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm bá chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả

mặt đất và mọi giống vật bò dưới đất.”: Chúa tạo dựng con người giống hình ảnh Chúa là tạo dựng con người có linh hồn. Hãy xem phần giải thích này trong mục “Linh hồn”. Và vì có linh hồn nên con người thông thái hiểu biết hơn hẳn còn vật nên có thể làm bá chủ mọi loài, và “mọi loài” ở đoạn này phải hiểu theo nghĩa đen vì đoạn này xác định rằng: con người có linh hồn.

St 1, 27a: “Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình”: Thiên Chúa sinh con người có linh hồn.

St 1, 27b: “Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa”: con người có linh hồn, có trí thông minh hiểu biết để có thể đến được với Thiên Chúa, khác hẳn với loài vật không biết gì ngoài cuộc sống thể xác của nó.

St 1, 28: “Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất.”: Quả thật con người đã sinh sôi nảy nở đầy mặt đất và thống trị mọi loài, vì con người có linh hồn nên khôn ngoan thông thái.

St 1, 29: “Thiên Chúa phán: “Đây Ta ban cho các người mọi thứ cỏ mang hạt giống trên khắp mặt đất, và mọi thứ cây có trái mang hạt giống, để làm lương thực cho các người. Còn đối với mọi dã thú, chim trời và mọi vật bò dưới đất MÀ CÓ SINH KHÍ, thì Ta ban cho chúng mọi thứ cỏ xanh tươi để làm lương thực. Liên có như vậy.” Thiên Chúa thấy mọi sự Ngài đã làm ra quả là rất tốt đẹp! Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ sáu.” Cỏ mang hạt giống, cây trái mang hạt giống, là những việc lớn nhỏ chúng ta làm đều mang lại những hiệu quả công phúc để có thể nên lương thực cho linh hồn

chúng ta. Câu “Còn đối với mọi dã thú, chim trời và mọi vật bò dưới đất MÀ CÓ SINH KHÍ, thì Ta ban cho chúng mọi thứ cỏ xanh tươi để làm lương thực”. “Có sinh khí” là có linh hồn, câu này xác định rất rõ cho chúng ta hình tượng các con vật là người tốt kẻ xấu, người hiền kẻ dữ. Còn Chúa ban “Cỏ xanh tươi” thì như lời nguyện của Thiên Chúa khi con người sa ngã: St 3, 18: “Đất đai sẽ trở sinh gai góc cho người, người sẽ ăn cỏ ngoài đồng.” vậy “Cỏ” không phải thức ăn tốt để nuôi sống linh hồn. Mà thức ăn tốt phải là “Cây trái” (là “Bánh”).

St 2, 1-4: “Thế là trời đất cùng với mọi thành phần đã hoàn tất. Ngày thứ bảy, Thiên Chúa đã hoàn thành công việc Người làm. Khi làm xong mọi công việc của Người, ngày thứ bảy, Thiên Chúa nghỉ ngơi.”

Thiên Chúa ban phúc lành cho ngày thứ bảy và thánh hóa ngày đó, vì ngày đó Người đã nghỉ, ngưng làm mọi công việc sáng tạo của Người.

Đó là gốc tích trời đất khi được sáng tạo.

Thiên Chúa chúc lành và thành hóa ngày thứ bảy, mà người Do Thái giữ luật ngày Sabat, thì đó là nghĩa gằn của Kinh Thánh, nhưng còn ý nghĩa của: “Thiên Chúa ngưng mọi công việc sáng tạo của Người” và “Ngày thứ bảy, Thiên Chúa nghỉ ngơi”: Có nghĩa là Thiên Chúa đã tạo dựng NHỮNG ĐỊNH LUẬT, nên Ngài không thể làm gì khác hơn là căn cứ tuyệt đối vào những định luật đó mà theo dõi nhìn ngắm, che chở bảo bọc, dạy dỗ ủi an, để dẫn đưa chúng ta về với Ngài. Rồi khi chính Con Một Ngài xuống thế làm người, thì Chúa Giêsu Kitô không chỉ công bố loan truyền, răn dạy cặn kẽ những định luật của Thiên Chúa Cha, mà Người còn thực hành nghiêm chỉnh những định luật đó.

3. AĐAM – EVÀ



St 2, 4b: “Ngày ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa làm ra đất và trời, chưa có bụi cây ngoài đồng nào trên mặt đất, chưa có đám cỏ ngoài đồng nào mọc lên, vì ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa chưa cho mưa xuống đất và không có người để canh tác đất đai. Nhưng có một dòng nước từ đất trào lên và tưới khắp mặt đất. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật. Rồi ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa trồng một vườn cây ở Êđên, về phía đông, và đặt vào đó con người do chính mình nặn ra. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa khiến từ đất mọc lên đủ mọi thứ cây trông thì đẹp, ăn thì ngon, với cây trường sinh ở giữa vườn, và cây cho biết điều thiện điều ác. Một con sông từ Êđên chảy ra tưới khu vườn, và từ đó chia thành bốn nhánh. Tên nhánh thứ nhất là Pisôn, nó bao quanh tất cả đất Kha-vi-la là nơi có vàng; vàng ở đất này tốt, tại đó có nhũ hương và đá ngọc. Tên nhánh thứ hai là Ghikhôn; nhánh này bao quanh

tất cả đất Cút. Tên nhánh thứ ba là Tíchra; nhánh này chảy ở phía đông Átsua. Còn nhánh thứ bốn là Êuphorát. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa đem con người đặt vào vườn Êđen, để cây cây và canh giữ đất đai. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa truyền lệnh cho con người rằng: “Hết mọi trái cây trong vườn, người cứ ăn; nhưng trái của cây cho biết điều thiện điều ác, thì người không được ăn, vì ngày nào người ăn, chắc chắn người sẽ phải chết.” ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa phán: “Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy đất nặn ra mọi dã thú, mọi chim trời, và dẫn đến với con người, xem con người gọi chúng là gì: hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì tên nó sẽ là thế. Con người đặt tên cho mọi súc vật, mọi chim trời và mọi dã thú, nhưng con người không tìm được cho mình một trợ tá tương xứng. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa cho một giấc ngủ mê ập xuống trên con người, và con người thiếp đi. Rồi Chúa rút một cái xương sườn của con người ra, và lấp thịt thế vào. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và dẫn đến với con người. Con người nói: “Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi! Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì đã được rút từ đàn ông ra.” Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt. Con người và vợ mình, cả hai đều trần trụi mà không xấu hổ trước mặt nhau.

Cũng như phần trên của sách Sáng Thế, đoạn Kinh Thánh đầy thú vị mộng mơ này ẩn chứa những công việc vô cùng trọng đại của Thiên Chúa:

St 2, 4b-6: “Ngày ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa làm ra đất và trời, chưa có bụi cây ngoài đồng nào trên mặt đất,

chưa có đám cỏ ngoài đồng nào mọc lên, vì ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa chưa cho mưa xuống đất và không có người để canh tác đất đai. Nhưng có một dòng nước từ đất trào lên và tưới khắp mặt đất.”: Nước là sinh vật, là sự sống, “Chưa cho mưa xuống đất” là Thiên Chúa chưa tạo dựng sự sống. Có số người không tin có Thiên Chúa, vì thế cả một vũ trụ trùng trùng mà họ cho là tự nhiên mà có. Điều đó ngàn lần khó tin hơn là tin có một Đấng Thần Linh quyền năng tạo nên nó. Và đương nhiên họ cho là đất đai tự nó sinh ra thảo vật, thực vật rồi tiến hóa thành động vật và con người. Nếu Chúa sáng tạo cách đó thì Thiên Chúa càng tài năng, quyền phép hơn. Nhưng đoạn Kinh Thánh này xác định sự sáng tạo vật thể hoàn toàn tách rời khỏi sự sáng tạo sự sống. Câu “Nhưng có một dòng nước từ đất trào lên tưới khắp mặt đất”: sự sáng tạo sự sống là “Dòng nước” sau khi đất đã sẵn sàng tiếp nhận sự sống. Và qua những kết quả thí nghiệm của khoa học, thì thực sự là như vậy.

St 2, 7: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật”: Thiên Chúa tạo dựng con người bằng “Bụi từ đất” là bằng các hợp chất từ vật chất. “Thổi sinh khí vào lỗ mũi” là tạo dựng một linh hồn để kết hợp với thân xác đó. Và “Con người trở nên một sinh vật”: Câu này bị hiểu lầm là sinh vật thể xác, nhưng Kinh Thánh nói về sinh linh thuộc thể giới thần linh. Đây là câu Kinh Thánh căn bản, xác định con người có linh hồn.

St 2, 8: “Rồi ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa trồng một vườn cây ở Êđen, về phía đông, và đặt vào đó con người do chính mình nặn ra.”: “Phía đông” là sinh ra, lớn lên, phát triển. “Êđen” là sự bình an Thiên Chúa phú bẩm cho

những kẻ ngây thơ trong trắng, khiêm hạ tốt lành. Khi phạm tội, con người bị đuổi ra khỏi Êđên là sự bất an của kẻ phạm tội.

St 2, 9: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa khiến từ đất mọc lên đủ mọi thứ cây trông thì đẹp, ăn thì ngon, với cây trường sinh ở giữa vườn, và cây cho biết điều thiện điều ác.”: Cây có lẽ là những việc lớn nhỏ, tốt xấu do chúng ta làm. Cây trường sinh là những việc lành thánh sinh công phúc để đạt tới cuộc sống vĩnh cửu đời đời. Cây biết điều thiện điều ác là những việc gây nên tội lỗi.

St 2, 10-14: “Một con sông từ Êđên chảy ra tưới khu vườn, và từ đó chia thành bốn nhánh. Tên nhánh thứ nhất là Pisôn, nó bao quanh tất cả đất Khavila là nơi có vàng; vàng ở đất này tốt, tại đó có nhũ hương và đá ngọc. Tên nhánh thứ hai là Ghikhôn; nhánh này bao quanh tất cả đất Cút. Tên nhánh thứ ba là Tichra; nhánh này chảy ở phía đông Átsua. Còn nhánh thứ bốn là Êphorát.”: “Một con sông từ Êđên” là nguồn sự sống. Bốn nhánh sông trên là bốn đại lục địa phát sinh sự sống. Vàng tốt, nhũ hương và đá ngọc: là nơi phát sinh những ân sủng lớn lao: những truyền thống phụng thờ Chúa, đạo giáo.

St 2, 15: ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa đem con người đặt vào vườn Êđên, để cày cấy và canh giữ đất đai.”: “Cày cấy” là gieo trồng như dụ ngôn “Gieo giống” của Chúa Giêsu Kitô là lập công phúc. “Đất đai” ở đây là sự chết phần xác, “Canh giữ đất đai” là cái chết đến bất cứ lúc nào. Vậy đoạn trên có nghĩa là Chúa cho chúng ta cuộc sống hoặc dài hoặc ngắn, mà chúng ta phải ra sức lập công để linh hồn đạt tới hạnh phúc Nước Trời.

St 2, 16-17: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa truyền lệnh cho con người rằng: “Hết mọi trái cây trong vườn, người cứ ăn; nhưng trái của cây cho biết điều thiện điều ác, thì người không được ăn, vì ngày nào người ăn, chắc chắn người sẽ phải chết.”: con người được làm những việc lành thiện, nếu làm những việc xấu xa, tội lỗi thì sẽ mất phúc Nước Trời.

St 2, 18: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa phán: “Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó.”: Đây là bắt đầu vào đoạn Kinh Thánh mà Chúa Giêsu đã nói: “Sự Thiên Chúa đã liên kết thì loài người không được phân ly”, cho nên Người ra luật rất gắt: “Ai rẫy vợ là phạm tội ngoại tình, và ai cưới người đàn bà bị rẫy cũng phạm tội ngoại tình”. Và Giáo Hội đã thực thi luật này cách nghiêm chỉnh theo lời Chúa Giêsu đã truyền dạy, chính điếm này mà nhiều người ngại gia nhập Giáo Hội, thậm chí nhiều người đã liêu bỏ Giáo Hội. “Con người ở một mình thì không tốt”: Trước hết người đàn ông phải biết yêu thương, và đối xử với người đàn bà thật bình đẳng, công bằng, vì thiếu họ thì “Không tốt” là chỉ riêng cuộc sống vật chất đã khó khăn chật vật. Có số người tin Kinh Thánh mà không hiểu ý nghĩa đoạn này chính là giới răn của Thiên Chúa, nên xử bất công; bất bình đẳng với người đàn bà, có khi coi họ như con ăn người ở, như nô lệ, thay vì coi vợ chồng là người bạn trên đường nhân đức để an ủi, giúp đỡ, dẫn đưa nhau về quê trời: “Ta sẽ làm cho nó một trợ tá xứng với nó”, câu này cũng là câu khuyên người vợ hãy yêu thương, tôn trọng và chung thủy, xứng đáng là người trợ giúp chồng trên đường về Nước Chúa.

St 2, 19-20: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy đất nặn ra mọi dã thú, mọi chim trời, và dẫn đến với con người, xem con người gọi chúng là gì: hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì tên nó sẽ là thế. Con người đặt tên cho mọi súc vật, mọi chim trời và mọi dã thú, nhưng con người không tìm được cho mình một trợ tá tương xứng.”: Các con vật: “Mọi dã thú, mọi chim trời” là tha nhân. “Đặt tên” là sự đối xử, sự tôn trọng. “Hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì tên nó sẽ là thế”, trong khi: “Nàng sẽ được gọi là ‘Đàn bà’” với lý do: “Vì đã được rút ra từ đàn ông”: Có nghĩa là tình yêu giữa vợ chồng phải hơn hẳn tha nhân, kể cả cha mẹ, anh chị em.

St 2, 21-23: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa cho một giấc ngủ mê ập xuống trên con người, và con người thiếp đi. Rồi Chúa rút một cái xương sườn của con người ra, và lấp thịt thế vào. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và dẫn đến với con người. Con người nói: “Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi! Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì đã được rút từ đàn ông ra.”: Nếu chúng ta hiểu xương sườn người đàn ông làm nên người đàn bà theo nghĩa đen thì thật là thần thoại hoang đường quá, và nếu chúng ta hiểu là sự kết hợp giữa hai thân xác, cũng chưa đúng. Nhưng đây Kinh Thánh muốn nói đến sự kết hợp linh hồn giữa hai vợ chồng: “Phen, này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi”. “Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì đã được rút từ đàn ông ra”: Vợ chồng phải hết lòng yêu thương quý trọng vì hai linh hồn được kết hợp gắn bó với nhau.

St 2, 24: “Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt.”: Câu

này bị hiểu ngay về sự từ bỏ cha mẹ để vợ chồng gắn bó chung sống, nhưng ý của Kinh Thánh là: Khi đã thành vợ thành chồng thì linh hồn người ta không còn liên kết gắn bó với cha mẹ nữa, và tội lỗi của cha mẹ cũng không lây hưởng đến họ nữa, mà linh hồn vợ chồng gắn bó kết hợp với nhau.

St 2, 25: “Con người và vợ mình, cả hai đều trần trướng mà không xấu hổ trước mặt nhau.”: linh hồn vợ chồng gắn bó kết hợp, nên mọi suy nghĩ, lời nói, việc làm đều lây hưởng lẫn nhau, và vợ chồng phúc cùng hưởng, tội cùng chịu. Việc này không phải là vô căn cứ, nhưng hãy kiểm chứng cách thực tế cũng có thể thấy rất rõ: Anh chị em trong gia đình thường tính tình có phần giống nhau, nhưng khi đã thành hôn thì tính nết mỗi người thường thay đổi theo người phối ngẫu. Cho nên những ai có phúc, chẳng hạn giữ đạo; tuân giữ Lời Chúa, thì lây hưởng những đức tính mà trở nên tốt lành đạo hạnh, thêm công phúc trước mặt Chúa.

Tóm lại, đoạn Kinh Thánh trên là giới răn của Thiên Chúa dạy: Vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng và chung thủy với nhau trong mọi hoàn cảnh cho đến trọn đời.

4. TỘI TỔ TÔNG



Theo sách Sáng Thế, nếu tính dòng dõi từ Thiên Chúa tạo dựng trời đất cùng Adam và Eva đến thời chúng ta thì chưa đầy mười ngàn năm, nhưng khoa học chứng minh rõ ràng: vũ trụ đã xuất hiện từ mười lăm tỷ năm, sinh vật đã phát triển hàng trăm triệu năm, vậy câu chuyện Adam Eva nếu hiểu theo nghĩa thường là tổ phụ nhân loại thì thật là vô lý, phản khoa học. Còn “Tội Tổ Tông” là chuyện con rắn dụ bà Eva nên hai ông bà cùng ăn trái cấm rồi bị đuổi ra khỏi Êđên, từ đó con cháu bị tội truyền mà mất hạnh phúc và phải chết, nếu hiểu theo nghĩa thường thì càng thần thoại hoang đường hơn. Ngày nay ai cũng biết trên thế giới có nhiều màu da, nhiều sắc tộc, cho dù người dễ tin nhất cũng không thể tin được rằng nhân loại khắp năm châu lại có thể cùng một cha mẹ sinh ra.

Nhưng về việc tạo dựng con người: St 2, 7: “Thiên Chúa lầy bụi từ đất nặn nên Adam...” Tại sao không phải là đất sét, đất thó, mà lại lấy BỤI từ đất, cho nên đó cũng là ngụ ý của Kinh Thánh: Khắp năm châu, con người với mọi màu da, mọi sắc tộc, phát xuất từ nhiều vùng phong

thổ, địa lý khác nhau, nếu nhìn cách khoa học về nguồn gốc, chúng ta thấy đất nào người đó, thật là “Bụi từ đất”. Vậy Adam Evà phải được hiểu là nhân loại, đúng hơn Adam là mỗi người đàn ông, Evà là mỗi người đàn bà, mọi người đều là con cháu, và mọi người đều có thể trở thành tổ phụ. Vậy tội tổ tông phải hiểu như sau:

Á Đông ta, nhiều người có tập quán tốt là khi mang thai, người đàn bà được căn dặn, nhắc nhở để giữ gìn cẩn thận việc ăn uống, đi đứng, nghỉ ngơi để dưỡng thai, và còn được căn dặn phải giữ lời ăn tiếng nói, cách ăn ở dịu dàng nhã nhặn, làm những việc phước đức ..., để đưa con sinh ra được hưởng phước của người mẹ mà tốt lành cả thể xác lẫn tinh thần. Đó là cách dưỡng dục đứa trẻ ngay từ trong bụng mẹ, trăm phần trăm khoa học, không hề sai chút nào. Người ta nói: “Cha mẹ hiền lành để đức cho con”. Thật vậy, hãy xét một cách khoa học: khi cưu mang đứa nhỏ, cha mẹ chăm môn toán đứa con lớn lên cũng có phần giỏi toán, cha mẹ say mê âm nhạc đứa con lớn lên cũng mê cũng giỏi âm nhạc Cho đến việc cha mẹ thẳng thắn trung thực: đứa con cũng sẽ ngay thẳng, cha mẹ đạo đức tốt lành đứa con cũng có chiều ngoan ngoãn lễ phép ..., đó là phúc đức được truyền. Nhưng ngược lại, khi mang thai đứa trẻ, cha mẹ ăn ở không ngăn nắp đứa con sinh ra cũng bừa bãi, cha mẹ hay xung khắc va chạm đứa con sinh ra cũng ương ngạnh, cha mẹ hay gian tham đứa con sinh ra cũng tắt mắt, cha mẹ hay lừa lộng đứa con sinh ra cũng dối gạt, cha mẹ dâm ô lang chạ đứa con cũng sẽ hoang đàng... . Đó là những việc xảy ra mà có thể kiểm chứng cách khoa học sự lan truyền của phúc đức cũng như tội lỗi qua dòng dõi máu huyết, qua thân kinh tâm não của cha mẹ sang con cái cháu chắt. Và chúng ta thấy có những người sinh năm bảy đứa con, mà mỗi đứa một tính một

nét, người ta liền đổ cho trời: “Cha mẹ sinh con trời sinh tính”. Thật ra, hãy kiểm chứng lại, chúng ta sẽ thấy rõ ràng: người ta sinh ra từng đứa con trong từng giai đoạn của cuộc đời, mọi việc người ta suy nghĩ, hành động qua các giai đoạn đó, từ gia đình đến xã hội, từ sinh hoạt trí tuệ đến thể lực, từ sinh hoạt tình dục đến đạo đức hay tội lỗi ..., đều ảnh hưởng lây lan đến tính nết từng đứa con. Cho nên nhiều người sinh ra là đã mang sẵn trong mình mầm mống tội lỗi, chứng này tật nọ, như dâm ô, ham danh hám lợi, gian dối, tật mắt, ác độcNhưng chưa hết, tội còn bị lan truyền trong thời gian đứa trẻ được nuôi dạy không chỉ qua gương mù gương xấu, mắt thấy tai nghe mà còn lây lan qua tư tưởng suy nghĩ, qua linh hồn của cha mẹ sang con cái cách chính xác trăm phần trăm, dù con cái không hề thấy, không hề biết các việc cha mẹ làm, dù che đậy ngăn ngừa cách mấy thì chứng tật, tội lỗi của cha mẹ vẫn lây truyền cho con cái mà không có cách gì thay đổi được: Vì thường thì không ai để ý, nhưng có nhiều việc xảy ra cách kỳ lạ giữa cha mẹ và con cái, chẳng hạn có trường hợp người mẹ bị tai nạn, đứa con ở xa hàng trăm dặm mà giây phút đó bị chao đảo như điện giật. Hoặc nhiều trường hợp đứa con bị rủi ro phương xa, quê nhà cha mẹ ruột gan bồi hồi nóng nảy Người ta giải thích đó là sự truyền giao cách cảm, hoặc như trong người có luồng nhân điện. Nhưng xét cách khoa học: linh hồn giống như một nguồn điện, mà nguồn điện đó là một sinh thể như các sinh linh trong thế giới thần linh mà Kinh Thánh đã diễn đạt: “Chúng ta tạo nên con người giống hình ảnh chúng ta”. Cho nên linh hồn không phải là nguồn điện tầm thường, mà linh hồn là sự tác tạo linh diệu của Chúa Thánh Thần, Đấng ban sự sống đời đời, sự sống ấy kết hợp với thân xác, được hưởng những công phúc và chịu những hậu quả tội lỗi của thân xác, nhưng linh hồn có

những hoạt động vượt khỏi thân thể, như Chúa Giêsu đã phán trong Thông điệp Tình Yêu Nhân Hậu rằng thân xác bà Margarita nghỉ ngơi, nhưng linh hồn bà vẫn thờ lạy Chúa. Cho nên tội lỗi bị lây truyền qua máu thịt xương tủy, qua mắt thấy tai nghe gương mù gương xấu và qua linh hồn cha mẹ bao trùm liên kết với linh hồn con cái, đó là điều có thể kiểm nghiệm cách thực tế và khoa học.

Tội truyền với Kinh Thánh.

Sách Sáng Thế. Chương ba, về sự sa ngã của Adam Evà gồm 24 đoạn.

St 3, 1: Rắn là loài xảo quyết nhất trong mọi giống vật ngoài đồng, mà ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa đã làm ra. Nó nói với người đàn bà: “Có thật Thiên Chúa bảo: Các ngươi không được ăn hết mọi trái cây trong vườn không?”

Nhiều người hiểu rắn biết nói như trong truyện thần thoại. Nhưng Kinh Thánh dùng hình ảnh “Giống vật ngoài đồng” để chỉ người lành kẻ dữ, và như lời thánh Gioan Tẩy Giả: “Loài rắn độc kia, ai đã chỉ cho các ngươi trốn con thịnh nộ của Thiên Chúa sắp giáng xuống vậy?” Hoặc như Chúa Giêsu: “Đồ mãng xà, loài rắn độc kia, các ngươi trốn đâu cho khỏi hình phạt hỏa ngục.” Do đó, chúng ta hiểu rắn là kẻ tội lỗi, là sự tội, là chước cám dỗ, là gương mù gương xấu. Và con rắn đã hỏi Evà: “Có thật Thiên Chúa bảo các ngươi không được ăn trái cây giữa vườn không? Đó là con rắn muốn khích Evà: mọi trái cây sinh ra là để ăn chứ để làm gì? – Có nghĩa rằng sự tinh quái trong chước cám dỗ là người ta tìm mọi cách để đủ lý do mà phạm tội, thậm chí làm cho người ta mất ý thức về sự tội mà sa ngã sai phạm, chẳng hạn nhiều người cho rằng

tiền tài, danh vọng, sắc dục..., là tính tự nhiên của con người mà chính Chúa tạo dựng thì tại sao phải luật này lệ nọ, tại sao phải khuyên răn cấm cản?

St 3, 2-3: “Người đàn bà nói với con rắn: “Trái các cây trong vườn, thì chúng tôi được ăn. Còn trái trên cây ở giữa vườn, Thiên Chúa đã bảo: “Các ngươi không được ăn, không được động tới, kéo phải chết.”

“Bảo” trước nhất là Chúa tạo dựng con người có lương tâm, và ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần (Nhưng phải có chút tốt lành nào đó: “Có mới được cho”) để chúng ta phân biệt trái phải, tốt xấu, tội phúc. Rồi Chúa “Bảo” chúng ta qua sự dạy dỗ của các tiên tri, và Chúa đã sai chính con một của Chúa là Chúa Giêsu Kitô, Người đã tận tình chỉ dạy cận kề mọi đàn ông. Rồi người kế thừa sự nghiệp của Chúa Giêsu Kitô là Giáo Hội, Giáo Hội đã loan truyền giảng dạy và đúc kết mọi huấn thị của Chúa thành Giáo Luật. Việc Chúa bảo mà chúng ta không tuân giữ là sự tội, sự tội làm cho chúng ta mất tư cách làm con Chúa, một phần thưởng Thiên Chúa dành cho chúng ta là được hưởng Nước Trời, sự mất Chúa, mất Nước Trời là “phải chết”.

St 3, 4-5: “Rắn nói với người đàn bà: “Chẳng chết chóc gì đâu! Nhưng Thiên Chúa biết ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần biết điều thiện điều ác.”

Kiêu ngạo là đầu mối gây nên mọi hiềm khích, chia rẽ, ghen ghét, tranh giành, xung đột, ác độc, tàn bạo..., Chúa Giêsu đã phán cùng bà Margarita trong Thông Điệp Nhân Hậu rằng: tội kiêu ngạo gây nên vô vàn tội lỗi và Người

gớm ghét tội kiêu ngạo. “Mắt ông bà mở ra, ông bà sẽ nên như các vị thần biết điều thiện ác”: là sự lừa dối, là chước cám dỗ để chúng ta nghi ngờ lòng lành Chúa, không tin không cậy không kính mến Chúa, cám dỗ để chúng ta tưởng mình là thông thái, tài trí, đạo đức, cao trọng ..., cho nên bất cứ tầng lớp nào, không chỉ những người thông minh mà cả những kẻ ngu đần, không chỉ kẻ tội lỗi mà cả những người đạo đức cũng có nhiều duyên cơ để kiêu căng tự phụ mà sinh trăm giống tội.

St 3, 6: “Người đàn bà thấy trái cây đó ăn thì ngon, trông thì đẹp mắt, và đáng quý vì làm cho mình được tinh khôn. Bà liền hái trái cây mà ăn, rồi đưa cho cả chồng đang ở đó với mình; ông cũng ăn.”

“Ăn thì ngon”, “Trông thì đẹp mắt”, “Và đáng quý” là con người đầy dẫy những tham lam: dục tình, tiền bạc, tài năng, địa vị, tất cả những cái quý cái hiếm, đẹp đẽ, cao sang, trọng vọng ..., đều muốn thuộc về mình, cho nên mới dễ bị cám dỗ mà phạm tội: con rắn chỉ cám dỗ một điều, mà người đàn bà tự mình nghĩ thành ba điều.

St 3, 7: “Bấy giờ mắt hai người mở ra, và họ thấy mình trần truồng: họ mới kết lá vả làm khổ che thân.”

Kinh Thánh vô cùng khôn ngoan, đã diễn tả công việc hết sức quan trọng cao cả của Chúa trong một cốt truyện thơ mộng đến nỗi nhiều người đọc đi đọc lại, càng đọc càng tưởng đây là chuyện tào lao, cho nên nếu không có Lời Chúa Kitô, và không hiểu được ý của Người, chúng ta không hiểu được nghĩa của chữ “Trần truồng”: Dự ngôn “Tiệc cưới”, Mt 22, 1-14, trong đó có đoạn ông chủ đến quan sát khách dự tiệc, thấy một không người không mặc

y phục tiệc cưới, mới sai gia nhân trối lại ném ra ngoài. Người khách không mặc y phục tiệc cưới nên không đủ tiêu chuẩn để dự tiệc, nghĩa là người tội lỗi không đủ tư cách vào Nước Trời. Trong dụ ngôn “Người cha nhân hậu” cũng có đoạn người cha sai gia nhân: “Hãy đem áo mới mặc cho cậu”. Vậy Adam Evà trần truồng, kết lá làm chỗ che thân phải được hiểu là sự tội làm cho con người mất tư cách làm con Chúa, mất quyền lợi hưởng hạnh phúc Nước Trời.

St 3 8-13: “Nghe thấy tiếng ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa đi dạo trong vườn lúc gió thổi trong ngày, con người và vợ mình trốn vào giữa cây cối trong vườn, để khỏi giáp mặt ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa gọi con người và hỏi: “Ngươi ở đâu?” Con người thưa: “Con nghe thấy tiếng Ngài trong vườn, con sợ hãi vì con trần truồng, nên con lẩn trốn.” ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa hỏi: “Ai đã cho ngươi biết là ngươi trần truồng? Có phải ngươi đã ăn trái cây mà Ta đã cấm ngươi ăn không?”

“Trái” mà Chúa cấm con người không được ăn là những việc xấu xa tội lỗi, khi con người phạm tội là mất tư cách làm con Chúa là “Trần truồng”, mà phải trốn vào giữa “Cây rừng” là đường tối tăm xa lạc Chúa, trong khi đường đến với Chúa thì quang sáng: “Lúc gió thổi trong ngày”.

St 3, 12-13: “Adam thưa: “Người đàn bà Ngài cho ở với con, đã cho con trái cây ấy, nên con ăn.” ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa hỏi người đàn bà: “Ngươi đã làm gì thế?” Người đàn bà thưa: “Con rắn đã lừa dối con, nên con ăn.”

Không chỉ đàn bà dụ dỗ đàn ông phạm tội, cũng không chỉ đàn bà mới bị cám dỗ, và không con rắn nào, không chước cám dỗ nào có thể cám dỗ nếu lòng người ta không đầy dẫy tham lam: “Ăn thì ngon, trông thì đẹp mắt và đáng quý”. Tuy nhiên, người ta nói: “Lấy lửa thử vàng, lấy vàng thử đàn bà, lấy đàn bà thử đàn ông”: Thường thì người đàn bà thích ăn ngon mặc đẹp, thích giàu sang phú quý, yếu đuối trước những xa hoa phù phiếm hơn, còn người đàn ông thường dễ phạm tội nguyên do vì người đàn bà hơn.

St 3, 14: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa phán với con rắn: “Mi đã làm điều đó, nên mi đáng bị nguyên rủa nhất trong mọi loài súc vật và mọi loài dã thú. Mi phải bò bằng bụng, phải ăn bụi đất mọi ngày trong đời mi.”

Lời nguyên của Thiên Chúa đó tượng tự lời nguyên của Chúa Giêsu: “Khốn cho thế gian vì làm có cho người ta sa ngã...”. Thực tế rắn ăn ếch nhái; gà vịt, rắn không ăn bùn đất. “Bùn đất” là thức ăn của sự chết phần linh hồn. Con rắn phải bò bằng bụng là đi liền với cái chết, ôm ấp cái chết, ăn bùn đất hằng ngày là ăn uống sự chết hằng ngày mà dẫn đến sự chết muôn đời. Ngược lại với “Ăn bánh” hằng ngày là linh hồn được nuôi dưỡng hằng ngày để đạt tới sự sống đời đời.

St 3, 15: “Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà, giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy; dòng giống đó sẽ đánh vào đầu mi, và mi sẽ cắn vào gót nó.”

“Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà” là Chúa không tách biệt hoàn toàn giữa thiện ác, tốt xấu, Chúa không phân ly kẻ dữ với người lành như dụ ngôn “Cỏ

lùng”, Chúa cũng không triệt hạ hay nghiêm trị tại chỗ những kẻ làm gương xấu, vì có chức cảm dỗ, có sự dữ, sự độc hại, để những ai thắng vượt được mới có công phúc, công phúc mới bắc được nhịp cầu qua khoảng cách giữa thần linh và cát bụi.

“Giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy” là mầm mống nọc độc tội lỗi bị lây lan di truyền từ ông bà, cha mẹ đến con cái cháu chắt, qua xương tủy máu thịt, mắt thấy tai nghe, gương mù gương xấu đến linh hồn.

“Dòng giống ấy sẽ đánh vào đầu mi và mi sẽ cắn gót nó” là vì sự lây lan di truyền tội lỗi, thói hư tật xấu từ ông bà cha mẹ đời này chồng chắt qua đời nọ, nên người ta sinh ra là đã mang sẵn trong người những mầm mống tội lỗi, đam mê tiền tài, sắc dục, địa vị danh vọng..., mà từng giây từng phút phải giằng co vật lộn giữa thiện ác, tốt xấu.

St 3, 16: “Với người đàn bà, Chúa phán: “Ta sẽ làm cho ngươi phải cực nhọc thật nhiều khi thai nghén; ngươi sẽ phải cực nhọc lúc sinh con. Ngươi sẽ thêm muốn chồng ngươi, và nó sẽ thống trị ngươi.”

Lời Chúa phán với người đàn bà đó, chúng ta thường nghĩ đó là một lời nguyện. Thật ra những đau khổ, cực nhọc, vất vả, thêm muốn, nhục nhã ..., xét cho cùng cũng là ơn Chúa để người đàn bà có cơ hội lập công phúc để đền trả tội lỗi mà phục hồi tư cách làm con Chúa, lấy lại được quyền hưởng phúc trường sinh.

St 3, 17: “Với Adam, Chúa phán: “Vì ngươi đã nghe lời vợ và ăn trái cây mà Ta đã truyền cho ngươi rằng: “Ngươi đừng ăn nó”, nên đất đai bị nguyên rủa vì ngươi;

ngươi sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời ngươi, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra.”

Câu này cũng bị coi là lời nguyên, nhưng Chúa Giêsu: Ga 6, 27: “Các ngươi hãy ra công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực trường tồn đem lại phúc trường sinh...” “Miếng ăn” là lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực nuôi sống phần linh hồn như lời Chúa Giêsu đó. Vì bất tuân lời Chúa, vì tội lỗi con người phải nhờ những đau khổ lao nhọc, phấn đấu với nghịch cảnh hàng ngày để lập công phúc mà đền bù tội lỗi mới có “Miếng ăn” để phục hồi sự sống linh hồn.

St 3, 18-19: “Đất đai sẽ trở sinh gai góc cho ngươi, ngươi sẽ ăn cỏ ngoài đồng. Ngươi sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn, cho đến khi trở về với đất, vì từ đất, ngươi đã được lấy ra. Ngươi là bụi đất, và sẽ trở về với bụi đất.”

“Đất đai” ở đây lại phải hiểu là cái chết đe dọa, “Gai góc” là tật nguyên, ốm đau, già lão ..., “Cỏ” là thức ăn không tốt, ý nói là linh hồn không có đủ lương thực để nuôi sống. “Bánh” có nghĩa như lời Chúa Kitô: “Ta là BÁNH hằng sống”: Nên chúng ta hiểu là từ khi Chúa Giêsu xuống thế làm người, chịu nạn chịu chết để lập công cứu chuộc, thì nhân loại mới có BÁNH là lương thực bổ dưỡng cho linh hồn được sống, được ơn cứu độ dồi dào.

“Đổ mồ hôi trán”: như lời Chúa Giêsu: “Hỡi những kẻ khó nhọc và gánh nặng, hãy đến cùng Ta sẽ bổ sức cho các ngươi”, hoặc “Các người hãy ra công làm việc không phải vì của ăn hay hư nát, nhưng vì của ăn tồn tại cho đến cuộc sống đời đời, là của ăn Con Người sẽ ban cho các người”: là nhờ những lao nhọc vất vả để đền bù tội lỗi và

lập công phúc mà linh hồn được nuôi dưỡng phục hồi: “Mới có bánh ăn”.

“Cho đến khi người trở về với đất” thì được phép hiểu là cho đến khi con người từ giã cõi đời. Nhưng “Vì từ đất người được lấy ra. Người là bụi đất sẽ trở về với bụi đất” thì phải hiểu ý Kinh Thánh rằng” “Bụi đất” là thân phận hèn mọn của con người, mà vì phạm tội nên con người không thoát khỏi thân phận bụi đất: “Người là bụi đất sẽ trở về bụi đất”. Vì thế nhân loại sẽ không mấy ai được hưởng hạnh phúc Nước Trời nếu không có ơn cứu độ của Chúa Giêsu Kitô.

St 3, 20: “Adam đặt tên cho vợ là Evà, vì bà là mẹ của chúng sinh.”

“Đặt tên” là sự tôn trọng: ý nói về địa vị của người đàn bà. Đây âu cũng là giới răn của Thiên Chúa dạy người đàn ông phải tôn trọng người vợ trong chức năng làm mẹ của con mình.

St 3, 21: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa làm cho con người và vợ con người những chiếc áo bằng da và mặc cho họ.”

Vì phạm tội con người “Trần truồng” là mất tư cách làm con Thiên Chúa, mất tư cách hưởng Nước Trời. Thiên Chúa làm cho họ “Những chiếc áo bằng da” là tìm cách phục hồi tái sinh nhân loại, như sai các tiên tri ngôn sứ đến uốn nắn dạy bảo. Rồi chính Con Chúa phải xuống thế lập công cứu chuộc và đem cho nhân loại ý phục chính tề để đủ tư cách dự tiệc Nước Trời, như chúng ta đọc đoạn nói về các thánh: “Họ đã giặt áo trong máu Con Chiên”.

St 3, 22-23: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa nói: “Này con người đã trở thành như một kẻ trong chúng ta, biết điều thiện điều ác. Bây giờ, đừng để nó gọt tay hái cả trái cây trường sinh mà ăn và được sống mãi.” ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa đuổi con người ra khỏi vườn Êđen để cày cấy đất đai, từ đó con người đã được lấy ra.”

“Này con người đã trở thành kẻ trong chúng ta, biết điều thiện điều ác”: con người muốn trở thành thần thánh; muốn biết điều thiện ác: là con người kiêu ngạo mà phạm tội nên mất quyền làm con Chúa; mất phúc hưởng Nước Trời: “Bây giờ đừng để nó hái cả cây trường sinh mà ăn và được sống mãi”: đoạn này từng được hiểu rằng: vì con người ăn trái cấm nên thân xác không được sống vĩnh viễn mà phải chết, nhưng phải hiểu Kinh Thánh nói về mất sự sống phần linh hồn.

Vườn Êđen đừng hiểu là một khu vườn có thật mà người ta dự đoán đâu đó và còn đang ra công truy tìm. Mà Êđen là sự bình an thanh thoi của những tâm hồn trong trắng vô tội dù trong hoàn cảnh nghèo hèn, bệnh tật, hoạn nạn, loạn lạc... . Bị đuổi ra khỏi Êđen là xác không an hồn không mạnh, luôn đau khổ, lo sợ, thèm khát, ham muốn... . “Cày cấy đất đai” là con người phải sống trong sự đe dọa của ốm đau, tật nguyên già nua, chết chóc... .

St 3, 24: “Người trục xuất con người, và ở phía đông vườn Êđen, Người đặt các thần hộ giá với lưỡi gươm sáng loé, để canh giữ đường đến cây trường sinh.”

“Người trục xuất con người” là con người vì tội lỗi mà xác không yên hồn không ổn, gian nan khổ khổ, lo sợ

trăm bề. “Thần hộ giá” là Thiên Chúa giám sát con người từng giây từng phút cả tư tưởng, lời nói, việc làm. “Với lưỡi gươm sáng lóe” là dựa trên phép công thẳng của Thiên Chúa, đó là “NHỮNG ĐỊNH LUẬT SIÊU NHIÊN” không thể mảy may xê dịch thay đổi, cho nên con người không thể đến được “CÂY TRƯỜNG SINH” là cuộc sống đời đời trong Nước Chúa. Vì thế con người chỉ còn cậy nhờ vào công nghiệp Chúa Giêsu Kitô mới phục hồi được tư cách làm con Chúa. Nhờ Chúa Giêsu Kitô là BÁNH thì linh hồn người ta mới được nuôi dưỡng để sống. Nhờ Chúa Giêsu Kitô con người mới có y phục chỉnh tề để dự tiệc trong Nước Chúa.

Tóm lại, mằm mống tội lỗi bị lây lan truyền nối từ ông bà cha mẹ xuống con cái cháu chắt, đời này sang đời khác mà khoa học có thể xác định, và còn hơn sự tính toán của khoa học là những kiểm nghiệm thực tế, song song với sự xác định rõ ràng mà Kinh Thánh muốn diễn đạt chứ không mơ hồ úp mở. Cho nên đức tin người Kitô thật đúng đắn và có căn cứ vững vàng.

Và chúng ta hiểu rõ căn do của tội truyền thì tín lý ĐỨC NỮ MARIA VÔ NHIỆM NGUYÊN TỘI hoàn toàn đơn giản dễ hiểu là Đức Nữ Maria không hề lây nhiễm mọi tội lỗi, mọi tính hư tật xấu từ cha mẹ, dòng dõi đến tha nhân.

Đức Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, trọn đời đồng trinh và vẹn toàn mọi nhân đức mới xứng đáng làm mẹ sinh Đấng Cứu Thế, mới xứng đáng làm Mẹ Thiên Chúa.

5. NHỮNG ĐỊNH LUẬT SIÊU NHIÊN



Tất cả những định luật khoa học đã tìm thấy đều do ngón tay khoa học của Thiên Chúa, nhưng Thiên Chúa còn tạo dựng những định luật vượt tầm tính toán của khoa học, đó là: **NHỮNG ĐỊNH LUẬT SIÊU NHIÊN**:

Chúa Giêsu đã tiết lộ trong “Thông Điệp Tình Yêu Nhân Hậu gửi các Hồn Nhỏ” qua bà Margarita, ngày 29-12-1966: “Thiên nhiên có những định luật phải tôn trọng. Song trong cuộc sống siêu nhiên với Chúa, còn có **NHỮNG ĐỊNH LUẬT** quan trọng hơn nữa, và người ta cần phải **NHẬN BIẾT** và **TÔN TRỌNG** những định luật đó, nếu muốn đạt tới hoàn toàn thoát ly thụ tạo”.

Những định luật siêu nhiên được kết hợp với những định luật thiên nhiên ở đời này, nhưng những định luật siêu nhiên vô cùng quan trọng vì còn liên quan nối tiếp đến cuộc sống vĩnh cửu đời sau. Định luật thiên nhiên thì Thiên Chúa dễ dàng vượt qua, chẳng hạn khi muốn tỏ chút

lạ lùng để các môn đệ tin, Chúa Giêsu đã đi trên nước và cho thánh Phêrô cùng đi trên nước để đến với Người, nhưng định luật siêu nhiên thì Thiên Chúa tuyệt đối tôn trọng, không thể thay đổi, không thể một ly vi phạm, như khi thánh Phêrô đang đi trên mặt nước để đến với Chúa mà lòng nghi ngờ lo sợ thì liền bị chìm, đó là vì thánh Phêrô đã không tin, nên Chúa Giêsu không thể cho ngài đi trên nước như phút đầu tiên thánh Phêrô đã tin.

Những ĐỊNH LUẬT SIÊU NHIÊN bởi đâu?

Sách Sáng Thế, đầu tiên về việc tạo dựng, Thiên Chúa đã dựng nên ÁNH SÁNG, đọc đoạn đó thiên hạ đều hiểu lắm là ánh sáng thường từ mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú và các vật phát sáng, mà quên mất cái nghĩa vô cùng quan trọng của chữ ÁNH SÁNG đó:

Ga 8-12: “Tôi là ánh sáng thế gian. Ai theo tôi, sẽ không phải đi trong bóng tối, nhưng sẽ nhận được ÁNH SÁNG ĐEM LẠI SỰ SỐNG.” và Ga 14, 5: “Ông Tôma nói với Chúa: “Thưa Thầy, chúng con không biết Thầy đi đâu, làm sao chúng con biết được đường?” Chúa Giêsu đáp: “Thầy là đường, là sự thật và là sự sống, không ai đến được với Cha mà không qua Thầy”. Đọc hai đoạn Phúc Âm này chúng ta có thể hiểu được ÁNH SÁNG là GIÁO HUẤN và CÔNG NGHIỆP Chúa Kitô. Rồi hãy đọc đoạn Phúc Âm sau đây, thường thì người ta tưởng đã hiểu ngay, hiểu hết, nhưng suy xét kỹ hơn, chúng ta lại thấy nhiều câu lạ lùng, khó hiểu. Mà Phúc Âm Chúa Kitô, cứ đoạn nào càng lơ mơ lảm cẩm, càng không đầu không đuôi, thì đoạn đó càng cốt lõi quan trọng.

Ga 12, 44-50: “Ta là ánh sáng đến thế gian, để bất cứ ai tin vào tôi, thì không ở lại trong bóng tối. Ai nghe những lời Ta nói mà không tuân giữ, thì không phải chính Ta xét xử người ấy, vì Ta đến không phải để xét xử thế gian, nhưng để cứu thế gian. Ai từ chối ta và không đón nhận lời Ta, thì có quan tòa xét xử người ấy: CHÍNH LỜI TA ĐÃ NÓI sẽ xét xử người ấy trong ngày sau hết. Thật vậy, không phải Ta tự mình nói ra, nhưng là chính Chúa Cha, Đấng đã sai Ta, truyền lệnh cho Ta phải nói gì, tuyên bố gì. Và Ta biết: mệnh lệnh của Ngài là SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI. Vậy, những gì Ta nói, thì Ta nói đúng như Chúa Cha đã nói với Ta.”

- Tại sao Chúa đến không phải để xét xử thế gian, mà LỜI CHÚA lại xét xử?
- Sao lại gọi là LỆNH của Đức Chúa Cha? Sao lại là CÔNG BỐ?
- Tại sao “Lệnh của Ngài là sự sống đời đời”?

Đoạn sau đây giúp chúng ta hiểu ra ý Chúa: Mt 13, 34-35: “Tất cả các điều ấy, Chúa Giêsu dùng dụ ngôn mà nói với đám đông; và Người không nói gì với họ mà không dùng dụ ngôn, hầu ứng nghiệm lời sấm của ngôn sứ: Mở miệng ra, tôi sẽ kể dụ ngôn, công bố những điều được giữ kín từ tạo thiên lập địa.”

Và tra xét thật kỹ, nhất là trong những dụ ngôn, chúng ta sẽ tìm thấy Phúc Âm Chúa Kitô bao gồm những định luật vô cùng chính xác, không hề mảy may sai sót.

Vậy, như khi chúng ta thành lập tổ chức, đoàn thể..., chúng ta còn biết đặt nội quy này điều lệ nọ, thì trước khi tạo dựng trái đất và con người, Thiên Chúa đã tạo dựng những ĐỊNH LUẬT SIÊU NHIÊN, là LỆNH của Đức Chúa Cha, mà Chúa Giêsu đến để CÔNG BỐ những định luật đó. Và LỆNH của Đức Chúa Cha là SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI, vì căn cứ vào những định luật đó mà mỗi người chúng ta lập công phúc để được hưởng phần gia nghiệp đời đời trên Nước Trời.

Cho nên chữ “Ánh Sáng” có nhiều nghĩa, nhưng ÁNH SÁNG mà Thiên Chúa tạo dựng trong “Ngày thứ nhất” là NHỮNG ĐỊNH LUẬT SIÊU NHIÊN của Thiên Chúa: St 1, 14: “Thiên Chúa phán: “Phải có những vầng sáng trên vòm trời, để phân rẽ ngày với đêm, để làm dấu chỉ xác định các đại lễ, ngày và năm.”

I. ĐỊNH LUẬT “TRẢ HẾT ĐỒNG XU CUỐI CÙNG”

Nhà Phật tin luật “Nhân quả”; “Tích ác tòng ác, tích thiện tòng thiện”, người đời hay nói đến luật “Vay trả”: “Gieo gió thì gặt bão”, “Có vay có trả”... . Nhưng hàng ngày người ta làm chuyện xấu xa, ác độc, tham lam, lừa dối..., đầy dẫy mà chẳng mấy ai gặp điều dữ, thậm chí kẻ làm ác còn phây phả, giàu có, sung túc, ung dung nhàn hạ hơn người hiền lành, nên thiên hạ đa số cho đó chỉ là những câu răn đời.

Người Đạo Chúa không ai nói đến chữ “Nhân quả”, không ai bàn về luật “Vay trả”. Nhưng Phúc Âm Chúa Giêsu: Mt 26, 51-52: “Và kia, một trong những kẻ theo Chúa Giêsu liền vung tay tuốt gươm ra, chém phải tên đầy tớ của thượng tế, làm nó đứt tai. Chúa Giêsu bảo người

ấy: “Hãy xỏ gươm vào vỏ, vì tất cả những ai cầm gươm sẽ chết vì gươm.”: Chúng ta đều biết, không phải ai dùng gươm cũng chết vì gươm, nhưng Chúa Giêsu muốn nói: kẻ làm ác sẽ lãnh hậu quả của việc họ làm, như vậy cũng là “Tích ác tàng ác”, “Gieo gió thì gặt bão”, cũng là “Nhân quả”, “Vay trả”. Nhưng với Chúa Giêsu thì LUẬT VAY TRẢ tuyệt đối chi ly, hoàn chỉnh, vững vàng:

Mt 5, 21-26: “Anh em đã nghe Luật dạy người xưa rằng: Chớ giết người; ai giết người, thì đáng bị đưa ra tòa. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: Ai giận anh em mình, thì đáng bị đưa ra tòa. Ai mắng anh em mình là đồ ngốc, thì đáng bị đưa ra trước Thượng Hội Đồng. Còn ai chửi anh em mình là quân phản đạo, thì đáng bị lửa hỏa ngục thiêu đốt. Vậy, nếu khi anh sắp dâng lễ vật trước bàn thờ, mà sực nhớ có người anh em đang có chuyện bất bình với anh, thì hãy để của lễ lại đó trước bàn thờ, đi làm hòa với người anh em ấy đã, rồi trở lại dâng lễ vật của mình. Anh hãy mau mau dàn xếp với đối phương, khi còn đang trên đường đi với người ấy tới cửa công, kéo người ấy nộp anh cho quan tòa, quan tòa lại giao anh cho thuộc hạ, và anh sẽ bị tống ngục. Thầy bảo thật cho anh biết: anh sẽ không ra khỏi đó, trước khi trả hết đồng xu cuối cùng.”

Và Lc 12, 57-59: “Sao các người không tự mình xét xem CÁI GÌ LÀ PHẢI? Thật vậy, khi anh đi cùng đối phương ra tòa, thì dọc đường hãy cố gắng giải quyết với người ấy cho xong, kéo người ấy lôi anh đến quan tòa, quan tòa lại nộp anh cho thừa phát lại, và thừa phát lại tống anh vào ngục. Tôi bảo cho anh biết: anh sẽ không ra khỏi đó trước khi TRẢ HẾT ĐỒNG KẼM CUỐI CÙNG.”

“SAO CÁC NGƯỜI KHÔNG TỰ XÉT XEM CÁI GÌ LÀ PHẢI” là tóm gọn của những đoạn:

-Mt 5, 22: “Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: Ai giận anh em mình, thì đáng bị đưa ra tòa. Ai mắng anh em mình là đồ ngốc, thì đáng bị đưa ra trước Thượng Hội Đồng. Còn ai chửi anh em mình là quân phản đạo, thì đáng bị lửa hoả ngục thiêu đốt.”

-Mt 5, 27-37: “Anh em đã nghe Luật dạy rằng: Chớ ngoại tình. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi. Nếu mắt phải của anh làm có cho anh sa ngã, thì hãy móc mà ném đi; vì thà mất một phần thân thể, còn hơn là toàn thân bị ném vào hoả ngục. Nếu tay phải của anh làm có cho anh sa ngã, thì hãy chặt mà ném đi; vì thà mất một phần thân thể, còn hơn là toàn thân phải sa hoả ngục. Luật còn dạy rằng: Ai rẫy vợ, thì phải cho vợ chứng thư ly dị. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp, ai rẫy vợ là đẩy vợ đến chỗ ngoại tình; và ai cưới người đàn bà bị rẫy, thì cũng phạm tội ngoại tình. Anh em còn nghe Luật dạy người xưa rằng: Chớ bội thề, nhưng hãy trọn lời thề với Đức Chúa. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: đừng thề chi cả. Đừng chỉ trời mà thề, vì trời là ngai Thiên Chúa. Đừng chỉ đất mà thề, vì đất là bệ dưới chân Người. Đừng chỉ Giêrusalem mà thề, vì đó là thành của Đức Vua cao cả. Đừng chỉ lên đầu mà thề, vì anh không thể làm cho một sợi tóc hoá trắng hay đen được. Nhưng hễ “có” thì phải nói “có”, “không” thì phải nói “không”. Thêm thắt điều gì là do ác quỷ.”

-Mt 7, 1-5: “Anh em đừng xét đoán, để khỏi bị Thiên Chúa xét đoán, vì anh em xét đoán thế nào, thì anh em cũng sẽ bị Thiên Chúa xét đoán như vậy; và anh em đóng dấu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đóng dấu ấy cho anh em. Sao anh thấy cái rác trong con mắt của người anh em, mà cái xà trong con mắt của mình thì lại không để ý tới? Sao anh lại nói với người anh em: “Hãy để tôi lấy cái rác ra khỏi mắt bạn”, trong khi có cả một cái xà trong con mắt anh? Hỡi kẻ đạo đức giả! Lấy cái xà ra khỏi mắt anh trước đã, rồi anh sẽ thấy rõ, để lấy cái rác ra khỏi mắt người anh em.”

-Mt 7, 21-23: “Không phải bất cứ ai thưa với Thầy: “Lạy Chúa! lạy Chúa!” là được vào Nước Trời cả đâu! Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy là Đấng ngự trên trời, mới được vào mà thôi. Trong ngày ấy, nhiều người sẽ thưa với Thầy rằng: “Lạy Chúa, lạy Chúa, nào chúng tôi đã chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri, nhân danh Chúa mà trừ quỷ, nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ đó sao?” Và bấy giờ Thầy sẽ tuyên bố với họ: Ta không hề biết các ngươi; xéo đi cho khuất mắt Ta, hỡi bọn làm điều gian ác!”

-Mt 12, 33-37: “Cây mà tốt thì quả cũng tốt; cây mà xấu thì quả cũng xấu, vì xem quả thì biết cây. Loài rắn độc kia, xấu như các người, thì làm sao nói điều tốt được? Vì lòng có đầy, miệng mới nói ra. Người tốt thì rút cái tốt từ kho tàng tốt của mình; kẻ xấu thì rút cái xấu từ kho tàng xấu của mình. Tôi nói cho các người hay: đến Ngày phán xét, người ta sẽ phải trả lời về mọi điều vô ích mình đã nói. Vì nhờ lời nói của anh mà anh sẽ được trắng án; và cũng tại lời nói của anh mà anh sẽ bị kết án.”

-Mt 25, 41-46: “Rồi Đức Vua sẽ phán cùng những người ở bên trái rằng: “Quân bị nguyên rửa kia, đi đi cho khuất mắt Ta mà vào lửa đời đời, nơi dành sẵn cho tên Ác Quỷ và các sứ thần của nó.” Vì xưa Ta đói, các ngươi đã không cho ăn; Ta khát, các ngươi đã không cho uống; Ta là khách lạ, các ngươi đã không tiếp rước; Ta trần truồng, các ngươi đã không cho mặc; Ta đau yếu và ngồi tù, các ngươi đã chẳng thăm viếng.” Bấy giờ những người ấy cũng sẽ thưa rằng: “Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đói, khát, hoặc là khách lạ, hoặc trần truồng, đau yếu hay ngồi tù, mà không phục vụ Chúa đâu?” Bấy giờ Người sẽ đáp lại họ rằng: “Ta bảo thật các ngươi: mỗi lần các ngươi không làm như thế cho một trong những người bé nhỏ nhất đây, là các ngươi đã không làm cho chính Ta vậy.” Thế là họ ra đi để chịu cực hình muôn kiếp, còn những người công chính ra đi để hưởng sự sống muôn đời.

Vậy thì dụ ngôn “Tới cửa công” theo thánh Mátthêu và dụ ngôn “Ra tòa” theo thánh Luca, ở trên được hiểu như sau:

“Dàn xếp” là đền bù trang trải lỗi lầm thiếu sót.

“Đổi phương” là tội lỗi.

“Đọc đường” là thời giờ còn sống ở đời này.

“Cửa công” là giờ chung kết của cuộc đời.

“Quan tòa”: Ga 12, 48: “Ai từ chối tôi và không đón nhận lời tôi, thì có quan tòa xét xử người ấy: chính lời tôi đã nói sẽ xét xử người ấy trong ngày sau hết.” Vậy “Quan

tòa” là: Khi qua khỏi cõi đời này, mọi người được xét xử theo những **ĐỊNH LUẬT** của Thiên Chúa.

Cho nên những đoạn Phúc Âm trên, Chúa Giêsu đã tiết lộ cho chúng ta rằng: Trong mỗi cuộc đời chúng ta, tất cả những lỗi lầm thiếu sót từ lớn đến nhỏ trong tư tưởng, lời nói, việc làm, nếu khôn ngoan thì phải nhanh chóng gấp rút đền bù trang trải cho bằng hết ngay ở đời này, nếu đợi đến đời sau thì không thoát khỏi định luật vô cùng công bằng của Thiên Chúa, lúc đó sẽ phải thanh toán chi ly không mảy may sai sót.

Như thế cũng là “Vay thì phải trả”, nhưng theo Chúa Kitô thì đó là **ĐỊNH LUẬT VAY TRẢ**. Và nó khác quan niệm người đời là thường lo sợ “Quả báo nhãn tiền”, nhưng Chúa Giêsu dạy thì chỉ có ai khôn ngoan nhanh nhẹn mới lo thanh toán trang trải trước khi đến cửa công, nên chỉ có ai may phước mới được “Quả báo” để có dịp “Dàn xếp” những nợ nần thiếu sót ngay ở đời này, nếu vô phước không được quả báo mà đã đến đời sau thì vô cùng khôn khổ khôn nạn. Nên Chúa Giêsu dạy: “Vậy nếu khi con sắp dâng lễ vật trước bàn thờ mà sự nhớ có người anh em đang có chuyện bất bình với con, thì hãy để của lễ lại đó trước bàn thờ, đi làm hòa với người anh em ấy đã, rồi trở lại dâng lễ vật của mình”. Câu này thường được hiểu là: nếu dâng lễ vật mà lòng còn hờn giận thì không xứng đáng để Chúa nhận lễ vật, nhưng còn có ý là: Sự thanh toán trang trải tội lỗi còn quan trọng, cần thiết và gấp rút hơn cả việc dâng lễ vật.

Mt 10, 26-28: “Vậy anh em đừng sợ người ta. Thật ra, không có gì che giấu mà sẽ không được tỏ lộ, không có gì bí mật, mà người ta sẽ không biết.” Mc 4, 22-23: “Vi

chẳng có gì che giấu mà không phải là để được tỏ bày, chẳng có gì bí ẩn mà không phải là để đưa ra ánh sáng. Ai có tai nghe thì nghe!” Hai câu này, nếu chưa biết định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng”, chúng ta thấy vô lý vì người đòi làm toàn chuyện xấu xa mà mấy khi bị đưa ra ánh sáng, nhưng câu “Ai có tai thì nghe” là Chúa nhắc chúng ta suy xét để nhận ra định luật TRẢ HẾT ĐỒNG XU CUỐI CÙNG là không có điều xấu xa tội lỗi nào thoát khỏi định luật này.

Định luật TRẢ HẾT ĐỒNG XU CUỐI CÙNG của Chúa như thế có quá khắt khe không? Vậy làm thế nào để “Dàn xếp với đối phương” là trang trải những lỗi lầm thiếu sót ngay từ đời này? Nhưng có tới năm phương cách để trang trải nợ nần:

1. Vay thì phải trả cả vốn lẫn lời:

Tất cả những sự đau khổ: tai bay vạ gió, tù tội, đói khát, nhục nhã cay đắng, lam lũ vất vả, thấp kém thua thiệt, xấu xí tật nguyên..., đều là phương tiện để đền bù tội lỗi, Vì như Mt 9, 2: “Người ta liền khiêng đến cho Người một kẻ bại liệt nằm trên giường. Thấy họ có lòng tin như vậy, Chúa Giêsu bảo người bại liệt: “Này con, cứ yên tâm, con đã được tha tội rồi!” nghĩa là nhờ đau khổ tật nguyên bấy lâu, cộng với công phúc đức tin của họ và lòng thương xót của Chúa mà tội của người bại liệt được tha, nên Chúa chữa lành bệnh.

2. Yêu nhiều thì được tha nhiều.

Lc 7, 36-50: “Có người thuộc nhóm Pharisêu mời Chúa Giêsu dùng bữa với mình. Chúa Giêsu đến nhà người

Pharisêu ấy và vào bàn ăn. Bỗng một phụ nữ vốn là người tội lỗi trong thành, biết được Người đang dùng bữa tại nhà ông Pharisêu, liền đem theo một bình bạch ngọc đựng dầu thơm. Chị đứng đằng sau, sát chân Người mà khóc, lấy nước mắt mà tưới ướt chân Người. Chị lấy tóc mình mà lau, rồi hôn chân Người và lấy dầu thơm mà đổ lên. Thấy vậy, ông Pharisêu đã mời Người liền nghĩ bụng rằng: “Nếu quả thật ông này là ngôn sứ, thì hẳn phải biết người đàn bà đang đựng vào mình là ai, là thứ người nào: một người tội lỗi!” Chúa Giêsu lên tiếng bảo ông: “Này ông Simôn, tôi có điều muốn nói với ông!” Ông ấy thưa: “Dạ, xin Thầy cứ nói.” Chúa Giêsu nói: “Một chủ nợ kia có hai con nợ: một người nợ năm trăm quan tiền, một người năm chục. Vì họ không có gì để trả, nên chủ nợ đã thương tình tha cho cả hai. Vậy trong hai người đó, ai mến chủ nợ hơn?” Ông Simôn đáp: “Tôi thiết tưởng là người đã được tha nhiều hơn.” Chúa Giêsu bảo: “Ông xét đúng lắm.” Rồi quay lại phía người phụ nữ, Người nói với ông Simôn: “Ông thấy người phụ nữ này chứ? Tôi vào nhà ông: nước lã, ông cũng không đổ lên chân tôi, còn chị ấy đã lấy nước mắt tưới ướt chân tôi, rồi lấy tóc mình mà lau. Ông đã chẳng hôn tôi một cái, còn chị ấy từ lúc vào đây, đã không ngừng hôn chân tôi. Dầu ôliu, ông cũng không đổ lên đầu tôi, còn chị ấy thì lấy dầu thơm mà đổ lên chân tôi. Vì thế, tôi nói cho ông hay: tội của chị rất nhiều, nhưng đã ĐƯỢC THA, bằng có là chị đã YÊU MẾN NHIỀU. Còn ai được tha ít thì yêu mến ít.” Rồi Chúa Giêsu nói với người phụ nữ: “Tội của chị đã được tha rồi.” Bấy giờ những người đồng bàn liền nghĩ bụng: “Ông này là ai mà lại tha được tội?” Nhưng Chúa Giêsu nói với người phụ nữ: “Lòng tin của chị đã cứu chị. Chị hãy đi bình an.”

“Yêu mến”, như người phụ nữ đã khóc ròng dưới chân Chúa, nghĩa là sự ăn năn thống hối, gớm ghét tội lỗi đã phạm, thì rất đẹp lòng Chúa, nên Người tha phần phạt tạ đền bù.

Chúa Giêsu còn kể dụ ngôn “Người cha nhân hậu” cũng diễn đạt: sự ăn năn thống hối được Chúa xót thương tha thứ: Lc 15, 11-32: “Một người kia có hai con trai. Người con thứ nói với cha rằng: “Thưa cha, xin cho con phần tài sản con được hưởng. Và người cha đã chia của cải cho hai con. Ít ngày sau, người con thứ thu góp tất cả rồi trốn đi phương xa. Ở đó anh ta sống phóng đãng, phung phí tài sản của mình.”

Khi anh ta đã ăn tiêu hết sạch, thì lại xảy ra trong vùng ấy một nạn đói khủng khiếp. Và anh ta bắt đầu lâm cảnh túng thiếu, nên phải đi ở đợ cho một người dân trong vùng; người này sai anh ta ra đồng chăn heo. Anh ta ao ước lấy đậu muông heo ăn mà nhét cho đầy bụng, nhưng chẳng ai cho. Bấy giờ anh ta hồi tâm và tự nhủ: “Biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được cơm dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói! Thôi, ta đứng lên, đi về cùng cha và thưa với người: “Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa. Xin coi con như một người làm công cho cha vậy. Thế rồi anh ta đứng lên đi về cùng cha.

Anh ta còn ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng thương, chạy ra ôm cổ anh ta và hôn lấy hôn để. Bấy giờ người con nói rằng: “Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa...” Nhưng người cha liền bảo các đầy tớ rằng: “Mau đem áo đẹp nhất ra đây mặc cho cậu, xỏ nhẫn vào ngón

tay, xỏ dép vào chân cậu, rồi đi bắt con bê đã vỗ béo làm thịt để chúng ta mở tiệc ăn mừng! Vì con ta đây đã chết mà nay sống lại, đã mất mà nay lại tìm thấy. Và họ bắt đầu ăn mừng”.

Lúc ấy người con cả của ông đang ở ngoài đồng. Khi anh ta về gần đến nhà, nghe thấy tiếng đàn ca nhảy múa, liền gọi một người đầy tớ ra mà hỏi xem có chuyện gì. Người ấy trả lời: “Em cậu đã về, và cha cậu đã làm thịt con bê béo, vì gặp lại cậu ấy mạnh khỏe. Người anh cả liền nổi giận và không chịu vào nhà. Nhưng cha cậu ra năn nỉ. Cậu trả lời cha: “Cha coi, đã bao nhiêu năm trời con hầu hạ cha, và chẳng khi nào trái lệnh, thế mà chưa bao giờ cha cho lấy được một con dê con để con ăn mừng với bạn bè. Còn thằng con của cha đó, sau khi đã nuốt hết của cải của cha với bọn điếm, nay trở về, thì cha lại giết bê béo ăn mừng!”

Nhưng người cha nói với anh ta: Con à, lúc nào con cũng ở với cha, tất cả những gì của cha đều là của con. Nhưng chúng ta phải ăn mừng, phải vui vẻ, vì em con đây đã chết mà nay lại sống, đã mất mà nay lại tìm thấy.”

Cũng như dụ ngôn “Ông Pharisêu và người thu thuế cầu nguyện”:

Lc 18, 10-14: “Có hai người lên đền thờ cầu nguyện. Một người thuộc nhóm Pharisêu, còn người kia làm nghề thu thuế. Người Pharisêu đứng thẳng, nguyện thầm rằng: “Lạy Thiên Chúa, xin tạ ơn Chúa, vì con không như bao kẻ khác: tham lam, bất chính, ngoại tình, hoặc như tên thu thuế kia. Con ăn chay mỗi tuần hai lần, con dâng cho Chúa một phần mười thu nhập của con. Còn người thu

thuê thì đứng đàng xa, thậm chí chẳng dám ngược mắt lên trời, nhưng vừa đấm ngực vừa thưa rằng: “Lạy Thiên Chúa, xin thương xót con là kẻ tội lỗi. Tôi nói cho các ông biết: người này, khi trở xuống mà về nhà, thì đã được nên công chính rồi; còn người kia thì không. Vì phạm ai tôn mình lên sẽ bị hạ xuống; còn ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên.”

Vậy thì sự tự nhận biết mình phạm hèn, yếu đuối, tội lỗi, mà ăn năn thống hối, xin Chúa thương xót tha thứ, sẽ lôi kéo được lòng thương xót của Chúa, để có thể trang trải những lỗi lầm thiếu sót: “Được tha vì yêu mến nhiều”

3-Tha để được tha.

Đây là điều kiện dễ dàng nhất và hiệu quả nhất, là công thức tốt nhất để trang trải những nợ nần thiếu sót.

Chúa Giêsu đã dạy chúng ta kinh Lạy Cha: Mt 6, 9-13: “Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời. Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày; XIN THA NỢ CHÚNG CON NHƯ CHÚNG CON CŨNG THA KẸ CÓ NỢ CHÚNG CON; xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ.”

Hằng ngày, chúng ta dâng lên Chúa kinh Lạy Cha nhiều lần, có mấy ai để ý tầm quan trọng của câu “ Và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con”. Vì chính ngay sau đó Chúa Giêsu đã nhấn mạnh cho chúng ta biết tầm quan trọng của câu này: “Thật vậy, nếu các con tha lỗi cho người ta, thì Cha các con trên trời cũng

sẽ tha lỗi cho các con. Nhưng các con không tha thứ cho người ta, thì Cha các con cũng sẽ không tha lỗi cho các con”.

Và như Mt 18, 21-35: “Bấy giờ, ông Phêrô đến gần Chúa Giêsu mà hỏi rằng: “Thưa Thầy, nếu anh em con cứ xúc phạm đến con, thì con phải tha đến mấy lần? Có phải bảy lần không?” Chúa Giêsu đáp: “Thầy không bảo là đến bảy lần, nhưng là đến bảy mươi lần bảy.” Vì thế, Nước Trời cũng giống như chuyện một ông vua kia muốn đòi các đầy tớ của mình thanh toán sổ sách. Khi nhà vua vừa bắt đầu, thì người ta dẫn đến một kẻ mắc nợ vua mười ngàn nén vàng. Y không có gì để trả, nên tôn chủ ra lệnh bán y cùng tất cả vợ con, tài sản mà trả nợ. Bấy giờ, tên đầy tớ ấy sấp mình xuống bái lạy: “Thưa Ngài, xin rộng lòng hoãn lại cho tôi, tôi sẽ lo trả hết.” Tôn chủ của tên đầy tớ ấy liền chạnh lòng thương, cho y về và tha luôn món nợ. Nhưng vừa ra đến ngoài, tên đầy tớ ấy gặp một người đồng bạn, mắc nợ y một trăm quan tiền. Y liền tóm lấy, bóp cổ mà bảo: “Trả nợ cho tao!” Bấy giờ, người đồng bạn sấp mình xuống năn nỉ: “Thưa anh, xin rộng lòng hoãn lại cho tôi, tôi sẽ lo trả anh.” Nhưng y không chịu, cứ tống anh ta vào ngục cho đến khi trả xong nợ. Thấy sự việc xảy ra như vậy, các đồng bạn của y buồn lắm, mới đi trình bày với tôn chủ đầu đuôi câu chuyện. Bấy giờ, tôn chủ cho đòi y đến và bảo: “Tên đầy tớ độc ác kia, ta đã tha hết số nợ ấy cho ngươi, vì ngươi đã van xin ta, thì đến lượt ngươi, ngươi không phải thương xót đồng bạn, như chính ta đã thương xót ngươi sao?” Rồi tôn chủ nổi cơn thịnh nộ, trao y cho lính hành hạ, cho đến ngày y trả hết nợ cho ông. Ấy vậy, Cha của Thầy ở trên trời cũng sẽ đối xử với anh em như thế, nếu

mỗi người trong anh em không hết lòng tha thứ cho anh em mình.”

Tại sao Chúa lại bảo chúng ta phải tha thứ cho người anh em đến bảy mươi lần bảy? – Thừa cần phải tha thật nhiều như vậy là vì chính chúng ta mà thôi, như thấy trong dụ ngôn đó, chúng ta chỉ cần hết lòng tha thứ cho anh em, dù lỗi họ rất nhỏ; rất ít, thì gánh tội của chúng ta có to lớn đến đâu cũng được Chúa tha hết thảy. Cho nên sự xúc phạm của người lân cận là nhu cầu cần thiết để chúng ta có cơ hội tha thứ mà được hưởng ân huệ của Chúa.

Cho nên: Mt 5, 35-48: “Anh em đã nghe Luật dạy rằng: Mắt đền mắt, răng đền răng. Còn Thầy, Thầy bảo anh em: đừng chống cự người ác, trái lại, nếu bị ai vả má bên phải, thì hãy giơ cả má bên trái ra nữa. Nếu ai muốn kiện anh để lấy áo trong của anh, thì hãy để cho nó lấy cả áo ngoài. Nếu có người bắt anh đi một dặm, thì hãy đi với người ấy hai dặm. Ai xin, thì hãy cho; ai muốn vay mượn, thì đừng ngoảnh mặt đi. “Anh em đã nghe Luật dạy rằng: Hãy yêu đồng loại và hãy ghét kẻ thù. Còn Thầy, Thầy bảo anh em: hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em. Như vậy, anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời, vì Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính. Vì nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì anh em nào có công chi? Ngay cả những người thu thuế cũng chẳng làm như thế sao? Nếu anh em chỉ chào hỏi anh em mình thôi, thì anh em có làm gì lạ thường đâu? Ngay cả người ngoại cũng chẳng làm như thế sao? Vậy anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện.”

Và Mt 7, 1-4: “Anh em đừng xét đoán, để khỏi bị Thiên Chúa xét đoán, vì anh em xét đoán thế nào, thì anh em cũng sẽ bị Thiên Chúa xét đoán như vậy; và anh em đóng đầu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đóng đầu ấy cho anh em. Sao anh thấy cái rác trong con mắt của người anh em, mà cái xà trong con mắt của mình thì lại không để ý tới? Sao anh lại nói với người anh em: “Hãy để tôi lấy cái rác ra khỏi mắt bạn”, trong khi có cả một cái xà trong con mắt anh? Hỡi kẻ đạo đức giả! Lấy cái xà ra khỏi mắt anh trước đã, rồi anh sẽ thấy rõ, để lấy cái rác ra khỏi mắt người anh em.”

Hoặc Lc 6, 27-38: “Thầy nói với anh em là những người đang nghe Thầy đây: hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy chúc lành cho kẻ nguyện rửa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em. Ai vả anh má bên này, thì hãy giơ cả má bên kia nữa. Ai đoạt áo ngoài của anh, thì cũng đừng cản nó lấy áo trong. Ai xin, thì hãy cho, ai lấy cái gì của anh, thì đừng đòi lại. Anh em muốn người ta làm gì cho mình, thì cũng hãy làm cho người ta như vậy. Nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì có gì là ân với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng yêu thương kẻ yêu thương họ. Và nếu anh em làm ơn cho kẻ làm ơn cho mình, thì còn gì là ân với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng làm như thế. Nếu anh em cho vay mà hy vọng đòi lại được, thì còn gì là ân với nghĩa? Cả người tội lỗi cũng cho kẻ tội lỗi vay mượn để được trả lại sòng phẳng. Trái lại, anh em hãy yêu kẻ thù, hãy làm ơn và cho vay mà chẳng hề hy vọng được đền trả. Như vậy, phần thưởng dành cho anh em sẽ lớn lao, và anh em sẽ là con Đấng Tối Cao, vì Người vẫn nhân hậu với cả phường vô ân và quân độc ác. “Anh em hãy có lòng nhân từ, như Cha

anh em là Đấng nhân từ. Anh em đừng xét đoán, thì anh em sẽ không bị Thiên Chúa xét đoán. Anh em đừng lên án, thì sẽ không bị Thiên Chúa lên án. Anh em hãy tha thứ, thì sẽ được Thiên Chúa thứ tha. Anh em hãy cho, thì sẽ được Thiên Chúa cho lại. Người sẽ đong cho anh em đủ lượng đã dằn, đã lắc và đập tràn, mà đổ vào vạt áo anh em. Vì anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy.”

Và Mc 11, 25-26: “Khi anh em đứng cầu nguyện, nếu anh em có chuyện bất bình với ai, thì hãy tha thứ cho họ, để Cha của anh em là Đấng ngự trên trời, cũng tha lỗi cho anh em. Nhưng nếu anh em không tha thứ, thì Cha của anh em là Đấng ngự trên trời, cũng sẽ không tha lỗi cho anh em.”

VẬY THA ĐỂ ĐƯỢC THA là phương thức, là bí quyết tốt nhất để tránh thoát định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng”, cho nên khi gặp những trái ý bất bình, những sự xỉ nhục xúc phạm, những thiệt thòi bất công..., thay vì khó chịu giận dữ, hay tìm cách trả đũa, chúng ta phải chụp ngay lấy những cơ hội ấy mà tha ngay, tha hết, tha vô điều kiện, để được Chúa tha hết gánh tội của mình. Mà nếu ai đó may phúc không vướng mắc nhiều tội lỗi, thì sự yêu thương nhường nhịn, chịu đựng, tha thứ những thiếu sót của người khác, trở thành công phúc lớn lao trước mặt Thiên Chúa.

4-Cầu nguyện.

Tha tội cho kẻ khác thì Thiên Chúa tha tội cho chúng ta, đó là cách tốt nhất để trang trải những thiếu sót lầm lỡ ở đời này, nhưng thường thì không mấy ai chịu tha để

được tha, mà chỉ tha cho những người tỏ ra dễ thương, những người cúi đầu nhận lỗi với mình. Hai là việc tha thứ phải được rèn luyện hàng ngày từ thấp đến cao, từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn như việc rèn luyện các nhân đức, chứ không phải cứ muốn tha lỗi cho người ta là tha ngay được, thậm chí có những khi vì chấp nhất, trả đũa những lỗi phạm của người khác, mà còn sinh tội thêm. Ba là, nhiều người có tiền của, địa vị quyền thế, được bảo vệ che chở bởi những người thân tín; những người tôn kính trọng vọng họ, thì mấy ai dám làm mất lòng, mấy ai dám xúc phạm đến họ, để họ có cơ hội tha thứ mà được Chúa thứ tha. Cho nên cầu nguyện, với một số người lại là cách tốt nhất để thảo gỡ định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng”.

Cách cầu nguyện của Giáo Hội là dùng những nghi thức, những lời chúc tụng ngợi khen cảm tạ Chúa, những suy niệm hướng lòng về Chúa, những hy sinh hãm dẹp xác thịt, sự ăn năn thống hối, sự đóng góp thời giờ, sức lực, tiền của, làm phúc, chia sẻ..., làm lễ vật dâng lên Chúa để xin ơn cứu giúp độ trì, nhờ công nghiệp Chúa Giêsu Kitô, công nghiệp Đức Mẹ Maria, công nghiệp của các thánh cùng các kẻ lành. Và Chúa Giêsu đã phán hứa: Mt 7, 7: “Anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở ra cho.” Và người còn long trọng lặp lại lời hứa ấy ngay sau đó: “Vì hễ ai xin thì sẽ nhận được, ai tìm thì sẽ thấy, ai gõ cửa thì sẽ mở cho”. Đó là lời hứa của Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa, vậy tại sao rất nhiều điều chúng ta xin, thậm chí tha thiết nài xin kèm với quà; với lễ, mà không được. Lại có những kẻ chẳng bao giờ thềm xin mà họ lại được nhiều; được dư dật hơn chúng ta là những đứa con hằng trông cậy và từng giây từng phút kêu xin Người? – Nhưng hãy nghe Chúa Giêsu nói tiếp: Mt 7, 9-11: “Có người nào trong anh em, khi con mình

xin cái bánh, mà lại cho nó hòn đá? Hoặ nó xin con cá, mà lại cho nó con rắn? Vậy nếu anh em vốn là những kẻ xấu mà còn biết cho con cái mình những của tốt lành, phương chi Cha anh em, Đấng ngự trên trời, lại không ban những của tốt lành cho những kẻ kêu xin Người sao?

Có nghĩa rằng: Thiên Chúa là Cha nhân lành, luôn luôn lo toan chăm sóc cho chúng ta cả linh hồn lẫn thể xác, Người biết những thứ chúng ta kêu xin, điều nào lợi, điều nào hại, với sự hiểu biết đơn giản, có khi chúng ta tưởng những điều chúng ta xin là tốt lành chính đáng, nhưng nhìn xa thấy rộng, Thiên Chúa biết điều nào ta xin sẽ dẫn đến cái xấu như “con rắn” như “bọ cạp”, cho nên Chúa tìm cách cho chúng ta những điều Người biết là “Cái bánh” và “Con cá”. Và chúng ta sẽ thấy rõ ràng hơn: Lc 11, 13: “Vậy nếu anh em vốn là những kẻ xấu mà còn biết cho con cái mình của tốt của lành, phương chi Cha trên trời lại không ban Thánh Thần cho những kẻ kêu xin Người sao?” “Thánh Thần” ý nói là công đức vô cùng cao quý làm của cải vốn liếng cho Nước Trời. Vậy thì tất cả những công lao kêu xin Chúa, Người đều ứng nhận đúng như lời Chúa Giêsu đã phán hứa, một phần Người dùng để ủi an nâng đỡ, là làm thỏa mãn phần nào những ước nguyện đúng đắn của chúng ta, một phần người dùng để trang trải cho chúng ta những nợ nần thiếu sót, phần còn lại Người để dành làm vốn liếng công phúc cho chúng ta trên Nước Trời: “BAN THÁNH THẦN cho những kẻ kêu xin Người”.

Vì thế, chưa kể chúng ta cầu nguyện để xin ơn tha thứ và xa tránh tội lỗi, bất cứ chúng ta kêu xin gì cùng Chúa, Người cũng có thể dùng công lao kêu xin ấy mà cứu chữa chúng ta thoát khỏi định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng”

là cây nhờ trích rút từ công nghiệp Chúa Giêsu Kitô, công nghiệp Đức Mẹ Maria và công nghiệp các thánh, để trang trải nợ nần thiếu sót của chúng ta.

5-Các nhân đức.

Các nhân đức như đức tin, đức trông cậy, đức kính mến Chúa, đức yêu người, đức đồng trinh, đức vâng lời, đức khiêm nhường, đức khó nghèo, đức trung thực..., là những việc được Thiên Chúa chúc lành, đổ ơn mà sinh nhiều công phúc, công phúc đó có thể ngăn ngừa, xa tránh và đền bù tội lỗi chúng ta:

Mt 5, 3-12: “Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ.

“Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp.

“Phúc thay ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an.

“Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thoả lòng.

“Phúc thay ai xót thương người, vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.

“Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.

“Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.

“Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính, vì Nước Trời là của họ.

“Phúc thay anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả, bách hại và vu khống đủ điều xấu xa. Anh em hãy vui mừng hơn hở, vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao.”

Giữ các nhân đức cũng là hình thức cầu nguyện, chẳng hạn người giữ lòng đồng trinh luôn luôn phải cậy trông kêu xin Chúa để tránh những hình ảnh, lời nói, việc làm, ý nghĩ có tính khiêu gợi lòng ham hố dục vọng. Người giữ đức khó nghèo phải luôn hiến dâng Chúa những khao khát thèm muốn xa hoa, sang trọng. Người giữ đức khiêm nhường phải luôn cậy trông Chúa soi sáng dạy dỗ để nhận biết mình yếu đuối, hèn hạ, tội lỗi.

Cho nên kẻ đi đường nhân đức vừa chừa cải thói hư tật xấu, xa tránh tội lỗi, vừa tạo được công phúc để đền bù những lỗi lầm thiếu sót mà tháo gỡ khỏi định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng”, và còn tích lũy được vốn liếng để giàu có trên Nước Trời.

II. ĐỊNH LUẬT “ĐƯỢC CHO KHÔNG THÌ CŨNG PHẢI CHO KHÔNG”

Hoặc “ĐƯỢC CHO NHIỀU THÌ SẼ BỊ ĐÒI NHIỀU”

Hoa đẹp thường không thơm, má hồng phận bạc, đôi lúc lên voi lúc xuống chó, con người ta hay được cái này mất cái nọ..., có người ngầm nghĩ cho là có luật bù trừ. Nhưng sao nhiều người vừa đẹp vừa sang, nhiều người suốt đời giàu có may mắn..., ngược lại nhiều người vừa nghèo vừa xấu, nhiều người suốt đời xui xẻo, vất vả lận đận..., nên thiên hạ đa số cho rằng “bù trừ” chỉ là câu nói chơi.

Người Đạo Chúa không mấy ai nói đến luật bù trừ, cũng như không sách vở nào của chúng ta đề cập tới việc đó, nhưng trong Phúc Âm Chúa Giêsu, nếu ta xét kỹ, chúng ta thấy LUẬT BÙ TRỪ vô cùng chuẩn xác, hoàn chỉnh và rất quan trọng. Đó là định luật “ĐƯỢC CHO KHÔNG THÌ CŨNG PHẢI CHO KHÔNG” hoặc “ĐƯỢC CHO NHIỀU THÌ SẼ BỊ ĐÒI NHIỀU”, Chúa Giêsu không chỉ giảng dạy mà còn thực thi rất chi li định luật này:

Nhiều người cho rằng cứ giữ đúng mười điều răn là quá tốt rồi. Nhưng hãy đọc Mc 10, 17-21: “Chúa Giêsu vừa lên đường, thì có một người chạy đến, quỳ xuống trước mặt Người và hỏi: “Thưa Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?” Chúa Giêsu đáp: “Sao anh nói tôi là nhân lành? Không có ai nhân lành cả, trừ một mình Thiên Chúa. Hẳn anh biết các điều răn: Chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, chớ làm hại ai, hãy thờ cha kính mẹ.” Anh ta nói: “Thưa Thầy, tất cả những điều đó, tôi đã tuân giữ từ thuở nhỏ.” Chúa Giêsu đưa mắt nhìn anh ta và đem lòng yêu mến. Người bảo anh ta: “Anh chỉ thiếu có một điều, là hãy đi bán những gì anh có mà cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi.”

Tuân giữ mười giới răn của Chúa là quá tốt rồi, sao lại cần phải phân phát hết tiền của rồi mới được đi theo Chúa? – Thưa vì còn có một định luật cao hơn, quan trọng hơn cả định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng”:

Mt 10, 5-10: “Chúa Giêsu sai mười hai ông ấy đi và chỉ thị rằng: “Tốt hơn là hãy đến với các con chiên lạc nhà Ítraen. Dọc đường hãy rao giảng rằng: Nước Trời đã đến gần. Anh em hãy chữa lành người đau yếu, làm cho kẻ chết sống lại, cho người phong hủi được sạch bệnh, và khử trừ ma quỷ. Anh em đã ĐƯỢC CHO KHÔNG, THÌ CŨNG PHẢI CHO KHÔNG như vậy. Đừng kiếm vàng bạc hay tiền giắt lưng. Đi đường, đừng mang bao bị, đừng mặc hai áo, đừng đi dép hay cầm gậy. Vì thợ thì đáng được nuôi ăn.”

Chúng ta đã hiểu lầm ý của câu: “Các con đã được cho không thì cũng phải cho không” là các tông đồ nhận giáo huấn và quyền năng của Chúa thế nào thì cũng cho đi như vậy. Nhưng thật ra ý của câu đó là của phần rất khó hiểu ở câu sau đó: Tại sao Chúa lại không cho các tông đồ mang vàng bạc tiền nong? Sao lại không cho mang giày dép, bị gậy, sao không cho mang hai áo choàng?

Thưa vì công việc Chúa trao cho các tông đồ khó khăn, cho nên Chúa mới căn dặn: “Các con đừng đi về hướng các dân ngoại, và đừng vào thành của người Samaria”. Và rõ hơn về việc khó khăn đó như Lc 10, 3-4: “Anh em hãy ra đi. Nay Thầy sai anh em đi như chiên con đi vào giữa bầy sói. Đừng mang theo túi tiền, bao bị, giày dép. Cũng đừng chào hỏi ai dọc đường...” . Khó khăn vì người Do Thái cậy họ là con cháu Ápraham, cậy họ có luật Môsê vô cùng công minh nghiêm ngặt không còn giáo lý nào trội vượt hơn được. Cho nên các tông đồ phải có công có phúc thì rao giảng người ta mới nghe, có công phúc mới chữa lành được bệnh, mới có thể làm cho người chết sống lại, mới chữa được bệnh cùi, mới trừ được quỷ.... Thế mà nếu các tông đồ mang vàng bạc, tiền nong rủng rinh, quần áo

giày dép bảnh bao, còn cười nói chào hỏi; la cà nhà này nhà khác..., có nghĩa là các ông hưởng NHẬN vui thú nhiều quá thì cũng phải có những nỗi khó khăn phiền phức mà CHO ĐI để bù vào những vui hưởng đó, nên không còn công phúc để hoàn thành công việc khó khăn Chúa trao phó. Vậy thì “ĐƯỢC CHO KHÔNG THÌ CŨNG PHẢI CHO KHÔNG” là một định luật, mà bắt buộc các tông đồ phải thực hiện đúng như lời Chúa dạy là không mang tiền của, giày dép, bị gậy..., thì rao giảng mới có kết quả tốt, chứ không phải Chúa nói thêm vào câu trên cho có văn vẻ.

Có lẽ nhiều người chưa tin “Được cho không thì cũng phải cho không” là một định luật thì hãy đọc Lc 12, 35-48: “Anh em hãy thắt lưng cho gọn, thắp đèn cho sẵn. Hãy làm như những người đợi chủ đi ăn cưới về, để khi chủ vừa về tới và gõ cửa, là mở ngay. Khi chủ về mà thấy những đây tớ ấy đang tỉnh thức, thì thật là phúc cho họ. Thầy bảo thật anh em: chủ sẽ thắt lưng, đưa họ vào bàn ăn, và đến bên từng người mà phục vụ. Nếu canh hai hoặc canh ba ông chủ mới về, mà còn thấy họ tỉnh thức như vậy, thì thật là phúc cho họ. Anh em hãy biết điều này: nếu chủ nhà biết giờ nào kẻ trộm đến, hẳn ông đã không để nó khoét vách nhà mình đâu. Anh em cũng vậy, hãy sẵn sàng, vì chính giờ phút anh em không ngờ, thì Con Người sẽ đến.”

Bấy giờ ông Phêrô hỏi: “Lạy Chúa, Chúa nói dụ ngôn này cho chúng con hay cho tất cả mọi người?” Chúa đáp: “Vậy thì ai là người quản gia trung tín, khôn ngoan, mà ông chủ sẽ đặt lên coi sóc kẻ ăn người ở, để cấp phát phần thóc gạo đúng giờ đúng lúc?” Khi chủ về mà thấy đây tớ ấy đang làm như vậy, thì thật là phúc cho anh ta. Thầy bảo thật anh em, ông sẽ đặt anh ta lên coi sóc tất cả tài sản của

mình. Nhưng nếu người đầy tớ ấy nghĩ bụng: “Chủ ta còn lâu mới về”, và bắt đầu đánh đập tôi trai tớ gái và chè chén say sưa, chủ của tên đầy tớ ấy sẽ đến vào ngày hăn không ngờ, vào giờ hăn không biết, và ông sẽ loại hăn ra, bắt phải chung số phận với những tên thất tín.

Đầy tớ nào đã biết ý chủ mà không chuẩn bị sẵn sàng, hoặc không làm theo ý chủ, thì sẽ bị đòn nhiều. Còn kẻ không biết ý chủ mà làm những chuyện đáng phạt, thì sẽ bị đòn ít. **HỄ AI ĐÃ ĐƯỢC CHO NHIỀU THÌ SẼ BỊ ĐÒI NHIỀU, và Ai Được Giao Phó Nhiều Thì Sẽ Bị Đòi Hỏi Nhiều Hơn.**”

Phần trên của đoạn Phúc Âm này thì ai cũng hiểu rằng Chúa Giêsu căn dặn chúng ta phải sống tốt lành, dọn sẵn linh hồn để bất cứ lúc nào Chúa gọi, sau đó là đoạn thánh Phêrô hỏi Chúa nói dụ ngôn đó cho riêng các ông hay cho hết mọi người, thì Chúa lại kể thêm dụ ngôn nữa ý nói bất cứ ai được giao phó nhiều hơn, thì cũng chịu trách nhiệm nặng nề hơn, và cuối cùng Chúa nói: “Hễ ai đã được cho nhiều thì cũng bị đòi nhiều” và “Ai được giao phó nhiều thì cũng bị đòi hỏi nhiều hơn”, chúng ta thấy hai câu này gom lại thì có cùng một nghĩa bao quát là: “Được cho không thì cũng phải cho không”.

Thường chúng ta hiểu chữ “Nhận” và chữ “Được cho” là việc may lành Chúa ban cho mỗi người, và hiểu xa hơn là chúng ta nhận và được cho từ tha nhân, mà “Cho đi” và “Bị đòi” là công phúc chúng ta dâng lên Chúa. Còn “Giao phó” chúng ta hiểu là Chúa trao cho một số chúng ta trách nhiệm dìu dắt lãnh đạo, và “Bị đòi hỏi” là những người đó phải sống xứng đáng và lập công phúc nhiều hơn.

Nhưng ý nghĩa của “Nhận”, “Được cho”, “Được giao” và “Cho đi”, “Bị đòi”, “Bị đòi hỏi”, xa rộng hơn nhiều nếu chúng ta đọc Mt 25, 14-30: “Quả thế, cũng như có người kia sắp đi xa, liền gọi đầy tớ đến mà giao phó của cải mình cho họ. Ông cho người này năm nén bạc, người kia hai nén, người khác nữa một nén, tùy khả năng riêng mỗi người. Rồi ông ra đi. Lập tức, người đã lãnh năm nén lấy số tiền ấy đi làm ăn buôn bán, và gây lời được năm nén khác. Cũng vậy, người đã lãnh hai nén gây lời được hai nén khác. Còn người đã lãnh một nén thì đi đào lỗ chôn giấu số bạc của chủ. Sau một thời gian lâu dài, ông chủ đến tính sổ với các đầy tớ và thanh toán sổ sách với họ. Người đã lãnh năm nén tiến lại gần, đưa năm nén khác, và nói: “Thưa ông chủ, ông đã giao cho tôi năm nén, tôi đã gây lời được năm nén khác đây.” Ông chủ nói với người ấy: “Khá lắm! hỡi đầy tớ tài giỏi và trung thành! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh!” Người đã lãnh hai nén cũng tiến lại gần và nói: “Thưa ông chủ, ông đã giao cho tôi hai nén, tôi đã gây lời được hai nén khác đây.” Ông chủ nói với người ấy: “Khá lắm! hỡi đầy tớ tài giỏi và trung thành! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh!” Rồi người đã lãnh một nén cũng tiến lại gần và nói: “Thưa ông chủ, tôi biết ông là người hà khắc, gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi. Vì thế, tôi đâm sợ, mới đem chôn giấu nén bạc của ông dưới đất. Của ông đây, ông cầm lấy!” Ông chủ đáp: “Hỡi đầy tớ tội tệ và biếng nhác! Anh đã biết tôi gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi, thì đáng lý anh phải gởi số bạc của tôi vào ngân hàng, để khi tôi đến, tôi thu được cả vốn lẫn lời chứ! Vậy các ngươi hãy lấy nén bạc khỏi tay nó mà đưa cho người đã có mười nén. Vì phạm ai đã có,

thì được cho thêm và sẽ có dư thừa; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy đi. Còn tên đây tở vô dụng kia, hãy quăng nó ra chỗ tối tăm bên ngoài: ở đó, sẽ phải khóc lóc nghiền răng.”

Chúng ta thấy người được giao năm nén làm lợi thêm năm nén, đã được ông chủ khen và giao chức vụ mới, người lãnh nhận hai nén chỉ làm lợi được hai nén, cũng được ông chủ khen và giao chức vụ mới giống y như người được năm nén. Vậy nếu người được giao một nén chỉ cần làm lợi một nén thôi, thì cũng được khen và giao chức vụ mới như người lãnh năm nén và người lãnh hai nén, nhưng người lãnh một nén đã bị quở phạt vì không làm lợi được xu nào.

Ai cũng hiểu: Ông chủ trở về gọi đây tở lại tính toán sổ sách, là giờ lâm chung chúng ta đến trước tòa Chúa, Người tính toán những công phúc của chúng ta tùy từng người được Chúa giao nhiều hay ít, nhưng không mấy ai suy rõ xem Chúa giao cho chúng ta cái gì? Không ít người tưởng Chúa giao tiền bạc của cải! Nhưng phải hiểu những “nén bạc” Chúa giao là tất cả mọi thứ trên đời: tuổi thọ, sức khỏe, thông minh, tài trí, lanh lợi, duyên dáng, quý phái, xinh đẹp, cao ráo, trắng trẻo, chồng sang, vợ đẹp, con khôn, cháu ngoan, quyền cao chức trọng, cao sang phú quý, nhà cao cửa rộng, ăn ngon mặc đẹp... .

Vậy “Nhận”, “Được cho” và “Được giao” là bao gồm tất cả những ơn lành Chúa ban cho chúng ta phần hồn phần xác, những sự hân hoan, may mắn, sung sướng hạnh phúc, thoải mái, mãn nguyện tinh thần lẫn vật chất của từng giây từng phút trong suốt cuộc đời. Ngược lại “Cho đi”, “Bị đòi” và “Bị đòi hỏi” thường chỉ được hiểu là việc

đạo nghĩa, kinh lễ... . Nhưng hãy đọc Lc 16, 19-25: “Có một ông nhà giàu kia, mặc toàn lụa là gấm vóc, ngày ngày yến tiệc linh đình. Lại có một người nghèo khó tên là Ladarô, mụn nhọt đầy mình, nằm trước cổng ông nhà giàu, thèm được những thứ trên bàn ăn của ông ấy rớt xuống mà ăn cho no. Lại thêm mấy con chó cứ đến liếm ghẻ chốc anh ta. Thế rồi người nghèo này chết, và được thiên thần đem vào lòng ông Ápraham. Ông nhà giàu cũng chết, và người ta đem chôn. Dưới âm phủ, đang khi chịu cực hình, ông ta ngược mắt lên, thấy tổ phụ Ápraham ở tận đằng xa, và thấy anh Ladarô trong lòng tổ phụ. Bấy giờ ông ta kêu lên: “Lạy tổ phụ Ápraham, xin thương xót con, và sai anh Ladarô nhúng đầu ngón tay vào nước, nhỏ trên lưỡi con cho mát; vì ở đây con bị lửa thiêu đốt khổ lắm! Ông Ápraham đáp: “Con ơi, hãy nhớ lại: suốt đời con, con đã nhận phần phước của con rồi; còn Ladarô suốt một đời chịu toàn những bất hạnh. Bây giờ, Ladarô được an ủi nơi đây, còn con thì phải chịu khôn khổ...”.

Chúng ta thấy Chúa Giê-su không nói Ladarô đạo đức thánh thiện, mà chỉ kể Ladarô suốt đời đau khổ nhục nhã, một cuộc đời không may mắn, “Nhận” chẳng bao nhiêu mà toàn những đói khổ bệnh tật chông chát. Với Chúa, đó chính là công phúc lớn lao, là “Cho đi” rất nhiều, Nên Ladarô được hưởng nguồn an ủi vô tận, được phần thưởng cao trọng trên trời. Còn ông phú hộ, Chúa không nói ông ta ác độc tội lỗi mà chỉ kể ông suốt đời ung dung nhàn hạ, nhậu nhẹt chè chén, nữa là ông ta “nhận” rất nhiều và chẳng “Cho đi” nên sau khi chết, ông ta mất phần thưởng: “Con đã nhận phần an ủi của con rồi”.

Vậy “Cho đi”, “Bị đòi” và “Bị đòi hỏi” là xấu xí, thấp kém, xui xẻo, thiệt thòi, mất mát, đau khổ, nhục nhã, bệnh

tật, đói khổ, làm than vát và..., và tất cả những việc tốt lành, đạo hạnh, những hy sinh công đức, mến Chúa, yêu người... .

Người đời cũng có chút khái niệm về luật bù trừ, nhưng chỉ tính chuyện xảy ra ở đời này, nên không mấy ai tin, vì có người suốt đời may mắn, giàu có, sung sướng hạnh phúc. Lại có người suốt đời xui xẻo, nghèo khổ, khôn nạn. Nhưng với Chúa Kitô thì đây là ĐỊNH LUẬT PHÚC TỘI BÙ TRỪ, liên quan nối kết chặt chẽ với đời sau. Đời này hễ ai giàu có, sang trọng, may mắn, tài giỏi, sung sướng nhàn hạ..., đều được thiên hạ trầm trồ là có phúc, nhưng với Chúa Kitô đó chính là vô phúc, vì “Đã nhận phần an ủi rồi” vì “Sẽ phải khóc”, “Sẽ phải đói”. Và đời hễ ai nghèo hèn, xấu xí, kém cỏi, tai nạn nọ..., đều bị quy là vô phúc, nhưng với Chúa Kitô, đó mới chính là có phúc: “Các con hãy vui mừng hơn hờ vì phần thưởng dành cho các con ở trên trời thật lớn lao”.

Vì Giáo Lý Chúa Kitô là CON ĐƯỜNG mở ra cho đời sau vĩnh cửu bất tận, sự gì gom góp tích lũy cho đời sau mới là có phúc. Những vinh quang sung sướng thuộc về đời này và những vinh quang sung sướng tích lũy cho đời sau là hai vế âm dương đối nghịch: mất vế bên này được vế bên kia, thêm vế bên này bớt vế bên kia, đau khổ bên này sung sướng bên kia, giàu có bên này nghèo khổ bên kia, vế này được một vế kia mất một, vế này bớt mười vế kia thêm mười, như Chúa Giêsu đã nói với người giàu có kia: “Hãy về bán hết những gì ngươi có mà phân phát cho người nghèo, và ngươi sẽ có một kho tàng trên trời...”.

Vì định luật “ĐƯỢC CHO KHÔNG THÌ CŨNG PHẢI CHO KHÔNG” này nên “Bài giảng trên núi” của Chúa

Giêsu theo thánh Mátthêu thì người nghèo khó, hiền lành, đau khổ ..., đều được đền bù:

Mt 5, 1-12: “Thấy đám đông, Chúa Giêsu lên núi. Người ngồi xuống, các môn đệ đến gần bên. Người mở miệng dạy họ rằng:

“Phúc cho những ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ.

“Phúc cho những ai hiền lành, vì họ sẽ được Nước Trời làm gia nghiệp.

“Phúc cho những ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an.

“Phúc cho những ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thoả lòng.

“Phúc cho những ai hay xót thương người, vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.

“Phúc cho những ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.

“Phúc cho những ai ăn ở thuận hòa, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.

“Phúc cho những ai bị bách hại vì lẽ công chính, vì Nước Trời là của họ.

“Phúc cho anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả, bách hại và vu khống đủ điều xấu xa. Anh em hãy vui mừng hơn hờ, vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao. Quả vậy, các ngôn sứ là những người đi trước anh em cũng bị người ta bách hại như thế.”

Và Tin Mừng Chúa Giêsu theo thánh Luca cũng diễn đạt rõ ràng rằng định luật “ĐƯỢC CHO KHÔNG THÌ CŨNG PHẢI CHO KHÔNG”: Lc 6, 20-28:

“Phúc cho anh em là những kẻ nghèo khó, vì Nước Thiên Chúa là của anh em.

“Phúc cho anh em là những kẻ bây giờ đang phải đói, vì Thiên Chúa sẽ cho anh em được no lòng.

“Phúc cho anh em là những kẻ bây giờ đang phải khóc, vì anh em sẽ được vui cười.

“Phúc cho anh em khi vì Con Người mà bị người ta oán ghét, khai trừ, sỉ vả và bị xóa tên như đồ xấu xa. Ngày đó, anh em hãy vui mừng nhảy múa, vì này đây phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao. Bởi lẽ các ngôn sứ cũng đã từng bị cha ông họ đối xử như thế.

“Nhưng khôn cho các người là những kẻ giàu có, vì các người đã được phần an ủi của mình rồi.

“Khôn cho các người, hỡi những kẻ bây giờ đang được no nê, vì các người sẽ phải đói.

“Khôn cho các người, hỡi những kẻ bây giờ đang được vui cười, vì các người sẽ phải sầu khổ khóc than.

“Khôn cho các người khi được mọi người ca tụng, vì các ngôn sứ giả cũng đã từng được cha ông họ đối xử như thế.”

Nếu biết “Được cho không thì cũng phải cho không” là một định luật không thể mảy may xê dịch, áp dụng cho mọi người trong mọi sự mọi việc, từng giây từng phút suốt cuộc đời, thì chúng ta rất dễ tiến bước trên đường thiện hảo, rất nhiều cơ hội lập công để trở nên “Giàu có” trên Nước Trời. Những kẻ tước đoạt, bách hại, làm khổ chúng

ta, coi như những kẻ làm công làm ơn, cho nên Chúa Giêsu mới dạy tiếp: Lc 6, 27-38: “Thầy nói với anh em là những người đang nghe Thầy đây: hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy chúc lành cho kẻ nguyện rửa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em. Ai vả anh má bên này, thì hãy giơ cả má bên kia nữa. Ai đoạt áo ngoài của anh, thì cũng đừng cản nó lấy áo trong. Ai xin, thì hãy cho, ai lấy cái gì của anh, thì đừng đòi lại. Anh em muốn người ta làm gì cho mình, thì cũng hãy làm cho người ta như vậy. Nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì có gì là ân với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng yêu thương kẻ yêu thương họ. Và nếu anh em làm ơn cho kẻ làm ơn cho mình, thì còn gì là ân với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng làm như thế. Nếu anh em cho vay mà hy vọng đòi lại được, thì còn gì là ân với nghĩa? Cả người tội lỗi cũng cho kẻ tội lỗi vay mượn để được trả lại sòng phẳng. Trái lại, anh em hãy yêu kẻ thù, hãy làm ơn và cho vay mà chẳng hề hy vọng được đền trả. Như vậy, phần thưởng dành cho anh em sẽ lớn lao, và anh em sẽ là con Đấng Tối Cao, vì Người vẫn nhân hậu với cả phường vô ân và quân độc ác. Anh em hãy có lòng nhân từ, như Cha anh em là Đấng nhân từ. Anh em đừng xét đoán, thì anh em sẽ không bị Thiên Chúa xét đoán. Anh em đừng lên án, thì sẽ không bị Thiên Chúa lên án. Anh em hãy tha thứ, thì sẽ được Thiên Chúa thứ tha. Anh em hãy cho, thì sẽ được Thiên Chúa cho lại. Người sẽ đong cho anh em đấu đủ lượng đã dần, đã lác và đầy tràn, mà đổ vào vạt áo anh em. Vì anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy.”

Đời, nhiều người trách trời quá bất công, vì có nhiều người sinh ra là xinh đẹp mặn mà, thông minh lanh lợi,

giàu có sang trọng quá. Lại có người xấu xí thấp hèn, nghèo khó xui xẻo suốt một đời. Nhưng nếu nghĩ được rằng: cuộc đời chỉ là thoáng giây so với đời sau vô cùng vô tận, mà với định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” nối kết đời này với đời sau, thì quả thật Thiên Chúa công bằng vô cùng, vì nhìn đời mà so sánh tỷ lệ chênh lệch, ta thấy có người “Nhận” hàng ngàn hàng vạn “nén”, lại có người nhận một nửa, một phần tư, một phần mười “nén”..., mà khi bước vào cõi đời đời, những kẻ nhận hàng vạn “nén” kia lấy gì mà trả cho đủ số “Nhận” to lớn ấy? Còn những người chỉ “nhận” một phần tư, một phần mười “nén” là những người xấu xí, nghèo hèn, thấp kém, khôn cực, xui xẻo, chỉ phải “Cho đi” cái số “nhận” ít ỏi đó rồi còn lại phần công phúc suốt đời tạo được bởi những thua thiệt thấp kém, trở thành công nghiệp to lớn biết chừng nào trên Nước Trời. Vậy những ai thấp hèn kém cõi, xấu xí thua thiệt hãy mừng rỡ hân hoan, và ngay bây giờ hãy cảm tạ Chúa. Còn những ai tài trí khôn ngoan, duyên dáng xinh đẹp, quyền quý cao trọng..., thì chớ có khinh dễ những người xấu xí nghèo hèn, và hãy sống như không có gì, đừng khoe mẽ phô trương kéo phải trả đất hơn, và phải ra sức làm lành lánh dữ, lập thật nhiều công phúc để bù đắp những thứ hơn người đó. Hãy nhớ: sự cầu nguyện bằng Thánh Lễ, Kinh Mân Côi, đi đàng Thánh Giá, ăn chay hãm mình, làm phúc chia sẻ..., trước tiên là xin ơn cho chúng ta được xa lánh từ bỏ những tham lam xác thịt, và quan trọng hơn là nhờ công nghiệp Chúa Giêsu Kitô, công nghiệp Đức Mẹ Maria, công nghiệp các thánh, để bù đắp những sung túc dư giả từng ngày từng giờ, suốt cuộc đời chúng ta, vì công nghiệp của Chúa Giêsu, công nghiệp Đức Mẹ và các thánh được tạo dựng bởi đau đớn, nhục nhã, nghèo hèn, khó nhọc vất vả, đau yếu tật

nguyên..., theo đúng định luật của Thiên Chúa áp dụng cho nhân loại trên trần thế.

Tra cứu thật kỹ, chúng ta sẽ thấy nhiều câu nhiều đoạn trong Phúc Âm Chúa Kitô có liên quan đến định luật “ĐƯỢC CHO KHÔNG THÌ CŨNG PHẢI CHO KHÔNG”.

1-Mc 10, 22-27: “Nghe lời đó, anh ta sa sầm nét mặt và buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải. Chúa Giêsu rảo mắt nhìn chung quanh, rồi nói với các môn đệ: “Những người có của thì khó vào Nước Thiên Chúa biết bao!” Nghe Người nói thế, các môn đệ sững sờ. Nhưng Người lại tiếp: “Các con ơi, vào được Nước Thiên Chúa thật khó biết bao!” Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa.” Các ông lại càng sững sờ hơn nữa và nói với nhau: “Thế thì ai có thể được cứu?” Chúa Giêsu nhìn thẳng vào các ông và nói: “Đối với loài người thì không thể được, nhưng đối với Thiên Chúa thì không phải thế, vì đối với Thiên Chúa mọi sự đều có thể được.”

Nếu không biết định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, chúng ta cứ ngỡ Chúa Giêsu nói cách khoa trương để răn đời chứ làm gì có chuyện “Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu có vào Nước Thiên Chúa” vì Chúa chỉ nói người giàu có, chứ Chúa không hề nói người giàu có tội lỗi, bởi rất nhiều người có tiền của là do của ông bà cha mẹ để lại, hoặc có tài năng, do làm ăn lương thiện, hay có cơ duyên may mắn nào đó... . Nhưng chỉ vì người giàu có “Nhận” quá nhiều tức là

hưởng sung sướng quá nhiều thì sẽ không còn cơ hội, không còn thời gian để mà “Cho đi” bằng những đau khổ, thiệt thòi, mất mát, chẳng hạn ai đó một cuộc vui có thể đòi cả gia tài của một người bình thường, một ngày hưởng thụ của ông ta có thể bằng may mắn của cả một đời người, và ngày nào ông ta cũng nhận rất nhiều những bổng lộc, ngợi khen, cảm tạ..., cho đến ngày phải tính toán mới theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”. Vậy thì Chúa Giêsu nói rất thật, không hề khoa trương chút nào.

Điều đáng chú ý là sau khi Chúa Giêsu nói xong câu: “Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu có vào Nước Thiên Chúa” thì các tông đồ hoảng sợ hỏi nhau: “Như vậy thì ai có thể được cứu độ?” Và Chúa đã nói câu rất khó hiểu: “Đối với loài người điều đó không thể được, nhưng đối với Thiên Chúa thì không phải như vậy, vì Thiên Chúa làm được mọi sự”.

Đừng tưởng rằng nói như thế là Chúa không chấp tội, Người đầy lòng xót thương và ra tay cứu vớt. Nhưng giàu có không phải là tội lỗi và với lòng xót thương của Thiên Chúa thì ai cũng được cứu rỗi mà Ngài cũng không phải để Con Một Ngài xuống thế chịu chết đau khổ nhục nhã như vậy. Nhưng Thiên Chúa thống trị trên trời, dưới đất cùng hỏa ngục, cho nên Ngài phải tạo dựng và duy trì thật nghiêm chỉnh các định luật, tất cả mọi việc từ rất nhỏ đến lớn đều theo đúng rập rập trong định luật của Ngài. Vì thế Thiên Chúa “Có thể” làm là: những người kính mến và tuân giữ luật Chúa thì thường được Ngài gìn giữ để khỏi phải trở nên giàu có, còn những người có chút tiền

của mà vẫn có lòng kính sợ và tuân giữ luật Chúa, siêng năng cầu nguyện, làm việc phúc đức..., thì thường được Chúa cho những đau đớn cách này cách khác mà đền bù những sung túc dư giả đó, đây là cách can thiệp của Chúa hoàn toàn phù hợp với định luật của Ngài, cho nên rất dễ hiểu câu Chúa phán: “Ngày nào có nỗi khốn khổ của ngày đó”: đây chính là đặc ân Chúa ban cho những người được Chúa thương mà ngày nào Chúa cũng ban những món quà khó khăn đau khổ để họ CHO ĐI mà đền bù những thứ đã NHẬN, thay vì để dồn lại một lúc mà không chịu nổi, hoặc phải đợi đến trước “Cửa công” thì không lấy gì mà chi trả. Nên ở đời, nhiều người khá giả một chút lại có những nỗi khốn khổ dày vò không sao thoát khỏi, mà có người ước ao được sự bình an êm ấm của người nghèo.

2-Tiếp theo đoạn Phúc Âm trên: Mc 10, 28-30: “Ông Phêrô lên tiếng thưa Người: “Thầy coi, phần chúng con, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy!” Chúa Giêsu đáp: “Thầy bảo thật anh em: Chẳng hề có ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, mẹ cha, con cái hay ruộng đất, vì Thầy và vì Tin Mừng, mà ngay bây giờ, ở đời này, lại không nhận được nhà cửa, anh em, chị em, mẹ, con hay ruộng đất, gấp trăm, cùng với sự ngược đãi, và sự sống vĩnh cửu ở đời sau.”

Thoạt nhìn chúng ta thấy đoạn Phúc Âm này nghịch lý, vì dù được mọi thứ gấp trăm mà bị ngược đãi thì thà đừng có thì hơn. Nhưng chúng ta phải hiểu với định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” nên Chúa không muốn chúng ta sung sướng hạnh phúc ở đời này mà thiệt thòi cho cơ nghiệp của chúng ta ở trên trời. Nên tất cả

những ai càng rấp tâm theo Chúa thì càng nghèo khổ, càng “Mất” anh em, cha mẹ, con cái, ruộng đất, vì Chúa đã từng nghèo từng khổ suốt một đời rồi kết cục với cái chết vô cùng thảm thương, nhục nhã, cô lẻ. Các thánh cũng là những người “Đến từ những đau khổ lớn lao”. Nhiều người hô hào theo Chúa để được vinh hoa phú quý ở đời này, thì hãy cẩn thận xem xét cho kỹ. Quyền chức, bổng lộc, ung dung nhàn hạ, không phải dấu hiệu của lòng thương xót Chúa.

Nhưng ý Chúa ở đây, như chúng ta hiểu thế nào là “Tham thì thâm” nghĩa là tất cả những ao ước khát khao ở đời: tình dục, tiền của tài sản, công danh chức tước..., càng khao khát tìm kiếm thì càng thiếu càng hụt, càng có lại càng muốn nhiều hơn. Ngược lại, càng từ bỏ tiền bạc của cải, chúng ta càng thấy dư giả thừa thãi, càng xa tránh công danh quyền chức, chúng ta càng ung dung nhàn hạ, càng không màng đến tình ái xác thịt, chúng ta càng thoải mái dễ chịu... . Từ bỏ tất cả mọi sự chúng ta được gấp trăm ở đời này là theo ý đó. Còn “Sự bắt bớ”, “Sự ngược đãi” là đau khổ nhục nhã, khốn khó vất vả, mới là con đường Chúa muốn chúng ta đi, để tạo công phúc cơ nghiệp theo đúng các định luật của Chúa mà được hưởng hạnh phúc vĩnh hằng trong Nước Chúa.

3-Lc 14, 7-11: “Người nhận thấy khách dự tiệc cứ chọn cỗ nhất mà ngồi, nên nói với họ dụ ngôn này: “Khi anh được mời đi ăn cưới, thì đừng ngồi vào cỗ nhất, kẻo lỡ có nhân vật nào quan trọng hơn anh cũng được mời, và rồi người đã mời cả anh lẫn nhân vật kia phải đến nói với anh rằng: “Xin ông nhường chỗ cho vị này. Bây giờ anh sẽ

phải xấu hổ mà xuống ngòai chỗ cuối. Trái lại, khi anh được mời, thì hãy vào ngòai chỗ cuối, để cho người đã mời anh phải đến nói: “Xin mời ông bạn lên trên cho. Thế là anh sẽ được vinh dự trước mặt mọi người đồng bàn. **VÌ PHÀM AI TÔN MÌNH LÊN SẼ BỊ HẠ XUỐNG; CÒN AI HẠ MÌNH XUỐNG SẼ ĐƯỢC TÔN LÊN.**”

Có thể chúng ta hiểu cách đơn giản về dụ ngôn này là Chúa chỉ trích những kẻ hay thể hiện mình để được thiên hạ coi trọng và dạy chúng ta sống khiêm nhường tự hạ. Nhưng dụ ngôn sau đây cũng có câu kết giống hệt như vậy: Lc 18, 9-14: “Chúa Giêsu còn kể dụ ngôn sau đây với một số người tự hào cho mình là công chính mà khinh chê người khác: “Có hai người lên đền thờ cầu nguyện. Một người thuộc nhóm Phariseu, còn người kia làm nghề thu thuế. Người Phariseu đứng thẳng, nguyện thầm rằng: “Lạy Thiên Chúa, xin tạ ơn Chúa, vì con không như bao kẻ khác: tham lam, bất chính, ngoại tình, hoặc như tên thu thuế kia. Con ăn chay mỗi tuần hai lần, con dâng cho Chúa một phần mười thu nhập của con. Còn người thu thuế thì đứng đàng xa, thậm chí chẳng dám ngước mắt lên trời, nhưng vừa đấm ngực vừa thưa rằng: “Lạy Thiên Chúa, xin thương xót con là kẻ tội lỗi. Tôi nói cho các ông biết: người này, khi trở xuống mà về nhà, thì đã được nên công chính rồi; còn người kia thì không. **VÌ PHÀM AI TÔN MÌNH LÊN SẼ BỊ HẠ XUỐNG; CÒN AI HẠ MÌNH XUỐNG SẼ ĐƯỢC TÔN LÊN.**”

Lại cũng có một đoạn khác với câu kết này: Mt 23, 1-12: “Bấy giờ, Chúa Giêsu nói với dân chúng và các môn đệ Người rằng: “Các kinh sư và các người Phariseu ngòai

trên tòa ông Môsê mà giảng dạy. Vậy, tất cả những gì họ nói, anh em hãy làm, hãy giữ, còn những việc họ làm, thì đừng có làm theo, vì họ nói mà không làm. Họ bó những gánh nặng mà chất lên vai người ta, nhưng chính họ thì lại không buồn động ngón tay vào. Họ làm mọi việc cốt để cho thiên hạ thấy. Quả vậy, họ đeo những hộp kinh thật lớn, mang những tua áo thật dài. Họ ưa ngồi cỗ nhất trong đám tiệc, chiếm hàng ghế đầu trong hội đường, ưa được người ta chào hỏi ở những nơi công cộng và được thiên hạ gọi là “rápbi”.

“Phần anh em, thì đừng để ai gọi mình là “rápbi”, vì anh em chỉ có một Thầy; còn tất cả anh em đều là anh em với nhau. Anh em cũng đừng gọi ai dưới đất này là cha của anh em, vì anh em chỉ có một Cha là Cha trên trời. Anh em cũng đừng để ai gọi mình là người lãnh đạo, vì anh em chỉ có một vị lãnh đạo, là Chúa Kitô. Trong anh em, người làm lớn hơn cả, phải làm người phục vụ anh em. AI TÔN MÌNH LÊN, SẼ BỊ HẠ XUỐNG; CÒN AI HẠ MÌNH XUỐNG, SẼ ĐƯỢC TÔN LÊN.”

Đọc cả ba đoạn Phúc Âm trên, chúng ta mới hiểu rõ ý chính và sâu xa của “Tôn mình lên” là tìm an nhàn hạnh phúc, sung sướng khoái lạc, giàu sang phú quý, quyền cao chức trọng ở đời này, tức là NHẬN quá nhiều mà không còn thì giờ, không còn cơ hội để CHO thì sẽ bị “Hạ xuống” là thiệt thòi mất mát công phúc cơ nghiệp cho sự sống đời sau.

Ngược lại “Hạ mình xuống” là mến Chúa, yêu người, là hy sinh chia sẻ, khiêm hạ, nghèo hèn, vất vả..., là CHO

ĐI, là những thứ tạo nên công phúc thì sẽ được “Nâng lên” là phần thưởng bội hậu trong Nước Chúa.

4-Ga 12, 24-25: “Thật, Thầy bảo thật anh em, nếu hạt lúa gieo vào lòng đất mà không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình; còn nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác. AI YÊU QUÝ MẠNG SỐNG MÌNH, THÌ SẼ MẤT; CÒN AI COI THƯỜNG MẠNG SỐNG MÌNH Ở ĐỜI NÀY, THÌ SẼ GIỮ LẠI ĐƯỢC CHO SỰ SỐNG ĐỜI ĐỒI.”

Về Mc 8, 34-37: “Rồi Chúa Giêsu gọi đám đông cùng với các môn đệ lại. Người nói với họ rằng: “Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo. Quả vậy, AI MUỐN CỨU MẠNG SỐNG MÌNH, THÌ SẼ MẤT; CÒN AI LIỀU MẮT MẠNG SỐNG MÌNH VÌ TÔI VÀ VÌ TIN MỪNG, THÌ SẼ CỨU ĐƯỢC MẠNG SỐNG ẤY. Vì được cả thế giới mà phải thiệt mất mạng sống, thì người ta nào có lợi gì? Quả thật, người ta lấy gì mà đổi lại mạng sống mình?”

Nhờ biết định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, chúng ta mới hiểu rõ ý chính của “Yêu mạng sống” là thích giàu sang phú quý, quyền cao chức trọng, ăn trên ngồi trốc, tận hưởng sự đời... . Ngược lại “Coi thường mạng sống” là lòng khiêm nhường nghèo khó, không ham quyền thế, không thích xa hoa... . Cho nên hãy xét lại lối sống của mình, vì ăn uống, mua sắm, chung diện, vui chơi, không lỗi luật Chúa, nên khi có điều kiện là chúng ta bày biện, khoe khoang, tận hưởng tối đa. Nhưng tất cả những

thứ đó đều thiệt thòi cho nguồn công phúc của cuộc sống trên Nước Trời.

5-Mt 7, 13-14: “Hãy qua cửa hẹp mà vào, vì cửa rộng và đường thênh thang thì đưa đến diệt vong, mà nhiều người lại đi qua đó. Còn cửa hẹp và đường chật thì đưa đến sự sống, nhưng ít người tìm được lối ấy.”

“Đường rộng rãi và thênh thang” không chỉ là đường xác thịt tội lỗi, nhưng đường “Lắm kẻ đi qua” là đường quyền năng chức tước, nhà cao cửa rộng, chồng sang vợ đẹp, ung dung nhàn hạ..., con đường này dù không có gì là xấu xa tội lỗi chẳng nữa, nhưng theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” thì sẽ “Đưa đến diệt vong”. Ngược lại với những thứ đó là “Cửa hẹp đường chật” không chỉ là đường khuôn khổ đạo đức, giữ đúng luật Chúa mà còn là đơn giản nghèo khó, lam lũ vất vả... . Vì “Ít người tìm được lối ấy” là người ta khó tránh khỏi lún lách trên con đường công danh, tiền của, xác thịt.

6-Ga 6, 27: “Các ông hãy ra công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực trường tồn đem lại phúc trường sinh, là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các ông, bởi vì chính Con Người là Đấng Thiên Chúa Cha đã ghi dấu xác nhận.”

Câu này chúng ta thường hiểu rộng ra rằng: Chúa khuyên hãy ra sức sống đạo để được phúc trường sinh. Nhưng theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” thì sự lam lũ vất vả thể xác, dù chỉ làm để mà ăn

thôi, cũng là công đức có thể tích lũy cho vốn liếng thuộc Nước Trời. Cho nên: “Là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các ngươi, bởi chính Con Người là Đấng Chúa Cha đã ghi dấu” có nghĩa rằng công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô vô cùng cao cả, nhờ công phúc bởi sự lao nhọc của chúng ta mà Chúa Giêsu chia phần công nghiệp của Người để công phúc của chúng ta được nhân lên gấp bội.

7-Mt 11, 28-30: “Tất cả những ai đang vất vả mang gánh nặng nề, hãy đến cùng tôi, tôi sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng. Anh em hãy mang lấy ách của tôi, và hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường. Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng. Vì ách tôi êm ái, và gánh tôi nhẹ nhàng.”

“Hãy đến với Tôi hỏi những kẻ khó nhọc và gánh nặng” cùng ý với “Các ngươi hãy ra công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực trường tồn đem lại phúc trường sinh” nghĩa là sự lao nhọc vất vả của chúng ta tạo nên công phúc có thể thành vốn liếng trên Nước Trời.

“Tôi sẽ nâng đỡ bổ sức cho” có cùng nghĩa với “Là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các ngươi” là nhờ công đức bởi lao nhọc vất vả của chúng ta mà Chúa Giêsu có thể cho thêm gấp bội phần công nghiệp của Người.

“Hãy mang lấy ách của Tôi và hãy học cùng Tôi vì Tôi hiền lành và khiêm nhường trong lòng”: Hãy xem lại cách chúng ta ăn uống, vui chơi, nói năng, cách chúng ta làm

đẹp, làm sang làm giàu, cách chúng ta bon chen leo trèo... . Chúng ta thấy Chúa Giêsu, Người có thể hóa nước thành rượu, hóa bánh cho hàng ngàn người ăn, thì Người dễ dàng tạo cuộc sống đế vương và thừa sức mua chuộc cả thế gian bằng tiền của tài năng. Nhưng vì định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” nên Chúa Giêsu không chỉ dạy chúng ta: “Vào cổng hẹp”, “Vác thập giá mỗi ngày”, “Từ bỏ mọi sự”..., mà Người còn sống thật nghèo hèn khiêm hạ: “Con chồn có hang, con chim có tổ, Con Người không có chỗ gối đầu”. Các tông đồ của Chúa đi rao giảng Nước Trời, Người không cho mang tiền nong, giày gép, bị gậy..., thật là nghèo khổ hơn cả người ăn xin.

“Vì các người sẽ tìm thấy sự nghỉ ngơi cho tâm hồn. Vì chung ách của Tôi thì êm ái, gách của Tôi thì nhẹ nhàng”: Càng tham lam vợ vét, tích trữ tiền của càng muốn có thêm, càng khao khát công danh địa vị; càng muốn danh tiếng vẻ vang hơn, càng đam mê sắc dục càng ước ao thêm muốn. Ngược lại, càng xem nhẹ tiền của càng thấy đủ thấy dư, càng xa tránh công danh càng nhàn hạ thanh thoi, càng kìm hãm xác thịt càng thoải mái dễ chịu: đó là chúng ta đã tìm thấy sự nghỉ ngơi trong tâm hồn, mà lại được đầy công phúc. Cho nên Giáo Huấn của Chúa Giêsu dù gọi là “Ách” là “Gánh” cũng êm ái nhẹ nhàng với định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”.

8-Mt, 18, 7: “Khôn cho thế gian, vì làm có cho người ta sa ngã. Tất nhiên phải có gương xấu, nhưng khôn cho kẻ nào gây ra gương xấu.”

Câu này chúng ta hiểu là Chúa quả trách những kẻ gây nên gương xấu, nhưng tại sao lại có câu “Tất nhiên phải có gương xấu”? –Bởi vì với định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, là nếu chúng ta được gìn giữ khỏi gương xấu thì chúng ta lại phải tạo công phúc nhiều hơn để bù vào sự ĐƯỢC CHO KHÔNG đó, cho nên thế gian càng nhiều gương xấu mà chúng ta vẫn đứng vững, trung thành với Chúa; vẫn thực thi Lời Chúa, thì công phúc của chúng ta càng to lớn gấp bội và càng dễ nên thánh hơn.

9-Mc 6, 7-9: “Người gọi Nhóm Mười Hai lại và bắt đầu sai đi từng hai người một. Người ban cho các ông quyền trừ quỷ. Người chỉ thị cho các ông không được mang gì đi đường, chỉ trừ cây gậy; không được mang lương thực, bao bị, tiền đồng để giặt lưng; được đi dép, nhưng không được mặc hai áo.”

Theo thánh Mátthêu và thánh Luca thì đoạn Chúa sai các môn đệ đi rao giảng này, Người căn dặn không được mang theo các thứ, kể cả giày dép gậy gộc, song ở đây thánh Macô lại nói rõ là có thể mang gậy và mang dép, như vậy là tiền hậu bất nhất, trông đánh xuôi kèn thổi ngược, Kinh Thánh còn gì là linh thiêng? Hoặc chúng ta nghĩ thánh Macô chỉ là môn đệ thánh Phêrô, nên khi thánh Phêrô kể, thì thánh Macô ghi lầm chằng?

Không phải như vậy, mà chúng ta phải xác tín rằng: Phúc Âm Chúa Kitô thì từng chấm từng phết đều là ý định của Người, cũng là ý định của Đức Chúa Cha, mà Đức Chúa Thánh Thần phải thực hiện cho bằng được, hãy xem

phần giải thích này trong mục “Kinh Thánh có khoa học không”.

Cho nên đoạn Kinh Thánh trên tiết lộ cho chúng ta rằng: chúng ta cũng có quyền cân nhắc định liệu: trong trường hợp trên đường đến nơi giảng đạo, lầy lội trơn ướt hoặc sỏi đá lởm chởm thì cũng cần phải có dép, có gậy để chống đỡ cho khỏi trượt ngã, và cho đến ngày nay, các tông đồ không thể chân đất đi rao giảng, mà có những nơi cần phải có xe đạp, xe gắn máy, xe hơi..., miễn là phải thật nghèo hèn, thật thiếu thốn cực khổ hơn mọi người khác thì mới sinh được công phúc mà có thể chữa được bệnh, trừ được quỷ và rao giảng đến đâu người ta tin tới đó. Nhưng hãy nhìn các tông đồ Chúa ngày nay: Việt Nam chúng ta thì các cha các thầy thường là thanh cảnh, lịch sự, sang trọng nhất làng, nhất giáo xứ. Bên này (Mỹ) có cha làm việc, nói năng, giải trí..., còn thoải mái hơn cả giáo dân. Cho nên rất dễ hiểu: tại sao các tông đồ Chúa ngày xưa làm được phép lạ, trừ được quỷ, cho kẻ què đi được, cho người chết sống lại được, mà ngày nay các tông đồ Chúa lại không làm được. Nhưng xưa với nay thì định luật: “Được cho không thì cũng phải cho không” luôn luôn như vậy, không hề mảy may thay đổi, chỉ khác là các tông đồ Chúa ngày đó tuyệt đối giữ đúng Lời Chúa dặn là không mang các thứ linh kinh, trừ trường hợp cần kíp lắm mới mang gậy; mang dép, cho nên các ngài tạo được công phúc mà rao giảng kết quả như vậy. Thế thì các cha các thầy cần phải sống thật nghèo khó, hy sinh thời giờ sức lực, ăn chay cầu nguyện hơn nữa: Thánh Lễ, kinh Mân Côi, nguyện ngắm..., cách nào đó để tạo thật nhiều công phúc, và nhờ công phúc đó Chúa mới có thể ban cho con

chiên ngoan ngoan đạo đức, giới trẻ trở lại nhà thờ, nhiều người sẽ nhận biết Chúa.

10-Mc 10, 42-44: “Chúa Giêsu gọi các ông lại và nói: “Anh em biết: những người được coi là thủ lĩnh các dân thì dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. Nhưng giữa anh em thì không được như vậy: ai muốn làm lớn giữa anh em thì phải làm người phục vụ anh em; ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ mọi người.”

Thích sai bảo, thích quyền hành đến nỗi người ta tranh giành chém giết. Sợ làm nô lệ, sợ phải hầu hạ tôi tớ cho kẻ khác là thói thường ở đời. Nhưng định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” thì vinh quang ở đời này và vinh quang đời sau thành hai vế đối nghịch. Quyền hành vinh dự đúng ra là phải có thấp hèn nhục nhã để bù lại, nếu không thì quyền hành đó sẽ làm thiệt thòi mất mát cho phần công phúc thuộc Nước Trời. Ngược lại, những việc mọn hèn thấp kém, phục vụ hầu hạ lại là công trạng lớn lao trước mặt Chúa, mà Người luận thưởng chúng ta như cách hoán cải giữa hai vế âm dương: Mt 19, 30: “Nhiều kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót, và nhiều kẻ đứng chót sẽ lên hàng đầu”.

11-Mc 12, 38-40: “Trong lúc giảng dạy, Chúa Giêsu nói rằng: “Anh em phải coi chừng những ông kinh sư ưa đạo quanh, xứng xứng trong bộ áo thụng, thích được người ta chào hỏi ở những nơi công cộng. Họ ưa chiếm ghế danh dự trong hội đường, thích ngồi cỗ nhất trong đám tiệc. Họ nuốt hết tài sản của các bà góa, lại còn làm bộ đọc kinh

cầu nguyện lâu giờ. Những người ấy sẽ bị kết án nghiêm khắc hơn.”

Những điều các ông kinh sư ưa thích chính chúng ta cũng thường mắc phải. Nhưng ăn ngon mặc đẹp, được vinh về cao trọng là NHẬN rất to theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, mà bởi vì ưa thích nên luôn luôn làm như vậy mọi nơi mọi lúc nên không còn nơi chốn thời giờ để CHO ĐI như ông phú hộ trong dụ ngôn Ladarô, vì thế Chúa mới nói: “Những người ấy sẽ bị kết án nặng hơn.”

12-Mt 10, 34-36: “Anh em đừng tưởng Thầy đến đem bình an cho trái đất; Thầy đến không phải để đem bình an, nhưng để đem gươm giáo. Quả vậy, Thầy đến để gây chia rẽ giữa con trai với cha, giữa con gái với mẹ, giữa con dâu với mẹ chồng. Kẻ thù của mình chính là người nhà.” Cũng như Lc 12, 51-53: “Anh em tưởng rằng Thầy đến để ban hòa bình cho trái đất sao? Thầy bảo cho anh em biết: không phải thế đâu, nhưng là đem sự chia rẽ. Vì từ nay, năm người trong cùng một nhà sẽ chia rẽ nhau, ba chống lại hai, hai chống lại ba. Họ sẽ chia rẽ nhau: cha chống lại con trai, con trai chống lại cha; mẹ chống lại con gái, con gái chống lại mẹ; mẹ chồng chống lại nàng dâu, nàng dâu chống lại mẹ chồng.”

Chúng ta hiểu ý gằn của đoạn Phúc Âm này là: Lời Chúa được rao giảng không phải ai cũng răm rắp tuân theo, đâu phải ai cũng hiểu hoàn toàn cùng một ý, nhưng người ta chỉ được Chúa soi sáng tùy công phúc của từng người thì đọc mới hiểu, rồi lại tùy công phúc của từng người mà

Chúa nâng đỡ thêm sức để họ gắng công thực hành. Còn những ai không có công phúc, không làm lành lánh dữ; không thực thi Lời Chúa, thì Chúa không thể; không được phép trợ giúp để họ hiểu và thực thi, như Chúa đã phải dùng dụ ngôn để che mắt bịt tai họ. (Định luật “Có mới được cho”) Cho nên Lời Chúa không tránh khỏi gây mâu thuẫn giữa thiện ác, tốt xấu, trái phải, ngay từ cõi lòng mỗi người, đến giữa cha mẹ, con cái, anh em, dòng họ, bạn bè, lối xóm... . Đọc tiếp những câu sau đó sẽ thấy rõ hơn: Mt 10, 37: “Ai yêu cha yêu mẹ hơn Thầy, thì không xứng với Thầy. Ai yêu con trai con gái hơn Thầy, thì không xứng với Thầy. Ai không vác thập giá mình mà theo Thầy, thì không xứng với Thầy.”

Nhưng còn ý thứ hai là: Nếu Chúa ban cho chúng ta vợ chồng, cha mẹ, con cái, anh chị em..., hoàn toàn hòa thuận, thì chúng ta khó lấy gì để tạo được vốn liếng cơ nghiệp trên Nước Trời, như Mt 5, 46-47: “Vì nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì anh em nào có công chi? Ngay cả những người thu thuế cũng chẳng làm như thế sao? Nếu anh em chỉ chào hỏi anh em mình thôi, thì anh em có làm gì lạ thường đâu? Ngay cả người ngoại cũng chẳng làm như thế sao?” Cho nên Chúa không ban cho chúng ta bình an tuyệt đối, chẳng hạn khi chúng ta cưới vợ, lấy chồng, dù chúng ta tha thiết nài xin Chúa cho chúng ta một người xứng đáng, hợp tính hợp tình, vì Chúa biết rõ tính nết từng người và chắc chắn Người có thể giúp chúng ta được, nhưng Người vẫn kết hợp không trăm phần thuận hảo, mà thế nào vợ chồng không nhiều thì ít, vẫn có khác biệt, đàn con sinh ra đứa giống tính mẹ, đứa giống tính cha, tạo cho gia đình mỗi người một tính một nết, thành thử cùng một nhà đây mà lại có nhóm có phe. Mặc

dù trong bối cảnh này, gia đình có những va chạm, mâu thuẫn, xung khắc, hiểu lầm, dằn vặt, giằng co..., nhưng những ai vì Chúa và vì Phúc Âm mà ra sức sống hòa thuận, nhờ khiêm nhường, yêu thương, tha thứ; thì lại tạo nên công phúc to lớn gấp bội, có thể đền bù tội lỗi theo định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng”, có thể bù đắp cho những sung sướng, dư giả, mãn nguyện, theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, và phần còn lại sẽ được dành làm vốn liếng cho Nước Trời. Còn nếu chúng ta tránh được tội lỗi và không sung túc dư giả, cao sang thế giá, thì chúng ta rất dễ nên thánh do bởi phần công phúc lớn lao của sự nhịn nhục tha thứ những vô lý bất công của người thân cận.

13-Mt 6, 1-6: “Khi làm việc lành phúc đức, anh em phải coi chừng, chớ có phô trương cho thiên hạ thấy. Bằng không, anh em sẽ chẳng được Cha của anh em, Đấng ngự trên trời, ban thưởng. Vậy khi bố thí, đừng có khua chiêng đánh trống, như bọn đạo đức giả thường biểu diễn trong hội đường và ngoài phố xá, cốt để người ta khen. Thầy bảo thật anh em, chúng đã được phần thưởng rồi. Còn anh, khi bố thí, đừng cho tay trái biết việc tay phải làm, để việc anh bố thí được kín đáo. Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả lại cho anh. “Và khi cầu nguyện, anh em đừng làm như bọn đạo đức giả: chúng thích đứng cầu nguyện trong các hội đường, hoặc ngoài các ngã ba ngã tư, cho người ta thấy. Thầy bảo thật anh em: chúng đã được phần thưởng rồi. Còn anh, khi cầu nguyện, hãy vào phòng, đóng cửa lại, và cầu nguyện cùng Cha của anh, Đấng hiện diện nơi kín đáo. Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả công cho anh.”

Và Mt 6, 16-18: “Còn khi ăn chay, anh em chớ làm bộ rầu rĩ như bọn đạo đức giả: chúng làm cho ra vẻ thiểu não, để thiên hạ thấy là chúng ăn chay. Thầy bảo thật anh em, chúng đã được phần thưởng rồi. Còn anh, khi ăn chay, nên rửa mặt cho sạch, chải đầu cho thơm, để không ai thấy là anh ăn chay ngoại trừ Cha của anh, Đấng hiện diện nơi kín đáo. Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả công cho anh.”

Cầu nguyện, làm phúc, ăn chay, vừa được phúc với Chúa, vừa vinh dự với mọi người có sao đâu? Đi thờ đi lễ, đóng góp, mà không ai biết đến thì ít người đi lễ, ít người đóng góp, như vậy ngân sách nhà thờ sẽ thiếu, quỹ từ thiện sẽ hụt, nhà thờ sẽ vắng, người nghèo không ai giúp, trẻ mồ côi thiếu ăn..., sao Chúa lại dạy như vậy?

Vì theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” thì không thể nào một lúc được cả hai, mà được bên này phải mất bên kia: NHẬN được sự kính nể trọng vọng ở đời này thì phải CHO ĐI phần công phúc thuộc Nước Trời. Nên hễ ai phô trương công phúc trước mặt người đời thì sẽ mất công phúc trước mặt Chúa, như Chúa nói: “Họ đã được trả công rồi” tức là công lao cầu nguyện, ăn chay, làm phúc, của mấy người giả hình đó đã được trả bằng sự nể trọng của thiên hạ rồi.

Tuy nhiên, còn có một thắc mắc là sao Chúa lại nói: “Còn anh, có bố thí, thì làm sao đừng để tay trái biết việc tay phải làm”: Chúa nói có quá không? Cùng một tư tưởng mà cách nào để tay trái không biết việc của tay phải?

Chúa không nói quá đâu, nhưng chính vì chữ “Một tư tưởng” mà suy ra rằng Chúa dặn chúng ta khi làm việc phúc đức thì đừng có TOAN TÍNH phô trương để thiên hạ kính nể thôi, còn việc người khác biết thì mấy khi tránh được.

14-Mt 5, 13-16: “Chính anh em là muối cho đời. Nhưng muối mà nhạt đi, thì lấy gì muối nó cho mặn lại? Nó đã thành vô dụng, thì chỉ còn việc quăng ra ngoài cho người ta chà đạp thôi. “Chính anh em là ánh sáng cho trần gian. Một thành xây trên núi không tài nào che giấu được. Cũng chẳng có ai thấp đèn rồi lại để dưới cái thùng, nhưng đặt trên đê, và đèn soi chiếu cho mọi người trong nhà. Cũng vậy, ánh sáng của anh em phải chiếu giải trước mặt thiên hạ, để họ thấy những công việc tốt đẹp anh em làm, mà tôn vinh Cha của anh em, Đấng ngự trên trời.”

Là thân phận hèn mọn, mà chúng ta được vì là muối, là đèn, là ánh sáng, là thành phố trên núi, vì chúng ta NHẬN Giáo Huấn Chúa Kitô, cho nên chúng ta phải làm mặn cho người, phải chiếu tỏa cho đời, nghĩa là phải sống sao cho thiên hạ nhận biết Chúa Giêsu là Chúa thật, và Giáo Lý Chúa là con đường dẫn đến sự sống đời đời: “Sự sáng của các con cũng phải chiếu giải ra trước mặt thiên hạ, để họ xem thấy những việc lành của các con mà ngợi khen Cha các con trên trời”: tức là phải CHO ĐI cân xứng với những điều quý trọng chúng ta đã lãnh NHẬN: Lc 12, 48: “...Hễ ai đã được cho nhiều thì sẽ bị đòi nhiều, và ai được giao phó nhiều thì sẽ bị đòi hỏi nhiều hơn.”, đó là định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”.

15-Mt 6, 19-21: “Anh em đừng tích trữ cho mình những kho tàng dưới đất, nơi mỗi mọt làm hư nát, và kẻ trộm khoét vách lấy đi. Nhưng hãy tích trữ cho mình những kho tàng trên trời, nơi mỗi mọt không làm hư nát, và kẻ trộm không khoét vách lấy đi. Vì kho tàng các con ở đâu, thì lòng các con ở đó.”

Đoạn Phúc Âm này diễn tả rõ ràng chính xác sự âm dương đối nghịch giữa hai vế, một bên là kho tàng thuộc Nước Trời, một bên là kho tàng ở thế gian: được vế này mất vế kia, vế này thêm vế kia bớt, giàu bên này nghèo khó bên kia... . Còn “Vì kho tàng các con ở đâu thì lòng các con cũng ở đó” là nêu chúng ta càng lo tìm kiếm tích lũy vốn liếng kho tàng dưới đất thì không còn thời giờ, tâm sức để lập công phúc cho Nước Trời. Hai là, chúng ta có cơ nghiệp gia sản trên trời thì chúng ta sẽ được về nơi đó. Ba là, càng ra công gắng sức tích lũy vốn liếng cho Nước Trời thì tâm hồn chúng ta càng trở nên tốt lành trong sáng. Ngược lại, càng lo tìm kiếm vinh hoa phú quý, sung sướng khoái lạc ở đời này thì tâm hồn chúng ta càng lạc xa những điều lành thiện mà trở thành tham lam, độc ác, dữ tợn.

16-Lc 16, 13: “Không gia nhân nào có thể làm tôi hai chủ, vì hoặc sẽ ghét chủ này mà yêu chủ kia, hoặc sẽ gắn bó với chủ này mà khinh dể chủ nọ. Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa, vừa làm tôi Tiền Của được.”

Có tiền có của mà vẫn có lòng kính mến Chúa, vẫn biết ơn và cậy trông Chúa thì có sao đâu? Nhưng người có của NHẬN rất nhiều sung sướng thoải mái, thanh thoi nhàn hạ, kính mến nể trọng, mà định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” thì tuyệt đối là được bên này phải mất bên kia, được những sung sướng vinh hoa bởi tiền của thì phải bù vào phần công phúc dành cho Nước Trời, hơn nữa người hưởng sung sướng bởi tiền của không còn cơ hội điều kiện có những khổ đau để bù vào sự sung sướng đó, cho nên Chúa nói dứt khoát rằng: “Các con không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi tiền của được”.

17-Ga 20, 24-29: “Một người trong Nhóm Mười Hai, tên là Tôma, cũng gọi là Đidymô, không ở với các ông khi Chúa Giêsu đến. Các môn đệ khác nói với ông: “Chúng tôi đã được thấy Chúa!” Ông Tôma đáp: “Nếu tôi không thấy dấu đinh ở tay Người, nếu tôi không xỏ ngón tay vào lỗ đinh và không đặt bàn tay vào cạnh sườn Người, tôi chẳng có tin.” Tám ngày sau, các môn đệ Chúa Giêsu lại có mặt trong nhà, có cả ông Tôma ở đó với các ông. Các cửa đều đóng kín. Chúa Giêsu đến, đứng giữa các ông và nói: “Bình an cho anh em.” Rồi Người bảo ông Tôma: “Đặt ngón tay vào đây, và hãy nhìn xem tay Thầy. Đưa tay ra mà đặt vào cạnh sườn Thầy. Đừng cứng lòng nữa, nhưng hãy tin.” Ông Tôma thưa Người: “Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con!” Chúa Giêsu bảo: “Vì đã thấy Thầy, nên con tin. Phúc thay những người không thấy mà tin!”

Ông Tôma chỉ khi thấy Chúa tận mắt thì ông mới tin, thật ra ông Tôma là người có phúc rất lớn là được thấy Chúa sống lại, chứ ông không có phúc của sự TIN Chúa sống lại. Chúa nói “Phúc cho ai không thấy mà tin” vì tin Chúa là một việc làm tốt mà người tin được hưởng công phúc, như nhiều lần làm phép lạ chữa người, Chúa Giêsu cần người ta phải tin, tức là người được chữa phải có công phúc lớn của đức tin, Chúa mới được phép chữa. Thường thì chúng ta ai cũng muốn thấy Chúa, thấy Đức Mẹ cách tỏ tường, nhưng theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”: Thấy Chúa thấy Đức Mẹ cách tỏ tường là sự NHẬN rất to lớn, mà e rằng chúng ta không đủ công phúc để bù đắp công ơn đó, hãy xem gương những người được Chúa hoặc Đức Mẹ tỏ mình cách rõ ràng, họ đều phải chịu gánh đau khổ rất nặng nề và đạo đức thánh thiện khác thường, cho nên với con mắt đức tin và luôn lưu ý, chúng ta sẽ thấy Chúa, thấy Đức Mẹ hiện diện trong mọi sự mọi việc suốt cả cuộc đời mỗi người, và như thế chúng ta được hưởng trọn công phúc bởi đức tin.

17-Mt 19, 27-30: “Bấy giờ ông Phêrô lên tiếng thưa Người: “Thầy coi, phần chúng con, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy. Vậy chúng con sẽ được gì?” Chúa Giêsu đáp: “Thầy bảo thật anh em: anh em là những người đã theo Thầy, thì đến thời tái sinh, khi Con Người ngự tòa vinh hiển, anh em cũng sẽ được ngự trên mười hai tòa mà xét xử mười hai chi tộc Ítraen. Và phàm ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha mẹ, con cái hay ruộng đất, vì danh Thầy, thì sẽ được gấp bội và còn được sự sống vĩnh cửu làm gia nghiệp. “Nhiều kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót, và nhiều kẻ đứng chót sẽ được lên hàng đầu.”

Rồi ngay sau đó Chúa Giêsu lại kể dụ ngôn với cùng câu kết như đoạn trên: Mt 20, 1-16: “Nước Trời giống như chuyện gia chủ kia, vừa tảng sáng đã ra mướn thợ vào làm việc trong vườn nho của mình. Sau khi đã thoả thuận với thợ là mỗi ngày một quan tiền, ông sai họ vào vườn nho làm việc. Khoảng giờ thứ ba, ông lại trở ra, thấy có những người khác ở không, đang đứng ngoài chợ. Ông cũng bảo họ: “Cả các anh nữa, hãy đi vào vườn nho, tôi sẽ trả cho các anh hợp lẽ công bằng.” Họ liền đi. Khoảng giờ thứ sáu, rồi giờ thứ chín, ông lại trở ra và cũng làm y như vậy. Khoảng giờ mười một, ông trở ra và thấy còn có những người khác đứng đó, ông nói với họ: “Sao các anh đứng đây suốt ngày không làm gì hết?” Họ đáp: “Vì không ai mướn chúng tôi.” Ông bảo họ: “Cả các anh nữa, hãy đi vào vườn nho!” Chiều đến, ông chủ vườn nho bảo người quản lý: “Anh gọi thợ lại mà trả công cho họ, bắt đầu từ những người vào làm sau chót tới những người vào làm trước nhất.” Vậy những người mới vào làm lúc giờ mười một tiến lại, và lãnh được mỗi người một quan tiền. Khi đến lượt những người vào làm trước nhất, họ tưởng sẽ được lãnh nhiều hơn, thế nhưng cũng chỉ lãnh được mỗi người một quan tiền. Họ vừa lãnh vừa cần nhằn gia chủ: “Mấy người sau chót này chỉ làm có một giờ, thế mà ông lại coi họ ngang hàng với chúng tôi là những người đã phải làm việc nặng nhọc cả ngày, lại còn bị nắng nôi thiêu đốt.” Ông chủ trả lời cho một người trong bọn họ: “Này bạn, tôi đâu có xử bất công với bạn. Bạn đã chẳng thoả thuận với tôi là một quan tiền sao?” Cầm lấy phần của bạn mà đi đi. Còn tôi, tôi muốn cho người vào làm sau chót này cũng được bằng bạn đó. Chẳng lẽ tôi lại không có quyền tùy ý định đoạt về những gì là của tôi sao? Hay vì thấy tôi tốt bụng, mà bạn đâm ra ghen tức?” Thế là những kẻ đứng chót sẽ được lên hàng đầu,

còn những kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót. (Vì kẻ được gọi thì nhiều, mà người được chọn thì ít.)

Nếu chúng ta hiểu người được thuê làm trước; người được thuê làm sau theo nghĩa thông thường, thì dụ ngôn này đâm ra khó hiểu, mà nhiều người còn cho là ngớ ngẩn lắm lắm. Nhưng phải hiểu những người được thuê làm trước là những người có địa vị cao trọng, danh tiếng thế giá ở đời này kể cả việc đời lẫn việc đạo. Người càng được thuê làm sau là người càng có địa vị thấp hèn kém cõi, không ai biết đến. Việc trả công là đến giờ kết thúc cuộc đời, chúng ta được tính toán công phúc theo những định luật của Thiên Chúa, trong đó có định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” là danh phận đời này và danh phận đời sau được chia thành hai vế đối nghịch, “Một quan tiền” là cân bằng giữa hai vế, người được trả trước là người được thưởng trọng hậu hơn, người được trả sau là được thưởng thấp hơn, giả dụ hai người cùng tạo được công phúc như nhau thì người có địa vị thấp hèn ở đời này được thưởng nhiều hơn, ngược lại người có địa vị cao trọng ở đời này lại được thưởng ít hơn. Và càng suy gẫm dụ ngôn càng thấu triệt vấn đề, chẳng hạn: “Ta sẽ trả cho các anh hợp lẽ công bằng”, “Này bạn, tôi không xử bất công với bạn”, “Hay vì thấy tôi tốt bụng mà bạn đâm ra ghen tức?”, nghĩa là định luật của Chúa phát xuất từ lòng rất tốt lành, rất công bằng của Người để tạo sự ân thưởng công bằng giữa đời này và đời sau.

19-Mt 11, 2-6: “Ông Gioan lúc ấy đang ngồi tù, nghe biết những việc Chúa Kitô làm, liền sai môn đệ đến hỏi Người rằng: “Thưa Thầy, Thầy có thật là Đấng phải đến

không, hay là chúng tôi còn phải đợi ai khác?” Chúa Giêsu trả lời: “Các anh cứ về thuật lại cho ông Gioan những điều mắt thấy tai nghe: Người mù xem thấy, kẻ què được đi, người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết sống lại, kẻ nghèo được nghe Tin Mừng, và phúc thay người nào không vấp ngã vì tôi.”

Không phải từ đầu thánh Gioan đã biết rõ để giới thiệu Chúa Giêsu với dân Ítraen sao?: Mt 3, 13-17: “Bấy giờ, Chúa Giêsu từ miền Galilê đến sông Giođan, gặp ông Gioan để xin ông làm phép rửa cho mình. Nhưng ông một mực can Người và nói: “Chính tôi mới cần được Ngài làm phép rửa, thế mà Ngài lại đến với tôi!” Nhưng Chúa Giêsu trả lời: “Bây giờ cứ thế đã. Vì chúng ta nên làm như vậy để giữ trọn đức công chính.” Bấy giờ ông Gioan mới chiều theo ý Người. Khi Chúa Giêsu chịu phép rửa xong, vừa ở dưới nước lên, thì các tầng trời mở ra. Người thấy Thần Khí Thiên Chúa đáp xuống như chim bồ câu và ngự trên Người. Và có tiếng từ trời phán: “Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người.” Và Ga 1, 29-34: “Hôm sau, ông Gioan thấy Chúa Giêsu tiến về phía mình, liền nói: “Đây là Chiên Thiên Chúa, đây Đấng xoá bỏ tội trần gian. Chính Người là Đấng tôi đã nói tới khi bảo rằng: Có người đến sau tôi, nhưng trổi hơn tôi, vì có trước tôi. Tôi đã không biết Người, nhưng để Người được tỏ ra cho dân Ítraen, tôi đến làm phép rửa trong nước.” Ông Gioan còn làm chứng: “Tôi đã thấy Thần Khí tựa chim bồ câu từ trời xuống và ngự trên Người. Tôi đã không biết Người. Nhưng chính Đấng sai tôi đi làm phép rửa trong nước đã bảo tôi: “Người thấy Thần Khí xuống và ngự trên ai, thì người đó chính là Đấng làm phép rửa trong Thánh

Thần.” Tôi đã thấy, nên xin chứng thực rằng Người là Đấng Thiên Chúa tuyển chọn.”

Cả như hai đoạn Phúc Âm trên thì thánh Gioan đã biết chắc chắn Chúa Giêsu là Đấng Cứu Thế rồi, thế mà sao thánh Gioan lại phải sai môn đệ đến hỏi Chúa Giêsu như vậy?

Quả thật có điều đó, vì theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”: nếu chúng ta nhận biết Chúa cách tuyệt đối thì không còn chút công phúc nào tạo được bởi đức tin cả, và vả như con người có giác quan để nhận biết Thiên Chúa thì đó là sự NHẬN to lớn quá, không còn công phúc lớn lao nào mà CHO ĐI để được cứu độ. Cho nên kể cả các bậc thánh thiện nhất cũng không ai được ơn tuyệt đối nhận biết Chúa, vì Người muốn chúng ta có công phúc bởi ĐỨC TIN. Và chúng ta thấy chính lúc các môn đệ ông Gioan hỏi Chúa Giêsu thì Người vẫn không trả lời cách xác định mà chỉ nói: “Các ngươi cứ về thuật lại cho ông Gioan những điều mắt thấy tai nghe: “Người mù xem thấy, kẻ què được đi, người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết sống lại, kẻ nghèo được nghe Tin Mừng, và phúc cho kẻ nào không vấp ngã vì Tôi”.

20-Lc 16, 13-15: “Không gia nhân nào có thể làm tôi hai chủ, vì hoặc sẽ ghét chủ này mà yêu chủ kia, hoặc sẽ gắn bó với chủ này mà khinh dể chủ nọ. Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa, vừa làm tôi Tiền Của được.” Người Pharisiêu vốn ham hố tiền bạc, nên nghe các điều ấy, thì cười nhạo Chúa Giêsu. Người bảo họ: “Các ông là những kẻ làm ra bộ công chính trước mặt người

đòi, nhưng Thiên Chúa thấu biết lòng các ông, bởi vì điều cao trọng đối với người đòi lại là điều ghê tởm trước mặt Thiên Chúa.”

Hơn nữa, không riêng gì các ông Pharisêu đó, chúng ta ngày nay cũng vậy, hễ ai may mắn sang giàu liền được quy là Chúa cho, là có phúc: “Ông kia phước thiệt! già rồi mà còn cưới được cô vợ vừa trẻ vừa đẹp”, “Bà nọ giỏi thật! Mới xây ngôi biệt thự mấy tầng lại tậu chiếc xe hơi láng bóng, đúng là trời cho”. Vì quan niệm như thế nên chính những người giàu có cao sang lại tự phong là có phúc, tự phong là Chúa thương, Chúa thưởng, Chúa ban cho, nên càng ngày càng ra sức bành trướng, ra sức khoe mẽ phô trương..., nhưng có biết đâu với định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” thì tiền tài, danh vọng địa vị đáng sợ biết bao vì làm hao hụt vốn liếng cho cuộc sống vĩnh cửu, mà có khi còn mất luôn cả cơ nghiệp cho cuộc sống ấy. Vậy thì rất nhiều thứ người đòi thường coi trọng lại rất ghê tởm trước mặt Chúa.

21-Ga 9, 1-3: “Đi ngang qua, Chúa Giêsu nhìn thấy một người mù từ thuở mới sinh. Các môn đệ hỏi Người: “Thưa Thầy, ai đã phạm tội khiến người này sinh ra đã bị mù, anh ta hay cha mẹ anh ta?” Chúa Giêsu trả lời: “Không phải anh ta, cũng chẳng phải cha mẹ anh ta đã phạm tội. Nhưng sở dĩ như thế là để thiên hạ nhìn thấy công trình của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi anh.”

Thấy những người mù lòa, tàn tật, xấu xí, khốn khổ, người đòi thường cho là do tội lỗi, thất đức, vô phúc.... Nhưng: “Chuyện đó xảy ra là ĐỂ các việc của Thiên Chúa

được tỏ hiện nơi anh”: Trước tiên Chúa muốn nhưng người đẹp đẽ lành lặn nhìn vào những người tàn tật xấu xí để biết rằng chúng ta NHẬN rất nhiều mà suốt đời cảm tạ đội ơn Chúa. Hai là với định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” nối tiếp giữa cõi đời tạm gởi, chóng qua chóng hết như thoáng giây so với đời sau vô cùng vô tận, thì dù Chúa sinh ra người khỏe mạnh đẹp đẽ hay người xấu xí tàn tật đến đâu cũng tuyệt đối công bằng, vì những người tàn tật xấu xí có nghĩa là họ nhận số “Nén bạc” Chúa giao rất ít, nếu sánh tỷ lệ theo cách Chúa nói: có người chỉ nhận một phần tư; một phần mười “Nén”, nên nguyên họ chỉ sống bình thường thôi, cũng đã sinh được nhiều công phúc trước mặt Chúa, do đó họ rất dễ chiếm đoạt được Nước Trời, và Chúa luôn nâng đỡ ủi an họ cách này cách khác để họ sống bình an trong thân phận mình mà vượt qua cõi tạm này. Cho nên rất hiếm thấy những người mù lòa, tật nguyền, xấu xí, đi tìm cái chết hoặc oán trách nguyên rửa Chúa vì nguyên nhân đó. Ngược lại, những người giàu có, sang trọng, đẹp đẽ, lại dễ tự tìm cái chết hơn, hoặc dễ oán trách nguyên rửa Chúa hơn.

21-Mt 9, 30-31: “Mắt họ liền mở ra. Người nghiêm giọng bảo họ: “Coi chừng, đừng cho ai biết!” Nhưng vừa ra khỏi đó, họ đã nói về Người trong khắp cả vùng.”

Mc 1, 34: “Chúa Giêsu chữa nhiều kẻ ốm đau mắc đủ thứ bệnh tật, và trừ nhiều quỷ, nhưng không cho quỷ nói, vì chúng biết Người là ai.”

Mc 1, 42-44: “Lập tức, chúng phong hủy biến khỏi anh, và anh được sạch. Nhưng Người nghiêm giọng đuổi anh đi ngay, và bảo anh: “Coi chừng, đừng nói gì với ai cả, nhưng hãy đi trình diện tư tế, và vì anh đã được lành sạch, thì hãy dâng những gì ông Môsê đã truyền, để làm chứng cho người ta biết.”

Lc 8, 53-56: “Họ chế nhạo Người, vì biết nó đã chết. Nhưng Người cầm lấy tay nó, lên tiếng gọi: “Này bé, trỗi dậy đi!” Hồn đứa bé trở lại, và nó đứng dậy ngay. Chúa Giêsu bảo người ta cho nó ăn. Cha mẹ nó kinh ngạc. Nhưng Người ra lệnh cho họ không được nói với ai về việc đã xảy ra.”

Trên đây chỉ là một trong số nhiều đoạn Phúc Âm nói về việc Chúa trừ quỷ và không cho chúng tiết lộ Người là Đấng Thánh, làm phép lạ mà căn dặn người ta không được phao đồn... . Sao lạ vậy? Để người ta biết Người có quyền năng phép tắc có phải hơn không? Loạn truyền những phép lạ để người ta biết Chúa đi theo Chúa không tốt sao? Mục đích của Chúa không phải vậy ư? Mà Chúa cũng thừa biết là không thể giấu cũng không thể cấm người ta, sao Chúa còn cấm cản?

Nhưng những đoạn Phúc Âm này cho chúng ta thấy Chúa Giêsu không chỉ tiết lộ và khuyên dạy chúng ta sống phù hợp với định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” mà chính Người còn sống; còn thực hiện rất khắt khe định luật này, chỉ với mục đích là muốn lập thật nhiều công đức để cứu chuộc nhân loại cách sung mãn dư dật: Người muốn NHẬN tối thiểu, và CHO ĐI tối đa. Cho

nên Chúa được sinh hạ trong hang bò lừa nghèo hèn túng cực, đã sinh sống bằng nghề thợ mộc nặng nề vất vả, khi xuất thân rao giảng, Chúa Giêsu có thể hóa nước thành rượu, hóa bánh cho hàng ngàn người ăn một lúc, thì Người có thể mua chuộc cả thế gian bằng tiền bạc, nhưng Chúa vẫn sống thật nghèo: Mt 8, 20: “Con chôn có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu.” Có thể dùng quyền năng để bắt ma quỷ từng phục thì việc dùng quyền năng để bắt người ta tuân phục Chúa cũng quá dễ dàng, nhưng người vẫn sống bình dị mặc người ta theo ý của họ.

Còn việc Chúa biết người ta không thể im tiếng trước những phép lạ mà vẫn căn dặn phao đồn, thì như Chúa dạy chúng ta khi làm phúc thì đừng cho tay trái biết việc tay phải làm, có nghĩa là Chúa muốn chúng ta làm phúc thì đừng mưu tính khoe mẽ, còn người ta biết thì mấy khi tránh được. Cho nên làm phép lạ, Chúa không muốn cho người ta tôn vinh Chúa vì Người muốn sống theo định luật để lập nhiều công phúc, nên căn dặn họ đừng phao đồn mà người ta cứ làm thì càng phúc cho họ.

22-Lc 9, 20: “Người lại hỏi: “Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?” Ông Phêrô thưa: “Thầy là Đấng Kitô của Thiên Chúa.” Nhưng Người nghiêm giọng truyền các ông không được nói điều ấy với ai.”

Sau khi tỏ cho ông Phêrô, Giacôbê và Gioan thấy vinh quang của Người trên núi Mt 17, 9: “Đang khi thầy trò từ trên núi xuống, Chúa Giêsu truyền cho các ông rằng:

“Đừng nói cho ai hay thị kiến ấy, cho đến khi Con Người từ cõi chết sống lại.”

Chúa Giêsu không ngại gì mà phải giấu việc thánh Phêrô nhận ra Người là Chúa Kitô, cũng như việc tỏ vinh quang trên núi, Người căn dặn các tông đồ đừng nói với ai cho tới khi Con Người từ cõi chết sống lại, bởi định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” dù kết quả có nối tiếp đến đời sau, nhưng chỉ có hiệu lực ở đời này, cho nên Chúa Giêsu muốn đợi đến sau khi Người từ cõi chết sống lại thì thiên hạ nhận biết và ca tụng Người cũng chưa muộn.

23-Ga 13, 2-17: “Sau bữa ăn tối, ma quỷ đã gieo vào lòng Giuđa, con ông Simôn Ítcariôt, ý định nộp Chúa Giêsu. Chúa Giêsu biết rằng: Chúa Cha đã giao phó mọi sự trong tay Người, Người bởi Thiên Chúa mà đến, và sắp trở về cùng Thiên Chúa, nên trong một bữa ăn, Người đứng dậy, rời bàn ăn, cởi áo ngoài ra, và lấy khăn mà thắt lưng. Rồi Chúa Giêsu đổ nước vào chậu, bắt đầu rửa chân cho các môn đệ và lấy khăn thắt lưng mà lau. Vậy, Người đến chỗ ông Simôn Phêrô, ông liền thưa với Người: “Thưa Thầy! Thầy mà lại rửa chân cho con sao?” Chúa Giêsu trả lời: “Việc Thầy làm, bây giờ anh chưa hiểu, nhưng sau này anh sẽ hiểu.” Ông Phêrô lại thưa: “Thầy mà rửa chân cho con, không đời nào con chịu đâu!” Chúa Giêsu đáp: “Nếu Thầy không rửa cho anh, anh sẽ chẳng được chung phần với Thầy.” Ông Simôn Phêrô liền thưa: “Vâng, thưa Thầy, xin cứ rửa, không những chân, mà cả tay và đầu con nữa.” Chúa Giêsu bảo ông: “Ai đã tắm rồi, thì không cần phải rửa nữa; toàn thân người ấy đã sạch.

Về phần anh em, anh em đã sạch, nhưng không phải tất cả đâu!” Thật vậy, Người biết ai sẽ nộp Người, nên mới nói: “Không phải tất cả anh em đều sạch.”

Sau khi rửa chân cho các môn đệ xong, Chúa Giêsu mặc áo vào, về chỗ và nói: “Anh em có hiểu việc Thầy mới làm cho anh em không? Anh em gọi Thầy là “Thầy”, là “Chúa”, điều đó phải lắm, vì quả thật, Thầy là Thầy, là Chúa. Vậy, nếu Thầy là Chúa, là Thầy, mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em. Thật, Thầy bảo thật anh em: tôi tớ không lớn hơn chủ nhà, kẻ được sai đi không lớn hơn người sai đi. Anh em đã biết những điều đó, nếu anh em thực hành, thì thật phúc cho anh em!”

Mục đích Chúa rửa chân cho các môn đệ là gì? – Thứ nhất, để các môn đệ hoàn toàn sạch mà dự phần với Chúa. Thứ hai là các môn đệ bắt chước mà rửa chân cho nhau, tức là yêu thương, vâng phục, tự hạ phục vụ anh em.

Thứ ba: “Việc Thầy làm bây giờ các con chưa hiểu là: “Thật, Thầy bảo thật các con: Tôi tớ không trọng hơn chủ, kẻ được sai đi không trọng hơn đấng sai mình. Nếu các con biết điều đó mà thực hành thì có phúc”. Có nghĩa rằng: càng thấp hèn ở đời này thì càng vinh hiển đời sau, nên Chúa là Chúa cả trời đất mà hạ mình rửa chân cho các môn đệ thì tạo nên công phúc to lớn, và vì tình thương vô bờ nên Chúa không bỏ lỡ cơ hội nào để lập công phúc mà cộng thêm vào Công Cứu Chuộc của Người để cứu giúp nhân loại thật dư giả. Đó là Người luôn thực hiện định luật

“Được cho không thì cũng phải cho không”, mà nếu chúng ta biết được định luật của Chúa như vậy mà thực hành thì có phúc vô cùng.

24-Mt 27, 33-34: “Khi đến nơi gọi là Gôngôtha, nghĩa là Đồi Sọ, chúng cho Người uống rượu pha mật đắng, nhưng Người chỉ nếm một chút mà không chịu uống.”

Hoặc Mc 15, 22-23: “Chúng đưa Người lên một nơi gọi là Gôngôtha, nghĩa là Đồi Sọ. Chúng trao rượu pha mật đắng cho Người, nhưng Người không uống.”

Chúa Giêsu chịu đổ mồ hôi máu lúc cầu nguyện trong vườn Cây Dầu, đổ mồ hôi khi bị bắt điệu đến dinh thượng tế, đổ mồ hôi và chảy rất nhiều máu khi bị đánh đòn, đổ mồ hôi và mất nhiều máu trên đường vác thập giá từ dinh Philatô đến đỉnh Núi Sọ, cho nên Người chịu cơn khát vô cùng khủng khiếp không thể tưởng tượng nổi. Rượu pha mật đắng hay rượu pha mật đắng là một thứ đặc ân để kẻ tử tù bớt được rất nhiều đau đớn và thoát cơn khát cháy cổ, thế nhưng Chúa Giêsu đã từ chối không dùng liều thuốc giảm đau và món giải khát đó, vì cả cuộc đời cho đến lúc chết, Chúa Giêsu luôn thực hiện định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, nên Người cố chịu khát chịu đau thêm nữa, để công nghiệp của Người thật cao vời mà cứu chuộc chúng ta dư dật.

CÁCH THÁO GỖ định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”.

Như chúng ta biết định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng” thì có tới năm cách để giải gỡ.

Cách thứ nhất là đau khổ, nhục nhã, nặng nhọc vất vả..., thì kẻ càng giàu sang quyền thế, sung sướng hạnh phúc càng không tìm được, cho nên cách này không mấy kết quả đối với định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”.

Cách thứ hai là “Yêu nhiều thì được tha nhiều” tức là ăn năn thống hối. Nhưng giàu có, sung túc, bổng lộc, quyền hành, chức vị, không phải là tội lỗi, nên người giàu có hạnh phúc không có gì để ăn năn hối lỗi cho nên cách này cũng không thể dùng để tháo gỡ định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”.

Các thứ ba là “Tha để được tha”. Nếu chúng ta tha nợ cho kẻ khác thì công phúc to lớn đó có thể đền bù những sự sung sướng hạnh phúc, mãn nguyện thành thoi trong cuộc đời. Nhưng những người giàu có, quyền thế thường không ai dám làm mất lòng, ngược lại còn tăng bốc xu nịnh, cho nên cách này cũng khó lòng.

Cách thứ tư và thứ năm là “Cầu nguyện và giữ các nhân đức”. Đã chuyên cần cầu nguyện và giữ các nhân đức thì Chúa đã gìn giữ để khỏi giàu có há hê. Nhưng những kẻ tham danh háms lợi, đams mê tiền của, thích mọi vui sướng

khoái lạc trên đời, thì không thể cầu nguyện và giữ các nhân đức.

Tóm lại là không có cách nào hoàn toàn tốt: để chúng ta tự tháo gỡ định luật: “Được cho không thì cũng phải cho không” nên tốt nhất như Chúa Giêsu đã khuyên người nhà giàu kia: “Hãy đi bán hết những gì ngươi có mà cho người nghèo”, nếu người cao sang quyền quý không làm theo lời Chúa thì cũng như người giàu kia đã buồn bã bỏ đi và Chúa phán: “Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Đàng” thật không sai ngoa chút nào.

Tuy nhiên, sau khi các môn đệ nghe câu đó thì sững sốt hỏi Chúa: “Thế thì ai có thể được cứu?” và Chúa trả lời: “Đối với loài người thì không thể được, nhưng với Thiên Chúa thì không phải thế, vì đối với Thiên Chúa mọi sự đều có thể được”: Có nghĩa rằng Chúa không để cho những người Chúa yêu là những kẻ tin Chúa, giữ Lời Chúa, phải trở nên quá giàu có sung túc, còn những kẻ có chút tiền của quyền chức mà còn biết kính sợ và tuân giữ luật Chúa, chuyên cần cầu nguyện, làm phúc chia sẻ..., thì nhờ những công phúc đó mà Người sẽ CHO THÊM những nỗi khó khăn đau khổ để đền bù những sung túc dư giả của họ mà được cứu rỗi. Chỉ cần để ý một chút cũng rất dễ thấy: trần đời xảy ra đúng như vậy.

Chừng đó đã đủ cho chúng ta thấy rất rõ định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”. Và còn rất nhiều câu, nhiều đoạn Phúc Âm, nhiều hoạt động cử chỉ Chúa Giêsu có liên quan đến định luật này. Mà bấy lâu

nay vì không biết nên người ta cứ nói cho sướng miệng, cứ ngắm cứ nhìn cho đã mắt, cứ mua sắm chung diện thật đèn đèn, khoe mẽ phô trương thả sức, chưa kể còn bon chen leo trèo để được giàu có thêm, quyền thế sang trọng hơn, hưởng thụ sung sướng an nhàn kéo uống..., tất cả những thứ đó dù không là tội cũng phải đền bù không mấy may thiếu sót. Vì thế Chúa Giêsu mới ngỡ cùng bà Margarita trong Thông Điệp Tình Yêu Nhân Hậu gửi các Hòn Nhỏ. Ngày 29-12-1966: “Hỡi con, vẻ cao quý của một linh hồn đo bằng sự bỏ mình. Hãm dẹp ngũ quan cần thiết để linh hồn được nảy nở. Thiên nhiên có những định luật phải tôn trọng, song cuộc sống siêu nhiên với Chúa còn có những ĐỊNH LUẬT quan trọng hơn nữa và người ta cần phải NHẬN BIẾT và TÔN TRỌNG những định luật đó nếu muốn đạt tới chỗ hoàn toàn thoát ly thụ tạo. Cái “Tôi” chỉ bị tiêu diệt nếu người ta chịu khó ngăn chặn nó mọi lúc”:

Chúng ta thấy đoạn Thông Điệp này, Chúa Giêsu thông báo tuyệt đối chính xác về định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”.

Còn nhiều đoạn trong Thông Điệp có những lời lẽ, ý nghĩa về định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”:

-Ngày 3-10-1966: Lúc nguyện ngắm:

Margarita: “Lạy Chúa trời con, xin Chúa ban cho con Ánh Sáng của Chúa, Sự Thật của Chúa, để dẫn đường cho con tới cùng Chúa.

Chúa Giêsu: Sự thật duy nhất thì ai là người thành tâm cũng đều có ở trong mình. Cha là Sự Thật.

Hỡi con, Cha đã ban tràn đầy ân sủng cho con. Nhưng con không hơn kẻ khác đâu. Trái lại con mắc nợ Cha nhiều hơn. Người ta làm gì đối với chủ nợ? Không phải là trả nợ sao? Nói thật, con phải lo trả nợ Cha hơn kẻ khác. Con hãy thi hành những điều Cha dạy bảo. Rồi Cha sẽ tha nợ cho con.

Con đừng quên rằng Cha càng CHO NHIỀU Cha càng ĐÒI NHIỀU.

Và điều Cha đòi hỏi nơi hồn nhỏ của Cha không bao giờ cùng.

Con hãy luôn gìn giữ hồn nhỏ thơ ấu của con, âu yếm và nhiệt thành.

Hỡi con hãy tin rằng Cha yêu con.

Các thánh của Cha được hưởng vinh quang vô tận và chỉ còn có thể dâng Cha những lời tạ ơn.

Nhưng con, thời gian con chưa hết. Con hãy hiểu rằng con còn có thể tạo hạnh phúc cho Cha ở đời này. Về Thiên Đàng, con chỉ lãnh nhận thôi.

Nhưng ở đây con vừa NHẬN lại vừa CHO.

Hỡi con nhỏ bé Cha, con hãy hát lên bài ca ngợi tình thương.

Ngày 10-12-1966

Chúa Giêsu: Những người lên Nước Trời con thấy đều nhỏ bé, cái gì nhỏ bé dưới đất thì trên trời vĩ đại.

Ngày 18-12-1966

Chúa Giêsu: Hỡi con, công phúc của con ở đâu, nếu con không bị thử thách và thắng con thử thách?

Ngày 15-01-1967

Chúa Giêsu: Con hãy vui lên khi gặp khó khăn. Những khó khăn đó là dấu hiệu chắc chắn về lòng yêu thương của Cha.

Ngày 28-02-1967

Chúa Giêsu: Ngày nay, tùy theo độ yêu mến và trung thành của mình, các tín hữu được tự do và cứ theo lương

tâm mà áp dụng phương thức để làm việc đền tội một cách chân thật và can đảm.

Và Cha nói với con điều này: ai CHO nhiều thì Cha sẽ CHO họ nhiều.

Những câu trên của Thông Điệp không chỉ cho chúng ta xác tín hơn định luật “Được cho không thì cũng phải có không” mà còn giúp chúng ta nhận biết sự chân thật của Thông Điệp, những lời lẽ trong Thông Điệp chính là lời Chúa Giêsu Kitô âu yếm thiết tha nhắn nhủ mọi người chúng ta. Nhưng có một số người chê chối khinh thường, chẳng qua họ không thấu hiểu Phúc Âm Chúa, nên cũng chẳng nhận ra Lời Chúa trong Thông Điệp.

Và nhờ biết định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” mà chúng ta hiểu rõ HỒN NHỎ là những người nghèo khó, tầm thường, không có tiếng tăm địa vị trong xã hội, không ai biết họ tốt lành thánh thiện, hy sinh công đức..., có nghĩa rằng họ NHẬN rất ít, do đó công phúc của họ không bị chi trả cho những thứ đã nhận, cho nên lời cầu nguyện của những HỒN NHỎ vô cùng công hiệu. Chúa thành lập ĐẠO BINH HỒN NHỎ là thành lập nhóm người như thế, dù rất ít rất hiếm, nhưng vô cùng quý giá vì nhờ họ kêu xin khẩn nài để lôi kéo lòng nhân từ Chúa, mà Chúa có thể cứu chữa cả thế giới.

III. ĐỊNH LUẬT “CÓ MỚI ĐƯỢC CHO”

Định luật “Có mới được cho” liên quan chặt chẽ với định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng”, và nối kết vững vàng với định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”. Và định luật “Có mới được cho” thì đời không ai biết đến, cũng không hề có đạo giáo nào nói đến mà chỉ có Chúa Giêsu Kitô thì định luật “Có mới được cho” tuyệt đối chính xác, vô cùng quan trọng và là nền tảng Giáo Lý Chúa Kitô:

Mc 4, 10-12: “Khi còn một mình Đức Giêsu, những người thân cận cùng với Nhóm Mười Hai mới hỏi Người về các dụ ngôn. Người nói với các ông: “Phần anh em, mầu nhiệm Nước Thiên Chúa đã được ban cho anh em; còn với những người kia là những kẻ ở ngoài, thì cái gì cũng phải dùng dụ ngôn, ĐỂ HỌ CÓ TRỞ MẮT NHÌN CŨNG CHẴNG THẤY, CÓ LẮNG TAI NGHE CŨNG KHÔNG HIỂU, KỂ HỌ TRỞ LẠI VÀ ĐƯỢC ƠN THA THỨ.”

Hoặc sau khi nghe Chúa Giêsu kể dụ ngôn “Người gieo giống” (Lc 8, 4-8) các môn đệ hỏi Chúa dụ ngôn ấy có nghĩa gì. Lc 8, 10: “Người đáp: “Các con thì được ơn hiểu biết những mầu nhiệm Nước Thiên Chúa, còn với kẻ khác thì phải dùng dụ ngôn ĐỂ CHÚNG NHÌN MÀ KHÔNG NHÌN, NGHE MÀ KHÔNG HIỂU”.

Tại sao lại ngang tai nghịch lý quá như vậy? Kẻ khác là ai đây? Chúa nói thì cốt để cho người ta hiểu mà theo

Chúa chứ? Không phải Chúa mong muốn như vậy sao? Vậy mà Chúa lại cố tình dùng dụ ngôn để người ta “Nhìn mà không nhìn, nghe mà không hiểu?”

Khi chưa tìm thấy định luật “Có mới được cho” thì câu này bị hiểu rằng: “Chúa nói cái kết quả là Lời Chúa chẳng ai thèm nghe, chẳng ai chịu hiểu”, hoặc “Chúa chỉ lặp lại lời ngôn sứ Isaia rằng; Các người lắng tai nghe cũng chẳng hiểu, có trở mắt nhìn cũng chẳng thấy, vì lòng dân này đã ra đàn độn, chúng đã nặng tai, con mắt chúng thì nhắm lại, kéo mắt chúng thấy, tai chúng nghe mà hoán cải, và rồi Ta sẽ chữa cho chúng lành”. Nhưng lời ngôn sứ Isaia xem ra cũng nghịch lý tới nghĩa như thế mà sao Chúa còn lặp lại? Cũng có ý kiến cho rằng tại “Tam sao thất bản” làm cho Lời Chúa nhiều đoạn sinh nghịch lý khó hiểu như thế.

Nhưng hãy đọc Mt, 13, 10-15: “Các môn đệ đến gần hỏi Đức Giêsu rằng: “Sao Thầy lại dùng dụ ngôn mà nói với họ?” Người đáp: “Bởi vì anh em thì được ơn hiểu biết các mầu nhiệm Nước Trời, còn họ thì không. AI ĐÃ CÓ THÌ ĐƯỢC CHO THÊM, VÀ SẼ CÓ DU THỪA; CÒN AI KHÔNG CÓ, THÌ NGAY CÁI ĐANG CÓ, CŨNG SẼ BỊ LẤY MẮT. Bởi thế, nếu Thầy dùng dụ ngôn mà nói với họ, là vì họ nhìn mà không nhìn, nghe mà không nghe không hiểu. Thế là đối với họ đã ứng nghiệm lời sấm của ngôn sứ Isaia, rằng: Các người có lắng tai nghe cũng chẳng hiểu, có trở mắt nhìn cũng chẳng thấy; vì lòng dân này đã ra chai đá: chúng đã bịt tai nhắm mắt, kéo mắt chúng thấy, tai chúng nghe, và lòng hiểu được mà hoán cải, và rồi Ta sẽ chữa chúng cho lành.”:

“AI ĐÃ CÓ THÌ ĐƯỢC CHO THÊM, VÀ SẼ CÓ DU THỪA; CÒN AI KHÔNG CÓ THÌ NGAY CÁI CÓ CŨNG SẼ BỊ LẤY MẮT”: Rõ ràng Chúa nói là các môn đệ CÓ nên Chúa mới CHO được ơn hiểu biết mầu nhiệm Nước Trời, còn những kẻ không có thì không cho, tức là giấu nhẹm họ bởi những dụ ngôn với mục đích để:

“Chúng nhìn mà không nhìn, nghe mà không hiểu”. Đó là việc Chúa cố tình làm vì định luật CÓ MỚI ĐƯỢC CHO, mà việc đó ứng nghiệm với lời ngôn sứ mà thôi.

Vậy CÓ là gì?

Ga 14, 21-23: “Ai có và giữ các điều răn của Thầy, người ấy mới là kẻ yêu mến Thầy. Mà ai yêu mến Thầy, thì sẽ được Cha của Thầy yêu mến. Thầy sẽ yêu mến người ấy, và sẽ tỏ mình ra cho người ấy.” Ông Giuđa, không phải Giuđa Ítcariốt, nói với Đức Giêsu: “Thưa Thầy, tại sao Thầy phải tỏ mình ra cho chúng con, mà không tỏ mình ra cho thế gian?” Đức Giêsu đáp: “Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy.”

Các tông đồ lầm tưởng rằng Chúa Giêsu chỉ tỏ mình ra với các ông, nghĩa là giảng giải cho các ông hiểu Lời Chúa để biết các mầu nhiệm Nước Thiên Chúa, nhưng câu trả lời của Chúa chỉ lặp lại câu Chúa vừa nói trên, có nghĩa rằng: không chỉ riêng các tông đồ mà bất cứ ai CÓ yêu mến Chúa, nghe và tuân giữ Lời Chúa, tức là có CÔNG PHÚC bởi việc yêu mến Chúa, nghe và tuân giữ Lời Chúa

thì Chúa mới CHO là soi sáng để họ hiểu. Còn những kẻ không yêu mến Chúa, không nghe và không tuân giữ Lời Chúa, tức là không có công phúc thì Người che giấu họ bằng những dụ ngôn.

Như vậy là Chúa cố tình dùng dụ ngôn hoặc những câu bóng gió xa xôi, để chỉ soi sáng cho những người có công phúc, và để che giấu những người không có công phúc, chỉ vì định luật CÓ MỚI ĐƯỢC CHO.

Định luật “Có mới được cho” không riêng việc Chúa soi sáng cho chúng ta hiểu Lời Chúa, mà định luật “Có mới được cho” được ứng dụng trong mọi sự mọi việc, mọi nơi, mọi lúc, suốt cuộc đời mỗi người chúng ta:

Lc 8, 16-18: “Chẳng có ai đốt đèn, rồi lấy hũ che đi hoặc đặt dưới gầm giường, nhưng đặt trên đế, để những ai đi vào thì nhìn thấy ánh sáng. Vì chẳng có gì bí ẩn mà lại không trở nên hiển hiện, chẳng có gì che giấu mà người ta lại không biết và không bị đưa ra ánh sáng. Vậy hãy để ý tới cách thức anh em nghe. VÌ AI ĐÃ CÓ, THÌ ĐƯỢC CHO THÊM; CÒN AI KHÔNG CÓ, THÌ NGAY CÁI HỌ TƯỞNG LÀ CÓ, CŨNG SẼ BỊ LẤY MÁT.”

“Chẳng có ai đốt đèn, rồi lấy hũ che đi hoặc đặt dưới gầm giường, nhưng đặt trên đế, để những ai đi vào thì nhìn thấy ánh sáng” có nghĩa tương tự: “Ai có và tuân giữ các điều răn của Thầy”: là ai tin Chúa Kitô và thực hiện các huấn thị của Người thì tạo nên CÔNG PHÚC.

“Vì chẳng có gì bí ẩn mà chẳng hiển hiện, chẳng có gì che giấu mà người ta lại không biết và không bị đưa ra ánh sáng”: nghĩa gần nói về định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng” là: Những sai trái tội lỗi đều phải đền bù chi trả, nhưng nghĩa xa là: bao gồm các định luật của Thiên Chúa, nên trùng ý với câu: “Các con đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đong cho các con bằng đấu ấy”: Nghĩa là Chúa sẽ tính toán chi trả cho chúng ta tùy từng việc tốt xấu chúng ta làm, theo đúng các định luật của Thiên Chúa.

“Hãy để ý tới cách thức các con nghe” Là hãy cân nhắc suy xét từng lời, từng câu, từng dụ ngôn của Chúa thì sẽ tìm thấy định luật **CÓ MỚI ĐƯỢC CHO: “VÌ AI ĐÃ CÓ THÌ ĐƯỢC CHO THÊM; CÒN AI KHÔNG CÓ, THÌ NGAY CÁI HỌ TƯỞNG LÀ CÓ CŨNG SẼ BỊ LẤY MÁT”**.

Cũng như Mc 4, 24-25: “Người nói với các ông: “Hãy để ý tới điều anh em nghe. Anh em đong đấu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đong đấu ấy cho anh em, và còn cho anh em hơn nữa. **VÌ AI ĐÃ CÓ, THÌ ĐƯỢC CHO THÊM; CÒN AI KHÔNG CÓ, THÌ NGAY CÁI ĐANG CÓ CŨNG SẼ BỊ LẤY MÁT.**” Đoạn này cho thấy rõ ràng hơn định luật **CÓ MỚI ĐƯỢC CHO**.

Dụ ngôn “những nén bạc” (Mt 25, 14-30) và dụ ngôn “Mười yến bạc” (Lc 19, 11-26) cũng có một câu kết: **“VÌ PHÀM AI ĐÃ CÓ THÌ ĐƯỢC CHO THÊM (Để được có**

du thừa – Mátthêu), còn ai không có, thì ngay cái đang có cũng sẽ bị lấy đi”: Đó là Chúa nói về việc tính tổng kết CÔNG PHÚC của từng giây từng phút trong suốt cuộc đời của mỗi người, theo định luật CÓ MỚI ĐƯỢC CHO.

Vậy, như Chúa dạy: “Hãy để ý”, chúng ta sẽ thấy những lời nhủ khuyên răn dạy, trong những dụ ngôn của Chúa là ra sức làm lành lánh dữ để tạo lập CÔNG PHÚC, mà nhờ công phúc đó Chúa mới có thể cho chúng ta gặp bội, bằng không thì Chúa không được phép cho vì định luật “Có mới được cho” của Người.

- Công phúc trong việc chịu đựng, thứ tha, nhường nhịn:

Lc 6, 27-38: “Thầy nói với anh em là những người đang nghe Thầy đây: hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy chúc lành cho kẻ nguyện rửa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em. Ai vả anh má bên này, thì hãy giơ cả má bên kia nữa. Ai đoạt áo ngoài của anh, thì cũng đừng cản nó lấy áo trong. Ai xin, thì hãy cho, ai lấy cái gì của anh, thì đừng đòi lại. Anh em muốn người ta làm gì cho mình, thì cũng hãy làm cho người ta như vậy. Nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì có gì là ân với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng yêu thương kẻ yêu thương họ. Và nếu anh em làm ơn cho kẻ làm ơn cho mình, thì còn gì là ân với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng làm như thế. Nếu anh em cho vay mà hy vọng đòi lại được, thì còn gì là ân với nghĩa? Cả người tội lỗi cũng cho kẻ tội lỗi vay mượn để được trả lại sòng phẳng. Trái lại, anh em hãy yêu kẻ thù, hãy làm ơn và cho

vay mà chẳng hề hy vọng được đền trả. Như vậy, phần thưởng dành cho anh em sẽ lớn lao, và anh em sẽ là con Đấng Tối Cao, vì Người vẫn nhân hậu với cả phường vô ân và quân độc ác. “Anh em hãy có lòng nhân từ, như Cha anh em là Đấng nhân từ. Anh em đừng xét đoán, thì anh em sẽ không bị Thiên Chúa xét đoán. Anh em đừng lên án, thì sẽ không bị Thiên Chúa lên án. Anh em hãy tha thứ, thì sẽ được Thiên Chúa thứ tha. Anh em hãy cho, thì sẽ được Thiên Chúa cho lại. Người sẽ đong cho anh em đấu đủ lượng đã dần, đã lác và đầy tràn, mà đổ vào vạt áo anh em. Vì anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy.”

-Công phúc bởi việc thương xót cứu giúp tha nhân: Mt 25, 34-40: “Bấy giờ Đức Vua sẽ phán cùng những người ở bên phải rằng: “Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các ngươi ngay từ thuở tạo thiên lập địa. Vì xưa Ta đói, các ngươi đã cho ăn; Ta khát, các ngươi đã cho uống; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước; Ta trần truồng, các ngươi đã cho mặc; Ta đau yếu, các ngươi đã thăm viếng; Ta ngồi tù, các ngươi đến hỏi han.” Bấy giờ những người công chính sẽ thưa rằng: “Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đói mà cho ăn, khát mà cho uống; có bao giờ đã thấy Chúa là khách lạ mà tiếp rước; hoặc trần truồng mà cho mặc? Có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đau yếu hoặc ngồi tù, mà đến hỏi han đâu?” Đức Vua sẽ đáp lại rằng: “Ta bảo thật các ngươi: mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy.”

-Công phúc bởi sự kính trọng và nâng đỡ các đấng các bậc: Mt 10, 40-42: “Ai đón tiếp anh em là đón tiếp Thầy, và ai đón tiếp Thầy là đón tiếp Đấng đã sai Thầy. “Ai đón tiếp một ngôn sứ, vì người ấy là ngôn sứ, thì sẽ được lãnh phần thưởng dành cho bậc ngôn sứ; ai đón tiếp một người công chính, vì người ấy là người công chính, thì sẽ được lãnh phần thưởng dành cho bậc công chính. “Và ai cho một trong những kẻ bé nhỏ này uống, dù chỉ một chén nước lã thôi, vì kẻ ấy là môn đệ của Thầy, thì Thầy bảo thật anh em, người đó sẽ không mất phần thưởng đâu.”

Cũng như Mc 9, 37: “Ai tiếp đón một em nhỏ như em này vì danh Thầy, là tiếp đón chính Thầy; và ai tiếp đón Thầy, thì không phải là tiếp đón Thầy, nhưng là tiếp đón Đấng đã sai Thầy.” Hoặc Mc 9, 41: “Ai cho anh em uống một chén nước vì lẽ anh em thuộc về Đấng Kitô, thì Thầy bảo thật anh em, người đó sẽ không mất phần thưởng đâu.”

-Công phúc bởi việc cầu nguyện: Mt 7, 7-12: “Anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở ra cho. Vì hễ ai xin thì nhận được, ai tìm thì sẽ thấy, ai gõ cửa thì sẽ mở ra cho. Có người nào trong anh em, khi con mình xin cái bánh, mà lại cho nó hòn đá? Hoặc nó xin con cá, mà lại cho nó con rắn? Vậy nếu anh em vốn là những kẻ xấu mà còn biết cho con cái mình những của tốt lành, phương chi Cha anh em, Đấng ngự trên trời, lại không ban những của tốt lành cho những kẻ kêu xin Người sao? “Vậy tất cả những gì anh em muốn người ta làm cho mình, thì chính anh em cũng hãy làm cho người ta, vì Luật Môsê và lời các ngôn sứ là thế đó.” Hoặc Lc 11, 9-13: “Thế nên Thầy bảo anh em: anh em cứ xin thì sẽ được, cứ

tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở cho. Vì hễ ai xin thì nhận được, ai tìm thì thấy, ai gõ cửa thì sẽ mở cho. Ai trong anh em là một người cha, mà khi con xin cá, thì thay vì cá lại lấy rắn mà cho nó? Hoặc nó xin trứng lại cho nó bò cạp? Vậy nếu anh em vốn là những kẻ xấu mà còn biết cho con cái mình của tốt của lành, phương chi Cha trên trời lại không ban Thánh Thần cho những kẻ kêu xin Người sao?”

-Công phúc bởi việc giữ các nhân đức: Mt 5, 3-12: “Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ. Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp. Phúc thay ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an. Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thoả lòng. Phúc thay ai xót thương người, vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương. Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa. Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa. Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính, vì Nước Trời là của họ. Phúc thay anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả, bách hại và vu khống đủ điều xấu xa. Anh em hãy vui mừng hơn hở, vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao.”

-Công phúc bởi từ bỏ mọi sự mà theo Chúa: Mc 10, 28-31: “Ông Phêrô lên tiếng thưa Người: “Thầy coi, phần chúng con, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy!” Đức Giêsu đáp: “Thầy bảo thật anh em: Chẳng hề có ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, mẹ cha, con cái hay ruộng đất, vì Thầy và vì Tin Mừng, mà ngay bây giờ, ở đời này, lại

không nhận được nhà cửa, anh em, chị em, mẹ, con hay ruộng đất, gấp trăm, cùng với sự ngược đãi, và sự sống vĩnh cửu ở đời sau. Quả thật, nhiều kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót, còn những kẻ đứng chót sẽ được lên hàng đầu.”

-Công phúc bởi thực thi Lời Chúa: Mt 12, 50: “Vì phạm ai thì hành ý muốn của Cha tôi, Đấng ngự trên trời, người ấy là anh chị em tôi, là mẹ tôi.” –Lc 6, 47-48: “Ai đến với Thầy, và nghe những lời Thầy dạy mà đem ra thực hành, thì Thầy sẽ chỉ cho anh em biết người ấy ví được như ai. Người ấy ví được như một người khi xây nhà, đã cuốc, đã đào sâu và đặt nền móng trên đá. Nước lụt dâng lên, dòng sông có ủa vào nhà, thì cũng không lay chuyển nổi, vì nhà đã xây vững chắc.” –Lc 11, 27-28: “Khi Đức Giêsu đang giảng dạy, thì giữa đám đông có một người phụ nữ lên tiếng thưa với Người: “Phúc thay người mẹ đã cưu mang và cho Thầy bú mớm!” Nhưng Người đáp lại: “Đúng hơn phải nói rằng: Phúc thay kẻ lắng nghe và tuân giữ lời Thiên Chúa.”

-Công phúc tạo nên bởi khó nhọc vất vả: Ga 6, 27: “Các ông hãy ra công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực trường tồn đem lại phúc trường sinh, là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các ông, bởi vì chính Con Người là Đấng Thiên Chúa Cha đã ghi dấu xác nhận.” Hoặc Mt 11, 28-30: “Tất cả những ai đang vất vả mang gánh nặng nề, hãy đến cùng tôi, tôi sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng. Anh em hãy mang lấy ách của tôi, và hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm

nuông. Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng. Vì ách tôi êm ái, và gánh tôi nhẹ nhàng.”

-Công phúc của từng giây từng phút trong cuộc đời: Lc 19, 12-27: “VẬY NGƯỜI NÓI: “CÓ MỘT NGƯỜI QUÝ TỘC KIA TRẢY ĐI PHƯƠNG XA LÃNH NHẬN VƯƠNG QUYỀN, RỒI TRỞ VỀ. ÔNG GỌI MƯỜI NGƯỜI TRONG CÁC TÔI TỚ CỦA ÔNG ĐẾN, PHÁT CHO HỌ MƯỜI NÉN BẠC VÀ NÓI VỚI HỌ: “HÃY LO LÀM ĂN SINH LỢI CHO TỚI KHI TÔI ĐẾN.” NHƯNG ĐỒNG BÀO ÔNG GHÉT ÔNG, NÊN HỌ CỬ MỘT PHÁI ĐOÀN ĐẾN SAU ÔNG ĐỂ NÓI RẰNG: “CHÚNG TÔI KHÔNG MUỐN ÔNG NÀY LÀM VUA CHÚNG TÔI. “SAU KHI LÃNH NHẬN VƯƠNG QUYỀN, ÔNG TRỞ VỀ. BÂY GIỜ ÔNG TRUYỀN GỌI NHỮNG ĐẦY TỚ ÔNG ĐÃ GIAO BẠC CHO, ĐỂ XEM MỖI NGƯỜI LÀM ĂN SINH LỢI ĐƯỢC BAO NHIÊU. NGƯỜI THỨ NHẤT ĐẾN TRÌNH: “THƯA NGÀI, NÉN BẠC CỦA NGÀI ĐÃ SINH LỢI ĐƯỢC MƯỜI NÉN. ÔNG BẢO NGƯỜI ẤY: “KHÁ LẮM, HỒI ĐẦY TỚ TÀI GIỎI! VÌ ANH ĐÃ TRUNG THÀNH TRONG VIỆC RẤT NHỎ, THÌ HÃY CẦM QUYỀN CẠI TRỊ MƯỜI THÀNH. NGƯỜI THỨ HAI ĐẾN TRÌNH: “THƯA NGÀI, NÉN BẠC CỦA NGÀI ĐÃ LÀM LỢI ĐƯỢC NĂM NÉN. ÔNG CŨNG BẢO NGƯỜI ẤY: “ANH CŨNG VẬY, ANH HÃY CẠI TRỊ NĂM THÀNH. RỒI NGƯỜI THỨ BA ĐẾN TRÌNH: “THƯA NGÀI, NÉN BẠC CỦA NGÀI ĐÂY, TÔI ĐÃ BỌC KHĂN GIỮ KỸ. TÔI SỢ NGÀI, VÌ NGÀI LÀ NGƯỜI KHẮC NGHIỆT, ĐÒI CÁI KHÔNG GỬI, GẶT CÁI KHÔNG GIEO. ÔNG NÓI: “HỒI ĐẦY TỚ TÔI TỆ! TÔI CỨ LỜI MIỆNG ANH MÀ XỬ ANH. ANH ĐÃ BIẾT TÔI LÀ NGƯỜI KHẮC NGHIỆT, ĐÒI CÁI KHÔNG GỬI, GẶT CÁI KHÔNG GIEO.” THẾ SAO ANH KHÔNG GỬI BẠC CỦA TÔI VÀO NGÂN HÀNG? CÓ VẬY, KHI TÔI ĐẾN, TÔI MỚI RÚT RA ĐƯỢC CẢ VỐN LẤN LỜI CHỨ! RỒI ÔNG BẢO NHỮNG NGƯỜI ĐỨNG ĐÓ: “LẤY LẠI NÉN BẠC NÓ GIỮ MÀ ĐƯA CHO NGƯỜI ĐÃ CÓ MƯỜI NÉN. HỌ THƯA ÔNG: “THƯA NGÀI, ANH ẤY CÓ MƯỜI NÉN RỒI! –“TÔI NÓI CHO CÁC ANH HAY: PHẪM AI ĐÃ CÓ, THÌ SẼ ĐƯỢC CHO THÊM; CÒN AI KHÔNG CÓ, THÌ NGAY CÁI NÓ

ĐANG CÓ CŨNG SẼ BỊ LẤY ĐI.” Còn bọn thù địch của tôi kia, những người không muốn tôi làm vua cai trị chúng, thì hãy dẫn chúng lại đây và giết chết trước mặt tôi.”

Vậy **CÓ** không được phép hiểu là tiền bạc của cải, tài năng, quyền thế, xinh đẹp, cao trọng..., mà **CÓ** là đối nghịch với những thứ đó: **CÓ** là **CÔNG PHÚC**, là của cải vốn liếng tích lũy cho Nước Trời, như Chúa Giêsu khuyên người giàu có đã giữ đúng mọi lề luật Chúa kia hãy về bán hết những gì anh có mà phân phát cho người nghèo thì anh ta sẽ **CÓ** một kho tàng trên trời. Cho nên **CÓ** là đường nhân đức, là những việc tốt lành, những việc thờ kính phụng sự Chúa như Thánh Lễ, kinh Mân Côi, làm phúc, chia sẻ, những sự yêu thương, nhường nhịn, tha thứ, những xa tránh tiền của, sang trọng, xác thịt..., cộng với những thiệt thòi mất mát, đau khổ tật nguyên, lạnh lẽo, đói khát, cay đắng, nhục nhã, xấu xí, thấp hèn, lam lũ, vất vả..., đều được tính là **CÓ**, nhưng sự **CÓ** đó phải đền trả cho những thiếu sót làm lỗi, theo định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng” và phải bù trừ cho những sung sướng mãi nguyện, theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, phần còn lại mới là **CÓ**.

CÓ MỚI ĐƯỢC CHO là định luật rất công bằng của Thiên Chúa, áp dụng không riêng các tông đồ, không riêng người Đạo Chúa mà trẻ già trai gái, tất cả những kẻ được gọi là người: Từng giây từng phút, Thiên Chúa đều muốn bênh vực chở che chúng ta khỏi sự dữ, luôn luôn muốn dạy chúng ta hiểu Lời Chúa, biết ý Chúa, bảo vệ chúng ta khỏi chước cám dỗ; khỏi sa phạm tội, dù dặt chúng ta theo đường ngay nẻo chính, dẫn đưa chúng ta về

quê thật là Nước Chúa... . Nhưng Người không thể CHO nếu chúng ta không CÓ công phúc, như khi thánh Phêrô tin, Chúa Giêsu mới có thể cho ông đi trên mặt nước đến đến với Người, nhưng tới lúc ông nghi ngờ thì liền bị chìm. Nhiều lần làm phép lạ để cứu người, Chúa Giêsu nói: “Đức tin của con đã cứu con”, nghĩa là người được cứu phải có CÔNG PHÚC của đức tin, Chúa mới được phép CHO là chữa lành gấp ngàn lần công phúc của họ. Ngày về quê, Chúa muốn làm nhiều phép lạ để người ta tin mà theo Chúa, nhưng Người không thể làm được vì người ta cứng lòng tin, tức là người ta không có công phúc nên Chúa không thể cho.

Thiên Chúa có quyền năng tuyệt đối trong mọi sự, mọi việc, mọi người, mọi vật, ở bất cứ nơi đâu, bất cứ thời gian nào, nhưng vì định luật CÓ MỚI ĐƯỢC CHO mà Chúa Giêsu dạy chúng ta phải cầu nguyện: “Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời”: Vì nếu Chúa muốn danh Chúa cả sáng thuộc thế giới thần linh, thì đó là quyền tuyệt đối của Thiên Chúa, nhưng ở trần gian này, Người triệt để thực hiện định luật “CÓ mới được cho”, nên chỉ khi nào chúng ta CÓ hợp lời cầu nguyện, thì Chúa mới có thể CHO danh Người cả sáng ở thế trần. Cũng như mọi ý định của Thiên Chúa tuyệt đối được thực hiện ở trên trời, nhưng cũng phải cần chúng ta hợp ý hợp lời cầu nguyện để ý Chúa được thực hiện ở thế gian này, đúng theo định luật “CÓ mới được cho” áp dụng cho nhân loại.

Bởi định luật “Có mới được cho” mà dù Thiên Chúa quyền năng tuyệt đối bao trùm cả vụ trũ vô hình và hữu hình, Người vẫn vô cùng ẩn dật với những kẻ không có công phúc, như khi Chúa Giêsu dùng quyền năng Thiên Chúa để trừ quỷ, thì nhiều người nhìn thấy thế mà chúc tụng ngợi khen Thiên Chúa, nhưng lại có kẻ bảo Chúa nhờ tướng quỷ mà trừ quỷ. Và như ngày nay người ta đập phá nhà thờ, triệt hạ ảnh tượng Chúa, lăng mạ xỉ nhục Chúa, nhưng Người không hề để lộ một dấu hiệu nào là “ngghiêm trị” vì họ là những kẻ không có nên Chúa không thể cho. Ngược lại, những kẻ càng có công phúc, càng được Chúa thương mà sửa dạy sớm hơn, có khi ngay lúc họ đang lầm lỡ, hoặc trước khi bước vào đường sai trái.

Bởi định luật “Có mới được cho” mà dù Giáo Hội, Đức Thánh Cha, các Đức giám mục, các linh mục, các tu sĩ, là của Chúa, đáng ra Chúa phải dạy bảo, dìu dắt, nâng đỡ, chở che, nhưng Chúa vẫn phải cần chúng ta yêu thương lo lắng mà cầu nguyện hằng ngày hằng giờ, để nhờ công phúc đó, Chúa mới có thể đo ơn che chở dìu dắt Giáo Hội.

Bởi định luật “Có mới được cho” mà cho đến công cứu chuộc của Chúa Kitô cũng vậy, có người cho rằng: “Chúa Giêsu đã xuống thế làm người, chịu nạn chịu chết để lập công cứu chuộc rồi, thì mọi người đều được hưởng công ơn đó”. Đúng, bất cứ ai cũng được hưởng công ơn cứu chuộc của Chúa Giêsu Kitô, nhưng hãy nhớ định luật “Có mới được cho” này: Trước tiên phải có lòng tin và cậy nhờ công nghiệp Chúa, sau là thực hiện các huấn thị của Người, dựa trên các định luật công thẳng của Chúa, thì tùy đó mà được ơn cứu chuộc dồi dào, hay còn phải bù

đắp ở đời sau. Tuy nhiên, kẻ tốt lành cũng được hưởng phúc nhờ hạt giống và men công chính của Lời Chúa, như dụ ngôn “Hạt cải” và dụ ngôn “Men trong bột”.

Cả ba định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng”, “Được cho không thì cũng phải cho không” và “Có mới được cho”, được Chúa Giêsu tóm gọn trong hai câu: “Ai nâng mình lên sẽ bị hạ xuống, ai hạ mình xuống sẽ được nâng lên” và câu: “Ai yêu sự sống mình thì sẽ mất, ai ghét sự sống mình thì sẽ giữ được nó cho sự sống đời sau”. Ý nghĩa sâu xa chính yếu của “Nâng mình lên” và “Yêu sự sống” là tìm an nhàn hạnh phúc, sung sướng khoái lạc, giàu sang phú quý, của hiếm vật lạ, quyền cao chức trọng, vinh quang tăm tiếng, cho thân xác ở đời này. Mà nếu tìm kiếm những thứ đó trong kiêu căng hung dữ, tham lam, độc ác, gian dối..., đó là VAY thì phải TRẢ cả vốn lẫn lời, nếu không trả kịp ở đời này, thì đời sau phải “Trả hết đồng xu cuối cùng”, đó là “Bị hạ xuống” là “Mất sự sống”. Còn nếu tìm sung sướng hạnh phúc, vinh quang bổng lộc cách tự nhiên không lỗi luật Chúa, tức là NHẬN thì cũng phải CHO đủ số nhận theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, nếu không thì đời sau sẽ bị “Hạ xuống”, sẽ “Mất sự sống” như ông phú hộ trong dụ ngôn “Ladarô”.

Ngược lại, “Hạ mình xuống” và “Ghét sự sống” là đường nhân đức yêu thương tha thứ, khiêm hạ nhường nhịn, đơn sơ nghèo hèn, an vui trong thân phận bé mọn, xa lánh xác thịt tội lỗi, là Thánh Lễ, kinh Mân Côi, ăn chay, làm phúc..., là những thứ tạo nên công phúc là CÓ thì sẽ được CHO, được “Nâng lên” và “Giữ được sự sống cho đời sau”.

Nhờ biết được định luật “Có mới được cho” mà chúng ta thấy nhiều câu, nhiều đoạn trong Phúc Âm Chúa Kitô minh bạch sáng tỏ, thậm chí còn tìm thấy nhiều ý mới mẻ lạ lùng:

- 1- Mt 13, 10-12: “Các môn đệ đến gần hỏi Đức Giêsu rằng: “Sao Thầy lại dùng dụ ngôn mà nói với họ?” Người đáp: “Bởi vì anh em thì được ơn hiểu biết các mầu nhiệm Nước Trời, còn họ thì không. Ai đã có thì được cho thêm, và sẽ có dư thừa; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy mất.”:

“Được cho thêm, và sẽ có dư dật” cũng còn phải hiểu thêm một ý nữa là: Không phải nhờ công phúc do yêu mến và tuân giữ luật Chúa, nhờ những việc phúc đức, những hy sinh hãm mình, những Thánh Lễ, kinh Mân Côi..., là CÓ, mà Chúa sẽ ban cho chúng ta sự hiểu biết và niềm tin nơi Chúa tuyệt đối vững vàng, và phần xác chúng ta hoàn toàn lành mạnh, may mắn, đầy đủ..., nhưng “Vì ai đã có thì được cho thêm” những nỗi áy náy lo lắng, những cố vấp phạm, những chước cám dỗ, những nỗi khó khăn này, buồn phiền nọ..., để chúng ta thắng vượt được thì mới “Có dư dật” như Ga 15, 1-2: “Thầy là cây nho thật, và Cha Thầy là người trồng nho. Cành nào gắn liền với Thầy mà không sinh hoa trái, thì Người chặt đi; còn cành nào sinh hoa trái, thì Người CẮT TỈA cho nó sinh nhiều hoa trái hơn.”: “Cắt tỉa” là “Cho thêm” thử thách, khó khăn, đau khổ để chúng ta càng CÓ thêm công phúc vốn liếng cho Nước Trời. Cho nên Chúa mới phán: “Ngày nào có

nổi khốn khó của ngày đó”: đây cũng là lời Chúa hứa ban cho những kẻ được Người rất yêu thương, là nhờ chúng ta CÓ công phúc mà Chúa được phép tìm cho chúng ta những nổi khó khăn vừa sức hàng ngày, để chúng ta thắng vượt được mà nên thánh. Hãy xem gương các thánh, các ngài luôn được Chúa cho những đau khổ tinh thần vật chất, mà các ngài phải ra sức phấn đấu từng giây từng phút suốt cuộc đời, cho tới khi về với Chúa.

- 2- Mc 4, 8-9: “Có những hạt lại rơi nhằm đất tốt, nó mọc và lớn lên, sinh hoa kết quả: hạt thì được ba mươi, hạt thì được sáu mươi, hạt thì được một trăm.” Rồi Người nói: “Ai có tai nghe thì nghe!”

Chúng ta hiểu “Hạt giống” là Lời Chúa là rất đúng vì chính Chúa giải thích như vậy, và “Đất tốt” là sự CÓ công phúc của chúng ta mà Chúa có thể CHO hạt giống mọc lên mà sinh lợi ích vạn bội. Riêng câu “Ai có tai để nghe thì hãy nghe” báo cho chúng ta biết là phần trên rất quan trọng thì phải suy xét cho thật kỹ để tìm thấy ý Chúa. Còn câu khó hiểu: “Nảy nở và sinh bông trái: hạt được ba mươi, hạt được sáu mươi, hạt được một trăm” thì có nghĩa thế này:

Phương thức cứu chuộc nhân loại của Chúa Kitô trước tiên là rao giảng đường lối của Thiên Chúa để nhân loại thực thi mà được cứu độ, song song với cách đó là Chúa Giêsu sống nghèo hèn khiêm hạ, khó nhọc vất vả, và chết đau khổ nhục nhã theo đúng định luật của Thiên Chúa mà tạo nên công

nghiệp, công nghiệp cao cả của Chúa sẵn sàng để ban cho hết thảy mọi người trên thế gian, nhưng định luật “Có mới được cho” của Chúa buộc chúng ta phải CÓ, Chúa mới được phép CHO, và cho dư dật: Lc 6, 38: “Anh em hãy cho, thì sẽ được Thiên Chúa cho lại. Người sẽ đong cho anh em đấu đủ lượng đã dẫn, đã lắc và đầy tràn, mà đổ vào vạt áo anh em. Vì anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy.”, hoặc Mc 4, 24-25: “Người nói với các ông: “Hãy để ý tới điều anh em nghe. Anh em đong đấu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đong đấu ấy cho anh em, và còn cho anh em hơn nữa. Vì ai đã có, thì được cho thêm; còn ai không có, thì ngay cái đang có cũng sẽ bị lấy mất.”

Vậy, “Hạt được ba mươi, hạt được sáu mươi, hạt được một trăm” là nhờ tin tưởng cậy trông và thực thi giáo huấn của Chúa Kitô, chúng ta tạo nên công phúc, và Chúa Giêsu dùng công nghiệp của Người mà nhân công phúc của chúng ta gấp ba mươi lần, sáu mươi lần, gấp trăm lần, nhờ đó chúng ta mới được cứu độ, mới được nên thánh. Còn ai không tin Chúa Giêsu, không cậy nhờ công nghiệp của Người thì dù họ có tạo được nhiều công phúc hơn chúng ta, nhưng công phúc của họ không được nhân lên, mà chỉ thuần công phúc của họ, thì cũng khó mà được phân rỗi. Cho nên Chúa Giêsu mới phán: Ga 6, 47: “Thật, tôi bảo thật các ông, AI TIN THÌ ĐƯỢC SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI.”: có công phúc bởi tin và cậy nhờ công nghiệp Chúa, thì mới được cứu độ, chứ chỉ riêng công phúc của chúng ta thì không

đủ, không cân xứng với phần thưởng vô cùng lớn lao trọng đại, muôn đời muôn kiếp trong Nước Trời.

- 3- Diễn từ Bánh Trường Sinh, Gioan Chương 6. Nhưng ở đây chỉ trích từ đoạn có liên quan đến định luật CÓ MỚI ĐƯỢC CHO:

Ga 6, 25-72: “Khi gặp thấy Người ở bên kia Biển Hồ, họ nói: “Thưa Thầy, Thầy đến đây bao giờ vậy?” Đức Giêsu đáp: “Thật, tôi bảo thật các ông, các ông đi tìm tôi không phải vì các ông đã thấy dấu lạ, nhưng vì các ông đã được ăn bánh no nê. Các ông hãy ra công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực trường tồn đem lại phúc trường sinh, là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các ông, bởi vì chính Con Người là Đấng Thiên Chúa Cha đã ghi dấu xác nhận.” Họ liền hỏi Người: “Chúng tôi phải làm gì để thực hiện những việc Thiên Chúa muốn?” Đức Giêsu trả lời: “Việc Thiên Chúa muốn cho các ông làm, là tin vào Đấng Người đã sai đến.” Họ lại hỏi: “Vậy chính ông, ông làm được dấu lạ nào cho chúng tôi thấy để tin ông? Ông sẽ làm gì đây?” Tổ tiên chúng tôi đã ăn manna trong sa mạc, như có lời chép: Người đã cho họ ăn bánh bởi trời.” Đức Giêsu đáp: “Thật, tôi bảo thật các ông, không phải ông Môsê đã cho các ông ăn bánh bởi trời đâu, mà chính là Cha tôi cho các ông ăn bánh bởi trời, bánh đích thực, vì bánh Thiên Chúa ban là bánh từ trời xuống, bánh đem lại sự sống cho thế gian.” Họ liền nói: “Thưa Ngài, xin cho chúng tôi được ăn mãi thứ bánh ấy.” Đức Giêsu bảo họ: “Chính tôi là bánh trường sinh. Ai đến với tôi, không hề phải đói; ai tin vào tôi, chẳng khát bao

giờ! Nhưng tôi đã bảo các ông: các ông đã thấy tôi mà không tin. Tất cả những người CHÚA CHA BAN CHO TÔI ĐỀU SẼ ĐẾN VỚI TÔI, và ai đến với tôi, tôi sẽ không loại ra ngoài, vì tôi tự trời mà xuống, không phải để làm theo ý tôi, nhưng để LÀM THEO Ý ĐÁNG ĐÃ SAI TÔI. Mà ý của Đấng đã sai tôi là tất cả những kẻ NGÀI ĐÃ BAN CHO TÔI, tôi sẽ không để mất một ai, nhưng sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết. Thật vậy, ý của Cha tôi là tất cả những ai thấy người Con và tin vào người Con, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết.” Người Do Thái liền xầm xì phản đối, bởi vì Đức Giêsu đã nói: “Tôi là bánh từ trời xuống.” Họ nói: “Ông này chẳng phải là ông Giêsu, con ông Giuse đó sao? Cha mẹ ông ta, chúng ta đều biết cả, sao bây giờ ông ta lại nói: “Tôi từ trời xuống?” Đức Giêsu bảo họ: “Các ông đừng có xầm xì với nhau! CHẲNG AI ĐẾN VỚI TÔI ĐƯỢC, NẾU CHÚA CHA LÀ ĐÁNG ĐÃ SAI TÔI, KHÔNG LÔI KÉO NGƯỜI ẤY, và tôi, tôi sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết. Xưa có lời chép trong sách các ngôn sứ: Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ. VẬY PHÀM AI NGHE VÀ ĐÓN NHẬN GIÁO HUẤN CỦA CHÚA CHA, THÌ SẼ ĐẾN VỚI TÔI. Không phải là đã có ai thấy Chúa Cha đâu, nhưng chỉ có Đấng từ nơi Thiên Chúa mà đến, chính Đấng ấy đã thấy Chúa Cha. Thật, tôi bảo thật các ông, ai tin thì được sự sống đời đời. Tôi là bánh trường sinh. Tổ tiên các ông đã ăn manna trong sa mạc, nhưng đã chết. Còn bánh này là bánh từ trời xuống, để ai ăn thì khỏi phải chết. Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi

sẽ ban tặng, chính là thịt tôi đây, để cho thế gian được sống.” Người Do Thái liền tranh luận sôi nổi với nhau. Họ nói: “Làm sao ông này có thể cho chúng ta ăn thịt ông ta được?” Đức Giêsu nói với họ: “Thật, tôi bảo thật các ông: nếu các ông không ăn thịt và uống máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình. Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết, vì thịt tôi thật là của ăn, và máu tôi thật là của uống. Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì ở lại trong tôi, và tôi ở lại trong người ấy. Như Chúa Cha là Đấng hằng sống đã sai tôi, và tôi sống nhờ Chúa Cha thế nào, thì kẻ ăn tôi, cũng sẽ nhờ tôi mà được sống như vậy. Đây là bánh từ trời xuống, không phải như bánh tổ tiên các ông đã ăn, và họ đã chết. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời.” Đó là những điều Đức Giêsu đã nói khi giảng dạy trong hội đường, ở Caphácnaum. Nghe rồi, nhiều môn đệ của Người liền nói: “Lời này chứng tai quá! Ai mà nghe nổi?” Nhưng Đức Giêsu tự mình biết được là các môn đệ đang xầm xì về vấn đề ấy, Người bảo các ông: “Điều đó, anh em lấy làm chứng, không chấp nhận được ư? Vậy nếu anh em thấy Con Người lên nơi đã ở trước kia thì sao? Thần khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì. Lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống. Nhưng trong anh em có những kẻ không tin. “Quả thật, ngay từ đầu, Đức Giêsu đã biết những kẻ nào không tin, và kẻ nào sẽ nộp Người. Người nói tiếp: “Vì thế, Thầy đã bảo anh em: không ai đến với Thầy được, nếu Chúa Cha không ban ơn ấy cho.” Từ lúc đó, nhiều môn đệ rút lui, không còn đi theo Người nữa. Vậy Đức Giêsu hỏi Nhóm Mười

Hai: “Cả anh em nữa, anh em cũng muốn bỏ đi hay sao?” Ông Simôn Phêrô liền đáp: “Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con đã tin và nhận biết rằng chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa.” Đức Giêsu đáp: “Chẳng phải Thầy đã chọn anh em là Nhóm Mười Hai sao? Thế mà một người trong anh em lại là quỷ!” Người muốn nói về Giuđa, con ông Simôn Ítca-ri-ốt; thật thế, chính y, một môn đệ trong Nhóm Mười Hai, sẽ nộp Người.

Trước hết là việc Chúa Giêsu hóa bánh cho năm ngàn người ăn vì thương người ta đói, và vì Chúa muốn cho người ta thấy quyền năng của người mà tin Người từ Thiên Chúa và thực thi những điều Người truyền dạy, ba là muốn tỏ cho thiên hạ thấy cách thức, quyền năng trong việc lấy Thịt Máu Người nuôi sống linh hồn người ta. Nhưng đám đông nảy sinh ý muốn tôn Chúa Giêsu lên làm vua để được Người cho hưởng ăn ngon mặc đẹp mà chẳng còn phải làm lụng vất vả và khó nhọc, nên Chúa đã buồn lòng: 6, 27: “công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực trường tồn đem lại phúc trường sinh, là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các ông, bởi vì chính Con Người là Đấng Thiên Chúa Cha đã ghi dấu xác nhận.” Ý Chúa muốn nói người ta hãy tạo dựng công phúc bằng sự lao nhọc vất vả, nhờ sự CỐ ĐÓ, Chúa sẽ CHO thêm những điều cao trọng. Chúa dự định nói đến việc lấy Thịt Máu Người để nuôi sống linh hồn người ta, nhưng với tư tưởng siêng ăn nhác làm, không đủ công phúc để được Chúa soi

dẫn cho hiểu, nên họ hỏi sang ý khác: 6, 28: “Chúng tôi phải làm gì để thực hiện những việc Thiên Chúa muốn?”: Và vì không CÓ, Chúa không thể CHO, nên Người lại dẫn họ sang hướng khác: 6, 29: “Việc Thiên Chúa muốn cho các ông làm, là tin vào Đấng Người đã sai đến.”: Tin vào Đấng Thiên Chúa sai đến và thực hiện những huấn thị của Người thì có công phúc to lớn, vì nhờ công phúc đó Chúa Giêsu có thể cho họ gấp bội, câu này lại có nghĩa rằng: hãy tin vào lời Người vừa nói là: “Hãy ra công làm việc”.

Vẫn không hiểu gì hết, nên đám đông dồn ép Chúa, khích Chúa làm theo ý đồ của họ: 6, 30-31: “VẬY chính ông, ông làm được dấu lạ nào cho chúng tôi thấy để tin ông? Ông sẽ làm gì đây?” Tổ tiên chúng tôi đã ăn manna trong sa mạc, như có lời chép: Người đã cho họ ăn bánh bởi trời.”

Nhưng Chúa Giêsu đã tỏ ý định muốn lấy Thịt Máu Chúa nuôi sống linh hồn người ta: 6, 32-33: “Thật, tôi bảo thật các ông, không phải ông Môsê đã cho các ông ăn bánh bởi trời đâu, mà chính là Cha tôi cho các ông ăn bánh bởi trời, bánh đích thực, vì bánh Thiên Chúa ban là bánh từ trời xuống, bánh đem lại sự sống cho thế gian.” Đám đông vẫn tưởng lầm mà không che giấu ý đồ của họ: “Thưa Ngài, xin cho chúng tôi bánh đó liên mãi”. Và Chúa Giêsu nói rõ: “Chính ta là bánh ban sự sống. Ai đến với Tôi sẽ không hề đói, ai tin Tôi sẽ không hề khát bao giờ”.

Lúc đó đám đông mới chán ngán thất vọng trong việc dụ dỗ Chúa để tôn Người lên làm vua, nên Người nói với họ: Ga 6, 36-37: “Nhưng tôi đã bảo các ông: các ông đã thấy tôi mà không tin. **TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI CHÚA CHA BAN CHO TÔI ĐỀU SẼ ĐẾN VỚI TÔI**, và ai đến với tôi, tôi sẽ không loại ra ngoài”: “Những ai Chúa Cha đã ban cho Tôi thì sẽ đến với Tôi” là Chúa nói về định luật: “**Có mới được cho**”: Nghĩa là chỉ có ai có công phúc mới được Chúa Giêsu soi sáng để hiểu; để tin Người. Còn câu “**Và ai đến với Tôi, Tôi sẽ không loại ra ngoài**” là kẻ có công phúc sẽ không mất phần thưởng đời đời.

Và đoạn sau đó: 6, 68: “**Vì tôi tự trời mà xuống, không phải để làm theo ý tôi, nhưng để làm theo ý Đấng đã sai tôi.**”: Là Chúa Giêsu thực hiện mọi sự mọi việc đều phải làm theo đúng định luật của Đức Chúa Cha, tức là “**CÓ mới được CHO**”.

Rồi Chúa lại nói ở đoạn kế tiếp cũng về định luật “**Có mới được cho**”: 6, 39-40: “**Mà ý của Đấng đã sai tôi là tất cả những kẻ Người đã ban cho tôi, tôi sẽ không để mất một ai, nhưng sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết. Thật vậy, ý của Cha tôi là tất cả những ai thấy người Con và tin vào người Con, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết.**”: “**Nhưng kẻ Ngài đã ban cho Tôi**” và “**Ai thấy Người Con và tin vào Người Con**” là những kẻ có công phúc thì sẽ được sống lại trong ngày sau hết và sẽ không mất phần thưởng.

Vì đám đông chỉ muốn thử thách Chúa; lợi dụng Chúa, nên chẳng có công phúc gì, vì thế, Chúa Giêsu không được phép soi dẫn họ, mà họ thấy chương tạc nghịch lý bởi họ biết rõ Chúa Giêsu chỉ là con ông thợ mộc Giuse và bà Maria nghèo khó tầm thường mà lại dám nói: “Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống”, “Tôi bởi trời mà xuống”.

Nên Chúa Giêsu lại lập lại định luật “Có mới được cho”: 6, 44: “CHẲNG AI ĐẾN VỚI TÔI ĐƯỢC, NẾU CHÚA CHA LÀ ĐÁNG ĐÃ SAI TÔI, KHÔNG LÔI KÉO NGƯỜI ẤY, và tôi, tôi sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết.” Và đoạn sau đó cũng lại định luật “Có mới được cho”: “Xưa có lời chép trong sách các ngôn sứ: Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ. VẬY PHẠM AI NGHE VÀ ĐÓN NHẬN GIÁO HUẤN CỦA CHÚA CHA, THÌ SẼ ĐẾN VỚI TÔI.”: Nghĩa là chỉ có sự dạy bảo của Thiên Chúa mới biết đường lối của Thiên Chúa, và chỉ có công phúc mới được hướng dẫn dạy bảo.

Và 6, 46: “Không phải là đã có ai thấy Chúa Cha đâu, nhưng chỉ có Đấng từ nơi Thiên Chúa mà đến, chính Đấng ấy đã thấy Chúa Cha.”: Nếu không biết Chúa Giêsu đang nói về định luật “Có mới được cho” thì câu này có vẻ xa lạ, không ăn nhập với các đoạn trên, không dính dáng tới các đoạn dưới, nhưng ở đây Chúa Giêsu muốn nói rằng: Người biết rõ định luật “Có mới được cho” của Thiên Chúa Cha, và Người phải thực hiện tuyệt đối nghiêm chỉnh không thể du di chần chừ.

Sau đó thêm hai lần liên tiếp, Chúa Giêsu đã công bố việc sẽ lấy Thịt Máu Người để nuôi sống linh hồn người ta, nhưng đám đông vẫn trơ trơ, chẳng hiểu, chẳng tin, lại còn ra mặt phản đối Chúa. Khi chỉ còn lại một số rất ít cùng các môn đệ thuộc Nhóm Mười Hai, Chúa Giêsu nhắc lại định luật “Có mới được cho” lần nữa: Ga 6, 65: “Vì thế, Thầy đã bảo anh em: KHÔNG AI ĐẾN VỚI THẦY ĐƯỢC, NẾU CHÚA CHA KHÔNG BAN ƠN ẤY CHO.”

Chúng ta thấy trong một chương mà có tới ít là sáu đoạn Chúa Giêsu nói về định luật “Có mới được cho”. Vì ý định của Chúa muốn lấy Thịt Máu Người để nuôi sống linh hồn người ta, là việc vô cùng quan trọng quý giá, nhưng vì đám đông đa số là những kẻ siêng ăn biếng làm, và người ta tưởng có thừa thông thái hiểu biết và chỉ muốn lợi dụng Chúa, thử Chúa, thách Chúa, thì làm gì có công phúc để được Chúa soi sáng để hiểu, để tin, vì chỉ “CÓ mới được CHO”. Đặc biệt, chúng ta có câu: “Vì từ đầu Chúa Giêsu đã biết ai là những kẻ không tin, và kẻ nào sẽ nộp Người” mà tại sao Chúa Giêsu vẫn lặp đi lặp lại việc Chúa muốn lấy Thịt Máu Người làm của ăn? – Thừa, vì Chúa muốn thực hiện định luật “Có mới được cho” theo cách ấy: Cũng như khi giảng dạy những điều rất quan trọng, Chúa chỉ dùng dụ ngôn hoặc nói xa xôi, rồi người tốt lành thì Người soi sáng để họ hiểu, còn kẻ không có công phúc, thì Chúa xua đuổi họ bằng chính những dụ ngôn và những lời khó hiểu đó. Ở đây Chúa nói quanh quẩn chỉ có bằng đó, không nói rõ thêm, cũng chẳng giải thích thêm, để ai không đủ công phúc để được Chúa hướng dẫn mà tin, thì họ bỏ đi, ngược lại những

người có công phúc như thánh Phêrô thì chẳng những được soi dẫn để tin mà còn vượt quá sự tin là nhận biết: 6, 68: “Lạy Thầy chúng con sẽ đi theo ai? Thầy mới có những lời ban sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con tin và chúng con biết rằng: Thầy là Chúa Giêsu Con Thiên Chúa”.

4- Mt 15, 10-13: “Sau đó, Đức Giêsu gọi đám đông lại mà bảo: “Hãy nghe và hiểu cho rõ: Không phải cái vào miệng làm cho con người ra ô ւế, nhưng cái từ miệng xuất ra, cái đó mới làm cho con người ra ô ւế.” Bấy giờ các môn đệ đến gần Đức Giêsu mà thưa rằng: “Thầy có biết không? Những người Phariseu đã vấp phạm khi nghe Thầy nói lời ấy.” Đức Giêsu đáp: “Cây nào mà Cha của Thầy, Đấng ngự trên trời, ĐÃ KHÔNG TRÔNG, THÌ SẼ BỊ NHỎ ĐI.”: Đoạn này cho chúng ta thấy rất thực tế về định luật “Có mới được cho” là những kẻ có công phúc như các tông đồ thì Chúa Giêsu cắt nghĩa tận nơi để họ hiểu: “Các con không hiểu rằng bất cứ cái gì vào miệng thì xuống bụng rồi bị thải ra ngoài sao? Còn những cái gì từ miệng xuất ra, là phát xuất từ lòng, chính những cái ấy mới làm cho người ta ra ô ւế. Vì từ lòng phát ra những ý xấu xa, giết người, ngoại tình, dâm ô, trộm cướp, chứng gian, lẳng nhục. Đó là những điều làm cho người ta ra nhơ nhớp. Còn ăn mà không rửa tay đâu có làm cho người ta ra nhơ nhớp”. Ngược lại: “Cha trên trời không trông” nghĩa là những kẻ không có công phúc như mấy ông Phariseu đó, thì Chúa Giêsu không giảng giải cho họ, vì “Có mới được cho”.

- 5- Mt 7, 6: “Của thánh, đừng quăng cho chó; ngọc trai, chớ liệng cho heo, kéo chúng giày đập dưới chân, rồi còn quay lại cắn xé anh em.”: Lời Chúa Kitô vô cùng quý giá ví như của thánh, ví như châu ngọc, vì định luật “Có mới được cho” nên Chúa không được phép dạy bảo những kẻ xấu xa độc ác ví như chó như heo, mà Người phải dùng dụ ngôn hoặc nói xa xôi bóng gió, nơi này một ý, nơi khác một ý, để chỉ những ai CÓ tốt lành thì Chúa mới CHO sự soi sáng hướng dẫn để hiểu Lời Chúa, để tin Chúa, theo Chúa.
- 6- Mt 7, 24-27: “Vậy ai nghe những lời Thầy nói đây mà đem ra thực hành, thì ví được như người khôn xây nhà trên đá. Dù mưa sa, nước cuốn, hay bão táp ập vào, nhà ấy cũng không sụp đổ, vì đã xây trên nền đá. Còn ai nghe những lời Thầy nói đây, mà chẳng đem ra thực hành, thì ví được như người ngu dại xây nhà trên cát. Gặp mưa sa, nước cuốn hay bão táp ập vào, nhà ấy sẽ sụp đổ, sụp đổ tan tành”: Nghe Lời chúa mà đem ra thực hành, mới CÓ công phúc như “Xây nhà trên đá” thì Chúa mới được phép CHO theo định luật “Có mới được cho” là soi sáng, hướng dẫn, nâng đỡ, chở che, để càng nhận biết mà kính mến cậy trông Chúa mỗi ngày một hơn. Còn ai nghe Lời Chúa mà không thực hành là không tạo được công phúc, thì Chúa không thể; không được phép soi sáng trợ giúp vì Người phải thực hiện đúng định luật “Có mới được cho”. Nên nhiều người đọc Lời Chúa mà không hề thực hành thì càng đọc càng thấy nhiều câu vô lý lắm lắm, rồi gặp khó khăn trở ngại thì lập tức xa lìa Chúa.

7- Mt 17, 14-21: “Khi thầy trò đến với đám đông, thì có một người tới quỳ xuống trước mặt Đức Giêsu và nói: “Thưa Ngài, xin thương xót con trai tôi, vì cháu bị kinh phong và bệnh tình nặng lắm: nhiều lần ngã vào lửa, và cũng nhiều lần ngã xuống nước. Tôi đã đem cháu đến cho các môn đệ Ngài chữa, nhưng các ông không chữa được.” Đức Giêsu đáp: “Ôi thể hệ cứng lòng không chịu tin và gian tà! Tôi còn phải ở với các người cho đến bao giờ, còn phải chịu đựng các người cho đến bao giờ nữa? Dem cháu lại đây cho tôi.” Đức Giêsu quát mắng tên quỷ, quỷ liền xuất, và đứa bé được khỏi ngay từ giờ đó. Bấy giờ các môn đệ đến gần hỏi riêng Đức Giêsu rằng: “Tại sao chúng con đây lại không trừ nổi tên quỷ ấy?” Người nói với các ông: “Tại anh em kém tin! Thầy bảo thật anh em: nếu anh em có lòng tin lớn bằng hạt cải thôi, thì dù anh em có bảo núi này: “rời khỏi đây, qua bên kia!” nó cũng sẽ qua, và sẽ chẳng có gì mà anh em không làm được. (Giống quỷ này không chịu ra, nếu người ta không ăn chay cầu nguyện.):

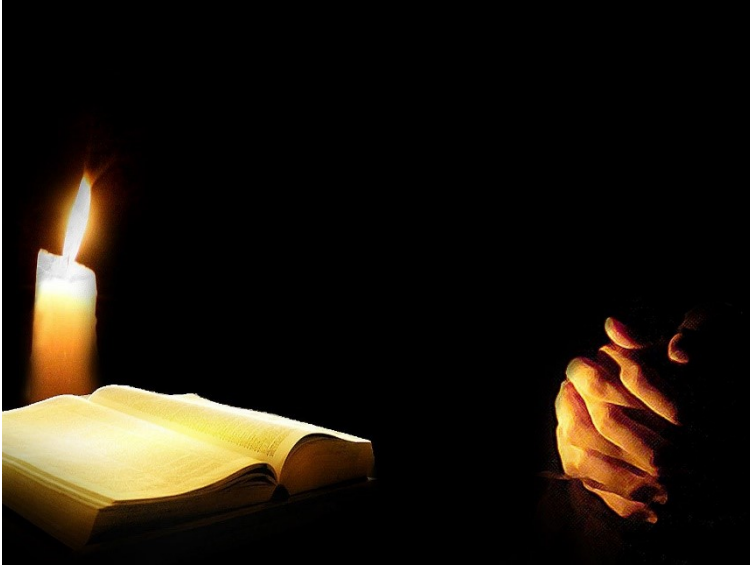
Đoạn Phúc Âm này có ba điểm: Thứ nhất, theo định luật “Có mới được cho” thì bất cứ việc gì chúng ta muốn thực hiện cũng cần phải có công phúc, Chúa mới có quyền can thiệp trợ giúp để chúng ta hoàn thành. Ở đây Chúa khiển trách thể hệ này cứng lòng tin và gian tà, vì thế không tạo đủ công phúc nên Chúa không thể trợ giúp để trừ quỷ này khi vắng mặt Chúa. Thứ Hai, từ trước tới nay chưa từng ai có đức tin đến độ cầu xin mà đòi được núi và chính Chúa Giêsu cũng chưa làm việc đó, hơn nữa đức tin là thứ trừu tượng không thể cân đong đo đếm.

Nhưng Chúa Giêsu muốn nói: nhờ đức tin rất nhỏ của chúng ta đã tạo được công phúc là CÓ mà Chúa có thể CHO sự trợ lực gấp vạn gấp triệu, để chúng ta thực hiện được những việc vô cùng to lớn quan trọng, lạ lùng hơn cả việc dời núi. Cho nên chúng ta từng thấy nhờ công phúc bởi những việc tốt lành của chúng ta như đức tin, như ăn chay cầu nguyện, mà Chúa có thể giúp chúng ta làm được những việc cả thế đến nỗi thiên hạ đầy đủ tài năng, tiền bạc và mọi phương tiện, cũng không thực hiện nổi. Thứ Ba, sao Chúa lại nói thêm: “Giống quý này không chịu ra nếu người ta không ăn chay cầu nguyện”, mà trước đó Chúa đã khiển trách: “Ôi thế hệ cứng lòng tin và hư hỏng! Tôi phải ở với các ngươi đến bao giờ? Tôi còn phải chịu đựng các ngươi đến bao giờ nữa?": Như vậy Chúa Giêsu trách lầm, vì Người đã không biết trước là tên quý đó hung dữ hay sao? – Việc đó có nghĩa rằng: Càng muốn được Chúa trợ giúp việc lớn lao thì càng phải có công phúc nhiều hơn, quý càng hung dữ thì càng cần phải mạnh tin hơn mới trừ được. Cho nên nếu không đủ những việc tốt lành, không đủ mạnh tin để tạo được công phúc lớn lao, thì cần phải ăn chay cầu nguyện để có thêm công phúc, lúc đó Chúa mới có thể trợ giúp để trừ quý dữ đó, dù vắng mặt Chúa. Như vậy câu: “Giống quý này không chịu ra nếu người ta không ăn chay cầu nguyện” càng cho chúng ta thấy đó định luật “Có mới được cho”.

- 8- Mt 11, 25-26: “Vào lúc ấy, Đức Giêsu cất tiếng nói: “Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải

cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha.”: Những kẻ tưởng mình là khôn ngoan thông thái và những kẻ tự phụ là khôn ngoan thông thái, thì chắc chắn không được Chúa soi sáng để nhận biết những điều khôn ngoan cao trọng về mầu nhiệm Nước Thiên Chúa, là đúng lý phải đạo lắm rồi. Nhưng những người trên danh nghĩa là “khôn ngoan thông thái” phải bỏ công phúc để bù đắp cho cái tiếng thơm tiếng tốt của họ theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, nên nhiều người thông thái không đủ công phúc để được Chúa soi sáng hướng dẫn mà hiểu những bí nhiệm Nước Thiên Chúa theo định luật: “Có mới được cho”. Còn những kẻ thấp kém bé mọn vì “Nhận” ít thì dễ sinh công phúc bởi không phải “Cho” nhiều. Cho nên, giống như những kẻ nhận biết mình bé mọn ngu dại, trí khôn chẳng thấm gì trước mặt Chúa, tạo được công phúc to lớn, công phúc đó là CÓ nên Chúa mới CHO sự mạc khải để nhận biết những bí nhiệm Nước Thiên Chúa. Vậy câu: “Vâng, lạy Cha, vì đó là quyết ý của Cha!” có nghĩa là: Định luật của Thiên Chúa là thế đó.

6. LINH HỒN



Có ai thấy hoặc đụng chạm sờ mó được linh hồn chưa? Có ai cảm nhận được chính linh hồn của mình chưa? Con người được sinh ra, lớn lên, đau yếu, già nua, rồi chết đúng như những con vật, có khác chút nào đâu mà bảo có linh hồn? Hoặc nếu người có linh hồn thì tại sao loài vật lại không có linh hồn? Rất nhiều người tin cho là có linh hồn, cho là có linh hồn thì heo, gà, vịt, ngan, ngỗng, trâu, bò, ngựa..., cũng phải có linh hồn, và làm gì có giới hạn nên ruồi, muỗi, ong, kiến..., ai chứng minh được là không có linh hồn?

Lại còn một số người tin thuyết tiến hóa rằng đất đai tự nó sinh thực vật, động vật sơ đẳng, rồi tiến hóa thành những động vật cao cấp như heo, gà, chó, trâu, bò, ngựa..., và con người chỉ là một động vật từ khi mà tiến hóa thành.

Như vậy thì chẳng có hồn vía nào cả. Hơn nữa, ngày nay người ta lại có tài sản xuất con người bằng thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, thụ tinh bằng DNA..., như thể sự sống con người không còn ý nghĩa cao cả và con người chẳng có gì hơn ngoài cái thân xác như mọi loại vật khác?

Nhưng Lời Chúa khôn ngoan vượt tầm hiểu biết của khoa học, chúng ta là những kẻ may mắn phúc đức vì đặt niềm tin nơi Chúa Kitô và cậy nhờ nương tựa vào Kinh Thánh là lời vô cùng khôn ngoan có thể dẫn giải tất cả những bế tắc của khoa học.

Sách Sáng Thế chương 1 đoạn 26-27 về việc Thiên Chúa tạo dựng con người: “Thiên Chúa phán ‘Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú và tất cả mặt đất và giống vật bò dưới đất.’”

Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình

Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa

Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ.”

Không phải vô tình mà Kinh Thánh lặp lại ba lần rằng: “Thiên Chúa sáng tạo con người giống hình ảnh Thiên Chúa”. Chữ HÌNH ẢNH như nhiều người từng nói: Thiên Chúa làm gì có hình ảnh. Vâng đúng vậy, với giác quan con người, chúng ta không thể nhìn thấy Thiên Chúa và

gọi Ngài là Đấng thiêng liêng, nhưng Ngài uy nghi bao trùm cả thế giới siêu vật thể và thế giới vật thể, mà với ý định của Thiên Chúa để con người có cơ hội lập công phúc, nên Thiên Chúa dựng nên chúng ta với những giác quan không thể nhận biết hình ảnh Thiên Chúa. Vậy HÌNH ẢNH mà con người giống Chúa đó là LINH HỒN mà giác quan con người không thể nhận biết được LINH HỒN cũng như không thể nhận biết HÌNH ẢNH Thiên Chúa. Ngày 31-7-1966 chính Chúa Giêsu đã tiết lộ trong “Thông Điệp Tình Yêu Nhân Hậu Gửi Các Hồn Nhỏ” với bà Margarita: “Cha đã dựng nên LINH HỒN con giống HÌNH ẢNH Cha”, và ngày 23-6-1967 “Cha đã tạo dựng LINH HỒN các con theo HÌNH ẢNH Cha”. Như vậy, Chúa Giêsu đã xác định câu GIỐNG HÌNH ẢNH THIÊN CHÚA trong sách Sáng Thế là LINH HỒN. Chúa Giêsu còn tiết lộ thêm về sự kết hợp giữa thân xác và linh hồn ngày 25-6-1967: “Linh hồn quan hệ hơn thân thể rất nhiều. Vì nó nuôi thân thể và làm cho thân thể được linh hoạt. Thân xác có thể đóng góp phần nào vào sự sống của linh hồn, thì linh hồn chắc chắn còn đóng góp vào sự sống của thân xác hơn nữa để làm vinh danh Thiên Chúa”.

Và chính câu “Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta ĐỂ con người làm chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú và tất cả mặt đất và giống vật bò dưới đất” cũng đã xác định rõ hơn CON NGƯỜI GIỐNG HÌNH ẢNH THIÊN CHÚA là CON NGƯỜI CÓ LINH HỒN. Bởi vì nếu con người không có linh hồn thì con người chỉ khôn bằng hai ba lần con vật khác, nhưng nhờ có linh hồn, con người khôn ngoan thông thái gấp ngàn lần con vật, mà có thể làm chủ được loài vật. Cho nên câu Kinh Thánh trên có nghĩa rằng: Thiên Chúa

tạo dựng con người có linh hồn khôn ngoan thông thái để con người cai quản các loài vật không có linh hồn khác. (Trường hợp này các loài vật phải được hiểu theo nghĩa đen).

Sách Sáng Thế còn nói rõ về linh hồn trong đoạn sau đó: “Đức Chúa là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi SINH KHÍ vào lỗ mũi và con người trở nên sinh vật”.

Chúng ta đã làm câu “Thổi sinh khí” là tạo cho con người có hơi thở là sự sống đời này, thật ra đó là nghĩa đen: nghĩa gài, vì chẳng có con vật nào được thổi sinh khí mà nó vẫn sống, nên từ SINH KHÍ mà Kinh Thánh muốn diễn đạt là LINH HỒN, chính Chúa Giêsu đã dạy chúng ta rất rõ ý nghĩa câu “Thổi sinh khí” khi “Người thổi hơi vào các môn đệ mà phán: ‘Các con hãy nhận lấy Thánh Thần...’”, việc ấy giống hệt việc Kinh Thánh diễn tả Thiên Chúa thổi SINH KHÍ vào lỗ mũi Adam, nhưng lần thứ nhất ấy Thiên Chúa ban tặng con người sự sống đời đời là LINH HỒN, và lần này Chúa Con ban tặng nhân loại CHÚA THÁNH THẦN, Đấng phục hồi nuôi dưỡng linh hồn.

Vậy “Đức Chúa là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người” có nghĩa rằng: Thiên Chúa tạo dựng con người bằng vật chất, dù do yêu thương chồng vợ, dù lang chạ bụi bờ hoặc trong lòng kính, ông nghiệm..., miễn sao thành con người. Còn “Thổi sinh khí” nghĩa là sinh vật nào được gọi là người dù trắng, đen, vàng, nâu, đỏ, dù đi mù, què quặt, con hoang con rớt, con thụ tinh nhân tạo,

con trong ống nghiệm..., đều được Thiên Chúa THỐI HOI tạo dựng một con người giống HÌNH ẢNH là LINH HỒN bất tử để kết hợp với thân xác đó.

Thế đó, Kinh Thánh tuyệt đỉnh khôn ngoan đã dạy quá rõ: CON NGƯỜI CÓ LINH HỒN, và chỉ con người có linh hồn mà thôi vì không con vật nào được Chúa thổi hơi, không con vật nào được Chúa dựng nên giống hình ảnh Chúa, vì thế không con vật nào chúng ta được phép tin là có linh hồn.

Còn về phía khoa học thì chưa có loại máy móc nào, chưa có cách thức, phương tiện nào để xác định là có linh hồn trong mỗi con người, đó là ý định của Thiên Chúa, Người muốn đặt giới hạn cho khoa học để luật phúc tội của Người được thực hiện. Nhưng trong những sự có như ma làm, quỷ ám, người chết hiện về, quỷ hiện hình, quỷ nhập tràng, lên đồng, cầu cơ..., không kể trong đó có những kẻ ngụy tạo bịp bợm, thì chúng ta phải thừa nhận một cách khoa học rằng chỉ khi con người có linh hồn mới xảy ra như vậy, nên trường hợp ma làm, quỷ ám là mỗi người có một linh hồn, nhưng nếu có hơn một linh hồn trong một thân xác là xảy ra hiện tượng như vậy.

Hơn nữa chúng ta đã khám phá ra rằng toàn bộ trái đất mọi loài và của bầu khí quyển này đều bị nhận chìm trong môi dung dày đặc các chất liệu tạo nên vũ trụ gọi là môi dung HẠT TỰ DO. (đọc Nguồn gốc vũ trụ), việc ấy buộc chúng ta phải xác định rằng linh hồn thực sự là một linh thể hiện hữu cách khoa học. Và chúng ta tin có linh hồn, nhưng nếu linh hồn là một linh thể nằm gọn trong thân

xác, chân tay què cụt thì phần đó thụt vào..., thì cũng chưa đúng, bởi hãy nhìn những hiện tượng như hai em bé song sinh, lúc ai đó giơ tay đỡ một em, có khi cả hai em đều giơ tay đỡ, dù em kia không nhìn thấy sự đỡ dành. Hoặc nhiều khi con cái ở xa gặp điều trắc trở, cha mẹ ở nhà ngồi đứng không yên, hoặc nhiều trường hợp người con ngoài chiến trường bị trúng đạn thì ngay lúc đó người mẹ ở nhà thấy đau nhói, ôm ngực lão đảo... . Khoa học chưa giải thích được những việc đó, nhưng chúng ta thấy người ta có thể dùng dòng điện, nguồn điện để điều khiển được máy bay, hỏa tiễn, phi thuyền, có thể ngắm nhìn ngoài cảnh cách xa hàng ngàn dặm, có thể trò chuyện với người thân bên kia đại dương như ở bên cạnh..., cho nên linh hồn hiểu một cách khoa học là một sinh thể vững bền tương tự như một nguồn điện mạnh mẽ, tinh vi, linh động, được gắn bó kết hợp với cơ thể, nhưng có tầm hoạt động và phóng tỏa ngoài thân xác, bao trùm liên kết với những người thân yêu, bởi vậy những tư tưởng, lời nói, việc làm tốt hoặc xấu của cha mẹ luôn luôn ảnh hưởng lây lan đến con cái, như chúng ta đã bàn về “Tội Truyền”.

7. KINH THÁNH CÓ PHẦN KHOA HỌC KHÔNG?



Phải hiểu Kinh Thánh mới biết Kinh Thánh vô cùng khoa học, mà chỉ được Thiên Chúa soi sáng mới hiểu được Kinh Thánh: Ga 6, 45: “Xưa có lời chép trong sách các ngôn sứ: Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ. Vậy phàm ai nghe và đón nhận giáo huấn của Chúa Cha, thì sẽ đến với tôi.” Hoặc như theo thánh Mátthêu: “Cha Tôi đã trao phó mọi sự cho Tôi và không ai biết rõ Người Con ngoại trừ Chúa Cha, cũng như không ai biết rõ Chúa Cha ngoại trừ Người Con và những kẻ Người Con muốn mặc khải cho”.

Nhưng thiên hạ còn nhiều người chưa nhận biết Chúa, khinh chê Lời Chúa, vậy thì ai là người được dạy dỗ, ai là kẻ được mặc khải cho”.

-Điều kiện trước tiên là khiêm tốn: Lời Chúa 10, 21: “Ngay giờ ấy, được Thánh Thần tác động, Đức Giêsu hoan vui mừng và nói: “Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu kín không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha.” Chúa Giêsu không nói “Những bậc khôn ngoan thông thái “theo nghĩa thường vì rất nhiều người tài cao học rộng cũng nhận biết Chúa, nhưng Người muốn ám chỉ những kẻ tự cho mình là khôn ngoan thông thái, nói đúng ra là những kẻ kiêu căng tự phụ về chút hiểu biết của họ, thì không thể hiểu được Lời Chúa, thật ra là bị Chúa giấu nệm không cho hiểu. Ngược lại, “Những kẻ bé mọn” là những người muốn tìm kiếm Chúa, muốn hiểu biết những sự thuộc về Chúa trong tâm lòng nhỏ bé khiêm cung, luôn được Chúa yêu thương và soi lòng mở trí để hiểu Lời Chúa.

-Điều kiện thứ hai là: Yêu mến Chúa, nghe và tuân giữ Lời Chúa: Ga 14, 22: “Ông Giuđa, không phải Giuđa Ítcariôt, nói với Đức Giêsu: “Thưa Thầy, tại sao Thầy phải tỏ mình ra cho chúng con, mà không tỏ mình ra cho thế gian?”, Chúa Giêsu đáp: “Ai yêu mến Thầy thì sẽ giữ lời Thầy và Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy, và Cha Con Thầy sẽ đến và ở trong người ấy”: Ông Giuđa tưởng là Chúa chỉ dạy cho các ông mà không chỉ dạy cho thiên hạ, nhưng câu trả lời của Chúa có nghĩa: không chỉ riêng các tông

đồ mà bất cứ ai nghe và tuân giữ Lời Chúa đều được Chúa soi lòng mở trí, trái lại Chúa phải dùng dụ ngôn để giấu nệm những kẻ không xứng đáng, những kẻ không nghe, không tuân giữ Lời Chúa: Lời Chúa 8, 9-10: “Các môn đệ hỏi Người dụ ngôn ấy có ý nghĩa gì. Người đáp: “Anh em thì được ơn hiểu biết các mầu nhiệm Nước Thiên Chúa; còn với kẻ khác thì phải dùng dụ ngôn để chúng nhìn mà không nhìn, nghe mà không hiểu.”

-Hai điều kiện trên đều nằm trong định luật CÓ MỚI ĐƯỢC CHO, là CÓ khiêm tốn, có cuộc sống thiện hảo và tuân giữ luật Chúa là có phúc có đức, thì Chúa sẽ CHO nhận biết Chúa và hiểu Lời Chúa, còn những ai không CÓ lòng nhân, không khiêm tốn và tuân giữ luật Chúa thì không được CHO: “Nhìn mà không nhìn, nghe mà không nghe”. Cho nên nhiều người càng đọc Kinh Thánh càng không hiểu, càng không tin bởi họ thấy những sai sót thời gian như: “Thầy bảo thật các con, các con chưa đi hết các thành Ítraen thì Con Người đã đến”, sai sót khoa học như: “Các vì tinh tú từ trời rơi xuống đất”, vô lý như: “Trò không thể hơn thầy” hoặc “Đêm đến không ai làm việc được”, và họ tìm thấy nhiều điều ngớ ngẩn, lằm cẩm... rồi buồn chán thất vọng.

Nhưng Chúa Giêsu là Thiên Chúa, Người tính toán mọi sự đều khoa học vượt hẳn khoa học con người, lý lẽ của Người hơn hẳn lý lẽ con người, cho nên những ai cậy nhờ vào kiến thức, khoa học, lý luận riêng mình, không sống tốt lành, không chút khiêm hạ, không hề lọt tai và tuân giữ những điều Chúa răn dạy, đều không được soi sáng để tìm thấy sự khôn ngoan khoa học của Kinh Thánh.

Suốt ba năm rao giảng, nếu Chúa Giêsu chỉ định cho thánh Gioan hoặc thánh Máthêu ghi chép lại mọi lời nói việc làm của Chúa thì chúng ta đã có một cuốn Tin Mừng duy nhất, thật đầy đủ chi tiết và chuẩn xác, nhưng Chúa Giêsu có cách của Thiên Chúa: Ga 16, 12-15: “Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em. Nhưng bây giờ, anh em không có sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn. Người sẽ không tự mình nói điều gì, nhưng tất cả những gì Người nghe, Người sẽ nói lại, và loan báo cho anh em biết những điều sẽ xảy đến. Người sẽ tôn vinh Thầy, vì Người sẽ lấy những gì của Thầy mà loan báo cho anh em. Mọi sự Chúa Cha có đều là của Thầy. Vì thế, Thầy đã nói: Người lấy những gì của Thầy mà loan báo cho anh em.” Bởi vậy Lời Chúa được rao giảng nhiều nơi và nhiều người đã tin theo Chúa, các tông đồ mới nghĩ đến việc ghi chép lại, và đúng như dự định của Chúa Kitô: Chúa Thánh Thần đã hướng dẫn các tông đồ cách viết, cách diễn tả đạt hòa hợp cả bốn cuốn sách Phúc Âm sao cho hoàn chỉnh Giáo Huấn của Người. Cho nên chúng ta thấy nhiều dụ ngôn, nhiều sự việc, nhiều câu nói..., nếu đem so sánh giữa bốn cuốn Phúc Âm thì rõ ràng có những khác biệt, xem như sự nhớ lại của mỗi tông đồ mỗi khác, nhưng thực ra việc đó nằm trong chương trình; trong dự định của Chúa Kitô để Chúa Thánh Thần hướng dẫn các tông đồ làm đầy đủ ý nghĩa những điều Chúa Giêsu muốn truyền đạt cho nhân loại, như khi Chúa Giêsu giảng giải về Nước Trời, Người đã phải dùng nhiều dụ ngôn một lúc mới đủ để diễn đạt hết ý nghĩa của tám mối phúc: cần thiết, quan trọng, quý giá, sự ảnh hưởng sâu rộng cả nhân loại đến ngày nay, và sự lợi ích vô cùng vô tận của Nước Trời. Hoặc nhiều khi có những điều rất quan trọng, Chúa Giêsu không nói thẳng

một lần, mà chờ cơ hội khác mới tiết lộ thêm, để phải hiểu được đoạn này mới hiểu được đoạn kia. Vậy thì việc chúng ta tưởng là “Tam sao thất bản”, ông nói gà bà nói vịt, bất nhất, lộn xộn, lảm cẩm, sai sót thời gian, phản khoa học, không thực tế...” đều là cách làm của Chúa Thánh Thần, Đáng thông minh tuyệt đối; khoa học tuyệt đối, Người đã hướng dẫn các thánh Máttêu, Máccô, Luca, Gioan, từng ý từng lời, từng chấm từng phết để làm tròn ý Chúa Kitô, rồi Chúa Thánh Thần lại hướng dẫn Giáo Hội tìm kiếm lựa chọn 4 sách Tin Mừng đó trong rất nhiều cuốn sách viết về Chúa Kitô, hướng dẫn Giáo Hội biết sử dụng, biết ý nghĩa, biết cách giảng dạy Lời Chúa, và quan trọng nhất là Chúa Thánh Thần sai khiến hướng dẫn từng người tùy công phúc của họ theo đúng định luật CÓ MỖI ĐƯỢC CHO, để họ có thể đọc, nghe, hiểu và tuân giữ Lời Chúa mà được cứu độ. Ngược lại, những kẻ không CÓ thì không được CHO, và chính những sự tưởng là “Tam sao thất bản”, ông nói gà bà nói vịt, bất nhất, lộn xộn, lảm cẩm, sai sót thời gian, phản khoa học, không thực tế...” đều là những thứ, những cách giấu nhem những kẻ không CÓ.

8. NHỮNG ĐOẠN KHÓ HIỂU TRONG PHÚC ÂM



Nhiều người đọc Phúc Âm những câu xem ra khó hiểu, sai sót, nghịch lý, mâu thuẫn..., nên không tin đó là Lời Chúa, không tin Chúa là Thiên Chúa. Cũng có người tin Phúc Âm, tin Chúa Giêsu nhưng cho là tại “tam sao thất bản” hoặc tại phong tục Do Thái khác lạ... . Thật ra những từ ngữ, những câu, những đoạn có vẻ khó hiểu, lằng cằng, lại là những điều cốt lõi, quan trọng. Ở đây chỉ xem xét những câu khó hiểu nhất mà chưa từng được giải thích, hoặc giải thích chưa thỏa đáng.

1-Bà.

Tiệc cưới Cana đang vui thì hết rượu. Mẹ Chúa Giêsu đến nói với Người: “Họ hết rượu rồi”, Chúa Giêsu trả lời: “Hỡi bà, giữa tôi với Bà nào có can chi? Giờ tôi chưa đến”. (Ga 2, 1-11).

Giờ lâm chung trên thập giá, khi thấy Đức Mẹ đứng cạnh thánh Gioan, Chúa Giêsu thưa cùng Mẹ Người: “Hỡi Bà, này là con Bà”. (Ga 19, 25-27).

Trước tiên chúng ta thấy tính trung thực của Phúc Âm vì có thể thánh Gioan cũng thấy điều này khó hiểu, nhưng nghe Chúa nói thế nào thì phải viết lại đúng như vậy, không mảy may thay đổi, và các nhà dịch đoạn Phúc Âm cũng không hề sửa chữa.

Câu “Họ hết rượu rồi” rất tự nhiên vì Đức Mẹ biết Chúa Giêsu quyền phép vô cùng, có thể làm được mọi sự. Đối lại Chúa Giêsu biết Đức Mẹ có nguồn công phúc cao cả, sẽ được thưởng chức vị cao trọng vinh hiển trên trời, cho nên “BÀ” là từ ngữ xưng hô giữa Chúa Tể trời đất, với Đấng có quyền thế trên các thiên thần và các thánh. Chữ Bà chỉ được xưng hô trong sự kiện đặc biệt quan trọng: Đức Mẹ đang can thiệp vào Đại Cuộc Cứu Độ của Chúa, vì như Chúa nói: “Giờ tôi chưa đến”, và thánh Gioan đã ghi rõ: “Chúa Giêsu đã làm phép lạ đầu tiên này tại xứ Galilêa, và đã tỏ vinh quang Người và các môn đệ Người đã tin Người”: Sự việc quan trọng đó đã khai mạc sứ mạng cứu chuộc nhân loại, dù chưa đến giờ Chúa muốn khởi sự, nhưng vì sự nài ép của Đức Mẹ để giúp đỡ người khó khăn thiếu thốn mà buộc Chúa phải thay đổi kế hoạch.

Trong giờ lâm chung của Chúa Giêsu trên thập giá, tiếng xưng BÀ là từ của Vua trên hết các vua, với Nữ Vương trời đất, trong một sự kiện vô cùng trọng đại là trời

trần trao phó để nhân loại có một Người Mẹ với nguồn công phúc vô tận, có quyền năng thần thể mà cứu giúp, bệnh vực, chở che con cái gian trần. Cho nên chính chữ “Bà” giúp chúng ta hiểu việc trời trần trên thập giá của Chúa mang tính chất trọng đại cả thể, vì nếu chỉ đơn thuần trời Đức Mẹ cho thánh Gioan bảo bọc thì Chúa Giêsu chỉ dùng chữ “Mẹ”.

2-Rắn không khôn.

Mt 10, 16: “Này, Thầy sai anh em đi như chiên đi vào giữa bầy sói. Vậy anh em phải khôn như rắn và đơn sơ như bò câu.”

Rắn là loài đàn độn so với các loại vật, nhưng nó có nọc độc lại lẫn khuất chui rúc bụi bờ, Chúa Giêsu cũng như thánh Gioan và cả Cựu Ước đã dùng từ “con rắn” để chỉ kẻ độc ác tội lỗi, như có lần Chúa Giêsu đã chỉ vào mặt các luật sĩ: “Hỡi loài mãng xà, nòi rắn độc làm sao các người thoát khỏi án phạt hỏa ngục được”, như thế Chúa có bảo chúng ta bắt chước kẻ tội lỗi không? Nhưng Chúa Giêsu đã kể dụ ngôn “Tên đầy tớ bất lương” và kết luận: “Con cái thế gian (tức là kẻ tội lỗi, là con rắn) khôn ngoan hơn con cái sự sáng trong việc cư xử với đồng loại”.

Vậy trong một câu vắn gọn, Chúa Giêsu đã dùng tới bốn con vật (chiên, sói, rắn, bò câu) để sánh với người hiền kẻ dữ, người tốt lành kẻ ác độc và căn dặn các môn đệ là các ông sẽ phải tiếp xúc với nhiều kẻ dữ dằn cay độc, nên phải hết sức khôn khéo dù vẫn hiền lành ngay thật.

3-Không có gì che giấu mà không bị tỏ lộ.

Mt 10, 26: “Vậy anh em đừng sợ người ta. Thật ra, không có gì che giấu mà sẽ không được tỏ lộ, không có gì bí mật, mà người ta sẽ không biết.”

Hàng ngày người ta nói dối, làm những điều trái phép, bất công, gian trá, độc ác..., hàng tỷ, mà chỉ có một phần triệu là bị bắt quả tang, bị phanh phui, còn tất cả đều êm đềm đi vào quên lãng, vậy mà Chúa Giêsu lại nói không có gì che giấu mà không bị tỏ lộ?

Đó là Chúa Giêsu nói về định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng” của Chúa: “Các người hãy mau mau dàn xếp với đối phương ngay trên đường đi với người ấy đến cửa công, kẻ người ấy sẽ nộp người cho quan tòa, quan tòa sẽ giao người cho thuộc hạ, và người sẽ bị tổng ngục. Tôi bảo thật cho các người biết: người sẽ không ra khỏi đó trước khi trả hết đồng xu cuối cùng”: Là tất cả những điều xấu xa tội lỗi chúng ta làm dù lớn dù nhỏ, chỉ có thể che giấu được thế gian, nhưng với Thiên Chúa thì chúng ta không thể mảy may che giấu được gì, mà phải đền bù tất cả, và nếu chúng ta không đền bù ngay ở thế gian này thì sẽ có ngày chúng ta phải thanh toán đúng theo định luật của Chúa, cho nên ai làm điều trái phép mà bị bắt, bị lộ ngay là điều may mắn để khỏi phải trả cả vốn lẫn lời.

4-Người giàu sao lại khó vào Nước Thiên Chúa?

Khi Chúa Giêsu khuyên người giàu có nọ hãy bán hết những gì anh ta có mà theo Chúa, thì anh ta buồn bã bỏ đi, và Chúa phán: Mc 10, 25: “Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa.”

Rất nhiều người giàu đâu có làm gì sai trái, tiền bạc tài sản của họ có khi là của ông bà để lại, hoặc là may mắn, tài giỏi làm ăn mà làm ra bằng công sức của họ, vậy tại sao Chúa lại khắt khe như vậy, lòng tốt của Chúa ở đâu?

Thưa vì ngoài định luật “Trả hết đồng xu cuối cùng” lại có định luật cao hơn là “Được cho không thì cũng phải cho không”: Chỉ đơn giản là người giàu có sung sướng thoải mái, được nể nang trọng vọng, bâm bá, xu nịnh tâng bốc, lạ gì thói đời chuộng tiền bạc ở đời..., mà hàng ngày họ đã NHẬN quá nhiều thì đâu có cơ hội, đâu còn thời gian để CHO đi, cho nên người giàu đôi khi khó vào Nước Trời hơn cả kẻ tội lỗi, vì kẻ tội lỗi có cơ hội đền bù bằng những thiếu thốn, nghèo hèn, nhục nhã, khổ đau..., còn người giàu thì không có.

5-Đôi với Thiên Chúa mọi sự đều có thể.

Sau khi Chúa phán: “Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước thiên đàng” thì các môn đệ Chúa kinh ngạc: Mc 10, 26-27: “Các ông lại càng sửng sốt hơn nữa và nói với nhau: “Thế thì ai có thể được cứu?” Đức Giêsu nhìn thẳng vào các ông và nói: “Đôi với loài người thì không thể được, nhưng đôi với Thiên Chúa thì không phải thế, vì đôi với Thiên Chúa mọi sự đều có thể được.”

Câu này cũng rất khó hiểu, nhiều người tưởng Chúa nói “Đối với Thiên Chúa mọi sự đều có thể” là lòng Chúa khoan dung nhân hậu vô cùng nên Người sẽ xí xóa bỏ qua hết thảy. –Không phải như vậy, nếu cả như lòng thương xót của Chúa mà không vương những định luật thì cả thế gian này đều được vào nước thiên đàng, mà Chúa Giêsu cũng không phải xuống thế làm người. Nhưng Chúa chỉ làm được mọi sự trong các định luật của Người, trong đó có định luật “Có mới được cho” là: Kẻ nào CÓ nhân đức, đạo hạnh, tốt lành..., thường thì Chúa CHO sự gìn giữ để khỏi phải trở nên giàu có. Còn kẻ nào có chút tiền của mà còn CÓ lòng đạo hạnh nhân đức trong ơn nghĩa Chúa, thì Người CHO là tìm mọi cách gửi những mát mát này, xui xẻo nợ, hoặc những đón đau tình cảm, tinh thần..., hàng ngày hàng giờ, (nhưng phải CÓ Chúa mới được CHO) để bù đắp những dư giả sung túc. Chỉ có cách đó người giàu có mới hy vọng vào được Nước Trời.

6-Chúa Giêsu có bảo chúng ta phải thực hiện từng chút từng phết trong Bộ Luật không?

Mt 5, 18-19: “Vì, Thầy bảo thật anh em, trước khi trời đất qua đi, thì một chấm một phết trong Lễ Luật cũng sẽ không qua đi, cho đến khi mọi sự được hoàn thành. Vậy ai bãi bỏ dù chỉ là một trong những điều răn nhỏ nhất ấy, và dạy người ta làm như thế, thì sẽ bị gọi là kẻ nhỏ nhất trong Nước Trời. Còn ai tuân hành và dạy làm như thế, thì sẽ được gọi là lớn trong Nước Trời.”

Đoạn trên đó Chúa Giêsu đã phán: Mt 5, 17: “Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ Luật Môsê hoặc lời các

ngôn sứ. Thầy đến không phải là để bãi bỏ, nhưng là để kiện toàn.” Vậy hãy đọc Mt 5, 21-48 xem Chúa “Kiện toàn” như thế nào, chẳng hạn đoạn 43-44: “Anh em đã nghe Luật dạy rằng: Hãy yêu đồng loại và hãy ghét kẻ thù. Còn Thầy, Thầy bảo anh em: hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em.” Rõ ràng là Bộ Luật có nhiều khác biệt với Giáo Huấn Chúa Kitô. Vậy cách nói: “Một chấm một phết” là Chúa Giêsu căn dặn chúng ta hãy bảo tồn gìn giữ Bộ Luật chính xác y nguyên như vậy, không được phép thay đổi, sửa chữa, cắt xén chút nào, để nhờ còn nguyên vẹn mà chúng ta có thể tra dò, tìm kiếm, phân tích tỉ mỉ “Từng chấm từng phết” hầu tìm thấy những điều khôn ngoan, cần thiết, quý giá, quan trọng trong Bộ Luật như Giáo Hội đã và đang thực hiện: M K 15: “Các Kitô hữu phải thành kính đón nhận các sách Cựu Ước, vì các sách này diễn tả một cảm thức sâu sắc về Thiên Chúa, TÀNG TRỮ những lời giáo huấn cao siêu về Người, những tư tưởng khôn ngoan về đời sống con người, những kho tàng tuyệt diệu, và sau cùng, AN CHỨA màu nhiệm cứu rỗi chúng ta”.

7-Người Biệt Phái và Luật Sĩ công chính?

Phúc Âm Chúa Giêsu theo thánh Mátthêu, chương 5, từ 1 đến 48, trong đó có đoạn 20: “Nếu các con không công chính hơn các Luật Sĩ và Biệt Phái thì các con chẳng được vào Nước Trời đâu”. Vậy những người Luật Sĩ và Biệt Phái công chính làm sao?

Nếu các luật sĩ và biệt phái công chính thì Chúa Giêsu đã không lên án họ: Mt 23, 1-36, chẳng hạn trong đó có

đoạn như: “Khôn cho các người, hỡi các kinh sư và người Phariseu giả hình! Các người giống như mồ mả tô vôi, bên ngoài có vẻ đẹp, nhưng bên trong thì đầy xương người chết và đủ mọi thứ ô uế.” hoặc “Các người cũng vậy, bên ngoài thì có vẻ công chính trước mặt thiên hạ, nhưng bên trong toàn là giả hình và gian ác!” Và Chúa Giêsu còn nói với dân chúng và các môn đệ: “Các kinh sư và các người Phariseu ngồi trên tòa ông Môsê mà giảng dạy. Vậy, tất cả những gì họ nói, anh em hãy làm, hãy giữ, còn những việc họ làm, thì đừng có làm theo, vì họ nói mà không làm.” Cho nên Chúa Giêsu dạy chúng ta phải công chính hơn các luật sĩ và biệt phái là công chính hơn nguyên tắc và luật lệ của họ, vì chúng ta thấy ngay sau đó Chúa Giêsu so sánh những nguyên tắc và luật lệ của họ với nguyên tắc và luật lệ của Người.

8-Ngày cánh chung.

Đọc Mt 24, 1-51 – Mc 13, 1-37 và Lời Chúa 21, 5-36.

Đã nói rằng trong Phúc Âm Chúa Kitô, những đoạn mâu thuẫn, nghịch lý, khó hiểu nhất lại gồm những điều quan trọng cốt lõi nhất, thì chương này có nhiều điều vô lý, lồi thoi, luộm thuộm, không đầu không đuôi nhất. Vậy đây là cách Chúa Giêsu cùng Chúa Thánh Thần dùng để tiên báo những điều rất quan trọng, nhưng không tiết lộ rõ ràng để che giấu những sự không được phép cho biết. Và theo đúng định luật “Có mới được cho”, thì chỉ ai có phúc mới được Chúa Thánh Thần soi sáng mới có thể hiểu, mới có thể tin.

Chúa Giêsu nói về việc thành Giêrusalem bị tàn phá, đối với các tông đồ và người Do Thái thời đó, là điều không thể tưởng tượng nổi mà coi đó như ngày tàn của thế giới, nên nhân đó họ mới hỏi Chúa về “Ngày cánh chung”, và trong cả ba chương của Phúc Âm nhất lãm nói về ngày cánh chung thật là rất “không đầu không đuôi”, nhưng hãy để ý câu Chúa phán: “Điều thầy nói với các con đây, Thầy cũng nói với hết thầy mọi người ta là phải canh thức”: Có nghĩa rằng Người tiên đoán những điều quan trọng sẽ xảy ra khắp nơi từ thời đó cho tới tận thế. Cho nên nếu đọc thật kỹ chúng ta sẽ tìm thấy tới ba “Ngày chung tận”:

Thứ nhất là ngày chung tận của Giêrusalem: “Thế hệ này sẽ chẳng qua đi trước khi mọi điều ấy xảy ra”.

Thứ hai là ngày chung tận của mỗi cuộc đời chúng ta: “Vây các con hãy sẵn sàng, vì lúc các con không ngờ, Con Người sẽ đến”. Chúng ta sẽ thấy rõ hơn nghĩa của “Con Người sẽ đến” là giờ sau hết của mỗi người: Mt 10, 23: “Khi người ta bách hại anh em trong thành này, thì hãy trốn sang thành khác. Thầy bảo thật anh em: anh em chưa đi hết các thành của Ítraen, thì Con Người đã đến.”

Thứ ba là ngày chung tận của nhân loại: “Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy Con Người ngự đến trên đám mây với đầy quyền năng và vinh quang”. Cả ba thứ “Ngày chung tận” này, Chúa Giêsu nói giằng chéo, đảo lộn, cho thành không đầu không đuôi để không tiết lộ cách rõ ràng.

Và còn những câu vô lý khó hiểu:

a-“Còn về ngày giờ đó thì không ai biết được, dù là các thiên thần trên trời, dù là Chúa Con, trừ ra Chúa Cha”: Đó là Chúa nói về ngày tận thế, việc này các thiên thần thì có thể cho rằng không biết, nhưng Chúa Cha và Chúa Con là một và quyền năng, thông biết như nhau, thì tại sao Chúa Giêsu lại nói rằng Chúa Con không biết?

-Câu này có nghĩa rằng Chúa Giêsu không tiết lộ chính xác ngày giờ đó, và các thiên thần cũng không được phép báo trước ngày đó sắp xảy ra, vì nếu Chúa Giêsu không biết thì tại sao Người lại xác định: “Nhưng trước hết Phúc Âm phải được rao giảng cho mọi dân tộc”, hoặc “Những sự việc ấy phải xảy ra nhưng chưa phải tận thế đâu”. Vậy thì Chúa Giêsu biết, nhưng Người không tiết lộ chính xác thời nào, ngày nào.

-Nghĩa thứ hai của chữ “Biết” là can thiệp. Chúa Giêsu không dùng công nghiệp của Người để can thiệp, hoặc các thiên thần không dùng quyền lực để cho ngày đó sớm hoặc trễ hậu dành lợi thế cho dân Chúa, mà ngày đó phải xảy ra trong phép công thẳng của Đức Chúa Cha: bất cứ nhân loại đang trong giai đoạn thánh thiện hưng thịnh, hay trong thời sa đọa tội lỗi, việc đó đến lúc là phải xảy ra.

b-“Ngày sau những ngày khôn khó đó thì mặt trời sẽ ra tối tăm, mặt trăng sẽ mất sáng, các tinh tú từ trời rơi xuống và các quyền lực trên trời sẽ bị lay chuyển”: đây là đoạn Chúa Giêsu tiên báo về ngày tận thế, có người vội cho

rằng Chúa Giê-su là Thiên Chúa mà không biết gì về khoa học cả: Tại sao mặt trăng mặt trời lại có thể mất sáng được? Nhất là việc “Các tinh tú từ trời rơi xuống” thì làm như Chúa Giê-su tưởng các vì sao là những chấm sáng gắn vào nền trời như ông bà ta xưa kia lầm tưởng!

Chúng ta biết, hiện nay các nhà khoa học đang lo âu về sự kiện có thể làm nổ tung trái đất là một cuộc chiến tranh hạt nhân toàn cầu, nhưng xét thật kỹ: dù tất cả những trái bom nguyên tử trong các kho vũ khí có nổ tung một loạt thì trái đất cũng chẳng hề hấn gì, và dù bụi phóng xạ có phủ kín mặt đất thì nhân loại cũng không thể bị hủy diệt hoàn toàn.

Thứ hai, các nhà khoa học dự đoán rằng mặt trời chỉ đủ năng lượng để chiếu sáng năm tỷ năm nữa là sẽ nổ tung như những vì sao đang chết dần trong không gian, và vũ trụ chỉ đủ năng lượng để tồn tại khoảng mười lăm tỷ năm nữa mà thôi! Điều này xa xôi quá và chỉ là mối lo của người có tính hay lo.

Thứ ba, chúng ta hãy lưu ý tới câu nói của Chúa: “Các quyền lực trên trời sẽ bị lay chuyển”: Như chúng ta thấy trên không gian vẫn có sự đâm chạm, bùng nổ giữ các thiên hà, các vì sao, các hành tinh và các khối thiên thạch. Chính các nhà khoa học đang lo ngại một ngày nào đó sẽ có một hành tinh “lạc lối” tiến thẳng về phía chúng ta, hoặc một khối thể khổng lồ ngàn vạn thiên thạch và cát bụi đất đá phóng thẳng vào trái đất. Nếu phát hiện trước chừng mười năm, và với trình độ kỹ thuật như hiện nay thì các nhà khoa học cũng không có cách nào cứu chữa.

Người ta dự trù nếu việc đó xảy ra, liệu có thể dùng toàn bộ trữ lượng nguyên tử năng vào việc phá hủy hành tinh đi lạc, hoặc những khối thiên thạch đó hay không? Nhưng xét ra làm cách ấy cũng giống như lửa đổ thêm dầu: những hỏa tiễn mang đầu đạn hạt nhân chẳng những không phá hủy được hành tinh đi lạc hoặc những khối thiên thạch mà còn tạo nên nhiều thiên thạch, đất đá, cát bụi hơn, mà trái đất càng trở nên mục tiêu dễ dàng hơn. Và nếu ngày nào đó người ta biết chính xác rằng thế giới sẽ bị tiêu diệt cách rõ ràng như thế, thì chúng ta hãy tưởng tượng cảnh nổi loạn, giết chóc, hãm hiếp, cướp phá..., của những kẻ điên loạn trong cơn tuyệt vọng, mà nhân loại sẽ gặp cơn đại tai đại họa, khôn khổ khôn nạn đến mức nào! Có phải đó chính là NHỮNG NGÀY KHÔN KHỔ không? Những ai có dịp ngắm những vì sao chổi với cái đuôi xinh đẹp lung linh, sáng láng, nhưng nếu khối lượng cát bụi đất đá khổng lồ hàng trăm ngàn dặm đó mà chụp xuống trái đất, thì giờ đó sẽ tối tăm vô cùng vì chúng che khuất mặt trời mặt trăng: “MẶT TRỜI SẼ RA TỐI TẮM, MẶT TRĂNG SẼ MẤT SÁNG” (Nói để các bạn rõ rằng: các vì sao chổi thì mũi nhọn quay về hướng mặt trời, và phần đuôi luôn ở phía khuất mặt trời, cho nên nếu xảy ra sự đâm sầm của một khối thiên thạch khổng lồ vào trái đất, thì phần đuôi thường dễ đụng trái đất trước, chứ không đầu nhọn của nó cắm vào giống như mũi tên). Sau đó đến lượt những khối thiên thạch (“Những vì sao rơi”) với tốc độ hàng trăm ngàn cây số giờ phóng thẳng vào trái đất: “CÁC VÌ TINH TỬ TỪ TRỜI RƠI XUỐNG”: Trái đất sẽ nổ tung như một quả bom nguyên tử khổng lồ, và nhân loại hoàn toàn bị tiêu diệt...! Ngày chung tận có thể xảy ra tương tự như thế hay không?

c- Mt 24, 30-31 (Mc 13, 26) “Bấy giờ, dấu hiệu của Con Người sẽ xuất hiện trên trời; bấy giờ mọi chi tộc trên mặt đất sẽ đấm ngực và sẽ thấy Con Người rất uy nghi vinh hiển ngự giá mây trời mà đến. Người sẽ sai các thiên sứ của Người thổi loa vang dậy, tập hợp những kẻ được Người tuyển chọn từ bốn phương, từ chân trời này đến chân trời kia.”: Như đoạn này thì trái đất không hề bị tan vỡ hay bị tàn phá, và nhân loại sẽ sống cuộc sống vĩnh cửu trên trái đất này, bằng chứng là có câu “Từ chân trời cho tới cuối trời”.

-Nếu chúng ta hy vọng một cuộc sống mới trên trái đất này, cho dù Chúa có cách làm cho nó tuyệt đối thơ mộng hiền hòa, thì hy vọng ấy thật quá tầm thường. Nhưng Chúa Giêsu đã xác định: “Trời đất sẽ qua đi...”, cũng như các nhà khoa học đã phát hiện: vũ trụ chỉ đủ năng lượng để kéo dài tuổi thọ chừng 15 tỷ năm hoặc hơn một chút nữa, mặt trời cũng chỉ mấy tỷ năm nữa là nổ tung, trái đất không nỏ chung với mặt trời thì cũng băng giá không thể sống nổi... . Nhưng năm tỷ năm, mười lăm tỷ năm, và cho dù một trăm một ngàn tỷ năm cũng chỉ là số không so với cuộc sống đời đời. Và chúng ta hy vọng sống lại trong cái thân xác nhỏ bé nặng nề này, thì hy vọng đó cũng quá nhỏ nhoi. Nhưng như Lời Chúa thì chúng ta sẽ được “Làm con Thiên Chúa”, “Giống hình ảnh Thiên Chúa”, “Như các thiên thần trên trời”, “Người lành sẽ sáng như mặt trời trong nước của Cha họ”. Vậy sống lại là chúng ta sẽ trở thành những sinh linh siêu thể trong thế giới siêu vật chất, chúng ta sẽ được vào hàng thần thánh trong thế giới thần linh của Thiên Chúa.

-Còn câu “Từ chân trời cho tới cuối trời” thì ai đã từng thắc mắc câu Chúa nói: “Kẻ sau hết sẽ nên trước hết, và kẻ trước hết sẽ nên sau hết” là Chúa Giêsu dùng từ ngữ thời gian để diễn đạt vị thế của con người ở thế gian này, thì ngược lại, ở đây Chúa dùng từ ngữ không gian để chỉ thời gian, vì chúng ta thấy đã có câu: “Từ khắp bốn phương” để chỉ không gian rồi. Cho nên “Từ chân trời cho tới cuối trời” là từ ngày có sự xuất hiện của nhân loại cho đến tận thế.

d-Mt 24, 15: “VẬY, khi anh em thấy đặt trong nơi thánh Đền Ghê Tôm Khốc Hại mà ngôn sứ Đanien đã nói đến người đọc hãy lo mà hiểu!”: Cho chúng ta hiểu Đền Ghê Tôm Khốc Hại là những việc xúc phạm đến Thiên Chúa cách lớn lao gở lạ thành trào lưu, thành tổ chức to lớn. Cho nên Chúa không nói riêng Giêrusalem lúc đó mà trong mọi thời mọi lúc, mọi thành phố, vùng miền, quốc gia, dân tộc..., có những phong trào, học thuyết, những mưu đồ ngông cuồng ngang ngược xúc phạm đến Thiên Chúa, đều là những điềm báo trước những cơn đại họa sẽ giáng xuống mà thiện hạ khó tránh họa lây, như bao cuộc chiến tranh, bao thiên tai dịch họa từng xảy ra.

e-Mt 24, 23-24: “Bây giờ, nếu có ai bảo anh em: “Này, Đấng Kitô ở đây” hoặc “ở đó”, thì anh em đừng tin. Thật vậy, sẽ có những Kitô giả và ngôn sứ giả xuất hiện, đưa ra những dấu lạ lớn lao và những điềm thiêng, đến nỗi chúng lừa gạt cả những người đã được tuyển chọn, nếu có thể.”

-Đọc đoạn này thường chúng ta tưởng gần đến thời sau hết sẽ có những kẻ tự xưng là Giêsu hoặc tự xưng là tiên tri. Nhưng Chúa Giêsu tiên báo những việc lạ lùng của mọi thời đại, cho nên ngày thời thánh Phaolô: Rôma 16, 17-18: “Thưa anh em, tôi khuyên nhủ anh em hãy coi chừng những kẻ gây chia rẽ và làm có vấp ngã, vì đi ngược lại với đạo lý anh em đã học hỏi; anh em hãy xa lánh họ. Hạng người đó chẳng phục vụ Đức Kitô, Chúa chúng ta, mà phục vụ chính cái bụng của mình. Họ dùng những lời ngọt ngào nịnh bợ mà quyến rũ những tâm hồn đơn sơ.” Vậy tiên tri giả là những người giảng dạy Kinh Thánh Cựu Ước cách thiên lệch để người ta tôn vinh ca tụng họ mà phục vụ lợi ích của họ. Còn Kitô giả là những kẻ rao giảng Phúc Âm Chúa Kitô trong hận thù, ghen ghét, ngạo ngược mà đã dụ dỗ lôi cuốn được nhiều người. Và trải dài từ đó đến nay càng nhiều Kitô và tiên tri giả xuất hiện, tất nhiên là gần đến ngày sau hết chắc chắn sẽ có những nhân vật vô cùng ghê gớm kỳ bí.

6. Tại sao cần phải có gương xấu?

Mt 18, 7: “Khôn cho thế gian, vì làm có cho người ta sa ngã. Tất nhiên phải có những có gây sa ngã, nhưng khôn cho kẻ làm có cho người ta sa ngã.”

-Nhưng Chúa Giêsu đã đặt tiêu chuẩn rất phải lẽ là: “Vì nếu các con yêu thương kẻ yêu thương mình, thì có ân nghĩa gì đâu? Ngay cả người tội lỗi cũng yêu thương kẻ yêu thương họ”. Cho nên nếu thế gian này ai cũng hiền lành đạo đức thì việc tốt gương tốt của chúng ta không mấy giá trị, mà càng nhiều gương xấu để chúng ta thắng

vượt được thì càng dễ tạo công phúc để nên thánh, như Chúa Giêsu đã tỏ cùng bà Margarita: “Điều làm nên giá trị cho các vị thánh của Cha không phải là sự thánh thiện của họ, vì mọi thánh thiện đều thuộc về Cha. Điều làm nên giá trị cho các vị thánh chính là sự cố gắng mà họ theo đuổi để đạt tới thánh thiện”. Thế gian tội lỗi thì việc thực hành Lời Chúa mới giá trị lớn lao. Thế gian càng nhiều gương xấu mà chúng ta còn giữ được luật Chúa thì càng có công phúc gấp bội. Nếu biết rõ về định luật “Được cho không thì cũng phải cho không” thì nói một cách đích đáng rằng: nếu thế gian không có gương xấu, hoàn toàn lành thiện, không có sự dữ, và chúng ta có thể nhận biết Thiên Chúa bằng giác quan mà không cần phải có đức tin, thì chúng ta có sống tốt lành cũng không đủ công phúc, không đủ tư cách vào được Nước Trời, vì chúng ta NHẬN quá nhiều mà lại không có công phúc của đức tin và công phúc của sự xa tránh gương xấu.

7. CÓ MỚI ĐƯỢC CHO.

Mt 13, 10-12: “Các môn đệ đến gần hỏi Đức Giêsu rằng: “Sao Thầy lại dùng dụ ngôn mà nói với họ?” Người đáp: “Bởi vì anh em thì được ơn hiểu biết các mầu nhiệm Nước Trời, còn họ thì không. Ai đã có thì được cho thêm, và sẽ có dư thừa; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy mất.”

Sao Chúa lại phân biệt đối xử với kẻ khác? Tại sao có lại còn cho thêm? Tại sao đã không có mà lại còn lấy đi? Chúa bắt công sao?

-Như đã nói trong “Những định luật siêu nhiên” thì CỐ MỐI ĐƯỢC CHO là một trong ba định luật mà Thiên Chúa đã tạo dựng trước khi tạo dựng trái đất. Nên dù muốn cứu rỗi toàn thể nhân loại, dù muốn mọi người nghe Lời Chúa phải hiểu và tin để được cứu, nhưng vì định luật đó, bắt buộc Chúa phải dùng dụ ngôn hoặc nói xa xa, rồi tùy sự CỐ công phúc của mỗi người mà CHO sự soi sáng để họ hiểu.

8. Thiên Chúa của kẻ sống?

Lời Chúa 20, 37-38: “Còn về vấn đề kẻ chết trỗi dậy, thì chính ông Môsê cũng đã cho thấy trong đoạn văn nói về bụi gai, khi ông gọi Đức Chúa là Thiên Chúa của tổ phụ Ápraham, Thiên Chúa của tổ phụ Isaác, và Thiên Chúa của tổ phụ Giacóp. Mà Người không phải là Thiên Chúa của kẻ chết, nhưng là Thiên Chúa của kẻ sống, vì đối với Người, tất cả đều đang sống.”

-Cũng như Chúa Giêsu nói: “Hãy để kẻ chết chôn kẻ chết”: Có nghĩa rằng chỉ có những ai theo Chúa, sống trong ơn nghĩa Chúa, được cứu rỗi và sống trong Nước Chúa mới là SỐNG. còn những kẻ không theo Chúa, mất ơn nghĩa cùng Chúa, mất phần rỗi, thì dù sống nhưng là đã CHẾT, dù “Cũng sống lại nhưng sống lại để bị luận phạt”.

9. Xem thấy và đui mù.

Sau khi chữa lành một người mù từ khi sinh ra, Chúa Giêsu phán: Ga 9, 39-41: “Đức Giêsu nói: “Tôi đến thế gian này chính là để xét xử: cho người không xem thấy được thấy, và kẻ xem thấy lại nên đui mù! Những người Phariseu đang ở đó với Đức Giêsu nghe vậy, liền lên tiếng: “Thế ra cả chúng tôi cũng đui mù hay sao?” Đức Giêsu bảo họ: “Nếu các ông đui mù, thì các ông đã chẳng có tội. Nhưng giờ đây các ông nói rằng: “Chúng tôi thấy”, nên tội các ông vẫn còn!”

-Đui mù được xem thấy là những kẻ nhận ra mình tội lỗi nên cậy nhờ công nghiệp và ơn Chúa mà ăn năn thống hối thì sẽ được xem thấy là được ơn tha thứ mà nên công chính. Còn những kẻ xem thấy là tự cho mình trong trắng cao cả, trong khi tội lỗi ngập đầu, thì không được ơn tha thứ, như Chúa đã kể người thu thuế và người Phariseu lên đèn thờ cầu nguyện: người thu thuế nhận ra mình tội lỗi mà đấm ngực ăn năn thì được tha thứ mà nên công chính, còn người Phariseu tự cho mình là công chính thánh thiện nên tội còn đó.

10. Chúa hứa gì ở thế gian?

Mc 10, 28-30: “Ông Phêrô lên tiếng thưa Người: “Thầy coi, phân chúng con, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy!” Đức Giêsu đáp: “Thầy bảo thật anh em: Chẳng hề có ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, mẹ cha, con cái hay ruộng đất, vì Thầy và vì Tin Mừng, mà ngay bây giờ, ở đời này, lại không nhận được nhà cửa, anh em, chị em, mẹ, con hay ruộng đất, gấp trăm, cùng với sự ngược đãi, và sự sống vĩnh cửu ở đời sau.”

Ở đời, vợ đẹp con khôn, nhà cao cửa rộng mà bị bắt bớ ngược đãi thì thà đừng có thì hơn, thế mà Chúa lại hứa cho gấp trăm nhà cửa, anh em, chị em, cha mẹ, con cái, ruộng nương CÙNG VỚI SỰ BẮT BỚ!

-Có nghĩa rằng Chúa không hề hứa hẹn vinh hoa phú quý, vợ đẹp con khôn gì ở đời này cả, kẻ nào càng rắp tâm theo Chúa, càng trung thành giữ đúng lề luật Chúa thì càng nghèo khổ, vì thế gian này Chúa Giêsu là Vua đau khổ, Người đã từng chịu nghèo khổ suốt một đời rồi kết cục với cái chết vô cùng đau đớn thảm thương. Các thánh cũng là “Những người đến từ những đau khổ lớn lao”. Nhiều người hô hào theo Chúa để được vinh hoa phú quý ở đời này là lầm. Quyền chức, bổng lộc, ung dung nhà hạ, thoải mái hả hê, không phải là dấu hiệu của lòng thương xót Chúa.

Nhưng chúng ta hiểu thế nào là “Tham thì thâm”: Tất cả những gì thuộc về chúng ta như tình, tiền, tài năng, danh vọng..., nếu chúng ta càng tham lam khao khát thì càng thiếu càng hụt, đã có rất nhiều lại càng muốn có nhiều hơn. Nhưng ngược lại ở mọi môi trường địa vị, nếu càng ghép mình trong khuôn khổ, chúng ta càng thấy dễ chịu thoải mái hơn mọi người chung quanh, càng coi rẻ tiền bạc chúng ta càng thấy thừa thãi dư giả, càng xa lánh thoải mái dễ chịu. Từ bỏ tất cả mà theo Chúa, chúng ta sẽ được gấp trăm là sự bình an trong tâm hồn. Cho nên sau khi sống lại Chúa Giêsu thường ban: “Bình an cho các con”, đó là Chúa dùng công nghiệp lớn lao của cuộc tử nạn mà ban bình an trong tâm hồn cho những ai từ bỏ mọi sự mà theo Người. Còn bắt bớ ngược đãi là đau khổ nhục

nhã mới là con đường Chúa dành cho chúng ta để tạo công phúc cơ nghiệp theo đúng định luật của Chúa mà sẽ được hưởng cuộc sống hạnh phúc vĩnh cửu đời đời trong Nước Chúa.

11. Chúa có đến sớm như vậy không?

Mt 10, 23: “Khi người ta bách hại anh em trong thành này, thì hãy trốn sang thành khác. Thầy bảo thật anh em: anh em chưa đi hết các thành của Ítraen, thì Con Người đã đến.”: Câu này là một trong những câu làm nhiều người ngờ vực Phúc Âm Chúa, vì người ta hiểu “Con Người đến” theo nghĩa “Ngày chung tận” của thế giới.

-Nhưng như đã phân tích trong mục “Ngày cánh chung” thì “Con Người đến” có hai nghĩa, nghĩa thứ nhất là Con Người đến trong này sau hết: “Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy Con Người ngự đến trên đám mây với quyền năng và vinh quang”. Và nghĩa thứ hai của “Con Người đến” là Chúa đến trong giờ sau hết của cuộc đời mỗi người: “Vậy các con hãy sẵn sàng, vì lúc các con không ngờ, Con Người sẽ đến”. Cho nên câu Phúc Âm trên là Chúa báo cho các tông đồ biết: chẳng bao lâu nữa Người sẽ đến đón các ông về hưởng vinh quang với Người, ngoại trừ thánh Gioan thì Chúa để sống lâu hơn, và Người đã nói xa xôi về việc đó: “Nếu Thầy muốn nó cứ ở lại mãi cho tới khi Thầy đến thì việc gì đến con? Phần con, con cứ theo Thầy”: Như vậy Chúa cũng báo trước cách khéo léo là Người sẽ đón thánh Gioan trễ hơn. Và thánh Gioan đã “Ở lại” cho đến ngày Chúa đến đón ngài.

12. Ban ngày – Ban đêm.

Trước khi chữa lành một người mù từ lúc mới sinh, Chúa Giêsu phán: Ga 9, 4-5: “Chúng ta phải thực hiện công trình của Đấng đã sai Thầy, khi trời còn sáng; đêm đến, không ai có thể làm việc được. Bao lâu Thầy còn ở thế gian, Thầy là ánh sáng thế gian.”

Ngày nay người ta làm ca hai, ca ba là ban đêm hết, vậy tại sao Chúa nói cách vô lý rằng ban đêm không làm việc được, hay Chúa không biết được thời đại này, điện lực có thể biến đêm thành ngày được?

-Ngay từ lần Chúa về thăm quê, người ta đã muốn xô Chúa xuống vực để giết Người, nhưng Chúa đã lách qua giữa họ mà đi, và trong suốt ba năm, nhiều lần người ta muốn ném đá, muốn hãm hại, muốn bắt, muốn giết Chúa nhưng Người đều thoát khỏi tay họ dễ dàng: Ga 7, 30: “Bấy giờ họ tìm cách bắt Người, nhưng chẳng có ai tra tay bắt, vì giờ của Người chưa đến.” Và trước khi phó mặc vào tay quân dữ, Chúa Giêsu đã phán: “Hằng ngày Tôi ngồi trong Đền thờ giữa các người mà các người không bắt Tôi, nhưng bây giờ là giờ của các người, giờ của quyền lực tối tăm”. Do đó chúng ta hiểu Ngày là thời giờ Chúa Giêsu trong quyền lực Thiên Chúa, Người thông biết mọi sự, Người có đầy quyền năng, Người sai bảo các thiên thần, Người xua đuổi quỷ trừ ma quỷ, Người làm được mọi sự ngoài tầm với của khoa học. Nhưng đêm là giai đoạn Chúa nhường quyền cho “Quyền lực tối tăm”, là lúc Đức Chúa Cha để Con Trai yêu dấu của Người hoàn toàn mất hết mọi quyền lực, và hoàn toàn trong tính xác thịt,

trong tính con người để bị trao nộp vào tay kẻ hung ác, như thế Chúa Giêsu mới có cơ hội để lập công trong đau khổ nhục nhã, trong cái chết vô cùng đau đớn thảm thương, mới đủ công trạng để đền bù cứu chuộc nhân loại cách dư dật, từ khi có con người cho đến tận thế.

Và chúng ta hãy đọc đoạn sau đây, vì Lời Chúa Kitô thường câu này bổ ý cho câu kia, câu sau liên quan soi dẫn câu trước, đó là cách của Chúa Giêsu, cũng là cách của Chúa Thánh Thần để chỉ những ai có công đức, có đủ điều kiện mới được Chúa soi dẫn để hiểu, để tin: Khi nghe tin Ladarô đau nặng, Chúa Giêsu định trở về Giuđê để cứu anh ta thì các tông đồ tìm cách ngăn vì trước đó người ta định ném đá Chúa, nhưng Người phán: “Ban ngày chẳng có mười hai giờ đó sao? Ai đi ban ngày thì không vấp ngã vì có ánh sáng của thế gian này. Còn ai đi ban đêm thì vấp ngã bởi không có ánh sáng nơi mình”.

“Mười hai giờ” là nhấn mạnh hơn từ “Ban ngày” là thời giờ trong quyền lực Thiên Chúa. Và như Chúa Giêsu đã phán: “Bao lâu Thầy còn ở thế gian, Thầy là ánh sáng thế gian” nên chúng ta mới hiểu nghĩa câu trên là “Thời giờ Chúa Giêsu trong quyền lực của Người thì không có gì phải lo, vì chính Chúa Giêsu dùng quyền năng của Người mà bảo vệ, che chở, nâng đỡ chúng ta khỏi sự dữ, khỏi sai phạm, còn những ai vấp ngã thì chỉ bởi vì không có ơn Chúa, đúng ra là không có công phúc nên không được ơn Chúa.

Còn “Ban đêm” là giai đoạn Chúa nhường lại quyền lực cho ma quỷ thì người ta sa ngã vấp phạm vì không có

Chúa gìn giữ, soi sáng, thêm sức. Cho nên chúng ta thấy trước khi Chúa Giêsu nộp mình vào tay quân dữ, tức là còn trong giai đoạn của quyền lực Thiên Chúa, thì các tông đồ can đảm dũng mạnh ai cũng có ý chí quyết chiến đấu vì Chúa, như thánh Phêrô đã dùng gươm chém một nhát chí tử xuống đầu tên đầy tớ của thầy cả thượng phẩm. Ngược lại quân dữ thì nhát đảm, run rẩy, sợ hãi, như khi Chúa Giêsu phán “Này Ta” thì chúng liền kinh hoàng giật lùi, ngã ngựa. Nhưng chỉ giây lát sau, đến giai đoạn của “Quyền lực tối tăm” thì các tông đồ hoảng sợ bỏ chạy tán loạn, còn quân dữ thì trở lại hung hãn vô độ, và những kẻ ngày hôm sau reo hò đả đảo, đòi kết án đóng đinh Chúa, thì không ai xa lạ mà chính là những kẻ từng đi theo Chúa, từng nghe Chúa giảng dạy những điều hay lẽ phải, từng chứng kiến Chúa cứu chữa người mù lòa, què quặt, phong hủi, từng được Chúa hóa bánh cho ăn no nê, từng cầm lá, trái áo đón rước, chúc tụng ngợi khen Chúa, mà vì không được Chúa soi sáng mở trí, thêm sức, nên mới vấp phạm như vậy. Và ngay cả thánh Phêrô lúc buổi tối từng thề thốt trung thành, mà đêm đó lại chối Chúa tới ba lần. Cho nên chúng ta mới hiểu tại sao Chúa Giêsu đã phán: Mọi sự tốt lành đều là của Chúa, hoặc “Không ai tốt lành cả, ngoại trừ Thiên Chúa”.

13. Ma quỷ cám dỗ Chúa?

Nhân nói đến chữ “Ngày” và “Đêm”, chúng ta bàn đến việc trong Phúc Âm có đoạn Chúa Giêsu bị quỷ cám dỗ: Mt 4, Mc 1, 13 và Lời Chúa 4, 1-13. Có thể chúng ta có những suy nghĩ rằng: Nếu Chúa Giêsu là Chúa cả trời đất thì quỷ phải biết và trốn chạy thật xa, chứ sao lại dám đem

Chúa lên núi, lên nóc đền thờ mà buông lời xúc phạm như vậy?

Nhưng chính đoạn Chúa bị quỷ cám dỗ này lại thêm bằng chứng về nghĩa của chữ “Ngày” và “Đêm”: NGÀY là thời giờ Chúa Giêsu trong quyền lực Thiên Chúa thì ma quỷ khiếp sợ kinh hồn bạt vía, còn các thiên thần châu lạy hầu hạ và tuân hành mọi chỉ thị của Người. ĐÊM là lúc Chúa nhường quyền lực cho ma quỷ, Chúa chịu mất hết quyền năng nên quỷ lộng hành xúc phạm, dám cám dỗ Chúa. Cũng như khi Chúa chịu nạn chịu chết, Người mất hết quyền lực Thiên Chúa và hoàn toàn mang tính xác thịt con người, như vậy Người mới có thể tạo nên công nghiệp. Cho nên trong lúc tận cùng đau đớn kiệt quệ trong thân xác của tính người đó, Chúa Giêsu đã kêu lên cùng Chúa Cha: “Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, sao Chúa bỏ con!”. Chính câu này, nếu không hiểu rõ nghĩa của chữ “Ngày” và “Đêm”, chúng ta cũng có thể nghi ngờ Chúa Giêsu không phải là Thiên Chúa.

14. Chúa đến đem gươm giáo?

Mt 10, 34: “Anh em đừng tưởng Thầy đến đem bình an cho trái đất; Thầy đến không phải để đem bình an, nhưng để đem gươm giáo.”

Suốt ba năm rao giảng, Chúa Giêsu không cho ai bất cứ của gì vật gì, nhưng Người chỉ có một câu: “Bình an cho các con”, thế mà đây Người lại nói: “Thầy không đến để đem hòa bình, nhưng là đem gươm giáo”?

-Bởi Lời Chúa được rao giảng đâu phải ai cũng răm rắp tin theo, đâu phải ai cũng hiểu hoàn toàn một ý một nghĩa, nhưng theo định luật “Có mới được cho” nên người ta chỉ được Thiên Chúa soi sáng tùy công phúc của họ thì họ mới hiểu, rồi lại tùy công phúc của họ mà nâng đỡ để họ gắng công thực hiện. Còn những ai không có công phúc, không làm lành lánh dữ, thì Chúa không thể; không được phép trợ giúp hướng dẫn, như Chúa đã phải dùng dụ ngôn hoặc nói xa xôi bóng gió, không đầu không đuôi, nói nơi này một chút; nơi khác một ý, để che mắt bịt tai họ. Cho nên Lời Chúa không tránh khỏi gây nên những mâu thuẫn đối kháng giữa thiện ác, tốt xấu, trái phải, ngay từ cõi lòng mỗi người, đến cha mẹ, anh chị em, con cái... Đọc tiếp những câu sau đó sẽ thấy rõ hơn: “Kẻ nào yêu mến cha mẹ hơn Thầy thì chẳng xứng đáng với Thầy, và kẻ nào yêu mến con trai con gái hơn Thầy thì chẳng xứng đáng với Thầy. Kẻ nào không vác thập giá mình mà theo Thầy thì không xứng đáng với Thầy”: Tuân giữ thực thi giáo huấn của Chúa nhiều khi mất lòng người thân, nhưng nếu chiều ý họ mà làm sai Lời Chúa thì không xứng đáng với Chúa.

Nhưng còn ý thứ hai là: Nếu Chúa ban cho chúng ta: vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh chị em trên dưới hoàn toàn hòa thuận thì chúng ta chẳng còn có công chi, vì chúng ta NHẬN nhiều quá thì lấy gì mà CHO theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, và chúng ta lấy gì làm vốn liếng công phúc cho đời sau, vì Chúa đã dạy rất rõ: “Nếu các con yêu thương kẻ yêu thương mình thì còn gì là ân với nghĩa”. Cho nên Chúa không ban bình an tuyệt đối, mà Người còn chừa cho chúng ta những hiểu lầm, bất

đồng, mâu thuẫn..., giữa cả những người thân để cuộc sống có những dằn vặt giằng co, tạo nên đau khổ để đền tội và bù đắp những sung sướng thoải mái. Còn nếu chúng ta xa tránh được tội lỗi, và không quá sung sướng dư giả, thì chúng ta sẽ được phần công phúc rất lớn bởi sự nhường nhịn thứ tha cho những vô lý bất đồng của người thân cận.

15. Muối mà có thể lạt được sao?

Mt 5, 13: “Chính anh em là muối cho đời. Nhưng muối mà nhạt đi, thì lấy gì muối nó cho mặn lại? Nó đã thành vô dụng, thì chỉ còn việc quăng ra ngoài cho người ta chà đạp thôi.”

-Là những kẻ tâm thường hèn mọn, sợ dĩ chúng ta được ví là muối, ánh sáng, đèn, là những thứ rất cần thiết quan trọng trong cuộc sống, vì chúng ta được thẩm nhuận Giáo Lý Chúa Kitô mà giúp ích cho đời, nên tâm gương sáng cho người. Nếu giáo huấn của Chúa là muối, là ánh sáng, là đèn đó mà mất đi thì lấy gì để hoán cải, để cứu độ chúng ta. Câu: “Các con hãy giữ muối trong lòng các con để sống hòa thuận với nhau”: chúng ta càng thấy rõ hơn muối là giáo huấn của Chúa. Cho nên muối lạt là giáo huấn của Chúa phai nhạt đi, là muối trong chúng ta mất đi.

16. Cửa thánh.

Mt 7, 6: “Của thánh, đừng quăng cho chó; ngọc trai, chó liệng cho heo, kéo chúng giày đạp dưới chân, rồi còn quay lại cắn xé anh em.”

-Giáo lý Chúa Kitô vô cùng quý giá ví như của thánh, ví như châu ngọc, và vì định luật “Có mới được cho” nên Chúa không thể ban cho những kẻ gian ác ví như chó như heo, mà Người phải dùng dụ ngôn hoặc nói xa xôi bóng gió để chỉ soi sáng cho những người tốt lành, những kẻ nghe và thực hành Lời Chúa.

17. Lương thực hàng ngày.

Chúa Giêsu dạy chúng ta kinh Lạy Cha: Phần đầu là chúc tụng ngợi khen Chúa, phần hai là phần xin ơn, câu đầu của phần xin ơn là “Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hàng ngày”: Thường chúng ta cho rằng việc nuôi sống là điều quan trọng nhất nên Chúa dạy phải xin điều đó trước tiên, nhất là những người thiếu thốn thì câu này quá tốt để cầu xin cho no đủ, cũng có người dư giả thì xin Chúa đừng cất sự no đủ ấy đi, cả hai lối suy nghĩ đó đều cũng tốt, nhưng thật ra thì chưa đúng ý của Chúa: Trước tiên phải nói đến việc chúng ta đã hiểu sai chữ “Lương thực” ngay từ phần mở đầu Cựu Ước: St 3, 17: “Người sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời người, mới kiếm được MIỀNG ĂN từ đất mà ra” và St 3, 19: “Người sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có BÁNH ăn”: Nghĩa của MIỀNG ĂN và BÁNH đều có nghĩa là sự lao nhọc vất vả trở thành công phúc để làm lương thực nuôi sống linh hồn. Cũng như Ga 6, 27: “Các ông hãy ra công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực

trường tồn đem lại phúc trường sinh”: Là hãy dùng sự khó nhọc để tạo nên công phúc mà nuôi sống phần linh hồn trước đã. Và trong đoạn Phúc Âm nói về “Bánh hằng sống” sau đó, quần chúng đã lầm khi Chúa Giêsu nói Người là BÁNH, tức lương thực nuôi sống linh hồn, thì họ tưởng Chúa Giêsu muốn lấy thịt Người để nuôi sống thân xác họ, nên rất nhiều người kể cả một số đã từng làm môn đệ Người cũng bực bội bỏ đi. Nhưng hãy đọc đoạn sau đây sẽ thấy rõ nhất: Mt 6, 25-34: “Vì vậy Thầy bảo cho anh em biết: đừng lo cho mạng sống: lấy gì mà ăn; cũng đừng lo cho thân thể: lấy gì mà mặc. Mạng sống chẳng trọng hơn của ăn, và thân thể chẳng trọng hơn áo mặc sao? Hãy xem chim trời: chúng không gieo, không gặt, không thu tích vào kho; thế mà Cha anh em trên trời vẫn nuôi chúng. Anh em lại chẳng quý giá hơn chúng sao? Hỏi có ai trong anh em, nhờ lo lắng, mà kéo dài đời mình thêm được dù chỉ một gang tay? Còn về áo mặc cũng thế, lo lắng làm gì? Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào mà rút ra bài học: chúng không làm lụng, không kéo sợi; thế mà, Thầy bảo cho anh em biết: ngay cả vua Salômôn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. Vậy nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn, mai đã quẳng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em, ôi những kẻ kém tin! Vì thế, anh em đừng lo lắng tự hỏi: ta sẽ ăn gì, uống gì, hay mặc gì đây? Tất cả những thứ đó, dân ngoại vẫn tìm kiếm. Cha anh em trên trời thừa biết anh em cần tất cả những thứ đó. **TRƯỚC HẾT HÃY TÌM KIẾM NƯỚC THIÊN CHÚA VÀ ĐỨC CÔNG CHÍNH CỦA NGƯỜI, CÒN TẤT CẢ NHỮNG THỨ KIA, NGƯỜI SẼ THÊM CHO.** Vậy, anh em đừng lo lắng về ngày mai: ngày mai, cứ để ngày mai lo. Ngày nào có cái khô của ngày ấy.”: Chỉ riêng đoạn này thôi cũng đủ để chúng ta nhận ra: Chúa

Giêsu dạy chúng ta: “Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hàng ngày” là lương thực nuôi sống phần linh hồn: là công phúc của chúng ta cộng với ơn bởi công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô để linh hồn chúng ta được nuôi dưỡng bồi bổ mà lớn lên: “Người lành sẽ sáng như mặt trời trong nước của Cha họ”, và để thu tích vốn liếng cho cơ nghiệp của chúng ta trên Nước Trời. Thật ra, phải xác định rằng: nhưng công phúc bởi đói khát, rách rưới lại chính là lương thực nuôi sống phần linh hồn, như trong câu cuối của đoạn Phúc Âm Mt 6, 25-34 đó: “Ngày nào có cái khổ của ngày ấy”: là ngày nào Chúa cũng ban lương thực để nuôi sống những linh hồn được Chúa yêu thương cách riêng. Còn như chúng ta lo sợ phải quá đói khát rách rưới; quá thiếu thốn..., thì hãy kêu xin Chúa trong câu: “Nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ.”

Tuy nhiên, điều này cũng chẳng phải là quan trọng đến nỗi phải đặt vấn đề, cốt yếu là chúng ta cầu nguyện với lòng cậy trông phó thác và quy hướng về Chúa thì đã sinh nhiều công phúc lắm rồi, vì Thiên Chúa thông biết mọi sự và lo toan cho chúng ta cả linh hồn lẫn thể xác.

18. Tại sao lại gọi linh mục là cha?

Có người cho rằng người Công Giáo gọi linh mục là “cha” là làm sai, vì Chúa dạy: Không được gọi ai dưới đất là cha.

Người Công Giáo gọi linh mục là “cha” thì nào có thẩm gì so với việc linh mục được gior tay ban phép lành, linh

mục được truyền Phép Thánh Thể, được ngồi tòa cáo giải để tha tội... Nhưng linh mục được phép làm những điều cao thượng đó chỉ vì linh mục được ủy nhiệm bởi Hội Thánh của Chúa Giêsu Kitô. Giả như có người tài ba lỗi lạc và đạo đức thánh thiện hơn cả linh mục mà không được Giáo Hội ủy thác thì cũng chẳng ai gọi là cha, chẳng ai đi dự lễ, chẳng ai vào xưng tội với người đó. Hơn nữa Giáo Hội, không riêng Đức Giáo Hoàng, không riêng các Đức Giám Mục và các linh mục, các tu sĩ, mà Giáo Hội là tất cả chúng ta, là mọi người thuộc Giáo Hội, và các linh mục, tu sĩ, được gọi là “cha”, là “thầy”, là “đi”, và được cử hành những nghi lễ cao cả đó, thì phải chấp nhận những điều kiện rất khó khăn nghiêm ngặt của Giáo Hội, coi như họ là của lễ hy sinh của Giáo Hội, chẳng hạn không được làm giàu, không được lấy vợ, lấy chồng, sinh con..., là những thứ thiên hạ thèm khát nhất trên đời, nhưng linh mục được tự do lựa chọn và mọi người Công Giáo đều tự nguyện gọi linh mục là cha, và khao khát chịu các phép bí tích, không ai phiến hà trách móc Giáo Hội.

Vậy hãy xem Kinh Thánh nói gì mà có sự phê phán đó. Mt 23, 1-12: “Bấy giờ, Đức Giêsu nói với dân chúng và các môn đệ Người rằng: “Các kinh sư và các người Phariseu ngồi trên tòa ông Môsê mà giảng dạy. Vậy, tất cả những gì họ nói, anh em hãy làm, hãy giữ, còn những việc họ làm, thì đừng có làm theo, vì họ nói mà không làm. Họ bó những gánh nặng mà chất lên vai người ta, nhưng chính họ thì lại không buồn động ngón tay vào. Họ làm mọi việc cốt để cho thiên hạ thấy. Quả vậy, họ đeo những hộp kinh thật lớn, mang những tua áo thật dài. Họ ưa ngồi cỗ nhất trong đám tiệc, chiếm hàng ghế đầu trong hội đường, ưa được người ta chào hỏi ở những nơi công

cộng và được thiên hạ gọi là “rápbi”. “Phần anh em, thì đừng để ai gọi mình là “rápbi”, vì anh em chỉ có một Thầy; còn tất cả anh em đều là anh em với nhau. Anh em cũng đừng gọi ai dưới đất này là cha của anh em, vì anh em chỉ có một Cha là Cha trên trời. Anh em cũng đừng để ai gọi mình là người lãnh đạo, vì anh em chỉ có một vị lãnh đạo, là Đức Kitô. Trong anh em, người làm lớn hơn cả, phải làm người phục vụ anh em. Ai tôn mình lên, sẽ bị hạ xuống; còn ai hạ mình xuống, sẽ được tôn lên.”

Nhìn chung đoạn Phúc Âm này là Chúa Giêsu muốn lấy thí dụ điển hình lối sống của các kinh sư và người Phariseu để dạy chúng ta phải sống khiêm nhường, đừng phô trương thanh thế, đừng ham hố danh vọng kéo thiệt phần công phúc thuộc Nước Trời. Còn “Anh em đừng gọi ai dưới đất là cha của anh em, vì anh em chỉ có một Cha là Cha trên trời”. Câu này nếu đứng riêng một mình và hiểu cách đơn giản thì quả là ngang tai, chẳng lẽ Chúa lại dạy nghịch đời như vậy sao? Với tôi thiếu mỗi người đều có một người cha sinh thành ra mình, và trên đời này rất nhiều người được tôn là cha, làm thầy, dù không sinh ra nhưng có công nuôi nấng dạy dỗ. Và nếu câu này theo nghĩa thường thì Giáo Hội Công Giáo, người Công Giáo làm sai Lời Chúa thật.

Nhưng trước nhất, trong Sáng Thế chương 1, đoạn 27 có câu: “Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ: Thiên Chúa phú bẩm cho dòng dõi, cho cha mẹ để sinh ra chúng ta, cho nên dù chúng ta có ba bốn cha, nào cha đẻ, cha vợ, cha chồng, cha nuôi ..., nhưng hãy nhớ rằng chính Thiên Chúa tạo dựng chúng ta cả linh hồn lẫn thể xác,

Thiên Chúa là CHA chúng ta, và ở đây Chúa Giêsu con xác định cho chúng ta quyền được làm CON của Chúa trên trời.

Thứ hai, cũng như “Phần anh em, thì đừng để ai gọi mình là rápbi, vì anh em chỉ có một Thầy; còn tất cả đều là anh em”, “Anh em cũng đừng để gọi mình là người lãnh đạo, vì anh em chỉ có một vị lãnh đạo là Đức Kitô”, vậy Chúa Giêsu nói về cha phần linh hồn, và chúng ta gọi linh mục là “cha” cũng có nghĩa là cha phần linh hồn, cũng như nghĩa của “linh mục” là người hướng dẫn về phần linh hồn.

Thứ ba, kinh nghiệm đọc Phúc Âm Chúa Kitô, cứ đoạn nào nhìn qua có vẻ vô lý, lắm cảm, khó hiểu thì chính là chỗ chôn giấu một kho tàng quý giá mà cần phải có chìa khóa để mở, thậm chí có câu đến hai ba chìa khóa mới mở nổi như những câu khó hiểu trong “Những định luật siêu nhiên”. Vậy chìa khóa của câu khó hiểu trên là: Mt 10, 40-42: “Ai đón tiếp anh em là đón tiếp Thầy, và ai đón tiếp Thầy là đón tiếp Đấng đã sai Thầy. “Ai đón tiếp một ngôn sứ, vì người ấy là ngôn sứ, thì sẽ được lãnh phần thưởng dành cho bậc ngôn sứ; ai đón tiếp một người công chính, vì người ấy là người công chính, thì sẽ được lãnh phần thưởng dành cho bậc công chính. “Và ai cho một trong những kẻ bé nhỏ này uống, dù chỉ một chén nước lã thôi, vì kẻ ấy là môn đệ của Thầy, thì Thầy bảo thật anh em, người đó sẽ không mất phần thưởng đâu.”:

“Ai đón tiếp các con là đón tiếp Thầy, và ai đón tiếp Thầy là đón tiếp Đấng đã sai Thầy: Chỉ riêng câu này cũng

đủ rõ chúng ta gọi linh mục là “cha” thì không sai Lời Chúa: Linh mục giơ tay ban phép lành, ban phép tha tội, thì không phải phép lành, phép tha tội đó là của riêng linh mục đó, nhưng linh mục đó được ủy nhiệm của Giáo Hội, Giáo Hội là của Chúa Kitô, Chúa Kitô thay mặt Đức Chúa Cha, cho nên ai cũng biết phép lành, phép tha tội đó chính là của Thiên Chúa ban cho. Cũng vậy, chúng ta gọi linh mục là “cha” chỉ vì cha thay mặt Chúa mà ban cho chúng ta các phép bí tích, thay mặt Chúa mà chăm sóc linh hồn chúng ta, vậy thì gọi linh mục là cha là chúng ta quy hướng về Thiên Chúa, liên tưởng tới Chúa, cho nên câu “Anh em đừng gọi ai dưới đất là cha của anh em, vì anh em chỉ có một Cha là Cha trên trời” là Chúa Giêsu căn dặn chúng ta hãy đặt niềm tin cậy mến như cha với con, vào một mình Thiên Chúa mà thôi.

Thêm nữa: “Ai đón tiếp một ngôn sứ, vì người ấy là ngôn sứ, thì sẽ được lãnh phần thưởng dành cho bậc ngôn sứ; ai đón tiếp một người công chính, vì người ấy là người công chính, thì sẽ được lãnh phần thưởng dành cho bậc công chính. Và ai cho một trong những kẻ bé nhỏ này uống, dù chỉ là một chén nước lã thôi, vì kẻ ấy là môn đệ Thầy, thì Thầy bảo thật các con, người đó sẽ không mất phần thưởng đâu.”:

Linh mục được Chúa chọn để thay mặt Chúa, linh mục là môn đệ Chúa bởi linh mục từ bỏ mọi sự người đời trân quý mà theo Chúa, chỉ cần cho linh mục uống một chén nước lã thôi, đã được Chúa thưởng công lao rồi, vậy đón tiếp linh mục như cách gọi linh mục của Chúa là cha thì sẽ được lãnh phần thưởng dành cho môn đệ Chúa, cho nên người Công Giáo không ai phàn nàn kêu trách việc gọi linh mục là cha, mà còn hân hoan nhận phép lành, nhập phép xá tội cùng các phép bí tích do linh mục thay mặt Chúa ban cho chúng ta.

MÌNH MÁU CHÚA KITÔ TRONG PHÉP THÁNH THỂ



Có người cho rằng bánh rượu trong Phép Thánh Thể chỉ là biểu tượng; nghi thức bẻ bánh chỉ để tưởng nhớ đến Chúa Kitô. Cũng có người cho rằng ăn bánh uống rượu đó, dù sao cũng được ơn Chúa.

Nhưng Giáo Hội tuyệt đối tin Bánh cùng Rượu trong Phép Thánh Thể và Máu Chúa Giêsu Kitô mà chính Người ngự thật trong Bánh Rượu ấy, như thánh Phaolô: 1Cr 11, 27-29: “ Vì thế, bất cứ ai ăn Bánh hay uống Chén của Chúa cách bất xứng, thì cũng phạm đến Mình và Máu Chúa. Ai nấy phải tự xét mình, rồi hãy ăn Bánh và uống Chén này. Thật vậy, ai ăn và uống mà không phân biệt được Thân Thể Chúa, là ăn và uống án phạt mình.” Cũng như trước khi cử hành nghi thức truyền Phép Thánh Thể, thầy cả nguyện: “Chúng con tha thiết nài xin Cha hãy dùng Thánh Thần Cha mà thánh hóa lễ vật này để trở nên

cho chúng con Mình và Máu Đức Giêsu Kitô con Cha, Chúa chúng con”. Và khi đưa Mình Thánh hoặc Máu Thánh Chúa Giêsu Kitô cho giao dân, thầy cả xưng: “Mình Thánh Chúa Kitô” hoặc “Máu Thánh Chúa Kitô”, thì người được rước Mình Thánh, Máu Thánh đáp: “Amen” nghĩa là chân nhận đây là Mình thật, Máu thật Chúa Giêsu Kitô. Vậy mà khi chúng ta ăn Bánh và uống Rượu ấy, lại hoàn toàn có mùi vị như bánh rước bình thường, không chút nào thay đổi khác biệt?

Chúng ta biết công phúc nhờ đức tin lớn lao đến mức nào: “Phúc cho ai không thấy mà tin”, như khi Chúa Giêsu chữa cho người phong cùi được sạch, kẻ què được đi, người mù được xem thấy..., thường Người đều cần người được chữa phải nhờ phúc của đức tin Chúa mới chữa, hay đúng hơn Chúa mới được phép chữa theo định luật “Có mới được cho”. Cho nên Bánh Rước đó trông càng tầm thường thì kẻ tin đó là Mình thật Máu thật Chúa Kitô, công phúc càng lớn lao.

Nhưng trước sóng gió của bài bác đã phá, xin có ý kiến về việc này gồm:

-Có thể nhìn nhận cách khoa học việc Chúa Giêsu ngự thật trong Phép Thánh Thể không?

Như đã trình bày trong mục “Nguồn gốc vũ trụ”: Mọi vật thể trong vũ trụ đều được cấu tạo bởi nguyên liệu từ thế giới “Siêu vật chất”. Nói đúng hơn: vũ trụ vật chất và “Vũ trụ siêu vật chất” đều có môi dung dày đặc Hạt tự do

bao trùm chúng ta và mọi vật từ ngoài trăm dặm cho tới tận tâm trái đất, và từng giây từng phút luôn có sự biến đổi vật thể từ thế giới bên kia sang thế giới này. Chẳng hạn khi chúng ta đốt một đồng củi, thì một phần vật thể thuộc đồng củi thành khí bốc lên, phần nữa thành tro bụi, còn lại là nguồn Hạt tự do thuộc các nguyên tử trong các hợp chất tạo nên đồng củi, được phóng tỏa vào không khí, thành ánh sáng và nhiệt rồi tan biến vào môi dung siêu vật chất bao bọc chúng ta và mọi vật. Và chúng ta cũng biết: khi những cây cối tạo nên đồng củi đó đâm trời trở lộc, sinh sôi nảy nở thì những electron trong môi dung siêu vật chất xâm nhập, trở thành electron liên kết các nguyên tử trong các hợp chất tạo nên đồng củi đó. (Chưa nghe ai nói đến việc này, nhưng chúng ta thấy nhiều loại cây kiểng đem vào chỗ thiếu ánh sáng là tàn héo, vì chúng cần những tia electron đủ mạnh của ánh sáng mặt trời để trở thành electron liên kết các nguyên tử khi chuyển đổi hợp chất, thì cây mới sống nổi).

Cho nên trong Phép Thánh Thể, Bánh và Rượu trở thành Mình và Máu Chúa Giêsu Kitô trong dạng siêu vật thể, để nuôi dưỡng bồi bổ linh hồn chúng ta là sinh linh siêu vật thể, là việc thực sự khoa học và dễ dàng đối với Thiên Chúa, như Chúa Giêsu đã hóa bánh cho năm ngàn người ăn một lúc. Và Chúa Giêsu ngự thật trong Phép Thánh Thể là việc rất hiển nhiên nhưng mắt chúng ta không thể thấy, cũng như chúng ta không thấy linh hồn, không thấy Thiên Chúa và các thần thánh, vì cách kết hợp để tạo nên linh hồn cũng như các sinh linh, vật thể trong thế giới thần linh của Chúa không giống cách kết hợp tạo nên vật chất, chẳng hạn các sinh linh, vật thể trong thế giới thần linh, không phát nguồn Hạt tự do có vận tốc ánh

sáng cũng không phản chiếu nguồn Hạt tự do có vận tốc ánh sáng, thì mắt chúng ta không nhận thấy đã vậy mà cũng chưa có máy móc tân kỳ nào nhận được các tín hiệu từ các linh thể, vật thể thuộc thế giới bên kia, chẳng hạn trong không gian có hàng tỷ “Siêu cầu” (Black hole) là khối lượng siêu vật thể vô cùng bền vững, đặc chặt và kỳ vĩ, mà chúng ta chỉ biết được qua những vụ nổ trên mặt của nó.

Do nhận thức khoa học như vậy nên dù không có xúc cảm nào để nhận ra linh hồn, dù máy móc tinh vi cấp nào cũng chưa thăm dò được linh hồn, nhưng chúng ta biết chắc chắn không phải trừu tượng, mà linh hồn là một sinh thể mạnh mẽ, bền vững, linh hoạt như các sinh linh trong thế giới thần linh, thì ngày giờ nào còn gắn liền với thân xác, linh hồn cần được nuôi dưỡng để thành to lớn vững mạnh, sáng láng: “Kẻ lành sẽ sáng như mặt trời trong nước của Cha họ”, linh hồn cần bổ dưỡng tu luyện để có thể linh hoạt, thông minh như các thiên thần vừa coi sóc người lành dưới thế vừa chiêm ngưỡng nhan Chúa trên trời: “Các con đừng khinh một trong những kẻ bé mọn này: thiên thần của chúng hằng chiêm ngưỡng Cha Ta, Đấng ngự trên trời”.

Cho nên mỗi lần chúng ta dự Thánh Lễ là linh hồn chúng ta dự một bữa tiệc, vừa được bổ dưỡng bằng linh được Lời Chúa, vừa thực sự được ăn uống Mình thật Máu thật Chúa Giêsu Kitô.

-Chúa Giêsu có ý thực hiện việc biến bánh và rượu thành Thịt Máu Người không?

1- Tìm cả trong bốn sách Tin Mừng, Chúa Giêsu đã làm rất nhiều phép lạ, nhưng chỉ có ba phép lạ là Chúa Giêsu dâng lời chúc tụng tạ ơn Đức Chúa Cha: Phép lạ hóa bánh ra nhiều (hai lần), phép lạ Chúa Giêsu cho Ladarô chết bốn ngày được sống lại, và khi Chúa Giêsu lập Phép Thánh Thể thì cả ba sách Phúc Âm theo thánh Mátthêu, thánh Macô, thánh Luca và thư thánh Phaolô đều có chi tiết: Chúa Giêsu dâng lời chúc tụng tạ ơn Đức Chúa Cha.

Trước tiên nói về phép lạ hóa bánh ra nhiều, một lần cho năm ngàn người ăn, không kể đàn bà trẻ em, một lần cho bốn ngàn người ăn, không kể đàn bà trẻ em. Công việc khó khăn là phải biến đổi ngay lập tức một khối lượng ba bốn tấn từ siêu vật chất trở thành vật chất dạng bánh và cá được nướng chín, sẵn sàng để ăn, và phải tạo cá và bánh cách tự nhiên trong động tác bẻ bánh và cá mà truyền tay là bánh và cá được tạo ra..., vì phức tạp như vậy nên Chúa Giêsu không thể tự một mình làm mà phải kêu cầu Đức Chúa Cha sai các thiên thần, và khi được Chúa Cha nhận giúp thì Chúa Giêsu dâng lời chúc tụng tạ ơn Đức Chúa Cha.

Thứ đến là phép lạ Chúa Giêsu cho Ladarô chết bốn ngày được sống lại, chúng ta thấy Chúa Giêsu đã làm phép lạ chữa người mù, kẻ què, người phong hủi, kẻ quý ám và cả người chết sống lại..., và không phép lạ nào Chúa Giêsu dâng lời tạ ơn Chúa Cha, vì Người tự làm được những việc đó, nhưng ở đây Ladarô chết bốn ngày đã nặng mùi, tất cả các hệ thống, bộ phận trong cơ thể đều hầu như

tan rã thổi rửa, nếu muốn linh hồn Ladarô trở lại thân xác ấy thì phải tái tạo từng nguyên tử trong các hợp chất, từng tế bào, từng cơ quan, bộ phận, chức năng..., công việc khó khăn nên Chúa Giêsu phải nhờ sự giúp đỡ của Đức Chúa Cha, rồi tạ ơn khi Chúa Cha nhận giúp: “Lạy Cha, con cảm tạ Cha, vì Cha đã nhận lời con. Phần con, con biết Cha hằng nhận lời con, nhưng vì dân chúng đứng quanh đây, nên con đã nói để họ tin là Cha đã sai con”.

Khi Chúa Giêsu lập Phép Thánh Thể, chúng ta thấy trong cả ba sách Phúc Âm theo thánh Mátthêu, thánh Macô, thánh Luca và thư thánh Phaolô đều có chi tiết Chúa Giêsu dâng lời chúc tụng tạ ơn trước khi ban Bánh và Rượu, như vậy không thể nói được rằng chỉ bẻ tấm bánh, và chén rượu bình thường để trao cho các môn đệ mà Chúa Giêsu phải nhờ đến Chúa Cha rồi dâng lời chúc tụng tạ ơn Người, và cũng không thể nói được bánh rượu kia chỉ là hình thức, là biểu tượng mà khó khăn đến độ phải nhờ đến Chúa Cha dùng quyền năng mà giúp.

Cho nên chúng ta hiểu được rằng: đây là một quyết định vô cùng “điên dại” bởi lòng thương xót vô bờ của Chúa Giêsu mà Người phải nài xin Đức Chúa Cha chiều theo ý Người. Công việc hết sức khó khăn mà Đức Chúa Giêsu phải nài xin rồi tạ ơn Đức Chúa Cha khi được Đức Chúa Cha nhận lời, bởi vì từ đó cho đến tận thế, mỗi khi linh mục Chúa cử hành nghi thức dâng bánh dâng rượu, và đọc lời theo thể thức Chúa Giêsu truyền dạy, thì Bánh và Rượu liền biến thành Minh thật, Máu thật Đức Chúa Giêsu Kitô, và Người phải sẵn sàng ở đó để ngự vào lòng chúng ta, Bánh, Rượu là Minh Máu Chúa Giêsu Kitô đó

phải biến đổi thành siêu vật thể để nuôi dưỡng linh hồn chúng ta là sinh thể siêu vật chất, lại còn phải cùng sống với chúng ta: cùng làm, cùng ăn, cùng ngủ và dạy dỗ, như khuyển, bênh vực, ủi an... Khó khăn nữa là phải chịu đựng tính kiêu căng, hận thù, tham lam, ác độc, tà tâm..., của những kẻ chưa dọn mình mà dám rước Chúa.

2- Diễn từ Bánh Hằng Sống.

Ga 6. 22-70: “Hôm sau, đám đông dân chúng còn đứng ở bờ bên kia Biển Hồ, thấy rằng ở đó chỉ có một chiếc thuyền và Đức Giêsu lại không cùng xuống thuyền đó với các môn đệ, nhưng chỉ có các ông đi mà thôi. Tuy nhiên, có những thuyền khác từ Tibêria đến gần nơi dân chúng đã được ăn bánh sau khi Chúa dâng lời tạ ơn. Vậy khi dân chúng thấy Đức Giêsu cũng như các môn đệ đều không có ở đó, thì họ xuống thuyền đi Caphácnaum tìm Người. Khi gặp thấy Người ở bên kia Biển Hồ, họ nói: “Thưa Thầy, Thầy đến đây bao giờ vậy?” Đức Giêsu đáp: “Thật, tôi bảo thật các ông, các ông đi tìm tôi không phải vì các ông đã thấy dấu lạ, nhưng vì các ông đã được ăn bánh no nê. Các ông hãy ra công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực trường tồn đem lại phúc trường sinh, là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các ông, bởi vì chính Con Người là Đấng Thiên Chúa Cha đã ghi dấu xác nhận.” Họ liền hỏi Người: “Chúng tôi phải làm gì để thực hiện những việc Thiên Chúa muốn?” Đức Giê-su trả lời: “Việc Thiên Chúa muốn cho các ông làm, là tin vào Đấng Người đã sai đến.” Họ lại hỏi: “Vậy chính ông, ông làm được dấu lạ nào cho chúng tôi thấy để tin ông? Ông sẽ làm gì đây? Tổ tiên chúng tôi đã ăn manna trong sa mạc, như có

lời chép: Người đã cho họ ăn bánh bởi trời.” Đức Giêsu đáp: “Thật, tôi bảo thật các ông, không phải ông Môsê đã cho các ông ăn bánh bởi trời đâu, mà chính là Cha tôi cho các ông ăn bánh bởi trời, bánh đích thực, vì bánh Thiên Chúa ban là bánh từ trời xuống, bánh đem lại sự sống cho thế gian.” Họ liền nói: “Thưa Ngài, xin cho chúng tôi được ăn mãi thứ bánh ấy.” Đức Giêsu bảo họ: “Chính tôi là bánh trường sinh. Ai đến với tôi, không hề phải đói; ai tin vào tôi, chẳng khát bao giờ! Nhưng tôi đã bảo các ông: các ông đã thấy tôi mà không tin. Tất cả những người Chúa Cha ban cho tôi đều sẽ đến với tôi, và ai đến với tôi, tôi sẽ không loại ra ngoài, vì tôi tự trời mà xuống, không phải để làm theo ý tôi, nhưng để làm theo ý Đấng đã sai tôi. Mà ý của Đấng đã sai tôi là tất cả những kẻ Người đã ban cho tôi, tôi sẽ không để mất một ai, nhưng sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết. Thật vậy, ý của Cha tôi là tất cả những ai thấy người Con và tin vào người Con, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết.” Người Do Thái liền xầm xì phản đối, bởi vì Đức Giêsu đã nói: “Tôi là bánh từ trời xuống.” Họ nói: “Ông này chẳng phải là ông Giêsu, con ông Giuse đó sao? Cha mẹ ông ta, chúng ta đều biết cả, sao bây giờ ông ta lại nói: “Tôi từ trời xuống?” Đức Giêsu bảo họ: “Các ông đừng có xầm xì với nhau! Chẳng ai đến với tôi được, nếu Chúa Cha là Đấng đã sai tôi, không lôi kéo người ấy, và tôi, tôi sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết. Xưa có lời chép trong sách các ngôn sứ: Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ. Vậy phàm ai nghe và đón nhận giáo huấn của Chúa Cha, thì sẽ đến với tôi. Không phải là đã có ai thấy Chúa Cha đâu, nhưng chỉ có Đấng từ nơi Thiên Chúa mà đến, chính Đấng ấy đã thấy Chúa Cha. Thật, tôi bảo thật các ông, ai tin thì được sự sống đời đời. Tôi là bánh trường sinh. Tổ tiên các ông đã ăn manna trong sa

mạc, nhưng đã chết. Còn bánh này là bánh từ trời xuống, để ai ăn thì khỏi phải chết. Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi sẽ ban tặng, chính là thịt tôi đây, để cho thế gian được sống.” Người Do Thái liền tranh luận sôi nổi với nhau. Họ nói: “Làm sao ông này có thể cho chúng ta ăn thịt ông ta được?” Đức Giêsu nói với họ: “Thật, tôi bảo thật các ông: nếu các ông không ăn thịt và uống máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình. Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết, vì thịt tôi thật là của ăn, và máu tôi thật là của uống. Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì ở lại trong tôi, và tôi ở lại trong người ấy. Như Chúa Cha là Đấng hằng sống đã sai tôi, và tôi sống nhờ Chúa Cha thế nào, thì kẻ ăn tôi, cũng sẽ nhờ tôi mà được sống như vậy. Đây là bánh từ trời xuống, không phải như bánh tổ tiên các ông đã ăn, và họ đã chết. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời.” Đó là những điều Đức Giêsu đã nói khi giảng dạy trong hội đường, ở Caphácnaum. Nghe rồi, nhiều môn đệ của Người liền nói: “Lời này chướng tai quá! Ai mà nghe nổi? Nhưng Đức Giêsu tự mình biết được là các môn đệ đang xầm xì về vấn đề ấy, Người bảo các ông: “Điều đó, anh em lấy làm chướng, không chấp nhận được ư? Vậy nếu anh em thấy Con Người lên nơi đã ở trước kia thì sao? Thần khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì. Lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống. Nhưng trong anh em có những kẻ không tin.” Quả thật, ngay từ đầu, Đức Giêsu đã biết những kẻ nào không tin, và kẻ nào sẽ nộp Người. Người nói tiếp: “Vì thế, Thầy đã bảo anh em: không ai đến với Thầy được, nếu Chúa Cha không ban ơn ấy cho.” Từ lúc đó, nhiều môn đệ rút lui, không còn đi theo Người nữa. Vậy Đức Giêsu hỏi Nhóm Mười Hai: “Cả anh em nữa, anh em cũng muốn bỏ

đi hay sao?” Ông Simôn Phêrô liền đáp: “Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con đã tin và nhận biết rằng chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa.”

Trước hết hãy để ý đoạn 23: “Nhưng có nhiều người khác từ Tibêria đến gần nơi dân chúng đã được ăn bánh SAU KHI CHÚA DÂNG LỜI TẠ ƠN”: Chiều hôm trước Chúa Giêsu đã làm phép lạ hóa bánh cho năm ngàn người ăn, chưa kể đàn bà trẻ em, mà còn dư lại đến mười hai thúng. Câu “Sau khi Chúa dâng lời tạ ơn” nhắc chúng ta hiểu sự liên quan giữa việc Chúa dễ dàng trong giây lát hóa bánh từ vật thể thuộc thế giới siêu vật thể cho hàng ngàn người ăn, đến việc Chúa truyền Phép Thánh Thể hóa bánh rượu thành Thịt Máu Người mà nuôi sống linh hồn chúng ta, đều có thể thực hiện trong quyền năng của Thiên Chúa và được ơn phép của Đức Chúa Cha.

Và từ việc hàng ngàn người được ăn uống thả sức như vậy mà người ta nảy sinh ý định tôn Chúa Giêsu lên làm vua, để họ được hưởng sung sướng mà không phải làm lụng gì cả, nên Chúa nói: 27- “Các ngươi hãy ra công làm việc, không phải vì của ăn hay hư nát, nhưng vì của ăn tồn tại cho đến cuộc sống đời đời”: Với tư tưởng siêng ăn nhác làm nên đám đông không thể hiểu nổi: làm để ăn, mà lại sinh được công phúc cho cuộc sống đời đời, nên người ta hỏi tới luôn: “Chúng tôi phải làm gì để gọi là làm việc của Thiên Chúa?” Vì họ không đủ tốt lành, không có công phúc để được Chúa giải thích ngọn ngành, nên Người trả lời cách khác: 6, 29: “Đây là công việc của Thiên Chúa, là các ngươi hãy tin vào Đấng Người sai đến”: Tin Chúa Kitô và thực hiện các huấn thị của Người là tạo nên công

phúc cho sự sống đời đời, nhưng còn có nghĩa là: hãy tin vào Lời Chúa vừa nói: “Các ngươi hãy ra công làm việc, không phải vì của ăn hay hư nát, nhưng vì của ăn tồn tại cho đến cuộc sống đời đời”. Nhưng người ta đã lầm rằng: Chúa đòi điều kiện để Người làm theo ý họ, dẫn đến việc người ta vạ Chúa, kích Chúa: 6, 30-31: “Ngài sẽ làm phép lạ gì để chúng tôi thấy mà tin Ngài? Ngài làm được việc gì? Cha ông chúng tôi đã ăn manna trong sa mạc, như đã chép rằng: “Người ban cho họ bánh bởi trời”. Và Chúa Giêsu tỏ ý định của Người: 6, 32-33: “Thật, Tôi bảo thật các ngươi, không phải Môsê đã cho các ngươi bánh bởi trời, mà chính Cha Tôi mới ban cho các ngươi bánh bởi trời đích thực. Vì bánh của Thiên Chúa phải là vật từ trời xuống, và ban sự sống cho thế gian”. Nhưng người ta đã hiểu lầm là Chúa sắp chiều theo ý họ, nên không giấu nổi ý đồ: 6, 34: “Thưa Ngài xin cho chúng tôi bánh đó luôn mãi”.

Lúc đó Chúa Giêsu mới công bố: 6, 35: “Chính Tôi là bánh ban sự sống, ai đến với Tôi sẽ không hề đói, ai tin vào Tôi sẽ không hề khát bao giờ”. Và Người liền nhìn thấy vẻ thất vọng trên những khuôn mặt của họ, nên nói tiếp: 6, 36-40: “Nhưng tôi đã bảo các ông: các ông đã thấy tôi mà không tin. Tất cả những người Chúa Cha ban cho tôi đều sẽ đến với tôi, và ai đến với tôi, tôi sẽ không loại ra ngoài, vì tôi tự trời mà xuống, không phải để làm theo ý tôi, nhưng để làm theo ý Đấng đã sai tôi. Mà ý của Đấng đã sai tôi là tất cả những kẻ Người đã ban cho tôi, tôi sẽ không để mất một ai, nhưng sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết. Thật vậy, ý của Cha tôi là tất cả những ai thấy người Con và tin vào người Con, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết.”

“Những ai Cha đã ban cho thì sẽ đến với tôi” là Chúa nói về định luật “Có mới được cho”, chính đoạn này là bằng chứng thêm về định luật đó, là chỉ những ai thiện hảo tốt lành, có công phúc, mới được Chúa Giêsu soi lòng mở trí để tin nơi Người.

Và đám đông không được soi lòng mở trí thì họ phản đối Chúa vì Người phán: “Tôi là bánh từ trời xuống”, trong khi họ biết Chúa là con ông thợ mộc Giuse và bà Maria nghèo khó tầm thường. Do đó Chúa Giêsu nhắc lại định luật “Có mới được cho”: 6, 44-45: “Chẳng ai đến với tôi được, nếu Chúa Cha là Đấng đã sai tôi, không lôi kéo người ấy, và tôi, tôi sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết. Xưa có lời chép trong sách các ngôn sứ: Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ. Vậy phàm ai nghe và đón nhận giáo huấn của Chúa Cha, thì sẽ đến với tôi.”

Rồi chúng ta để ý câu xem ra xa lạ, không ăn nhập với câu trên cũng chẳng liên quan đến câu dưới: 6, 46: “Không phải là đã có ai thấy Chúa Cha đâu, nhưng chỉ có Đấng từ nơi Thiên Chúa mà đến, chính Đấng ấy đã thấy Chúa Cha.”: “Thấy” ở đây là biết, có nghĩa là Chúa Giêsu biết rõ định luật “Có mới được cho” của Thiên Chúa Cha.

Chúa nói trên trời người ta hiểu dưới đất, Chúa nói việc nuôi sống linh hồn người ta hiểu nuôi thân xác, cho nên đám đông bàn cãi ngớ ngẩn: “Làm sao ông này có thể lấy thịt mình mà cho chúng ta ăn được?” Và Chúa Giêsu lại công bố lần thứ ba:

Ga 6, 53-58: “Đức Giêsu nói với họ: “Thật, tôi bảo thật các ông: nếu các ông không ăn thịt và uống máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình. Ai ăn thịt và

uống máu tôi, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết, vì thịt tôi thật là của ăn, và máu tôi thật là của uống. Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì ở lại trong tôi, và tôi ở lại trong người ấy. Như Chúa Cha là Đấng hằng sống đã sai tôi, và tôi sống nhờ Chúa Cha thế nào, thì kẻ ăn tôi, cũng sẽ nhờ tôi mà được sống như vậy. Đây là bánh từ trời xuống, không phải như bánh tổ tiên các ông đã ăn, và họ đã chết. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời.”

Kết cuộc, chẳng những quần chúng ngỡ ngàng mà nhiều môn đệ đã lầm bầm phản đối Chúa: “Lời này chối tai quá! Ai mà nghe được!” Vì họ không tin Chúa Giêsu là Thiên Chúa từ trời xuống, và không tin Chúa có thể lấy thịt máu Người mà nuôi sống thân xác họ trong khi Chúa Giêsu nói việc nuôi sống phần linh hồn, nên Chúa nói với họ: “Điều đó làm các con khó chịu? Vậy các con thấy Con Người lên nơi đã ở trước thì sao? Chính thần trí mới làm cho sống chứ xác thịt nào có ích gì? Nhưng lời Thầy nói với các con là thần trí và là sự sống”.

Rồi Chúa Giêsu nhắc lại định luật “Có mới được cho”: 6, 64-66: “Nhưng trong anh em có những kẻ không tin.” Quả thật, ngay từ đầu, Đức Giêsu đã biết những kẻ nào không tin, và kẻ nào sẽ nộp Người. Người nói tiếp: “Vì thế, Thầy đã bảo anh em: **KHÔNG AI ĐẾN VỚI THẦY ĐƯỢC, NẾU CHÚA CHA KHÔNG BAN ƠN ẤY CHO.**”

Tại sao ngay từ đầu Chúa Giêsu đã biết ai là những kẻ không tin mà Người vẫn nói, và còn nói đi nói lại nhiều lần? – Thừa vì định luật “Có mới được cho” là như vậy: Chúa cố tình nhắc đi nhắc lại và chỉ xoay quanh những điều ấy mà không hề giải thích thêm, để ai không tốt lành,

không có công phúc thì không được Chúa soi dẫn để hiểu mà chán ngán bỏ đi, còn những người tốt lành; có công phúc như Nhóm Mười Hai thì được Chúa soi dẫn để hiểu mà thánh Phêrô đã thưa với Chúa: “Lạy Thầy, chúng con sẽ đi theo ai? Thầy mới có những lời ban sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con tin và chúng con biết rằng: Thầy là Đức Kitô Con Thiên Chúa”. Chúng ta thấy đó: cùng những câu nói của Chúa và mọi người cùng nghe, mà một số chán ghét lia bỏ Chúa, còn những người tốt lành; có công phúc thì chẳng những được soi dẫn để tin mà còn vượt quá cả tin là “Biết” Chúa Giêsu là Đức Kitô Con Thiên Chúa.

Cho nên những dẫn chứng khoa học, những chứng cứ từ những phép lạ khác, những sự dẫn giải của Chúa trong “Diễn từ Bánh Hằng Sống”, đã quá hiển nhiên, thế nhưng không đủ công phúc để được soi sáng hướng dẫn của Chúa, thì người ta không thể hiểu; không thể tin. Ngược lại, những người có phúc thì được soi sáng mà tin chắc chắn rằng: Bánh Rượu trong Phép Thánh Thể là Mình thật Máu thật Chúa Giêsu Kitô mà hằng mong mỗi khao khát được rước Chúa vào nhà linh hồn.

3- Chúa Giêsu truyền Phép Thánh Thể tại Emmau.

Lc 24, 13-35: “Cũng ngày hôm ấy, có hai người trong nhóm môn đệ đi đến một làng kia tên là Emmau, cách Giêrusalem chừng mười một cây số. Họ trò chuyện với nhau về tất cả những sự việc mới xảy ra. Đang lúc họ trò chuyện và bàn tán, thì chính Đức Giêsu tiến đến gần và cùng đi với họ. Nhưng mắt họ còn bị ngăn cản, không nhận ra Người. Người hỏi họ: “Các anh vừa đi vừa trao đổi với nhau về chuyện gì vậy?” Họ dừng lại, vẻ mặt buồn rầu. Một trong hai người tên là Côlôpát trả lời: “Chắc

ông là người duy nhất trú ngụ tại Giêrusalem mà không hay biết những chuyện đã xảy ra trong thành mấy bữa nay.” Đức Giêsu hỏi: “Chuyện gì vậy?” Họ thưa: “Chuyện ông Giêsu Nadarét. Người là một ngôn sứ đầy uy thế trong việc làm cũng như lời nói trước mặt Thiên Chúa và toàn dân. Thế mà các thượng tế và thủ lãnh của chúng ta đã nộp Người để Người bị án tử hình, và đã đóng đinh Người vào thập giá. Phần chúng tôi, trước đây vẫn hy vọng rằng chính Người là Đấng sẽ cứu chuộc Ítraen. Hơn nữa, những việc ấy xảy ra đến nay là ngày thứ ba rồi. Thật ra, cũng có mấy người đàn bà trong nhóm chúng tôi đã làm chúng tôi kinh ngạc. Các bà ấy ra mộ hồi sáng sớm, không thấy xác Người đâu cả, về còn nói là đã thấy thiên thần hiện ra bảo rằng Người vẫn sống. Vài người trong nhóm chúng tôi đã ra mộ, và thấy sự việc y như các bà ấy nói; còn chính Người thì họ không thấy.” Bấy giờ Đức Giêsu nói với hai ông rằng: “Các anh chẳng hiểu gì cả! Lòng trí các anh thật là chậm tin vào lời các ngôn sứ! Nào Đấng Kitô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Người sao? Rồi bắt đầu từ ông Môsê và tất cả các ngôn sứ, Người giải thích cho hai ông những gì liên quan đến Người trong tất cả Sách Thánh. Khi gần tới làng họ muốn đến, Đức Giêsu làm như còn phải đi xa hơn nữa. Họ nài ép Người rằng: “Mời ông ở lại với chúng tôi, vì trời đã xế chiều, và ngày sắp tàn.” Bấy giờ Người mới vào và ở lại với họ. Khi đồng bàn với họ, Người cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra trao cho họ. Mắt họ liền mở ra và họ nhận ra Người, nhưng Người lại biến mất. Họ mới bảo nhau: “Đọc đường, khi Người nói chuyện và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta, lòng chúng ta đã chẳng bùng cháy lên sao?” Ngay lúc ấy, họ đứng dậy, quay trở lại Giêrusalem, gặp Nhóm Mười Một và các bạn hữu đang tụ họp tại đó. Những người này

bảo hai ông: “Chúa trời dậy thật rồi, và đã hiện ra với ông Simôn.” Còn hai ông thì thuật lại những gì đã xảy ra dọc đường và việc mình đã nhận ra Chúa thế nào khi Người bẻ bánh.”

Đoạn Kinh Thánh này thêm bằng chứng xác đáng rằng Chúa Giêsu quyết ý lập Phép Thánh Thể, biến bánh rượu thành Máu Thịt Người để ngự vào lòng và nuôi sống linh hồn chúng ta:

-Thứ nhất: Nếu Bánh Rượu trong Phép Thánh Thể chỉ là biểu tượng và để tưởng nhớ đến Chúa theo nghĩa thông thường thì Chúa Giêsu đã không lập lại nghi thức Bẻ Bánh vì Chúa mới thực hiện việc đó có bốn ngày và Người hiện có mặt tại đó.

-Thứ hai: Chúa Giêsu đã có gặp hai môn đệ chỉ với mục đích dạy cho các ngài việc truyền Phép Thánh Thể và rước Chúa vào lòng nhờ Bí Tích Thánh này, vì lần hiện ra này là lần nhất, và khi vừa hoàn tất việc truyền Phép Thánh Thể thì Chúa Giêsu liền biến mất.

-Thứ ba: Chúa Giêsu hiện ra với hai môn đệ như cách Chúa dạy chúng ta đến với Chúa trong Thánh Lễ Misa: Khi cử hành nghi thức phụng vụ Lời Chúa là Chúa dạy chúng ta học hiểu Giáo Huấn của Người: “Dọc đường, khi Người nói chuyện và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta, lòng chúng ta đã chẳng bùng cháy lên sao?” Và khi chúng ta cử hành nghi thức truyền Phép Thánh Thể và đón nhận Chúa vào lòng là để chúng ta được gặp Chúa cách thực thể và Minh Máu Chúa thật sự thành của ăn nuôi sống linh hồn chúng ta: “Mắt họ liền mở ra và họ nhận ra Người”.

4- Nghi thức truyền Phép Thánh Thể.

Trước kia, Thánh Lễ Misa dùng tiếng Latinh nên chỉ rất ít người hiểu rõ nghĩa, nhưng Công Đồng Vatican II đã cho phép dùng tiếng địa phương trong Thánh Lễ, nên ai cũng biết nghi thức truyền Phép Thánh Thể rất trong sáng đơn giản:

Sau nghi thức dâng của lễ và kinh tiền tụng, thầy cả nguyện:

Lạy Cha, Cha thật là Đáng Thánh, là nguồn mọi sự thánh thiện, vì thế chúng con nài xin Cha dùng ơn Thánh Thần Cha mà thánh hóa lễ vật này, để trở nên cho chúng con Mình và Máu Đức Giêsu Kitô Con Cha, Chúa chúng con.

Rồi thầy cả cầm tấm bánh lên nguyện:

Khi tự ý nộp mình chịu khổ hình, Người cầm lấy bánh, tạ ơn, bẻ ra và trao cho các môn đệ mà phán:

“TẤT CẢ CÁC CON HÃY LÃNH NHẬN MÀ ĂN: VÌ NÀY LÀ MÌNH TA, SẼ BỊ NỘP VÌ CÁC CON”. Rồi thầy cả quỳ bái Mình Thánh Chúa.

Kế tiếp, thầy cả cầm chén rượu nguyện:

Cùng thể thức ấy, sau bữa ăn tối, Người cầm lấy chén, cũng tạ ơn, trao cho các môn đệ mà phán:

“TẤT CẢ CÁC CON HÃY LÃNH NHẬN MÀ UỐNG VÌ NÀY LÀ CHÉN MÁU TA, MÁU TÂN ƯỚC VĨNH CỬU SẼ ĐỔ RA CHO CÁC CON VÀ NHIỀU NGƯỜI ĐƯỢC THA TỘI, CÁC CON HÃY LÀM VIỆC NÀY MÀ NHỚ ĐẾN TA”.

Rồi thầy cả quỳ bái Máu Thánh Chúa.

Chỉ có thể, coi như chỉ tường thuật và lặp lại lời Chúa mà thôi. Cho nên nhiều người thấy quá tầm thường, chẳng có gì là phép tắc, chẳng có gì là linh thánh, kỳ bí cả. Vì thế họ không thể nào tin được tấm bánh mỏng manh và chén rượu xoàng đó lại có thể trở thành Mình Thánh Máu Thánh Chúa Giêsu Kitô.

Chúng ta đã biết: Phải có sự trợ giúp của Chúa là CÓ công phúc mới được CHO đức tin, nhưng đức tin của chúng ta phải đặt nền tảng Lời Chúa: Chính Chúa Giêsu đã phán hứa: Mt 18, 19-20: “Thầy còn bảo thật anh em: nếu ở dưới đất, hai người trong anh em họp lời cầu xin bất cứ điều gì, thì Cha Thầy, Đấng ngự trên trời, sẽ ban cho. Vì ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy, thì CÓ THẦY Ở ĐẤY, GIỮA HỌ.” Cho nên khi chúng ta hiệp dâng Thánh Lễ thì chính Chúa Giêsu đang hiện diện giữ Bàn Tiệc Thánh, và khi thầy cả đọc: “tất cả các con hãy lãnh nhận mà ăn vì này là mình Ta, sẽ bị nộp vì các con”, và “Tất cả các con hãy lãnh nhận mà uống vì này là chén máu Ta, máu tân ước vĩnh cửu sẽ đổ ra cho các con

và nhiều người được tha tội, các con hãy làm việc này để nhớ đến Ta”, thì chúng ta hiểu và tuyệt đối tin rằng Chúa Giêsu đang phán lời đó, và chính Chúa Giêsu đã làm phép là hóa bánh rượu thành Thịt Máu Người. Vậy thì Bánh Rượu đó biến thành Thịt Máu Chúa Giêsu và Người ngự thật trong đó rồi! Thật hết sức thâm thúy, ý nghĩa, thật tuyệt đỉnh linh thánh, vô cùng cao sang, kỳ vĩ! Cho nên Chúa Giêsu mới nói: Nếu có đức tin bằng hạt cải thì chúng ta có thể dời được núi.

Tóm lại, những chứng cứ như vậy là quá đủ, ai có phúc thì tin mà được hưởng ơn lộc vô cùng quý giá cao trọng là đón nhận Chúa cả trời đất vào nhà linh hồn mình, Máu Thịt Chúa biến thành máu thịt linh hồn mình, Giáo Hội Chúa từ khi mới khai dựng đã tin Chúa Giêsu Kitô ngự thật trong Phép Thánh Thể và Bánh Rượu trong Phép Thánh Thể là Mình thật Máu thật của Người, và cứ hành nghi thức truyền Phép Thánh Thể hàng ngày, đó là công phúc lớn lao của Giáo Hội, ai tin và thực hành các huấn thị của Giáo Hội thì được thông công ơn lộc của Giáo Hội mà đón rước Chúa hàng ngày, đó là ơn cao cả các thiên thần trên trời cũng không được, nhưng chỉ dành cho người trần mắt thịt có đức tin ở thế gian này mà thôi. Tiếc thay cho những ai không có phúc để tin mà đón rước Chúa, không biết lấy Thịt Máu Đấng tuyệt đối cao trọng để nuôi sống linh hồn mình. Thật uổng phí biết bao!

9. CON NGƯỜI CÓ BỞI KHÍ MÀ RA KHÔNG?



Con người có bởi khí cũng là cách Thiên Chúa tạo dựng, không ảnh hưởng đến đức tin của người được Chúa nâng dậy bảo để tin Chúa, không ảnh hưởng đến việc tin chỉ mình con người có linh hồn mà thôi vì Kinh Thánh đã dạy rõ: “Đức Chúa là Thiên Chúa lấy bụi đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi...” Nghĩa là Thiên Chúa tạo dựng con người dù bằng bất cứ cách nào, chỉ khi “Ra con người” tức là NGƯỜI mới THỜI SINH KHÍ là tạo dựng một linh hồn để kết hợp với thân xác đó. Nhưng thật ra con người không do bởi khí vì có tối thiểu 7 điều khác biệt xác định rất rõ ranh giới giữa khí và con người.

1- Bộ óc.

-Bộ óc phát triển.

Từ bao đời, không ai sinh ra mà có thể đứng dậy, đi, chạy ngay được, mà phải “Ba tháng biết lẫy, bảy tháng

biết bò”, tám chín tháng mới tập vịn tập lân, những bước đầu tiên còn ngã lên ngã xuống, không tập bơi tập lội thì già trẻ lớn bé, mạnh khỏe đến đâu mà rớt xuống nước đều chìm ngim. Ngược lại khi và hầu hết các con vật khác: bò, đi, chạy, nhảy, leo trèo, bơi lội..., nứn mắt đã biết không hề tập tành gì cả. Tất cả “tài năng” của khí đều do trời phú bẩm, sinh ra đã được như vậy, lớn lên thì bộ óc con người thông minh gấp trăm lần khí. Và còn người nếu được trau dồi rèn luyện thì có thể ngàn lần hơn khí, còn khí thì người ta phải tốn công tốn sức lắm mới dạy chúng được một số động tác để đóng phim; làm trò..., mà không thực sự ý thức được chúng đang làm gì.

-Sự thông minh.

Nhiều nhà chuyên môn về động vật đã có những xem xét so sánh để xếp loại sự thông minh của các loài động vật, lợi điểm của khí là có thần hình giống người, có nhiều cử chỉ động tác rất giống người, nhưng những hoạt động của khí không mấy ý thức. Còn những con vật như trâu, chó, heo, ngựa..., dù mặt mũi chân tay, hoạt động cử chỉ khác hẳn con người, nhưng những hoạt động của chúng lại có ý thức hơn khí. Cho nên xếp thứ tự thông minh của các con vật thì khí phải đứng hàng thứ 5 hoặc sau nữa. Nếu theo thứ tự về bộ óc thông minh mà tiến hóa thì con người phải bởi chó, heo, ngựa..., hơn là bởi khí mà tiến hóa thành. Hoặc phải có 4 loài người giống các con thú trên rồi mới tới loài người giống khí, và dĩ nhiên là 4 loài người kia phải thông minh hơn loài người giống khí, như vậy mới đúng nghĩa hai chữ “Tiến hóa”.

Con người thua hẳn loài chim đôi cánh để bay trong không khí; thua hẳn loài cá có thể bơi, lặn, thở trong nước,

thua hẳn khi vượn leo trèo, chạy nhảy trên cây, thua hẳn sức mạnh của beo, cọp, gấu, voi..., và rất nhiều thứ con người thua con vật, duy chỉ có trí tuệ là con người hơn hẳn, hơn tuyệt đối, hơn gấp ngàn lần con vật, vậy nếu nói con người bởi khí mà ra thì tại sao khí không thông minh vượt trội hơn các con vật khác, thậm chí lại thua và đứng hàng thứ 5 trong các con vật? Thật ra chỉ xét về sự ngu dốt của khí cũng đủ để chúng ta đừng bao giờ nhắc đến “Tổ tiên chúng ta là khí”.

2- Ngôn ngữ.

Gần đây một số người chuyên môn về khí đã dạy chúng làm hiệu có lẽ để chứng tỏ “tổ tiên” chúng ta thông minh, nhưng kết quả chẳng thấy khí ta thông minh chút nào mà lại càng cho mọi người thấy rằng ngôn ngữ của khí thật thảm hại gần như số không, mặt này khí thua xa rất nhiều con vật, không kể một số như nhông, sáo, két, quạ, bắt chước tiếng người như hệt tuy không ý thức, còn hầu hết gia súc như chó, heo, gà, vịt, ngan, ngỗng, cho tới nhiều loài chim và thú rừng, ngôn ngữ của chúng có thể truyền đạt buồn vui, tức giận và ý muốn hơn hẳn khí. Ngôn ngữ với khí mà nói khí tiến hóa để biến thành người thật không khoa học chút nào, mà khí lại thuộc hạng bét, phải chi khí biết được một tiếng “có” hay “không”.

Có lẽ Chúa cũng thương chúng ta, Người biết ngày nay chúng ta phải tranh cãi lôi thôi nên sinh khí cam đặc, chứ lẽ thường thì khí không đến nỗi tệ như vậy. Thứ mà người ta lại mượn danh khoa học để quả quyết rằng con người bởi khí mà tiến hóa thành.

3- Khóc cười.

Con người lọt lòng mẹ liên cất tiếng khóc, người ta gọi là “Tiếng khóc chào đời”. Những người ngẫm nghĩ bi quan rằng đời chẳng vui: “Đời là nước mắt” nên phải chào đời bằng tiếng khóc. Nhưng không lâu sau tiếng khóc chào đời, con người bắt đầu cười, mà còn cười nhiều cách, kiểu, giọng, điệu khác nhau. Đã có biết bao văn thơ, lời văn viết về nụ cười và tiếng khóc, bởi khóc cười biểu lộ phong phú tình cảm con người, nào cười hả hê, cười xởi lởi, cười mỉa mai, cười xum xuê, cười toe toét, cười tủm tỉm, cười diều cọt, cười đều, cười ruồi, cười rộ, cười rân rân... còn khóc thì: khóc sụt sùi, khóc tỉ tê, khóc thút thít, khóc nỉ non, khóc rung rung, khóc ai oán...

Trong các con vật, có vài con tạm cho là biết chút khóc cười, như con trâu đực sau khi húc thắng; đuổi được đối thủ, nó liền nghênh cổ nhe răng dù không thành tiếng, người ta cho đó là trâu biết cười, khi trâu bị bắt làm việc quá sức, chúng vừa làm vừa khóc, trâu mẹ bị người ta bắt phải xa con nhỏ, nó khóc nước mắt nước mũi là chả cho tới khi được gần con mới hết khóc. Con chó lúc vui luôn hớn hở ra mặt, khi chưa quen bị nhốt thường kêu la rên rĩ, chó con thời gian đầu mới bị bắt xa mẹ cũng rên la khóc lóc. Con heo lúc đói cũng kêu khóc đòi ăn, khi bị bắt trời cũng kêu khóc inh ỏi. Con gà kêu quang quác khi bị rượt đuổi hoặc bị bắt. Vịt lúc bị bắt; bị đe dọa nguy hiểm cũng biết kêu là...

Còn khi thì khác hẳn, khi chẳng khóc, chẳng cười, khi loài nhỏ vui, buồn, tức giận, lo sợ, lúc nào cũng nhăn nhó chọc chọc. Khi loài lớn lúc nào mặt cũng buồn xo, chẳng

có cử chỉ nào có chút gì đó để sánh ví với khóc hoặc cười, có bị đánh đập hành hạ cũng chẳng chảy được giọt nước mắt nào. Cho nên nói về khóc cười, thì trâu, chó, heo, gà, vịt ..., gần người hơn so với khi thì quá xa vời cách biệt. Nếu có chuyện tiến hóa thì hàng tỷ năm nữa khi cũng chưa biết khóc cười để thành người.

4- Bộ lông.

Khi có lông giống như chó, mèo, heo, cạp, gấu, thỏ ... từ đầu tới chân, có độ dài gần như đồng đều làm thành một bộ lông, chỉ khác chỗ dày chỗ thưa, chỗ cứng chỗ mềm.

Nhưng con người có ít nhất là 5 loại thuộc về lông: tóc, lông mi lông mày, râu ria, lông nách, lông hạ bộ và lông trên da. Năm loại khác biệt nhau rõ rệt từ hình dạng, độ dài, độ cứng mềm và thưa dày, nên được gọi là bộ: bộ tóc, bộ lông mi, bộ lông mày, bộ râu, bộ ria, bộ lông nách, bộ lông hạ bộ, chưa kể bộ lông ngực, bộ lông bụng và bộ lông chân, còn lông trên da thì lại thường không được gọi là bộ trừ người có lông thật nhiều. Và cả 5 loại lông của người đó không loại lông nào giống lông của khi.

Riêng tóc thì chỉ con người mới có tóc, không có con vật nào có tóc, và tóc hoàn toàn cách biệt xa vời với mọi loại lông, vì tóc có độ dài hàng mét, có người có bộ tóc dài tới hơn hai mét, và tóc chỉ mọc để che phủ phía ngoài sọ não. Người Việt Nam nói: “Cái răng cái tóc là vóc con người”, có người suốt đời sung sướng tự hào với bộ tóc đẹp, lại có người suốt đời khổ sở vì bộ tóc xấu xí, bởi có

tóc thẳng, tóc tơ, tóc bông, tóc mây, tóc gọn sóng, tóc quăn, tóc xoắn, tóc xù, tóc rẽ tre..., tóc lại có nhiều màu: nào tóc bạch kim, tóc vàng, tóc nâu, tóc hung, tóc huyền... Thiên hạ có người lúc nào cũng vất vả uốn nắn sửa sang nâng niu; tốn kém rất nhiều thời giờ tiền của cho bộ tóc, thế mà người ta đã quên rằng chỉ riêng sự khác biệt của bộ tóc này thôi, cũng đủ chứng minh con người tuyệt đối không tiến hóa từ khỉ, vì nếu có tiến hóa thì tiến hóa chỉ xảy ra trong điều kiện khoa học.

Lông rụng.

Nếu nói như lý luận của tiến hóa rằng: con người xưa kia lông lá như khỉ, sau nhờ văn minh tiến bộ; biết sử dụng phương tiện nhân tạo để che chở thân thể nên bây giờ mới trơn nhẵn như vậy.

Chúng ta cứ thiên kiến rằng các nhà khoa học vô cùng tài ba, họ đã nghiên cứu cẩn thận tỉ mỉ và có chứng cứ rành rành rồi mới tuyên bố, nên họ nói gì là chúng ta tin nằm lòng ngay, không dám kiểm chứng suy xét gì hết.

Nếu con người trước kia lông giống lông khỉ mà rụng lông vì biết dùng tơ lụa vải vóc thì toàn thân thể phải rụng đều mới là tiến hóa, tại sao tóc, râu, ria, lông nách, lông hạ bộ lại mọc rậm, dày, cứng và dài thêm? Ngược lại chính những nơi như nách, hạ bộ, bụng và ngực của khỉ là những nơi lông thưa ngắn, và nhỏ hơn. Cho thấy rõ rằng những khác biệt đó ngược lại với điều kiện để tiến hóa.

5- Hình dạng.

So với các con vật khác thì thân hình khi thật rất giống người từ đầu, mình, chân, tay, mắt, mũi, ngực, bụng ... bàn tay cũng năm ngón, bốn ngón nhỏ một ngón cái, chỉ có chân khi thì bốn ngón nhỏ dài ra như bốn ngón tay và ngón chân cái tách rời giống ngón tay cái, lại có loại khi có ngón chân cái ngoặc hẳn ra phía sau đôi hẳn với bốn ngón kia nên rất tiện việc trèo bám, theo cách giải thích của các nhà tiến hóa thì chân người trước kia cũng tình trạng tương tự như chân khi, rồi do không leo trèo nữa nên dần dần ngón chân cái chấp lại với các ngón nhỏ, và các ngón chân nhỏ cũng ngắn lại nên chúng ta mới có bàn chân xinh đẹp như ngày nay. Giả sử Thiên Chúa tạo dựng chúng ta cách đó thì chúng ta thử tượng coi việc tiến hóa đó phải mất bao nhiêu tỷ năm?! Nhưng hãy nhìn kỹ điều ngược lại với tiến hóa là đôi chân khi ngắn tỷ lệ gấp đôi chân người, đôi tay khi lại dài gấp đôi tay người. Nếu bảo tiến hóa mà khi đứng dậy đi bằng hai chân để trở thành người thì đôi chân người phải ngắn lại hơn khi thì mới đúng, vì chịu sức nặng của toàn thân, chứ sao chân người lại dài ra như vậy? Và nếu không còn phải chống xuống đất để chịu sức nặng của nửa phần thân thể, thì đôi tay người phải dài hơn tay khi chứ sao lại ngắn đi như vậy? Phải chăng các nhà tiến hóa lầm lẫn phản khoa học?

Thật ra, khi, vượn, đười ươi, dã nhân ..., con thì tay dài tỷ lệ gấp đôi gấp ba tay người, con thì chân ngắn tỷ lệ gấp đôi gấp ba chân người, đều được sáng tác theo ý muốn của Thiên Chúa để thích hợp con thì bò, con vừa đi vừa chống, con leo trèo, con đánh đu, bay nhảy ..., tùy địa bàn sinh sống, mỗi thứ mỗi vẻ làm vui tươi phong phú mặt đất.

Còn một điều phải nói trong mục hình dạng, đây là một bằng chứng nên chúng ta bàn cách đúng đắn là cái “của quý” của khí nằm ngược chiều với “của quý” của người đàn bà, đúng ra “cái đó” của khí cái nằm phía sau lưng giống như của những con vật khác. Dĩ nhiên khi giao hợp khí đực cũng ở vị thế phía sau giống như những động vật bốn chân. Điều đó chỉ cho chúng ta biến con người khác súc vật, và xác định loài khí thuộc động vật bốn chân, khí là súc vật, khí không có điều kiện tiến hóa thành người cho rằng có sự tiến hóa đi chăng nữa. (Nhưng không hề có tiến hóa).

Và cũng cần phải biết thêm rằng âm hộ của người đàn bà còn khác biệt ở chỗ nó có đường tiêu tiện tách rời khỏi âm đạo, không chung một đường như các con vật và các loài khí, cho thấy con người được tạo dựng tinh vi cần trọng hơn loài vật mà không thể tiến hóa từ khí.

6- Không có tiến hóa.

Nếu con người biến đổi từ khí thì chính loài người cũng không dừng lại mà vẫn tiếp tục biến đổi, và vạn vật từ thực vật sơ đẳng đến động vật cao cấp đều đang trong tình trạng biến đổi tiến hóa. Nhưng tiến hóa phải khoa học, phải có điều kiện tiến hóa tự nhiên, chẳng hạn muốn có giống người phải có loài thực vật sơ đẳng có hình dạng người, đến động vật sơ đẳng ná ná giống người để có điều kiện biến hóa được thành người. Và trâu, chó, lợn, gà, bò, ngựa..., cũng bắt đầu từng loại, từng loại biến đổi từ sơ đẳng đến cao cấp.

Nhưng hãy nhìn cho kỹ hàng ngàn hàng vạn con vật xem có con nào từ con nào mà ra không? Chẳng hạn như con voi với cái vòi kỳ lạ dùng làm tay, cặp răng nanh là cặp ngà quý giá, thân hình to như cái nhà lá, bốn chân như bốn cái cột, vậy nó tiến hóa từ con nào mà ra vậy? Hoặc như con trâu với bộ da dày, cặp sừng cong nhọn, bốn chân có móng chẻ bè bước trong bùn cho khỏi trượt, nó tự con nào tiến hóa ra vậy? Hay con hưu cao cổ hiền lành kia với bốn chân như bốn cái sào lênh khênh, bộ da sặc sỡ xinh đẹp, vậy nó được tiến hóa từ thực vật nào; động vật nào vậy?

Thực tế hàng trăm ngàn loại cây cỏ, chim chóc, tôm cá, gia súc, dã thú..., mỗi thứ mỗi con một vẻ hết sức lạ lùng kỳ diệu ngộ nghĩnh xinh đẹp, chẳng có thực vật nào biến đổi từ thực vật sơ đẳng, chẳng có động vật nào biến đổi từ thực vật nào, chẳng có con vật nào biến đổi từ con vật nào.

Cũng phải nói thêm là có người lầm lẫn từ tiến hóa trong những con vật như cóc, ếch, nhái..., có phải chúng tiến hóa từ nòng nọc không? Hoặc như con ve đẻ trứng trên cây rồi nở thành sâu chui xuống đất, có loại tới 24 năm sau mới nở thành ve, như vậy có phải con ve tiến hóa từ con sâu không? Hoặc người ta đã tìm thấy loại cây trong rừng có thể bắt được động vật, và dưới biển có loại rong bắt được cá..., có phải đó là động vật được tiến hóa từ thực vật không? Thưa rằng không, tuyệt đối không! Đó là cách sáng tạo kỳ diệu ngộ nghĩnh theo ý của Thiên Chúa mà thôi, tất cả những thứ đó được sinh ra cách đó đã từ bao đời, và muôn đời vẫn vậy, con cóc vẫn tiếp tục sinh con nòng nọc, con ve vẫn sinh con sâu, cây bẫy được

động vật vẫn sinh cây bầy được động vật, rong bắt được cá vẫn sinh rong bắt cá... Vì thế, không thể vịn vào những trường hợp như trên mà nói là có tiến hóa.

Xin lưu ý: tiến hóa chứ không phải phép lạ, tiến hóa chứ đừng nên tưởng tượng, tiến hóa đừng vu vơ mà phải khoa học, phải thực tế. Hãy nhìn và suy xét thật kỹ: không hề có tiến hóa, xin đừng lấy những bằng chứng mơ hồ để nói rằng con người được tiến hóa từ một con vật quá nhiều khác biệt như vậy. Tệ hơn nữa là có người dùng phương tiện này để chối bỏ Thiên Chúa và phủ nhận con người có linh hồn.

7- Con người chỉ là một loài khí.

Có người lại nói: dù không có tiến hóa đi nữa thì con người cũng chỉ là một loài khí mà thôi.

Câu nói này cũng chẳng có gì sai, bởi nói đúng ra thì con người cũng chỉ là một động vật giống như các động vật khác, là cũng phải được sinh ra, phải hít thở, phải ăn uống để lớn lên, và cũng ốm đau bệnh tật, cũng già đi rồi phải chết. Nhưng con người khác biệt với các con vật khác là có một trí tuệ thông thái tuyệt đối hơn hẳn, hơn gấp trăm gấp ngàn lần. Sự khác biệt này chứng tỏ con người có linh hồn, bởi so sánh thể xác thì loài người có khác biệt với con vật mây đầu, nhất là thể xác con người với thể xác loài vật lại quá gần: Tại sao khí giống người như vậy mà khí lại ngu si đần độn? – Bởi chính linh hồn làm cho con người thông thái gấp ngàn lần khí.

Thì ra thân hình khí giống thân hình người, càng chứng tỏ con người có linh hồn mà con vật khác không có.

10. TẠI SAO CHÚNG TA PHẢI KÍNH MẾN ĐỨC MẸ?



Chúng ta cậy trông cầu khẩn Đức Mẹ mà được những ơn cứu giúp rất lạ lùng phần hồn phần xác, thấy rõ ràng gia đình, xứ đạo, đất nước và cả Giáo Hội được Đức Mẹ che chở khỏi bao tai ương nguy biến. Và rất nhiều người thuộc nhiều tôn giáo khác cũng kính mến kêu xin Đức Mẹ vì họ cũng được ban ơn cứu giúp. Vậy bởi lẽ nào mà Đức Mẹ có quyền năng cả thể như thế?

I-LỜI TIÊN TRI

Lc 2, 34-35: “Ông Simêôn chúc phúc cho hai ông bà, và nói với bà Maria, mẹ của Hài Nhi: “Thiên Chúa đã đặt cháu bé này làm duyên cớ cho nhiều người Ítraen ngã xuống hay đứng lên. Cháu còn là dấu hiệu cho người đời chống báng; và như vậy, những ý nghĩ từ thâm tâm nhiều

người sẽ lộ ra. Còn chính bà, một lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn bà.”

Phần đầu của lời tiên tri đó: “Thiên Chúa đã đặt con trẻ này làm duyên cớ cho nhiều người Ítraen ngã xuống hay đứng lên. Cháu còn là dấu hiệu cho người đời chống báng”, quả thật đã ứng nghiệm: Giáo Huấn Chúa Kitô như ba miếng men bà góa trộn vào đấu bột, làm cho cả thế gian dậy men công chính và công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô có thể cứu chuộc cả nhân loại từ thửa được tạo dựng cho tới tận thế.

Còn phần về Đức Mẹ: “Còn chính bà, một lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn bà.”: Cuộc đời đau khổ của Đức Mẹ bởi kết hợp với cuộc đời đau khổ của Chúa Giêsu Kitô mà tạo thành công nghiệp vô cùng cao cả. “Ngõ hầu những ý nghĩ từ thâm thâm nhiều người sẽ lộ ra” là nhờ công nghiệp lớn lao đó mà Đức Mẹ đã cứu giúp tất cả những ai kính mến cậy trông Người, đã cứu chữa nhiều thôn xóm vùng miền, nhiều đất nước, dân tộc, chở che Giáo Hội và toàn thế giới. Chỉ một lời tiên tri này thôi cũng đã diễn giải minh bạch: Tại sao chúng ta phải kính mến cậy trông Đức Mẹ.

II-ĐỨC NỮ MARIA VÔ NHIỄM NGUYÊN TỘI.

Đoạn Kinh Thánh về việc Thiên Chúa tạo dựng trời đất, vạn vật và con người trong vòng sáu ngày, làm nhiều người thắc mắc nghi ngờ, vì khoa học chứng minh rõ ràng vũ trụ đã hình thành hàng chục tỷ năm, trái đất vào hàng

non trẻ cũng đã có số tuổi hơn năm tỷ năm, sự sống đã có trên trái đất hàng trăm triệu năm. Trong khi Adam và Eva tính theo dòng đời cho đến thời Chúa Giêsu, chỉ dưới năm ngàn năm, vậy thì đoạn Kinh Thánh đó sai sót quá xa về thời gian, đảo lộn quá nhiều về thứ tự hình thành của vũ trụ, trái đất, vạn vật và con người..., suy ra Adam và Eva là chuyện không có thật, như thế “Ăn trái cấm” là chuyện tầm phào thì làm gì có “Tội tổ tông”. Tệ nữa là người Công Giáo lại tin Đức Mẹ Maria vô nhiễm nguyên tội, và chẳng những tin mà còn buộc tín hữu phải tin, lại còn lập ngày lễ kính Đức Mẹ Vô Nhiễm thành ngày lễ trọng, lễ buộc. Do đó, nếu nhìn Kinh Thánh bằng con mắt khoa học tầm thường thì người Công Giáo, Giáo Hội Công Giáo đã tin những điều nghịch lý phản khoa học thật.

Nhưng Kinh Thánh chẳng những không phản khoa học, hoặc như có người nói: Đó không phải là cuốn sách khoa học. Mà Kinh Thánh khoa học, siêu khoa học, chính Kinh Thánh đã giải đáp những bế tắc giới hạn của khoa học con người, là thứ khoa học đang mò mẫm trong biển cả khoa học của Thiên Chúa.

Chúa Thánh Thần là Đấng đã dùng khoa học tuyệt vời của Thiên Chúa để biến lịch sử của một dân tộc biết thờ kính Chúa hết lòng hết sức, hết linh hồn hết trí khôn, tìm kiếm và gắn bó với Chúa từ rất lâu đời cho đến ngày giờ của Chúa Giêsu Kitô, thành LỊCH SỬ ƠN CỨU ĐỘ. Cho nên Kinh Thánh siêu khoa học thì đòi người đọc phải suy nghĩ và lý luận cách khoa học mới hiểu được Kinh Thánh, chứ ngược lại: đọc và suy nghĩ cách thô thiển thì không những không hiểu mà còn nghi ngờ vấp phạm. Vậy thì

trước hết chúng ta hãy khiêm hạ cậy nhờ Chúa Thánh Linh là Đấng khôn ngoan thông thái tuyệt đối, soi dẫn để hiểu đúng ý Kinh Thánh muốn diễn đạt.

Như đã nói trong mục “Tội tổ tông”: Adam chính là mỗi người đàn ông chúng ta, và Evà là mỗi người đàn bà, bất cứ ai sinh con sinh cháu cũng trở thành tổ tông. Còn việc ăn trái cấm là bất tuân luật Chúa, là tội lỗi: “Có phải các ngươi đã ăn trái mà Ta đã cấm các ngươi không được ăn không?” Và tội di truyền: “Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà, giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy, dòng giống ấy sẽ đánh vào đầu mi và mi sẽ cắn gót nó”. Cho nên cuộc sống con người có thể kiểm nghiệm cách thực tế khoa học là: Mầm mống tội lỗi di truyền qua máu thịt, thần kinh, trí não và linh hồn cha mẹ gắn bó liên kết với linh hồn con cái, và tội còn lan truyền bởi những gương mù gương xấu, mắt thấy tai nghe. Bởi vậy con người sinh ra là bị lệ thuộc cha mẹ, dòng giống và môi trường sống mà kẻ ít người nhiều đều tham lam tiền tài, ham hố danh vọng, đam mê sắc dục..., mà phải giằng co, vật lộn giữa thiện ác tốt xấu.

Nhưng Đức Nữ Maria được sinh ra từ một dòng dõi trinh khiết, thánh thiện, nhân đức, nên phúc đức di truyền mà nguồn công phúc đó được đức kết từ đời nọ đến đời kia, cho tới thời thân phụ thân mẫu của Đức Nữ Maria là thánh GioaKim và thánh nữ Ana là các bậc tốt lành cùng thánh thiện tinh tuyền. Đức Nữ Maria được thừa hưởng di sản đó mà đồng trình trong trắng, vẹn tuyền mọi nhân đức. Và theo định luật “Có mới được cho”: Sự CÓ dư dật tràn đầy của Đức Nữ Maria được Thiên Chúa CHO đặc ân của

Người là tuyệt nhiên không hề lây nhiễm vương vấn một thói tật nào của con người, từ khi Đức Mẹ được thụ thai, tới thời Người được nuôi dưỡng, và sống thanh sạch tinh tuyền không vương tội lỗi suốt cả đời: ĐÓ LÀ VÔ NHIỄM NGUYÊN TỘI.

Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đồng nghĩa với: ĐỨC MẸ TRỌN ĐỜI TRINH SẠCH VẸN TOÀN KHÔNG LÂY NHIỄM TỘI TRẦN. Như thế mới xứng đáng chịu thai mà sinh hạ Đấng Cứu Thế.

Chúng ta cũng lập công phúc và công phúc của chúng ta dù được kết hợp với công nghiệp Chúa Giêsu Kitô mà được nhân lên gấp bội, nhưng công phúc đó một phần phải đền cho tội lỗi chúng ta, một phần phải bù cho những sung túc hoan lạc ở đời.

Nhưng Đức Nữ Maria không hề vương mắc tội lỗi nên từng bước đi, từng sự lao nhọc, từng nỗi khó khăn lo lắng, từng đoạn đau thương thống khổ, đã trở nên công nghiệp lớn lao vì không phải đền trả cho tội lỗi, không phải bù đắp cho sự sung túc dư giả. Công nghiệp lớn lao đó của Đức Mẹ như mảnh đất vô vùng màu mỡ được hạt giống Công Nghiệp Chúa Giêsu Kitô gieo cấy mà sinh hoa kết quả gấp ngàn vạn lần, nên được Thiên Chúa thưởng công bội hậu trên các thiên thần và các thánh. Bởi đó chúng ta thấy quyền năng của Đức Mẹ bao trùm cả thế giới.

III-ĐỨC MARIA, MẸ THIÊN CHÚA.

Có người cho rằng Chúa Giêsu của chúng ta chỉ là tên phạm thượng, một kẻ lừa bịp. Lại có người nghĩ Chúa Giêsu chỉ là một người cấp tiến, một nhà cách mạng. Cũng có người nói Chúa Giêsu là một tiên tri như nhiều tiên tri khác, hoặc là một người đi tìm chân lý như Đức Thích Ca, Đức Khổng Tử...

Nhưng Ga 1, 1-5: “Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời. Ngôi Lời vẫn hướng về Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa. Lúc khởi đầu, Người vẫn hướng về Thiên Chúa. Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành, và không có Người, thì chẳng có gì được tạo thành. Điều đã được tạo thành ở nơi Người là sự sống, và sự sống là ánh sáng cho nhân loại. Ánh sáng chiếu soi trong bóng tối, và bóng tối đã không diệt được ánh sáng.” Và Chúa Giêsu đã nhiều lần xác nhận Người là Thiên Chúa: Ga 14, 7: “Nếu anh em biết Thầy, anh em cũng biết Cha Thầy. Ngay từ bây giờ, anh em biết Người và đã thấy Người.” Hoặc Mt 4, 5-11: “Sau đó, quý đem Người đến thành thánh, và đặt Người trên nóc đền thờ, rồi nói với Người: “Nếu ông là Con Thiên Chúa, thì gieo mình xuống đi! Vì đã có lời chép rằng: Thiên Chúa sẽ truyền cho thiên sứ lo cho bạn, và thiên sứ sẽ tay đỡ tay nâng, cho bạn khỏi vấp chân vào đá.” Đức Giêsu đáp: “Nhưng cũng đã có lời chép rằng: Người chớ thử thách Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi.” Quý lại đem Người lên một ngọn núi rất cao, và chỉ cho Người thấy tất cả các nước thế gian, và vinh hoa lợi lộc của các nước ấy, và bảo rằng: “Tôi sẽ cho ông tất cả những thứ đó, nếu ông sấp mình bái lạy tôi.” Đức Giêsu

liền nói: “Xa tan kia, xéo đi! Vì đã có lời chép rằng: Người phải bái lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của người, và phải thờ phượng một mình Người mà thôi.” Thế rồi quỳ bái Người mà đi, và có các sứ thần tiến đến hầu hạ Người.”

Nhưng đâu phải ai cũng nhận ra Chúa Giêsu là Thiên Chúa, mà chỉ có những người có phúc mới được Thiên Chúa soi dẫn để được nhận biết: “Ai đón nhận giáo huấn của Cha thì sẽ đến với Tôi”. Chỉ có ai nghe và thực hành Lời Chúa thì Chúa mới cho thấu hiểu sự tội lỗi khôn ngoan của Lời Người, mới nhận ra Chúa Giêsu là Thiên Chúa: “Con chiên Tôi thì nghe tiếng Tôi, Tôi biết chúng và chúng theo Tôi.”

Vậy, vì Chúa Giêsu là Thiên Chúa thánh thiện cao trọng trước hết, làm một với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Thánh Thần, nên Đức Mẹ phải trọn đời trong trắng không vương tội lỗi và vẹn toàn mọi nhân đức mới xứng đáng làm Mẹ Thiên Chúa.

Giáo Hội đã tôn phong thiên chức Đức Mẹ Mẹ Thiên Chúa và cử hành đại lễ mừng kính Đức Mẹ vào ngày một tháng Giêng hàng năm. Nhờ lòng sùng kính cậy trông Đức Mẹ mà Giáo Hội được ơn nhận biết chức vị cao trọng đó của Đức Mẹ. Chức vị đó không phải chỉ từ khi Giáo Hội nhận biết và tôn phong, mà đã nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa: “Này đây một trinh nữ sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, người ta sẽ gọi con trẻ là Emmanuel, nghĩa là THIÊN CHÚA Ở CÙNG CHÚNG TA”. Và ngay sau khi Đức Nữ Maria nhận lời sứ thần Gabriel để chịu thai thì Người đã chính thức là Mẹ Thiên Chúa.

Chúa Giêsu là Đấng Vô Tội, cho nên tất cả nghèo hèn lao nhọc suốt cả đời và cuộc tử nạn vô cùng đau đớn nhục nhã của Người, để tạo công nghiệp vô cùng cao cả trước mặt Đức Chúa Cha, nhưng chức vị của Chúa Giêsu là Thiên Chúa nên công nghiệp của Người được nhân lên muôn muôn ngàn ngàn, mà có thể đền bù tội lỗi cho cả nhân loại.

Cũng vậy, chức vị Mẹ Thiên Chúa của Đức Mẹ muôn trùng cao trọng thế nào, thì sự trinh trắng vẹn toàn nhân đức để xứng đáng sinh hạ Chúa, cùng sự đau khổ bởi kết hợp với những đau thương nhục nhã của Chúa Giêsu Kitô, đã trở thành công nghiệp bao la vĩ đại đó của Đức Mẹ lại được nhân lên muôn trùng như vậy. Cho nên Chúa đã thưởng công bội hậu mà Đức Mẹ có quyền thế trên tất cả các thiên thần và các thánh. Hay nói cách khác: Công nghiệp của Đức Mẹ cao cả đến nỗi Người đã chia sẻ cho tất cả những ai kính mến cậy trông Người, mà ơn lộc đó còn tràn đổ cho cả thế gian.

IV-ĐỨC MẸ HẰNG CỨU GIÚP.

Ga 2, 1-11: “Ngày thứ ba, có tiệc cưới tại Cana miền Galilê. Trong tiệc cưới có thân mẫu Đức Giêsu. Đức Giêsu và các môn đệ cũng được mời tham dự. Khi thấy thiếu rượu, thân mẫu Đức Giêsu nói với Người: “Họ hết rượu rồi.” Đức Giêsu đáp: “Thưa bà, chuyện đó can gì đến bà và tôi? Giờ của tôi chưa đến.” Thân mẫu Người nói với gia nhân: “Người bảo gì, các anh cứ việc làm theo.” Ở đó có đặt sáu chum đá dùng vào việc thanh tẩy theo thói tục người Do Thái, mỗi chum chứa được khoảng tám mươi

hoặc một trăm hai mươi lít nước. Đức Giêsu bảo họ: “Các anh đổ đầy nước vào chum đi!” Và họ đổ đầy tới miệng. Rồi Người nói với họ: “Bây giờ các anh múc và đem cho ông quản tiệc.” Họ liền đem cho ông. Khi người quản tiệc nếm thử nước đã hoá thành rượu (mà không biết rượu từ đâu ra, còn gia nhân đã múc nước thì biết), ông mới gọi tân lang lại và nói: “Ai ai cũng thết rượu ngon trước, và khi khách đã ngà ngà mới đãi rượu xoàng hơn. Còn anh, anh lại giữ rượu ngon mãi cho đến bây giờ.” Đức Giêsu đã làm dấu lạ đầu tiên này tại Cana miền Galilê và bày tỏ vinh quang của Người. Các môn đệ đã tin vào Người.”

Chúa Giêsu là bậc thầy dạy luân lý đạo đức mà lại gọi mẹ bằng “Bà”, cái chuyện i tờ như thế mà Chúa làm sai thì còn dạy được ai? Hay Chúa trịch thượng vì Người là Chúa mà coi mẹ chẳng ra gì? Hoặc Chúa cho Đức Mẹ là đàn bà chẳng biết gì mà lại xía vào việc của Người? Dù sao thì Chúa cũng phải tỏ ra tôn trọng mẹ Người trước mặt các môn đệ và mọi người chứ?

Nhưng chớ có lầm lẫn, chính chữ “Bà” là chiếc chìa khóa vàng để mở ra căn lý của việc tôn kính Đức Mẹ:

Trước tiên ta thấy lòng thương người của Đức Mẹ mà để mắt đến việc người ta thiếu rượu dù chắc chắn Đức Mẹ không uống rượu, và Đức Mẹ đến nói với Chúa Giêsu một câu thật lạ lùng: “Họ hết rượu rồi”, làm như Chúa chịu trách nhiệm về rượu men và Chúa có cả một kho rượu bên cạnh Người vậy. Nhưng câu này cho thấy Đức Mẹ biết tường tận về Chúa Giêsu, cho thấy Đức Mẹ là người trong

cuộc; người chung phần chung vốn với Chúa, Đức Mẹ biết Chúa có quyền năng trong mọi sự mọi việc, thì mới có câu nói tự nhiên như vậy. Đó là vì sự kết hợp thiêng liêng của linh hồn hai mẹ con, và Đức Mẹ đồng trinh thanh sạch mà đầy tràn ơn thông biết của Chúa Thánh Thần, hơn nữa Đức Mẹ sống hơn ba mươi năm bên Chúa trong tình mẹ con, chẳng lẽ Chúa không tỏ lộ đôi chút cho mẹ Người, nên trong sự thông hiểu giữa hai mẹ con mà Đức Mẹ nói rất ngắn gọn: “Họ hết rượu rồi” cũng không có gì lạ.

Người lại Chúa Giêsu là Thiên Chúa thông biết mọi sự, Người biết mẹ của Người sẽ lập công nghiệp vô cùng cao cả mà có quyền năng thần thể trên trời dưới đất, cả thế gian sẽ được hưởng nhờ công nghiệp của Đức Mẹ. Cho nên “Bà” là từ ngữ xưng hô giữa vị Vua cả trái đất với Đấng có quyền thế trên muôn vàn thần thánh, Đấng có thể dùng thế lực công nghiệp mình để can thiệp vào mọi sự mọi việc trên đời. Vậy Chúa Giêsu xưng “Bà” với Đức Mẹ là sự kính cẩn tôn trọng, sự chúc tụng ngợi khen mẹ của Người.

Rồi chúng ta lại thấy lạ lùng nữa là sau khi Chúa đã nói: “Hỡi Bà, tôi với Bà có can chi đâu, giờ tôi chưa đến”, mà Đức Mẹ lại bảo những người giúp việc: “Hễ Người bảo gì thì hãy làm theo”: có nghĩa rằng chẳng những Đức Mẹ biết Chúa có thể làm được mọi sự lạ lùng cả thể, mà con biết chắc chắn Chúa Giêsu sẽ chiều ý Đức Mẹ, dù kế hoạch của Chúa Giêsu chưa đến lúc cần cho thiên hạ thấy quyền năng của Chúa. Cho nên chúng ta không lấy làm lạ khi Đức Mẹ được Chúa thưởng quyền năng trên trời dưới

đất thì Đức Mẹ luôn cứu giúp mọi người trong mọi nơi mọi lúc, chẳng những kẻ kêu cầu Mẹ mà cả những ai chưa kịp kêu xin, như trường hợp tại tiệc cưới Cana đó.

Chúng ta còn thấy Chúa Giêsu xưng “Bà” với Đức Mẹ trong lúc bị treo trên thập giá: Ga 19, 26-27: “Khi thấy thân mẫu và môn đệ mình thương mến đứng bên cạnh, Đức Giêsu nói với thân mẫu rằng: “Thưa Bà, đây là con của Bà.” Rồi Người nói với môn đệ: “Đây là mẹ của anh.” Kể từ giờ đó, người môn đệ rước bà về nhà mình.” Như chúng ta biết về tình mẹ con, Chúa Giêsu thương Đức Mẹ vô cùng vô hạn, đến nỗi trong cơn đau đớn tận cùng lúc gần tắt hơi đó mà Chúa còn dùng tàn sức để trời mẹ Người cho thánh Gioan, vậy thì có sao Chúa lại xưng với mẹ Người là “Bà”? Thật là lạ lùng hết chỗ nói!

Nhưng Chúa Giêsu biết rằng sự đau khổ Đức Mẹ đang chịu, những lo âu khôn khó suốt cuộc đời cộng với những nhân đức cao vời của Đức Mẹ, sẽ trở thành công nghiệp lớn lao, công nghiệp đó lại được nhân lên ngàn vạn lần bởi chức vị MẸ THIÊN CHÚA, cho nên Đức Mẹ được Thiên Chúa thưởng công mà có thần thể: Cả thần thánh trên trời đều ngưỡng mộ kính bái và vâng lệnh Đức Mẹ, cả hỏa ngục nghe danh Maria đều khiếp hãi run sợ. Cho nên Chúa Giêsu đã vì thương mà trao phó cả nhân loại cho Đức Mẹ, để nhân loại được hưởng nhờ công đức của Người. Vậy câu: “Hỡi Bà, đây là con Bà” hàm ý rằng: “Hỡi Bà, đây là đàn con dương thế đang cần nương nhờ công nghiệp của Bà, xin Bà bênh vực chở che, dìu dắt dạy bảo”. Thế thì “Bà” là từ ngữ xưng hô giữa Chúa cả trái đất với Đấng quyền thế trên tất cả các thiên thần và các

thánh dưới ngai Thiên Chúa. Và Chúa Giêsu chỉ dùng cách xưng hô đó trong sự kiện quan trọng lớn lao là **TRAO PHÓ CÁ NHÂN LOẠI CHO ĐỨC MẸ**, còn nếu chỉ đơn giản bình thường là trời Đức Mẹ cho thánh Gioan bảo dưỡng săn sóc thì Chúa Giêsu chỉ dùng chữ “Mẹ” chứ không đòi nào dùng chữ “Bà” như vậy.

Do đó chữ **BÀ** tỏ lộ mọi lý lẽ tại sao chúng ta phải tôn kính cậy trông Đức Mẹ.

Rồi từ đó Đức Mẹ hằng dạy dỗ, ủi an, nâng đỡ các tông đồ trong những ngày đầu gian nan, xây dựng Giáo Hội, cho tới khi Đức Mẹ được rước cả hồn lẫn xác về trời và thưởng công bội hậu, mà có uy quyền thần thể dưới ngai Thiên Chúa, thì Đức Mẹ luôn dùng công nghiệp của Người mà ban phát cứu giúp tất cả những ai kêu cầu và Đức Mẹ cứu giúp cả vùng, miền, quốc gia, cả Giáo Hội và toàn thể giới trong mọi cơn gian nan khốn khó. Tuy nhiên, vì định luật “**Có mới được cho**” của Thiên Chúa, là chúng ta phải **CÓ** công phúc Đức Mẹ mới được phép **CHO**, mới được quyền ban ơn, nên trước những tai ương khốn khó sắp xảy ra ở bất cứ nơi nào trong thiên hạ, Đức Mẹ thường hiện ra khuyên dạy người ta xám hối ăn năn, đền bù phạt tạ Trái Tim Chúa Giêsu và Trái Tim Đức Mẹ, lần chuỗi Mân Côi..., để tạo nên công phúc thì Đức Mẹ mới có quyền bênh vực, chở che, cứu chữa ngàn vạn lần công lao của chúng ta, như chúng ta đã nhìn thấy rất rõ, chỉ bằng con mắt thật khách quan.

V-NGUỒN ƠN ĐỨC MẸ BAN CHO CHÚNG TA.

Mỗi khi gặp khó khăn thiếu thốn, chúng ta chạy đến cậy trông kêu xin Đức Mẹ bầu cử chở che, đều nhanh chóng được cứu giúp, bởi Thiên Chúa ứng xử với chúng ta mang tính của người cha: Yêu thương, người cha nghiêm khắc với con cái hơn, vì với định luật của Thiên Chúa thì sự khó khăn thiếu thốn, khổ đau, nhục nhã ở đời này sẽ trở thành công trạng, là phần thưởng đời sau. Cho nên trong Tin Mừng chúng ta không tìm thấy Chúa Giêsu làm phép lạ cho ai của gì vật gì, ngoại trừ hai lần hóa bánh cho người ta ăn trong lúc đói, thậm chí có người kia nhờ Chúa can thiệp để người anh chia gia tài, mà Chúa đã đáp cách khiển trách: “Này anh kia, ai đã đặt tôi là người xử kiện hay người chia gia tài cho các người?”

Còn Đức Mẹ cũng yêu thương con cái loài người, nhưng Người ứng xử theo cách của một người mẹ dịu hiền, Đức Mẹ dùng công trạng của Người để bù đắp định luật công thẳng của Chúa, và có những cách an ủi vỗ về, làm vui dịu những nỗi khó khăn đau khổ, dĩ nhiên luôn với mục đích dẫn đưa chúng ta về với Chúa, như trong tiệc cưới Cana đó, Chúa Giêsu hiển nhiên là biết trước Đức Mẹ về việc thiếu rượu, nếu theo ý Chúa thì cứ để cho người ta khó khăn thiếu thốn, sượng sùng tủi hổ, như vậy phần phúc của họ sẽ được cộng thêm vào vốn liếng cho đời sau. Nhưng cách của Đức Mẹ là dùng ảnh hưởng của Người để nài ép Chúa cứu giúp người ta qua con khôn khó đó, rồi dẫn đưa người ta đến với Chúa: Ga 2, 11: “Đức Giêsu đã làm dấu lạ đầu tiên này tại Cana miền Galilê và bày tỏ vinh quang của Người. Các môn đệ đã tin vào Người.”

Vì thế, cầu khẩn Đức Mẹ, chúng ta thường dễ dàng được những ơn cứu giúp về vật chất nhiều hơn, càng kính mến cây trông Đức Mẹ, chúng ta càng được che chở ủi an, nhiều người nhờ năng lần chuỗi Mân Côi mà Đức Mẹ luôn ban những dấu lạ, ơn lạ, ủi an nâng đỡ họ hàng ngày, việc đó không phải ngẫu nhiên mà ngàn vạn lần xảy ra như một, mà chúng ta thấy rất rõ trên đường đời: cùng trong một nghịch cảnh, một tai ương, một nỗi khốn khó, mà người kính mến cây trông Đức Mẹ luôn luôn được ủi an che chở gặp nhiều lần cả tinh thần lẫn vật chất.

Từng người, từng nhà đã vậy, Đức Mẹ còn ban những ơn cứu giúp lớn lao cả thể, chỉ cần nhìn trung thực khách quan, chúng ta có thể thấy bất cứ nơi nào, giai đoạn nào sắp xảy ra những tai ương khốn khó, thì Đức Mẹ liền hiện ra ủi an, khuyên bảo, chỉ dạy người ta cách thức để tránh tai họa. Chẳng hạn đầu thế kỷ XX, cả thế giới đứng trước thảm họa của chiến tranh, của quyền lực ác độc bạo tàn về những học thuyết vô cùng gở lạ. Tại Bồ Đào Nha năm 1917, nơi nhà cầm quyền có âm mưu độc ác: muốn tiêu diệt sạch Công Giáo, Đức Mẹ đã hiện ra tại Fatima cùng ba em nhỏ, truyền dạy nhủ khuyên rằng: Hãy ăn năn sám hối cải thiện đời sống. Hãy tôn sùng đền tạ Trái Tim Đức Mẹ. Hãy năng lần chuỗi Mân Côi. Và Giáo Hội đã thi hành tích cực triệt để mệnh lệnh của Đức Mẹ: từng người, từng nhà kết hợp với xứ đạo, địa phận, quốc gia cùng toàn Giáo Hội khắp thế giới thành phong trào đền tạ Trái Tim Đức Mẹ sầm uất sôi nổi, cho nên Đức Mẹ đã cứu chữa cách lạ lùng: cả dân nước và chính quyền Bồ Đào Nha ăn năn trở lại, tôn sùng kính mến Trái Tim Đức Mẹ, dâng nước dâng nhà cho Đức Mẹ.

Hoặc ngay từ khi đảng Cộng Sản nắm quyền ở Nga, với chế độ độc tài sắt máu và tà thuyết vô thần chủ trương tiêu diệt toàn bộ các tôn giáo, không riêng nước Nga mà toàn thế giới. Đức Mẹ đã gửi thông điệp qua chị Lucia, hứa nếu Đức Giáo Hoàng dâng nước Nga cho Đức Mẹ, cùng với việc thi hành ba mệnh lệnh Fatima thì Đức Mẹ sẽ giúp cho nước Nga ăn năn trở lại, đó là điều kiện quá dễ dàng để Đức Mẹ nhờ đó mà có thể cứu cả thế giới. Nhưng mãi tới năm 1984, nước Nga mới được Đức Gioan Phaolô II chính thức hiến dâng theo đúng nghi thức Đức Mẹ yêu cầu. Kết quả là ngay sau đó, không những nước Nga, mà toàn khối Liên Minh Đông Âu của Nga đã sụp đổ và làm cuộc cải cách lớn lao không hề đổ máu. Họ liền bắt tay xây dựng dân chủ, dân sinh, nhất là việc tự do tôn giáo. Thật rất bất ngờ, rất lạ lùng! Người ta cứ ngỡ cuộc đổi đời này phải “Máu thành sông, xương thành núi”. Điều đó làm sao có thể tốt đẹp như vậy nếu không phải là quyền phép của Thiên Chúa qua sự bầu cử nài xin của Đức Mẹ.

Riêng tại Việt Nam, Đức Mẹ đã thấy trước những tai họa khủng khiếp của mảnh đất nhỏ bé này, nên Người đã báo trước bằng một mật thư Fatima về “Ba ngày đêm tối trời”. Một số người cứ ngỡ ba ngày đêm tối trời là bảy mươi hai giờ không mặt trời mặt trăng, không đèn, không điện, nên mua đèn cây làm phép, cất giữ để phòng thủ. Thực ra ba ngày đêm tối trời đó là ba giai đoạn cực kỳ đen tối của đất nước, kéo dài sáu mươi năm của đói khổ, máu lửa, chết chóc, tang tóc, hận thù... (Tính ra cứ một ngày một đêm là hai mươi năm). Nhưng người Công Giáo Việt Nam đã vâng lệnh Đức Mẹ mà triệt để thi hành ba mệnh

lệnh Fatima, đã ăn năn xám hối cải thiện đời sống, phong trào Đền Tạ Trái Tim Đức Mẹ rền rã sôi nổi và chuỗi Mân Côi được duy trì liên lý từng người, từng gia đình, thôn xóm, giáo xứ, giáo phận, kết hợp với phong trào Đền Tạ Trái Tim Đức Mẹ của toàn Giáo Hội. Đó là con cái Việt Nam và Giáo Hội đã thực thành đúng điều kiện mà Đức Mẹ đã nhủ khuyên yêu cầu, nhờ công phúc đó mà Đức Mẹ đã cứu vớt được biết bao nhiêu người, bao làng mạc thôn xóm, giáo xứ, vùng miền và cả đất nước Việt Nam, có thể nhìn thấy rất rõ hàng chục hàng trăm lần bi thảm hơn thực tế đã xảy ra.

Người theo Chúa Kitô không kiêng giữ bằng nhiều Phật tử, không nhiều luật lệ bằng người Do Thái, không ăn chay giữ luật bằng người Hồi Giáo, nhưng công phúc của chúng ta được nhân lên gấp trăm nhờ cây trồng kết hợp với công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô. Riêng những người có lòng kính mến cây trồng Đức Mẹ còn được cứu giúp chở che bằng công nghiệp cao cả của Người mà cuộc sống thanh thản, bình an, vững vàng hơn nhiều.

Người thế gian làm phúc cho chúng ta một lần thì chúng ta nhớ mãi, biết ơn và yêu quý họ mãi, hướng chi Đức Mẹ luôn luôn chở che, cứu giúp, ủi an, nâng đỡ chúng ta và chúng ta còn phải nương nhờ Người từng ngày từng giờ cho đến khi về quê thật. Cho nên chúng ta kính mến cây trồng Đức Mẹ là tuyệt đỉnh khôn ngoan và phải lễ.

VI-KHÔNG CÓ ĐỨC MẸ, NHÂN LOẠI KHÔNG ĐƯỢC CỨU ĐỘ.

Thiên Chúa là Người Cha vô cùng tốt lành nhân hậu, Vương Quốc của Người càng vinh quang thái hòa, Người càng muốn có nhiều con cái để chung hưởng hạnh phúc với Người. Nhưng Thiên Chúa thống trị Thiên Đàng và cả hỏa ngục, nên vì phép công bằng Người không thể sinh chúng ta là thiên thần, mà phải tạo dựng con người. Và trước khi tạo dựng con người thì Thiên Chúa đã tạo dựng những định luật rất công bằng, để con người có quyền chọn lựa giữa thiện ác tốt xấu. Ai làm lành lánh dữ là lập được công phúc thì tùy nhiều ít mà được thưởng lên hàng thần thánh, còn kẻ tham lam gian ác thì rơi vào thành phần ma quỷ.

Những con người chông chất tội lỗi từ đời này tới đời khác, đến nỗi hầu như không ai có thể tự lập công mà vào được Nước Chúa, chỉ có Đấng ở ngôi vị Thiên Chúa, và đúng lý đúng luật: Đấng ấy phải làm người, vì những định luật của Thiên Chúa chỉ dành cho con người, Đấng ấy mới có thể lập công trạng lớn lao đủ để cứu chuộc nhân loại.

Muốn xuống thế, muốn sinh ra làm người, nhưng Thiên Chúa tuyệt đỉnh thánh thiện cao trọng, nên chỉ một người nữ cực trinh cực sạch không hề vướng nhiễm tội lỗi và vẹn toàn mọi nhân đức mới xứng đáng chịu thai và sinh hạ Đấng ở ngôi vị Thiên Chúa. Lời tiên tri: “Này đây một trinh nữ sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, người ta sẽ gọi tên con trẻ là Emmanuel, nghĩa là Thiên Chúa ở cùng chúng ta”. Lời tiên tri đó không chỉ là một lời hứa, một lời thông báo, mà lời tiên tri đó còn là một điều kiện nằm trong định luật “Có mới được cho” là nhân loại phải CÓ một TRINH NỮ thì Thiên Chúa mới có thể CHO Con

Thiên Chúa xuống thế làm người. Mà Chúa Giêsu Kitô không thể xuống thế làm người thì dù nhân loại có hoàn toàn thuộc về ma quỷ, Thiên Chúa cũng đành bó tay.

Cho nên chưa kể những ơn lộc Đức Mẹ ban đổ tràn đầy thế gian, nhân loại đã phải đời đời ghi công ơn và tôn kính ngợi khen Đức Trinh Nữ Maria, vì thế gian không đời nào có một ai khác, duy chỉ Đức Mẹ mới có đủ tư cách, đủ điều kiện để mang thai và sinh hạ Đấng Tối Cao.

VI-ĐỨC MẸ MÂN CÔI

Lòng kính mến Đức Mẹ đã có từ thời Chúa Giêsu còn rao giảng: khi nhận ra Chúa cao trọng quyền năng, người ta kính mến vị sinh thành ra Người: “Phúc thay dạ đã cưu mang Người, phúc thay vú đã cho Người bú mớm”. Sau khi Chúa Giêsu và Đức Mẹ về trời, Giáo Hội càng được soi sáng hướng dẫn để nhận biết và kính mến Đức Mẹ vì càng CỎ càng được CHO, mà kinh Kính Mừng đã hoàn chỉnh vào khoảng thế kỷ thứ XI, được đọc nhiều lần và đếm bằng những chuỗi hạt.

Thế kỷ thứ XIII, bè rối Albigensê chống phá Giáo Hội đủ mọi mưu chước, thánh Đaminh nhờ lòng kính mến Đức Mẹ cùng với sự tha thiết yêu thương lo lắng cho Giáo Hội, mà ngài đã được Đức Mẹ truyền dạy kinh Mân Côi. Thánh nhân nỗ lực rao giảng truyền bá và các tín hữu đã hưởng ứng và kêu xin Đức Mẹ bằng chuỗi Mân Côi, nên bè rối cùng mọi sự dữ được dẹp tan cách lạ lùng. Từ đó kinh Mân Côi gắn liền với Giáo Hội, Giáo Hội càng được nhiều ơn lạ bởi kinh Mân Côi thì càng tin tưởng sùng kính và cầu khẩn Đức Mẹ bằng chuỗi Mân Côi.

Vào thế kỷ thứ XVI, vua Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ với binh lực hùng mạnh, xua quân định tiêu diệt Giáo Hội. Cậy nhờ kinh Mân Côi, đạo binh Công Giáo đã chiến thắng đạo quân rất hùng mạnh Thổ Nhĩ Kỳ, mà Đức Mẹ đã tỏ phép lạ trong trận chiến ngày 7-10-1571. Đức Giáo Hoàng Grêgôriô đã cho phép mừng thánh lễ kỷ niệm ngày này tại một số giáo đường.

Năm 1716, cũng lại cậy nhờ kinh Mân Côi, vua Charlet 6 chiến thắng quân Hồi Sarrasins, từ đó Đức Giáo Hoàng Clement II truyền cho cả Giáo Hội mừng lễ Đức Mẹ Mân Côi vào ngày 7 tháng 10 hàng năm.

Đầu thế kỷ XX, thế giới bị đe dọa bởi những quyền lực, đảng phái, cùng với những học thuyết gở lạ xấu xa và những âm mưu thâm độc sẽ làm tan rã thế giới và triệt phá Giáo Hội, Đức Mẹ đã hiện ra với ba em nhỏ thánh thiện Lucia, Phanxicô và Giacinta, cả thấy sáu lần vào ngày 13, từ ngày 13-5-1917 đến 13-10-1917, Đức Mẹ đã hứa cứu giúp con cái Mẹ phần hồn phần xác, cứu chữa Giáo Hội và cả thế giới nếu chúng ta thi hành ba mệnh lệnh của Mẹ:

-ĂN NĂN XÁM HỐI CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG.

-TÔN SÙNG ĐỀN TẠ TRÁI TIM ĐỨC MẸ.

-LẦN CHUỖI MÂN CÔI.

Khi xưa dân thành Ninivê ăn năn thống hối thế nào, thì sau khi Đức Mẹ hiện ra tại Fatima, Giáo Hội cũng ăn năn thống hối, tôn sùng đền tạ Trái Tim Đức Mẹ và thi đua lần chuỗi Mân Côi thành phong trào sốt sáng sôi nổi khắp

hoàn cầu, cho nên Đức Mẹ đã ra tay cứu vớt Giáo Hội cùng toàn thể giới khỏi nhiều tai ương khôn khó khủng khiếp. Riêng Bồ Đào Nha, nơi Đức Mẹ hiện ra, chính quyền của họ trước đó chủ trương tiêu diệt hết Công Giáo, nhưng sau khi Đức Mẹ hiện ra và lời yêu cầu của Người được thực hiện thì cả nước ăn năn trở lại cách hết sức lạ lùng: tôn sùng kính mến, dâng nước dâng nhà cho Đức Mẹ. Và nước Nga cùng khối Đông Âu thoát nạn Cộng Sản dễ dàng kỳ lạ sau lần Đức Gioan Phaolô II chính thức dâng nước Nga cho Đức Mẹ theo đúng nghi thức Người đã dạy qua chị Lucia. Đó là những sự kiện điển hình về kết quả vĩ đại nhiệm mầu của phép Mân Côi, và còn bao nhiêu ơn lạ phép lạ Đức Mẹ ban phát nhờ phép Mân Côi không thể kể hết, tất cả những ai sốt sắng lần chuỗi Mân Côi đều thấy rõ ràng những ơn ích của chuỗi Mân Côi như một việc làm được trả công bội hậu. Thật ra, nếu người cầu khẩn Đức Mẹ bằng chuỗi Mân Côi không được những ơn ích tỏ tường hàng ngày, suốt cuộc đời, thì không mấy ai kiên trì đọc kinh Mân Côi. Ngược lại, kinh Mân Côi càng ngày càng nhiều người say mê và đọc nhiều hơn, đọc chất lượng hơn, vì người cầu khẩn Đức Mẹ bằng chuỗi Mân Côi luôn được ơn lộc tràn đầy phần hồn phần xác.

Trước và sau sự kiện Fatima, nhiều lần Đức Mẹ đã khuyên dạy đọc kinh Mân Côi, nhiều nhứt nhủ của Đức Mẹ qua các thánh nhân về kinh Mân Côi, đã có hàng trăm thông điệp của các Đức Giáo Hoàng chỉ dạy dùng chuỗi Mân Côi, cùng biết bao lời kêu gọi của các đấng bậc trong Giáo Hội, muôn ngàn sách vở, bài viết ca ngợi cổ động kinh Mân Côi. Trên đây chỉ tóm gọn một chút về nguồn gốc kinh Mân Côi. Vậy cách cầu nguyện của Giáo Hội,

nhất là cầu nguyện bằng kinh Mân Côi có đúng lý đúng luật và đẹp lòng Chúa không?

Chúa Giêsu đã nhiều lần khuyên các môn đệ hãy cầu nguyện: “Các con hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn”, “Hãy xin thì sẽ được, hãy tìm thì sẽ gặp, hãy gõ thì sẽ mở cho”... Cho nên Giáo Hội cậy dựa vào cầu nguyện và cầu nguyện liên li, có thể nói việc gì sự gì cũng cầu nguyện vì Giáo Hội là hội cầu nguyện, không cầu nguyện Giáo Hội không thể tồn tại, không cầu nguyện Giáo Hội không còn là Giáo Hội.

Cách thức cầu nguyện của Giáo Hội gồm Thánh Lễ, cầu Thánh Thể, viếng đàn Thánh Giá, đọc kinh Mân Côi, làm giờ đèn tạ, đọc Lời Chúa, nguyện ngắm, rước kiệu, cắm phông, hành hương, xưng tội, ăn chay, hãm mình, kiêng việc xác, dâng cúng, chia sẻ ... Chúng ta thấy Giáo Hội dùng những nghi thức, những lời chúc tụng ngợi khen Chúa, những suy niệm, những sự hy sinh hãm mình, ăn năn thống hối..., làm thành lễ vật dâng hiến để xin ơn cứu độ của Thiên Chúa, nài xin Người những ơn cần thiết tinh thần lẫn vật chất, và cảm tạ Chúa về những ơn lành Người đã ban cho chúng ta.

Nhưng có ý kiến cho rằng cách cầu nguyện của Giáo Hội rườm rà, chuộng hình thức, nặng kinh kệ, quá khuôn mẫu..., viện Lời Chúa rằng “Các con hãy vào phòng đóng cửa lại mà cầu nguyện”, hoặc “Các con chớ lải nhải như dân ngoại”.

Thật ra, người ta không đọc thêm và đọc kỹ để suy thấu rằng Chúa Giêsu không muốn chúng ta giả hình, cốt phô trương để thiên hạ khen là đạo đức, vì như thế chẳng còn công trạng gì. Nhưng chúng ta thấy gì trong Phúc Âm theo thánh Gioan chương 12, 1-8, kể rằng gần ngày Chúa Giêsu chịu nạn, trong bữa tiệc tại Bêthania, Maria đã lấy một cân dầu thơm cam tùng hảo hạng nguyên chất, đổ vào chân Chúa Giêsu, rồi lấy tóc bà mà lau chân Người, Giuđa Ítcariôt đã phản đối rằng: Phí phạm, sao không bán chai dầu thơm lấy ba trăm đồng mà cho kẻ khó, nhưng Chúa Giêsu đã nói: “Để mặc bà ấy, để hầu bà còn giữ lại cho ngày mai táng Ta, vì kẻ khó các con vẫn có luôn với các con, còn Ta, không phải các con bao giờ cũng có đâu”. Hoặc khi Chúa Giêsu vào thành Giêrusalem, dân chúng cầm cành thiên tuế đón rước, trải áo lót đường cho Người đi và hô hoan ca ngợi: “Chúc tụng Đức Vua, Đấng nhân danh Chúa mà đến, bình an trên trời và vinh quang trên các tầng trời”, liền trong đám đông có số luật sĩ phản đối, yêu cầu Chúa bảo họ phải ngưng lại ngay, nhưng Chúa Giêsu đã nói gì?: “Ta bảo các người, họ mà làm thình thì những viên đá này sẽ hô lên”. Rồi khi các con trẻ reo hò trong Đền Thờ: “Hoan hô con vua Đavít!” thì các kinh sư nói với chúng: “Ông nghe chúng nói gì không?”, Người đáp: “Có, nhưng có lời này, các người chưa bao giờ đọc sao: “Ta sẽ cho miệng con thơ trẻ cất tiếng ngợi khen”. Có lần Chúa chữa lành một lúc mười người phong cùi, một trong những người đó lại là người Samaria quay trở lại cảm tạ Chúa, thì Chúa rất hài lòng và trách chín người kia... Đó là bằng chứng cho thấy rằng những lời chúc tụng, ngợi khen, cảm tạ Chúa cùng những nghi thức của Giáo Hội càng uy nghiêm trang trọng càng đẹp lòng Chúa, vì ngày xưa dân Do Thái chỉ muốn Chúa làm vua dân họ, mà đã có những nghi thức kính cẩn, những lời ca khen cao

đẹp như vậy, huống chi Giáo Hội thờ kính Chúa là Chúa cả trái đất thì dù những nghi thức phụng thờ của Giáo Hội có trang trọng gấp mấy cũng chưa có thể gọi là xứng đáng với sự vinh quang cao trọng của Chúa.

Còn kinh sách thì Giáo Hội không hề làm sai lời Chúa mà còn làm rất đúng, vì chúng ta hãy xem khi các tông đồ xin Chúa dạy họ cầu nguyện thì Chúa dạy họ kinh Lạy Cha.

Kinh Lạy Cha phần đầu là:

-LẠY CHA CHÚNG CON NGỰ TRÊN TRỜI.

-CHÚNG CON NGUYỆN DANH CHA CẢ SÁNG.

-NƯỚC CHA TRỊ ĐẾN.

-Ý CHA THỂ HIỆN DƯỚI ĐẤT CŨNG NHƯ TRÊN TRỜI.

Lời chúc tụng ngợi khen trên rất cao trọng và đẹp lòng đẹp ý Thiên Chúa, vì Ngài chỉ có thể làm sáng danh Ngài trên trời, còn dưới thế thì vì định luật “Có mới được cho” nên Chúa phải cần chúng ta hợp lời cầu nguyện để nhờ công phúc đó là sự CÓ, thì Chúa mới có thể CHO danh Ngài cả sáng ở thế trần. Và thánh ý Chúa được thực hiện ở thế gian này cũng cần chúng ta CÓ cầu nguyện thì nhờ công phúc đó Chúa mới có thể CHO. Đó là lẽ vật vô cùng quý giá chúng ta dâng lên Chúa để nài xin Chúa ban cho chúng ta những ơn rất quan trọng cho hồn xác chúng ta ở phần sau:

-XIN CHA CHO CHÚNG CON HÔM NAY LƯƠNG THỰC HÀNG NGÀY. _Xin cho linh hồn chúng ta được nuôi dưỡng hằng ngày nhờ lương thực bởi công nghiệp Chúa Giêsu Kitô: “Ta là bánh bởi trời”.

-VÀ THA NỢ CHÚNG CON NHƯ CHÚNG CON CŨNG THA KẼ CÓ NỢ CHÚNG CON. _Xin Chúa cho chúng ta biết tha thứ cho bất cứ ai gây cho chúng ta những nỗi khó khăn buồn phiền dù nhỏ dù lớn, để chúng ta được Chúa tha những lỗi lầm thiếu sót: “Vì nếu các con có tha thứ cho người ta những lỗi lầm của họ, thì Cha các con Đấng ngự trên trời, mới tha thứ cho các con”.

-XIN CHỖ ĐỀ CHÚNG CON SA CHƯỐC CẢM DỖ. _Xin Chúa cho chúng ta khỏi tham lam tiền tài, ham hố danh vọng, đam mê sắc dục..., mà phạm tội mất lòng Chúa.

-NHƯNG CỨU CHÚNG CON CHO KHỎI SỰ DỮ. _Xin Chúa cứu chúng con khỏi thiếu ăn thiếu mặc, khỏi bệnh tật, khỏi tai nạn nọ, khỏi giặc giã, cướp bóc...

Nội dung kinh Lạy Cha càng suy niệm càng thấy quý giá cao trọng và rất cần thiết, mà chỉ có sự khôn ngoan của Thiên Chúa mới có thể tạo được hoàn hảo như vậy.

Còn hình thức kinh Lạy Cha đã chứng tỏ cách thức cầu nguyện của Giáo Hội hoàn toàn đẹp lòng đúng ý Chúa là

dùng những nghi thức, những lời chúc tụng, những suy niệm, những hy sinh hãm mình..., làm thành lễ vật dâng lên Chúa để cảm tạ Chúa và nài xin Người những ơn trợ giúp phân hồn phân xác.

Kinh Lạy Cha cũng là cách Chúa Giêsu dạy chúng ta đặt thành văn bản, thành kinh, mà cầu nguyện vì:

-Thứ nhất, kinh sách của Giáo Hội thường cậy dựa trích rút từ Kinh Thánh mà chúc tụng ngợi khen và cảm tạ Chúa, cách này không thể gọi là dài dòng so với cách trực tiếp đọc Kinh Thánh, vì các kinh đã đều được nghiên cứu rất cặn kẽ và trích rút những đoạn quan trọng, cần thiết và ý nghĩa nhất trong Kinh Thánh.

-Thứ hai, kinh sách vừa chúc tụng, ngợi khen, thờ lạy cảm tạ Chúa, vừa nài xin Chúa cứu giúp từng sự từng việc, từng nơi, từng lúc..., điểm này chính là làm theo thể thức Chúa Giêsu đã làm: Người đã nêu gương cầu nguyện, cảm tạ đội ơn Đức Chúa Cha, lớn tiếng trước mặt các môn đệ, khi Chúa và các ngài được sự may lành cũng như khi gặp gian nan thử thách, lúc Chúa vui mừng cũng như lúc buồn phiền. Hãy tra cứu kỹ Kinh Thánh xem Chúa Giêsu cầu nguyện như thế nào? Có phải Người thường dâng lời chúc tụng, ngợi khen, cảm tạ..., làm lễ vật dâng lên Chúa Cha để nài xin ơn trợ giúp hay không? Và Chúa Giêsu cũng kể ra những nỗi khó khăn như khi Người cầu nguyện trong vườn Cây Dầu để xin Đức Chúa Cha cất sự dữ nếu có thể. Chúa đâu lúc nào cũng đọc kinh Lạy Cha.

-Thứ ba, kinh sách của Giáo Hội cộng với lịch trình phụng vụ: giờ, ngày, tuần, tháng, mùa, năm ..., để tất cả giáo hữu, xứ đạo, giáo phận, đất nước và toàn Giáo Hội cùng hợp nhất thông công, vì Chúa đã dạy: Mt 18, 19-20: “Thầy còn bảo thật anh em: nếu ở dưới đất, hai người trong anh em hợp lời cầu xin bất cứ điều gì, thì Cha Thầy, Đấng ngự trên trời, sẽ ban cho. Vì ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy, giữa họ.” Vậy thì sự thông công bằng kinh sách để cầu nguyện từ gia đình và giáo xứ đã đẹp lòng Chúa lắm rồi, huống chi chúng ta cầu nguyện bằng nghi thức, kinh sách, lịch trình..., với ý thông công cùng Giáo Hội toàn cầu, các thần thánh trên trời, và các linh hồn nơi luyện tội, thì đẹp lòng đẹp ý Chúa biết chừng nào. Cho nên việc cầu nguyện của Giáo Hội được ơn ích gấp trăm, nhờ kinh sách.

Thật ra, nếu không có kinh nguyện, sự cầu nguyện sẽ trở nên lạc lõng mờ mịt, thì miệng lưỡi chẳng nói ra nhưng tâm trí lại đi vào lối nhai dài dòng, vậy cách nào đúng ý Chúa hơn?

Còn việc chúng ta kính mến cây thông Đức Mẹ và các thánh không sai lỗi, trái đạo, không hề làm lu mờ hình ảnh Thiên Chúa, nhưng ngược lại, rất đẹp lòng Ngài, vì mọi sự cầu khẩn Đức Mẹ và các thánh đều quy hướng về Chúa, cây nhờ Đức Mẹ và các thánh bầu cử nài xin ơn cho chúng ta. Và vì Chúa thưởng công Đức Mẹ và các thánh, quyền năng chức tước trên trời, chính Chúa muốn chúng ta nhận được những ơn ích nhờ cây thông Đức Mẹ và các thánh, để làm sáng danh các Ngài. Các kinh cầu cùng Đức Mẹ và các thánh cũng giống cách thức Chúa Giêsu đã dạy

trong kinh Lạy Cha là gồm hai phần: Phần đầu là ca tụng ngợi khen công đức của Đức Mẹ và các thánh, làm thành lễ vật dâng hiến để nài xin Đức Mẹ và các thánh bầu cử nài xin ơn Chúa cho chúng ta ở phần sau.

Về phần kinh Mân Côi.

Kinh Mân Côi cũng có tính cách và mục đích như đã kể trên, là dùng những nghi thức, những lời chúc tụng ngợi khen Chúa và Đức Mẹ, những hy sinh hãm mình, ăn năn đền tạ..., làm thành lễ vật dâng lên Chúa và Đức Mẹ, để xin ơn phù giúp xác hồn. Vì kinh Mân Côi gồm:

-Các ngắm: là kinh suy gẫm những mâu nhiệm trong cuộc tử nạn của Chúa Kitô, và suy gẫm những sự dự phần rất quan trọng của Đức Mẹ Maria, để chúng ta tôn kính, cảm tạ, ngợi khen và noi gương, mà làm thành lễ vật dâng lên Chúa và Đức Mẹ.

-Kinh Lạy Cha: Như đã nói trên, là kinh rất quý giá cao trọng do chính Chúa Giêsu đã dạy, để ca tụng, ngợi khen, cảm tạ và nài xin ơn Chúa.

-Kinh Kính Mừng: được lặp lại mười lần sau mỗi ngắm và kinh Lạy Cha. Kinh Kính Mừng đã được hoàn chỉnh vào khoảng thế kỷ X-XI. Đó là công đức của Giáo Hội đã CÓ lòng thành kính cậy trông Đức Mẹ nên Người ban CHO chúng ta. Kinh Kính Mừng phần xướng là chúc tụng ngợi khen Đức Mẹ trích từ Kinh Thánh lời sứ thần

Gabriel: “Kính mừng Maria đầy ơn phúc, Đức Chúa Trời ở cùng bà” và lời chúc mừng của bà Isave kết hợp với lời sứ thần Gabriel: “Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ, và Giêsu con lòng Bà gồm phúc lạ”, đoạn Kinh Thánh đó làm thành lời chúc tụng Đức Mẹ của chúng ta. Đó là lời chúc tụng ngợi khen vô cùng quý giá cao trọng, không lẽ vật nào trên đời sánh ví bằng. Mỗi câu chúc mừng đó, khi chúng ta cảm lòng cảm trí sốt sắng đọc, đều trở thành một đóa hoa thiêng làm lễ vật dâng lên Đức Mẹ để nài xin ơn cứu giúp độ trì.

Phần hai của kinh Kính Mừng: câu đầu vừa là lời chúc tụng vừa là lời nguyện xin của chúng ta, nhân danh Đức Mẹ Maria, Mẹ Thiên Chúa: “Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Trời...”, để xin Đức Mẹ dùng công nghiệp của Người mà phù trợ chúng ta những khó khăn thiếu thốn phần hồn phần xác, và ơn quan trọng nhất là cứu giúp chúng ta trong giờ lâm tử: “...cầu cho chúng con là kẻ có tội khi nay và trong giờ lâm tử. Amen.”

-Kinh Sáng Danh: kinh nguyện cầu, chúc tụng, ngợi khen Thiên Chúa Ba Ngôi: “Sáng danh Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần, như đã có trước vô cùng và bây giờ và hằng có và đời đời chẳng cùng. Amen”. Chúng ta nguyện cầu để Chúa cho danh Người cả sáng, vì Chúa có toàn quyền làm sáng danh Chúa trên trời, còn dưới đất vì định luật “Có mới được cho” nên chúng ta phải chúc tụng nguyện cầu để nhờ công phúc đó Chúa mới cho Danh Người cả sáng nơi trần gian. Lời chúc tụng nguyện cầu vô cùng cao quý của kinh Sáng Danh thường

được kết hợp với kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng làm thành lễ vật quý giá để nài xin ơn Chúa.

-Cuối cùng là lời nguyện do chính Đức Mẹ Maria, khi Người hiện ra tại Fatima cùng ba trẻ chăn chiên, dạy là hãy đọc thêm sau kinh Sáng Danh: “Lạy Chúa Giêsu, xin tha tội lỗi chúng con, xin cứu chúng con khỏi sa hỏa ngục, và đưa hết thầy các linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần đến lòng Chúa thương xót hơn”, lời kinh này vô cùng cần thiết, đó là nỗi lo lắng lớn nhất của Đức Mẹ với con cái trần gian.

Chỉ rất đơn giản trong khuôn mẫu hai mươi kinh ngắm, sau mỗi kinh ngắm là một kinh Lạy Cha, mười kinh Kính Mừng, một kinh Sáng Danh, rồi lời nguyện do chính Đức Mẹ Fatima dạy, mà kinh Mân Côi trở thành thể thức; thành phương tiện rất hữu hiệu để cầu xin ơn Chúa, đó là những lời chúc tụng ngợi khen, những suy niệm để ăn năn thông hối, để hướng thiện tu đức ..., làm thành lễ vật dâng lên Chúa và Đức Mẹ để xin ơn cứu giúp độ trì.

Là một trong những phương cách cầu nguyện của Giáo Hội, nhưng kinh Mân Côi có nhiều ưu điểm:

-Hiệu quả của kinh Mân Côi rất hiển nhiên, nhiều nơi khốn khó tưởng chừng vô phương cứu chữa dù dư giả tài năng tiền bạc, mà chúng ta kêu cầu Đức Mẹ bằng kinh Mân Côi là được cứu chữa rất lạ lùng.

-Bất cứ ai siêng năng lần chuỗi Mân Côi đều được mọi sự may lành khác thường, được che chở khỏi những nỗi lo âu sợ hãi tứ bề như bão tố, hỏa hoạn, động đất, cướp bóc, chiến tranh ...

-Kính Mân Côi giúp chúng ta trút bỏ được những phiền muộn mỗi ngày trong cuộc đời.

-Kính Mân Côi giúp chúng ta nhận ra những sai sót trên đường đời cũng như những thói hư tật xấu của chúng ta, để chúng ta tu rèn tâm tính, trau dồi nhân đức.

-Kính Mân Côi có thể sử dụng bất cứ nơi nào giờ nào: tại nhà thờ, nhà nguyện, tại tư gia, lúc thức dậy, trên đường đi, chỗ làm việc, lúc nghỉ ngơi, trước khi đi ngủ và ngay cả trên giường nằm...

-Kính Mân Côi có thể dùng để cầu nguyện cho bất kỳ mục đích gì: cầu xin được sức khỏe, được bằng an, con cái ngoan ngoãn sống đạo; chăm học, cho chồng khỏi bê tha nghiện ngập, cho vợ khỏi đua đòi, bài bạc..., cho gia đình, cho lối xóm, cho giáo xứ, địa phận, tổ quốc, Giáo Hội, cầu cho xã hội được lành mạnh, cho người tội lỗi ăn năn, cho người đời nhận biết Chúa, cho các linh hồn nơi luyện tội...

-Kính Mân Côi là phương tiện vô cùng thuận lợi để đền trả tội lỗi, để bù đắp những sung túc dư giả, nhàn hạ vui

sướng ở đời, và làm vốn liếng của cải cho chúng ta trên Nước Trời.

-Kinh Mân Côi là phương tiện để nên thánh, nếu chúng ta xa tránh được tội lỗi, kiêng bớt những xa hoa xác thịt và đọc kinh Mân Côi liên li suốt đời.

Tuy nhiên, nếu chúng ta đọc kinh Mân Côi chỉ có số lượng mà thiếu phẩm chất thì không mấy tác dụng. Muốn có kết quả tốt, kinh Mân Côi phải được đọc với lòng sốt sắng, tin tưởng cậy trông và suy hiểu lời kinh, để biến những lời chúc tụng Chúa và Đức Mẹ, những sự hy sinh hãm mình, ăn năn thống hối, thành lễ vật dâng lên Chúa và Đức Mẹ để nguyện xin. Và phần xin ơn phải kết hợp với những nguyện ước của chúng ta thành sự khẩn thiết nài xin.

Hãy nhìn rõ từ hình thức đến nội dung kinh Mân Côi để khỏi lầm lẫn rằng: Người Công Giáo thờ Đức Mẹ ngang hàng với thờ Chúa. Nhưng kinh Mân Côi là nhịp cầu để Đức Mẹ dẫn đưa chúng ta về với Chúa, là phương tiện dễ dàng để chúng ta liên li cậy nhờ Đức Mẹ khẩn cầu cùng Chúa cho chúng ta. Người đọc kinh Mân Côi là cùng Đức Mẹ thờ lạy, ngợi khen, cảm tạ và nguyện xin ơn Chúa.

VII. NHỮNG NHÂN ĐỨC CỦA ĐỨC MẸ

Lời Chúa Kitô được ghi chép, so với muôn ngàn loại sách vở thì thật là quá ít, nhưng đã chứa đầy đủ mọi

lý lẽ khôn ngoan đủ để cứu độ nhân loại. Phúc Âm cũng không nói nhiều về Đức Mẹ, nhưng chỉ một số đoạn ngắn gọn mà chúng ta có thể tìm thấy tất cả những bằng chứng về các nhân đức của Đức Mẹ. Những nhân đức đã tạo nên vô vàn công phúc để Đức Mẹ được Chúa thưởng địa vị cao trọng nhất dưới ngai Thiên Chúa.

1- ĐỨC ĐỒNG TRINH

Nhân đức mà chúng ta yêu quý, kính trọng và hay nói đến nơi Đức Mẹ nhất là đức đồng trinh. Với một số người thì chữ đồng trinh vô nghĩa, vô lý, lạc hậu, cổ hủ..., thậm chí có người cho việc nói về đồng trinh với họ là vô liêm sỉ, phi đạo đức!

Nhưng chính Thiên Chúa yêu quý đức đồng trinh trước hết và trên hết: “Này đây một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai. Con trẻ sẽ được gọi là Emmanuel, nghĩa là Thiên Chúa ở cùng chúng ta”. Lời tiên tri đó không chỉ là một lời tiên báo mà còn là một lời giao ước, nghĩa là một ĐIỀU KIỆN từ trời ban xuống: Phải có một trinh nữ trong trắng vẹn tuyền mới xứng đáng mang thai và sinh hạ Con Đấng Tối Cao, Đấng cứu chuộc thế gian.

Thiên Chúa, Đấng quyền năng vượt tầm hiểu biết của con người. Ngài có thể tạo dựng mọi sự, Ngài có quyền lựa chọn mọi điều quý giá, Ngài phải đặt hàng trăm điều kiện để tuyển chọn Đấng sinh thành Con Trai cao trọng đầu yêu của Ngài, có sao chỉ hai tiếng “Trinh Nữ”, vậy thì

nhân đức đồng trinh được Thiên Chúa yêu quý đến mức nào!

Đức Nữ Maria được sinh ra từ dòng dõi kính mến Chúa hết lòng hết sức, nên giữ lòng đồng trinh từ đời này sang đời nọ, sự trinh khiết đó được thanh luyện qua bao đời, cho tới đời phụ mẫu của Đức Nữ Maria là thánh GioaKim và thánh nữ Ana là các bậc hết sức thanh sạch thánh thiện, cho nên Đức Nữ Maria thừa hưởng công đức đó của cha mẹ, dòng dõi cộng với lòng tin cậy, kính mến Chúa mà Người được Chúa ban ơn **VÔ NHIỄM NGUYÊN TỘI**, nghĩa là không ảnh hưởng lây nhiễm thói hư tật xấu từ cha mẹ, dòng dõi, tha nhân, không hề ham muốn dục tình, tiền tài, danh vọng và mọi đam mê thế tục..., mới xứng đáng làm Mẹ Đấng Cứu Thế.

Nhưng có người không tin Đức Mẹ có thể sống trọn đời đồng trinh, có nghĩa: sau khi sinh Chúa Giêsu thì Đức Mẹ ăn ở với thánh Giuse như một người vợ bình thường, và sinh thêm một đàn con nữa, viện cứ rằng đó là việc tự nhiên là Kinh Thánh chỉ nói: Mt 1, 25: "... nhưng không ăn ở với nhau **CHO ĐẾN KHI** sinh con trai đầu lòng, thì Giuse đặt tên con trẻ là Giêsu", và lại có đoạn Kinh Thánh nhắc đến anh em của Chúa Giêsu.

Trước tiên chúng ta bàn về hai từ "Tự nhiên": Con Thiên Chúa đầu thai làm người không phải là tự nhiên mà là mầu nhiệm muôn trùng cao cả, mà chỉ có Đức Nữ Maria trọn đời đồng trinh và vẹn toàn mọi nhân đức, mới xứng đáng mang thai và sinh hạ **ĐÁNG TỐI CAO TRỌNG**. Như chúng ta thấy đó, nếu tự nhiên sao Đức Nữ Maria lại

được chịu thai bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, và Kinh Thánh lại nghi: "... nhưng không ăn ở với nhau cho tới khi sinh con trai đầu lòng". Vậy thì Kinh Thánh đã xác định Mầu Nhiệm Thiên Chúa Nhập Thể không thể "Tự nhiên", và chỉ như thế thôi, cũng đã quá đủ, quá rõ để chúng ta tin Đức Maria trọn đời đồng trinh, vì nếu Kinh Thánh nói rõ ràng: "Đức Nữ Maria trọn đời đồng trinh" thì kẻ tin còn được công phúc gì? Mà cũng chẳng có gì mà phải bàn cãi.

-Kinh Thánh đã nói về anh em Chúa Giêsu: Mt 12, 47: "... có kẻ nói với Người: "Này Mẹ Thầy và anh em Thầy đứng ngoài tìm cách nói với Thầy...", Người ta cho rằng những "Anh em" này là con của Đức Mẹ và thánh Giuse, sau con đầu lòng Giêsu.

Hãy nhìn việc Chúa Giêsu lúc 12 tuổi đi lễ Đền Thờ: Nếu Chúa Giêsu có một đàn em nhỏ thì phải có trong giai đoạn này, chẳng hạn đứa mười tuổi, đứa tám tuổi, đứa sáu tuổi, thế mà Chúa Giêsu sau khi đi lễ lại lạc trong Đền Thờ có một mình, nghĩa là Chúa Giêsu không có người em nào mới đi lạc, hoặc có anh em thì phải lạc cả hai ba anh em, vì ai cũng biết rằng anh em tuổi đó lúc nào cũng quần quít bên nhau, nếu không thì Kinh Thánh cũng nói lý do là hai ông bà lo săn sóc bồng bế mấy người em của Chúa Giêsu mà để Người bị lạc. Điều này đủ chứng tỏ Chúa Giêsu không có người em nào cả, chữ "Anh em" đó chỉ do cách gọi của người Đông Phương là anh em bạn hữu, anh em họ, đều gọi anh em.

-Còn có lần Chúa Giêsu về quê, người ta bàn tán về thân thế Người: Mt 13, 55-56: "... Ông không phải là con bác thợ mộc sao? Mẹ của ông không phải là bà Maria; anh em của ông không phải là các ông Giacôbê, Giôxép, Simôn và Giuđa sao? Và chị em của ông không phải đều là bà con lối xóm với chúng ta sao?" Lời bàn này của mấy người quen biết Chúa, vì không tin, muốn nói Chúa Giêsu chỉ là người tầm thường, viện đến những người chị và kể tên bốn anh em của Người, như vậy Chúa Giêsu cả thầy có tới bảy hoặc tám anh em (!) Không lẽ có chuyện động trời như thế mà các sách Phúc Âm khác không hề nhắc tới. Như vậy chữ "Anh em", "Chị em" dùng cho anh chị em họ hàng và bạn hữu.

-Các thánh Máttêu, Macô, Luca và Gioan chắc chắn muốn xác định lai lịch Chúa Giêsu, và họ phải thực hiện việc đó ngay từ phần mở đầu của mỗi sách Phúc Âm, nếu Chúa Giêsu có một người em tên gì, tuổi bao nhiêu, ở đâu, vợ con ra sao..., việc đó rất quan trọng, rất cần thiết, nhưng cả bốn sách Phúc Âm không hề nhắc đến anh em nào trong phần giới thiệu lai lịch Chúa. Như vậy đã quá rõ Chúa Giêsu là con trai duy nhất của Đức Mẹ.

-Nếu Chúa Giêsu có tới thiếu một người em ruột thì không có lý do gì để Chúa Giêsu trời Đức Mẹ cho thánh Gioan trong giờ hấp hối, mà từ đó thánh Gioan đem Đức Mẹ về nhà ngài. Chưa kể nếu Chúa Giêsu có các em ruột thì các em của Chúa đã đứng dưới chân Thánh Giá bên cạnh Đức Mẹ, và nhất là việc tháo đanh, táng xác Chúa, chắc chắn phải để em ruột Chúa lo liệu, vì Đông Phương

thì đó là bốn phận cũng như quyền lợi của anh em ruột thịt với nhau.

Những chứng cứ đó đã quá đủ cho chúng ta thấy Chúa Giêsu không hề có người em nào, nhưng còn nhiều lý chứng cao trọng hơn để chúng ta hiểu và tin Đức Mẹ Maria trọn đời đồng trinh:

Thứ nhất, việc giữ đồng trinh của Đức Mẹ được thanh luyện bởi dòng dõi thờ kính Chúa hết lòng hết sức, cho tới đời Đức Nữ Maria, đã trở nên tinh tuyền, cho nên khi sứ thần Gabriel truyền tin cho Đức Mẹ chịu thai thì Người sửng sốt: “Việc ấy xảy ra sao được!”, bởi lý do: “Vì tôi không biết đến người nam”, mặc dù lúc đó Đức Nữ Maria đã đính hôn với thánh Giuse, như vậy Đức Mẹ đã có ý định giữ đồng trinh trọn đời, nếu không thì Đức Nữ Maria phải nghĩ đến thánh Giuse chứ không đời nào lại nói: “Tôi không biết đến người nam”. Nhưng khi được sứ thần giải thích: “Chúa Thánh Thần sẽ đến với trinh nữ và uy quyền Đấng Tối Cao sẽ bao trùm trinh nữ. Vì thế, Đấng trinh nữ sinh ra sẽ là Đấng Thánh và được gọi là Con Thiên Chúa”, thì Đức Mẹ nhận lời cách dứt khoát không do dự: “Này tôi là nữ tỳ của Thiên Chúa, xin làm cho tôi như lời sứ thần dạy”, cho thấy hiển nhiên rằng Đức Mẹ có ý muốn **TRỌN ĐỜI ĐỒNG TRINH.**

Thứ hai, với ý chí giữ lòng đồng trinh cao vời nên Đức Mẹ được Thiên Chúa chọn để ban Con Một Người cho nhân loại. Đó là mẫu nhiệm vô cùng cao cả, chấn động trái đất đến muôn ngàn đời, cho nên **ƠN CHÚA** phải tràn đầy để nhân loại xứng đáng đón nhận Đấng Cao trọng qua

việc Đức Nữ Maria trọn đời đồng trinh và vẹn toàn mọi nhân đức, thì đó mới đúng tình, đúng lý, đó mới là lẽ tự nhiên.

Thứ ba, nguồn ơn Chúa còn là những sự tác động qua các sự kiện thần kỳ lạ lùng:

-Sứ thần Thiên Chúa truyền tin cho Đức Mẹ chịu thai.

Đức Mẹ đi viếng bà thánh Isave, thai nhi trong lòng bà nhảy mừng.

Đức Mẹ sinh Chúa Giêsu trong hang bò lừa nghèo nàn mà lại có thiên thần Chúa báo tin cho các mục đồng đến thờ lạy, và ca đoàn thiên thần từ trời xuống hát mừng. Đoạn này Phúc Âm ghi rõ: Lc 2, 18-18: “ Nghe các người chăn chiên thuật chuyện, ai cũng ngạc nhiên. Còn bà Maria thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và **SUY ĐI NGHĨ LẠI TRONG LÒNG.**”

-Các đạo sĩ phương xa theo ánh sao tìm đến bái lạy Chúa Hài Đồng, và dâng các lễ vật dành cho vua chúa.

-Ngày Đức Mẹ và thánh Giuse dâng Chúa trong Đền Thờ, ông Simeon mừng rỡ kính cẩn ẵm và tiên báo những điều lạ lùng về cuộc đời Chúa Giêsu cùng cuộc đời Đức Mẹ.

-Thiên thần Chúa báo mộng cho thánh Giuse đem Chúa Hài Đồng và Đức Mẹ trốn sang Ai cập để tránh sự bách hại của bạo chúa Hêrôđê, rồi lại báo tin cho thánh Giuse đem Chúa Giêsu và Đức Mẹ trở về khi bạo chúa Hêrôđê đã qua đời.

-Đức Mẹ và thánh Giuse tìm thấy Chúa Giêsu trong Đền Thờ, ngồi giữa và đối đáp với các nhà thông luật.

-Ba năm Chúa Giêsu loan báo Tin Mừng Cứu Độ cùng với những phép lạ: người chết sống lại, người mù được thấy, người què được đi, người phong hủi được sạch..., và còn hóa nước thành rượu, hóa bánh cho hàng ngàn người ăn.

-Chúa Giêsu sống lại khải hoàn sau khi Đức Mẹ đã chứng kiến Chúa chịu hành hạ đánh đập tan nát thịt da, chịu đóng đinh treo trên thập giá cho tới chết, rồi còn bị lưỡi dòn đâm thấu qua ngực, và Đức Mẹ đã cùng các môn đệ tháo xác Chúa Giêsu xuống mà táng trong huyệt đá.

-Đức Mẹ và các môn đệ chứng kiến Chúa Giêsu lên trời hiển vinh.

-Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống trên Đức Mẹ và các tông đồ.

Tất cả những sự kiện thánh đó là những tác động thành nguồn ơn dư dật để Đức Mẹ giữ đồng trinh trọn đời. Thật ra, chỉ một trong những sự kiện linh thiêng ấy thôi cũng đủ làm Đức Mẹ luôn từng giây từng phút suy niệm trong lòng mà giữ vững mọi nhân đức.

Phải nói thêm rằng: những sự kiện linh thánh từ khi Chúa Giêsu khoảng tuổi thành niên về trước mà thánh Giuse từng chứng kiến, đã giúp ngài nhận ra Đức Mẹ là Đấng vô vàn cao trọng, thánh thiện, thanh sạch, nên được Chúa chọn để sinh hạ Đấng Thánh Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Chuộc dân Ítraen, cho nên thánh Giuse hết lòng tôn kính Đức Mẹ, và nhờ những sự kiện thần kỳ lạ lùng đó mà thánh Giuse được ON CHÚA mà giữ lòng đồng trinh thanh sạch trọn đời, mới xứng đáng làm CHA NUÔI Con Đức Chúa Trời. Đó là sự lựa chọn, an bài rất kỹ lưỡng chu đáo của Thiên Chúa. Việc thánh Giuse không hề chung đụng với một người vợ trẻ đẹp như Đức Nữ Maria, thật khó tin với những người quan niệm rằng đời phải hưởng thụ kéo uổng phí, phải xả láng không thì thiệt thòi. Nhưng rất dễ hiểu với những ai biết tiết độ, kìm hãm xác thịt, biết hy sinh bản thân và tôn trọng người phối ngẫu, coi người phối ngẫu là món quà của Chúa, là người Chúa trao gởi làm bạn đồng hành về quê trời. Và coi việc gần gũi vợ chồng là công bằng và bác ái.

Chỉ riêng nhân đức đồng trinh của Đức Mẹ đã tạo cho Người vô vàn công phúc.

2- ĐỨC MẾN.

Trong kế hoạch tạo dựng nhân loại, Thiên Chúa đã tạo dựng một vũ trụ vĩ đại bao la hàng tỷ tỷ tinh tú. Trái đất là hành tinh có khoảng cách trung bình với định tinh là mặt trời, có bầu không khí dày và mây che phủ để mặt đất không bị thiêu đốt, tự quay 24 giờ một vòng để điều hòa không khí hàng ngày, lại quay quanh mặt trời 365 ngày một lần và độ quay lệch tâm 23 độ tạo sự điều hòa từng năm từng mùa... Nếu có chút khái niệm và giàu óc tưởng tượng về không gian thì chúng ta biết rằng: những điều kiện rất quý rất hiếm đó tạo cho trái đất một bầu không khí ôn hòa nhất, một môi trường lý tưởng nhất để sinh vật có thể sống và phát triển lâu dài, cho nên Thiên Chúa đã phải đợi chờ hàng chục tỷ năm, mới tìm được trái đất để gieo cấy sự sống và tạo dựng con người. Rồi Thiên Chúa lại phải đợi chờ tìm kiếm rất lâu mới có một dân tộc đã vẽ chân dung Chúa rõ nhất, kính mến phụng thờ Chúa nhất trong các dân tộc thời đó, để đặt kế hoạch cứu chuộc nhân loại. Chúa lại phải tìm một dòng họ kính mến Chúa nhất trong các dòng họ, đã hiến dâng Chúa sự cao quý nhất là giữ lòng đồng trinh mà thờ lạy kính mến Chúa, Chúa lại chọn một người nữ kính mến Chúa nhất trong dòng tộc ấy là Đức Nữ Maria, vì Người kính mến Chúa hết lòng hết sức mà giữ lòng đồng trinh vẹn tuyền trên hết các kẻ đồng trinh, đến nỗi được Chúa ban ơn **VÔ NHIỄM NGUYÊN TỘI**, nghĩa là không hề lây nhiễm một thói hư tật xấu nào từ cha mẹ, dòng họ đến người lân cận, mới xứng đáng mang thai và sinh hạ Con Thiên Chúa.

Chúng ta biết hai từ “Tình yêu” lý thú hấp dẫn đến mức nào, thế mà Đức Nữ Maria trả lời với sứ thần: “... tôi không biết đến người nam”. Trên quan niệm trần thế thì Đức Nữ Maria đại khờ đến mức không thể chấp nhận được, nhưng điều đó chứng tỏ lòng kính mến Chúa của Đức Nữ Maria tuyệt đỉnh cao vời, cho nên không hề tưởng tới biết tới chuyện tình yêu, chuyện lứa đôi. Sự giữ lòng đồng trinh tuyệt đối đó của Đức Nữ Maria chỉ có thể đạt được nhờ lòng kính mến Chúa vì Người từng giây từng phút kính mến thờ lạy Chúa suốt cuộc đời.

Nguồn lửa kính mến Chúa trong lòng Đức Nữ Maria cao vời nên Người giữ lòng cực tinh cực sạch đến nỗi ơn Vô Nhiễm Nguyên Tội để xứng đáng làm Mẹ Đấng Cứu Thế, chỉ là khởi đầu. Vì từ đó lòng kính mến Chúa của Đức Mẹ được nhân lên với thời gian và từng sự từng việc: Vâng lời chịu thai, đi thăm viếng và giúp đỡ bà thánh Isave, sinh hạ Chúa Con trong hang bò lừa hèn hạ khó khăn, dâng Chúa Con trong Đền Thờ, đem Chúa Con trốn sang Ai Cập, đem Chúa Con trở về Nazaret, nuôi dưỡng Chúa Con khôn lớn, lo lắng theo Chúa Giêsu trong ba năm Người rao giảng, đau đớn hay tin Chúa Giêsu bị bắt rồi theo Chúa lên đồi tử nạn, đứt ruột đứt gan chứng kiến Chúa Giêsu chịu đóng đinh vào thập giá, nhận Gioan làm con như lời Chúa trấn trối, nhìn Chúa chết quằn quại đau đớn, tháo xác Chúa xuống mà táng trong huyết đá, đón Chúa sống lại khai hoàn, tiễn đưa Chúa về trời, đón nhận Ôn Chúa Thánh Thần, cùng các tông đồ Chúa xây dựng Giáo Hội... Tất cả với lòng kính mến Chúa mỗi ngày một hơn.

Chúng ta tôn kính và noi gương nhân đức mến Chúa của Đức Mẹ và cậy nhờ công nghiệp vô cùng cao cả do lòng mến Chúa của Người, để chúng ta được tràn đầy ơn phúc mà ngọn lửa kính mến Chúa trong lòng chúng ta mỗi ngày một sốt sắng hơn.

3- ĐỨC TIN.

Đức mến của Đức Mẹ cao vời bao nhiêu thì đức tin của Người mạnh mẽ bấy nhiêu, vì có tin mới mến, càng mến càng tin. Có tin Chúa, Đức Mẹ mới nhận lời chịu thai để sinh hạ Con Chúa. Tin Chúa, Đức Mẹ vội vã đi thăm bà thánh Isave. Tin Chúa, Đức Mẹ dâng Chúa Con trong Đền Thờ. Tin Chúa, Đức Mẹ đem Chúa Con trốn sang Ai Cập. Tin Chúa, Đức Mẹ sớm nhận ra Chúa Giêsu là Con Đấng Tối Cao, có phép tắc quyền năng, nên khi người ta hết rượu trong tiệc cưới, Đức Mẹ nói với Chúa Giêsu: “Người ta không còn rượu nữa”, cách nói này là Đức Mẹ tin Chúa Giêsu đến mức không còn chút do dự nghi ngờ, cách nói ấy dường như không còn là tin mà là biết. Cũng nhờ tin vào Thiên Chúa mà Đức Mẹ can đảm theo Chúa Giêsu lên đồi tử nạn, và đức tin của Đức Mẹ vô cùng cao cả vì Người đủ sức chứng kiến cảnh hết sức khủng khiếp man rợ của cuộc hành hình đóng đinh và cái chết quằn quại đau thương của Chúa Giêsu, Con Mẹ. Chúng ta cứ thử tưởng tượng xem, ai có thể đứng vững trước cảnh tượng đó, dù một người cha can đảm lắm cũng phải ngã quỵ hay điên loạn, nhưng vì tin Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa, tin Chúa Giêsu thực hiện thánh ý Đức Chúa Cha, cho nên Đức Mẹ vẫn can đảm đứng vững, dù đau đớn như vạn lưỡi đòng đâm thấu qua tim. Điều đáng nói là lòng can đảm

anh hùng đó còn là nhờ đức đồng trinh của Đức Mẹ, nên được Chúa Thánh Thần ngự trị trong lòng Người mà thêm đức tin, thêm sức mạnh.

Giáo Hội tôn vinh Đức Mẹ là Nữ Vương các thánh tử đạo, vì các thánh cậy nhờ công nghiệp bởi đức tin của Đức Mẹ mà các ngài can đảm đổ máu vì đức tin.

-ĐỨC CẬY.

-Đức cậy gắn liền với đức khiêm nhường và đức tin, vì có nhận biết mình nhỏ bé yếu đuối mà có lòng tin nơi Chúa, mới cậy trông Chúa. Sự cậy trông thường bởi những vất vả gian nan, tai ương khốn khó..., cậy trông Chúa dẫn đưa chúng ta trên những bước đường nhân đức và trên hết là cậy nhờ công nghiệp Chúa Kitô mà hưởng phần phúc đời đời, chúng ta cũng cậy nhờ Đức Mẹ và các thánh nam nữ để được che chở phù giúp.

Cuộc đời Đức Nữ Maria trước hết là tin mến Chúa trong tâm lòng khiêm hạ nên cậy trông Chúa mà giữ lòng đồng trinh, và từ khi được cất nhắc làm Mẹ sinh Đấng Cứu Thế thì gian nan khốn khó triền miên. Từ việc sinh Chúa Con trong hang bò lừa nghèo hèn túng cực, Đức Mẹ đã cậy trông Chúa và vui mừng được thấy Chúa Con khỏe mạnh bằng an. Khi cùng thánh Giuse đem Chúa Con trốn sang Ai Cập, đường xa dặm thẳm, khó khăn hiểm trở, Đức Mẹ một lòng cậy trông Chúa mà vượt qua. Cùng thánh Giuse đem Chúa Con trở về Nazaret chung sống trong cảnh nghèo, Đức Mẹ cậy trông Chúa để sống an vui.

Những năm rao giảng Tin Mừng, Chúa Giêsu bị người đời chống đối, hăm dọa, phỉ báng, âm mưu sát hại, Đức Mẹ cậy trông và dâng tất cả sự lo âu buồn phiền cho Chúa. Khi người ta bắt bớ và lên án tử hình Chúa Giêsu, Đức Mẹ tin tưởng, cậy trông, phó thác vào sự quan phòng của Thiên Chúa. Lúc gặp Chúa vác thập giá lên đồi tử nạn. Đức Mẹ cậy trông phó thác mọi sự trong tay Thiên Chúa mà vững bước theo con. Khi chứng kiến Chúa chịu khổ hình chịu chết, Đức Mẹ cậy trông bám víu lấy Chúa mà can đảm đứng vững dưới chân Thánh Giá. Những ngày tháng xây dựng Giáo Hội, các tông đồ Chúa bị đe dọa, bắt bớ, đánh đập và hăm hại, Đức Mẹ luôn cậy trông nguyện cầu Chúa mà an ủi nâng đỡ các tông đồ.

Chúng ta tôn kính, noi gương và nương nhờ công nghiệp bởi nhân đức cậy trông của Đức Mẹ để nhờ Người cứu giúp độ trì chúng ta trong mọi cơn khốn khó hồn xác, chỉ dạy chúng ta trên đường nhân đức để dẫn đưa chúng ta vững bước về quê trời.

4- ĐỨC YÊU NGƯỜI.

Phúc Âm thánh Luca kể sau khi sứ thần Chúa cho biết: người chị họ là Isave đã cao tuổi, được ơn Chúa mà có thai đã được sáu tháng, thì Đức Nữ Maria liền đi thăm: “Trong những ngày ấy, Maria trở dậy vội vã ra đi, đến miền núi, vào một thành thuộc chi họ Giuđa”. Hãy hình dung Đức Nữ Maria “Thân gái dặm trường” một thân một mình hồi hải lặn lội tới một thành tận miền núi xa xôi, rồi ở lại săn sóc giúp đỡ người chị cho tới khi sinh nở xong xuôi mới trở về. Thật là một nghĩa cử vô cùng cao đẹp của

lòng thương người. Trên cõi đời này việc làm như thế, nếu bởi một người đạo đức thánh thiện đã cao tuổi, cũng chưa từng nghe nói. Nhưng son trẻ như Đức Nữ Maria thì không ai chín chắn và tốt bụng đến thế, có cô gái nào lại lãng phí thời giờ của tuổi xuân sắc, cho một công việc khó khăn vất vả mà chẳng lợi ích gì như vậy. Chỉ có Đức Nữ Maria yêu người quên mình.

Việc thứ hai chứng tỏ lòng thương người của Đức Mẹ là: trong tiệc cưới Cana, Đức Mẹ không hề biết đến men rượu, mà Người đã sớm nhận ra người nhà thiếu rượu, rồi Người lại chạy đến cùng Chúa Giêsu, nài ép Chúa để Chúa cứu giúp những người khốn khó đó, dù Chúa chưa bao giờ làm phép lạ và dù Chúa đã nói giờ Người chưa đến, Đức Mẹ vẫn tiếp tục nài ép: “Người bảo gì thì cứ làm theo”. Cho thấy Đức Mẹ luôn quan tâm lo lắng đến mọi người và giúp đỡ tận tình chu đáo như chính việc nhà của Người.

Chỉ trong hai đoạn Phúc Âm đó, chúng ta đã tìm thấy tấm gương rất lớn về lòng yêu người của Đức Mẹ, vậy thì từ tuổi thanh xuân đến thời nuôi dưỡng chăm sóc Chúa Giêsu, cũng như thời Chúa rao giảng Tin Mừng và sau khi Chúa về trời, Đức Mẹ đã tạo bao công phúc bởi đức yêu người trong việc săn sóc ủi an, đỡ đần cứu giúp mọi người.

Chúng ta noi gương nhân đức yêu người của Đức Mẹ để chúng ta cũng biết thương người mà tạo lập công phúc cho phần thưởng Nước Trời của chúng ta. Và chúng ta cậy trông công nghiệp bởi nhân đức thương người của Đức Mẹ để Người cứu giúp chúng ta trong những cơn gian

nan khôn khó, vì ở thế gian này mà Người hằng quan tâm lo lắng đến hết mọi người như vậy, thì nay Đức Mẹ được thương quyền năng trên hết các thiên thần và các thánh, thì Đức Mẹ sẽ lo toan cho hết mọi người trong mọi cơn gian nan thiếu thốn nhất là những ai cậy trông kêu cầu Đức Mẹ, những ai thực hành mệnh lệnh của Đức Mẹ.

6-ĐỨC KHIÊM NHƯỜNG.

Đức khiêm nhường được Thiên Chúa yêu quý vô cùng vì Chúa Giêsu đã nhiều lần khuyên dạy chúng ta về đức khiêm nhường: “Hãy học cùng Ta vì Ta hiền lành và khiêm nhường”, “Trong các con, người làm lớn hơn cả phải làm người phục vụ anh em” ... Ở đời, sự khiêm nhường tránh được những xích mích, tranh giành, cãi cọ, va chạm, xô xát, xung đột, chiến tranh... Trong Thông Điệp Tình Yêu Nhân Hậu gửi Các Hòn Nhỏ, ngày 12-13-1965, Chúa Giêsu đã than thở với bà Margarita: “Thế giới khát vọng hòa bình nhưng tội kiêu ngạo gây bao tai hại”, và Chúa Giêsu dạy “Hỡi con hãy thực hành đức khiêm nhường, đó là nhân đức đẹp lòng Ta cách đặc biệt”. Và ngày 21-7-1966: “Vui thú của Cha là ở nơi những kẻ bé nhỏ không đáng kể, hiền lành và khiêm nhường”.

Thế gian kẻ càng đam mê sắc dục càng lú lẫn ngu dốt và càng tự kiêu tự phụ về những thứ họ tưởng là hơn người như hiểu biết, tài trí, lanh lợi, khôn khéo, quý phái, tiền tài, quyền chức, và thậm chí tự hào về ngay cả những mảnh lối, thủ đoạn, gian trá, độc ác... Ngược lại, người càng có lòng thanh sạch càng đơn sơ, hiền lành và khiêm nhường.

Đức Nữ Maria tin, cậy, kính mến Chúa mà giữ lòng đồng trinh trên hết các kẻ đồng trinh, thì Người cũng khiêm nhường trên hết. Từ khi đáp lời sứ thần Chúa cách khiêm nhường: “Này tôi là tôi tớ Chúa, xin làm cho tôi như lời sứ thần dạy”, Đức Mẹ đã sống hết một đời khiêm nhường ẩn dật dù con Mẹ là Đấng Thánh, là Con Đấng Tối Cao, và dù khi Chúa Giêsu tỏ ra Người có tài năng, uy quyền, phép tắc, Đức Mẹ vẫn đứng rất xa bên ngoài, không ai biết đến Người, dù Chúa Giêsu đã sống lại và lên trời hiển vinh, Đức Mẹ vẫn ẩn dật sau lưng các tông đồ của Chúa.

Vì Đức Mẹ đã sống suốt một cuộc đời khiêm nhường trên hết các kẻ khiêm nhường, nên đã được Thiên Chúa thưởng công mà cất nhắc lên địa vị cao trọng nhất, có quyền năng trên hết các thiên thần và các thánh. Chúng ta tôn kính và noi gương Đức Mẹ trong đức khiêm nhường cao vời, và cậy nhờ công nghiệp bởi đức khiêm nhường của Người, mà Người giúp chúng ta biết nhận ra mình hèn mọn yếu đuối, đầy thói tật xấu xa, do đó chúng ta có thể tu sửa và lập nhiều công phúc, để ngày sau trên Nước Chúa chúng ta được nâng nhắc nhờ cuộc sống khiêm hạ ở đời này, như Đức Nữ Maria đã nói tiên tri: “Chúa giơ tay biểu dương sức mạnh, dẹp tan phường lòng trí kiêu căng. Chúa hạ bệ những ai quyền thế, Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường”.

8- ĐỨC VÂNG LỜI.

Đức Maria nhờ tin, cậy, kính mến Chúa mà giữ lòng đồng trinh, nhờ giữ lòng đồng trinh mà sinh đức khiêm

nhường, nhờ nét ở khiêm nhường mà sinh đức vâng lời, cho nên chúng ta thấy cả cuộc đời Đức Mẹ là sự vâng lời hoàn toàn. Trước hết Đức Mẹ tin kính và vâng lời Chúa để mang thai và sinh hạ Con Chúa qua lệnh truyền của sứ thần Gabriel, sự “Xin vâng” này đã khai mạc công trình Cứu Chuộc nhân loại của Thiên Chúa, nhờ sự “Xin vâng” này mà giao ước của Thiên Chúa: “Này đây một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai, con trẻ sẽ được gọi là Emmanuel, nghĩa là Thiên Chúa ở cùng chúng ta”, được thực hiện. Rồi vâng theo thánh Giuse về Belem trong cuộc điều tra dân số, vâng theo luật Do Thái dâng Chúa Con trong Đền Thờ. Riêng việc đem Chúa Con trốn sang Ai Cập và đem Chúa Con trở về sinh sống tại Nazaret, chúng ta thấy thiên thần Chúa báo mộng cho thánh Giuse, thay vì báo cho Đức Mẹ, càng chứng tỏ Đức Mẹ tôn kính và vâng lời thánh Giuse. Và từng ngày từng giờ suốt cuộc đời, bao nhiêu khốn khó gian nan, khó nhọc vất vả, Đức Mẹ đều phó thác vâng theo thánh ý Chúa và trên hết là vâng lời dâng hiến Con Mẹ làm hy lễ để cứu chuộc nhân loại.

Giáo Hội tôn kính, noi gương và cậy nhờ công phúc bởi đức vâng lời của Đức Mẹ để Giáo Hội kết hiệp nhất vững bền, vì toàn thể các đẳng bậc cho tới từng giáo dân hằng luôn luôn thực hành đức vâng lời. Các gia đình nhờ thực hành đức vâng lời mà hòa thuận hạnh phúc, các cuộc hôn nhân nhờ đức vâng lời mà bền chặt không ly tán chia phối.

9- ĐỨC KHÓ NGHÈO.

Chúa Giêsu dạy: “Phúc cho những ai có tâm hồn nghèo khó vì Nước Trời là của họ”. Vì nếu tham lam tiền của, người ta sẽ quên nhân nghĩa, xa lánh Chúa mà mất Nước Trời. Hai là, công phúc của họ phải chi trả nhiều cho những sung túc dư giả, theo định luật “Được cho không thì cũng phải cho không”, cho nên dù Chúa Giêsu có thể hóa nước thành rượu, hóa bánh cho ngàn vạn người ăn, thì Người muốn trở nên giàu có thật quá dễ dàng, nhưng Chúa vẫn sống rất nghèo: “Con chồn có hang, con chim có tổ, Con Người không có chỗ gối đầu”.

Đức Mẹ cũng sống một đời rất nghèo khổ, từ tuổi thơ người đã sống đồng trinh thanh tịnh nên lòng chẳng tham lam mơ ước tiền của, sang giàu. Rồi kết bạn cùng thánh Giuse là người thợ mộc cũng rất nghèo, nghèo đến nỗi Đức Mẹ tới thời kỳ sinh nở, bị người ta xua đuổi chối từ không tìm được nhà trọ mà Đức Mẹ phải sinh Chúa trong hang bò lừa. Nghèo khó túng thiếu khi đem Chúa Con trốn sang Ai Cập, rồi trở về Nazaret trong cuộc sống lam lũ nghèo hèn. Và đến thời Chúa Giêsu xuất thân rao giảng, Đức Mẹ vẫn sống rất nghèo như Chúa Giêsu, con Mẹ.

Chúng ta noi gương và cậy nhờ công nghiệp bởi đức nghèo khó của Đức Mẹ, để Đức Mẹ gìn giữ chúng ta luôn sống nhân nghĩa, thiện hảo và giữ nghĩa cùng Chúa, hầu chiêm đoạt được Nước Trời, như Đức Mẹ đã nói tiên tri: “Kẻ đói nghèo Chúa ban của đầy dư. Người giàu có lại đuổi về tay trắng”. Vì nếu thế gian này nghèo khó, thì chúng ta sẽ có một kho tàng trên trời, và nếu đời này chúng ta giàu có dư giả thì đời sau sẽ trắng tay.

10-ĐỨC KHÔN NGOAN.

Sự khôn ngoan của Đức Mẹ trước hết là tin, cậy, kính mến Chúa đến mức giữ lòng đồng trinh vẹn sạch, và nhờ cực trinh cực sạch mà Đức Mẹ trở nên đền thờ Chúa Thánh Thần, cho nên Đức Mẹ khôn ngoan trong mọi nhân đức và thông thái hiểu biết vô cùng. Ngay khi sứ thần Chúa truyền tin cho Đức Mẹ, Người đã nhận biết sứ mạng rất quan trọng, và Người đã trả lời sứ thần rất khôn ngoan; “Này tôi là tôi tớ Chúa, xin làm cho tôi như lời sứ thần truyền”. Khi gặp người chị họ Isave, Đức Nữ Maria đã ứng khẩu những lời ngợi khen cảm tạ Chúa tốt đẹp cao trọng như lời tiên tri. Nhưng sự khôn ngoan hơn hết là Đức Mẹ thấu hiểu chương trình Cứu Chuộc nhân loại của Thiên Chúa mà phó dâng Con Mẹ theo thánh ý Thiên Chúa, vì ngay từ khi Chúa Giêsu bắt đầu xuất thân rao giảng, Đức Mẹ đã biết Chúa Giêsu có quyền năng trong mọi việc mọi sự, nên Đức Mẹ đã nài ép Chúa cứu giúp người khó khăn thiếu thốn trong tiệc cưới Cana, mà Chúa đã hóa nước thành rượu. Từ đó Đức Mẹ hằng dõi theo mọi công việc, mọi lời rao giảng của Chúa Giêsu mà hiểu biết chương trình của Thiên Chúa, cho nên mới can đảm theo chân Chúa lên đồi Gôngôtha và can đảm chứng kiến Con Mẹ chịu đóng đinh chịu chết đau đớn trên thập giá.

Chúng ta tôn kính, cậy nhờ công nghiệp đức khôn ngoan của Đức Mẹ và noi gương Người về lòng tin, cậy, kính mến Chúa mà giữ lòng thanh sạch, để chúng ta được đầy ơn Đức Chúa Thánh Thần mà khôn ngoan thông thái trên đường nhân đức, hầu ngày sau được chung hưởng

cuộc sống cùng Đức Mẹ trong thế giới mà sự khôn ngoan vượt tầm trí con người.

11-ĐỨC KIÊN NHẪN.

Vì lòng thương người, Đức Nữ Maria đã kiên nhẫn lặn lội xa xôi đến thăm người chị họ Isave đã già cả lại mang thai, và ở lại săn sóc giúp đỡ bà cho tới khi sinh nở an toàn. Nhờ đức vâng lời đã cùng thánh Giuse kiên nhẫn trở về Belem trong cuộc kiểm tra dân số, và sinh Chúa Con trong cảnh túng cực nghèo hèn. Bởi lòng can đảm mà Đức Mẹ kiên nhẫn bồng bế Chúa Con trốn sang Ai Cập và ăn gỏi nằm chờ cho tới khi bạo chúa Hêrôđê qua đời mới đem Chúa Con trở về. Trong đức khó nghèo, Đức Mẹ đã kiên nhẫn nuôi dưỡng Chúa Con quãng đường đời tại Nazaret. Nhờ đức tin mà Đức Mẹ đã kiên nhẫn những ngày tháng Chúa Giêsu rao giảng Tin Mừng, kiên nhẫn trong cuộc hành trình tử nạn và táng xác cho tới khi Chúa Giêsu sống lại khai hoàn. Trong đức cậy trông mà Đức Mẹ kiên nhẫn cùng các tông đồ Chúa xây dựng Giáo Hội Chúa những bước đầu khó khăn lặn đận... Cả cuộc đời Đức Mẹ là tấm gương kiên nhẫn to lớn sáng láng cho chúng ta.

Chúng ta vững tin trong cuộc đời, những nỗi gian nan lặn đận, vất vả khó nhọc, đều là những ân huệ, những món quà của Chúa gửi đến để chúng ta thắng vượt được mà nên thánh, nhưng những nỗi khó khăn có khi triền miên hoặc hết nỗi lo lắng này tới phiền toái nọ, nên chúng ta cần noi gương kiên nhẫn của Đức Mẹ, và nài xin Đức Mẹ dùng công nghiệp bởi đức kiên nhẫn của Người mà nâng

đỡ dạy bảo chúng ta trung kiên vắc Thánh Giá theo chân Chúa trên mọi bước đường đời cho đến khi về tới quê trời.

12-ĐỨC CAN ĐĂM.

Nhờ lòng tin, cậy, kính mến Chúa và giữ lòng đồng trinh thanh sạch nên Đức Mẹ tràn đầy ơn Chúa Thánh Thần mà nên tấm gương can đảm anh hùng suốt đời.

Đức Nữ Maria đi viếng bà thánh Isave: Một thiếu nữ liểu yếu vì lòng thương người mà một thân một mình, rong ruổi tới miền núi xa xôi, rồi ở lại giúp đỡ người chị họ cho tới lúc mẹ tròn con vuông mới lặn lội trở về.

Đức Mẹ sinh Chúa Con trong hang bò lừa: Chúng ta biết sự lo lắng khi sinh nở như thế nào, ngay cả trong điều kiện đầy đủ nhất, thế mà Đức Mẹ đã sinh Chúa Con trong hoàn cảnh vô cùng thiếu thốn túng cực, cô đơn lẻ loi không người thân thích.

Đức Mẹ cùng thánh Giuse đem Chúa Con trốn sang Ai Cập: Thời đó muốn đi từ Do Thái sang Ai Cập phải qua sa mạc nắng cháy không suối nước, không hàng quán, đầy rắn, rết, thú dữ, trộm cướp..., thường người ta phải đi thành đoàn với lạc đà, lừa, ngựa cùng đầy đủ nước uống, lương thực, vũ khí... Nhưng Đức Mẹ và thánh Giuse cuốn ẵm Chúa Con trong tầm lạng, lén lút, vội vã, để bảo vệ Chúa Con khỏi móng vuốt của bạo chúa Hêrôđê, người

sau đó đã sát hại các hài nhi trong vùng Belem, vì đoán chắc trong đó có Hài Nhi sẽ là vua Do Thái.

Đức Mẹ dõi bóng Chúa: Ba năm Chúa Giêsu rao giảng Tin Mừng, thiên hạ người tin kẻ chống, người tung hô kẻ nhạo báng, người đón rước kẻ ném đá, người trung thành kẻ phản bội, người muốn Chúa lên làm vua kẻ âm mưu sát hại Chúa..., Đức Mẹ thình lặng theo dõi mọi sự mọi việc trong lo âu, mòn mỏi, đợi chờ, giống như những bà mẹ có con đang xông pha lửa khói chiến trận.

Đức Mẹ dưới chân Thánh Giá: Khi Chúa Giêsu bị bắt, chịu nhục mạ, phi báng, hành hạ, bị kết án như kẻ trộm cướp, chịu đánh đòn tan nát thịt da, vác thập giá nặng leo lên đồi cao, chịu đóng đinh chân tay rồi treo trên thập giá nửa ngày trời, đau đớn quằn quại cho tới chết... Chúng ta thử tưởng tượng xem, một người đàn bà bình thường sẽ than khóc, van nài, rên rỉ, kêu gào, la hét, lặn lội..., thảm thiết đến mức nào? Thế mà Đức Mẹ vẫn đứng vững dưới chân Thánh Giá.

Cả cuộc đời Đức Mẹ là tấm gương can đảm phi thường, Giáo Hội tôn vinh Đức Mẹ là Nữ Vương các thánh tử đạo, các ngài nhờ cậy trông, noi gương và được ơn Đức Mẹ phù giúp mà anh dũng đổ máu vì đức tin. Chúng ta noi gương nhân đức tin, cậy, kính mến Chúa, đức yêu người, đức đồng trình của Đức Mẹ để được ơn Chúa Thánh Thần và cậy trông Đức Mẹ nâng đỡ để chúng ta can đảm trước những gian nan khốn khó và can đảm xa tránh những phù phiếm xa hoa, cao sang danh giá ở đời này, là những thứ thiệt thòi cho phần phúc đời sau và xa lạc mất Chúa.

13-ĐỨC KHOAN DUNG.

Chúa Giêsu nhiều lần dạy chúng ta hãy khoan dung tha thứ: Mt 6, 14: “Vì nếu anh em tha lỗi cho người ta, thì Cha anh em trên trời cũng sẽ tha thứ cho anh em. Nhưng nếu anh em không tha thứ cho người ta, thì Cha anh em cũng sẽ không tha lỗi cho anh em.” Lc 6, 37: “Anh em đừng xét đoán, thì anh em sẽ không bị Thiên Chúa xét đoán. Anh em đừng lên án, thì sẽ không bị Thiên Chúa lên án. Anh em hãy tha thứ, thì sẽ được Thiên Chúa thứ tha.” Và nếu chúng ta giữ được lòng trong trắng không vương bết tội lỗi thì công phúc của việc tha thứ lớn lao vô cùng. Cho nên Chúa Giêsu đã nói cùng thánh Phêrô: “Thầy không bảo con phải tha đến bảy lần, nhưng đến bảy mươi lần bảy”. Vì Chúa còn dạy chúng ta cầu nguyện: “... và tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con...”

Đức Nữ Maria kính mến Chúa và yêu người không ai sánh bằng, thì cũng có lòng khoan dung trên hết mọi người. Từ khi Đức Mẹ phải bỏ con bé Chúa Con trốn chạy, tới những ngày Chúa Giêsu rao giảng Tin Mừng, rồi khi Chúa bị bắt, bị hành hạ đánh đập tàn tệ, chịu đóng đinh và chết thảm thiết nhục nhã, và của những năm tháng cùng các thánh tông đồ rao giảng Lời Chúa, bị người ta căm ghét, bắt bớ, hãm hại..., chúng ta thấy suốt cả đời Đức Mẹ trải dài những nỗi khốn khổ đau thương bởi những sự ghen ghét, bất công, tàn ác của người đời. Nhưng Đức Mẹ đã tha thứ hết như đã cùng Chúa Giêsu nói lời tha thứ lúc tàn hơi trên thập giá, rồi Đức Mẹ đã ôm cả nhân loại vào lòng như đón nhận Gioan theo lời trời trăn của Chúa.

Thế gian nhiều người chẳng những không biết tôn kính cậy trông mà còn tiếp tục xúc phạm phi báng, chống đối Đức Mẹ, nhưng Người vẫn tha thứ hết thảy. Tuy nhiên, tội dù được tha nhưng vạ phải đền, nên khi hiện ra tại Fatima, Đức Mẹ nhắn nhủ chúng ta hãy đền bù phạt tạ Trái Tim Đức Mẹ, để Người có thể cứu giúp chúng ta, và Giáo Hội đã đáp lời Đức Mẹ rất kịp thời: Phong Trào Đền Tạ Trái Tim Đức Mẹ, chuỗi Mân Côi rân rân khắp thế giới, người người dâng mình cho Đức Mẹ, ăn chay hãm mình, xưng tội rước lễ, nhất là rước lễ các thứ bảy đầu tháng..., nên Đức Mẹ đã cứu chữa Giáo Hội và toàn thế giới khỏi những tai họa, có thể thấy rõ là khủng khiếp gấp trăm lần những gì chúng ta đã chứng kiến.

Chúng ta cậy nhờ công nghiệp bởi đức khoan dung của Đức Mẹ để Người giúp chúng ta noi gương Người mà tha thứ hết thảy những ác độc, dữ tợn, bất công của người đời, để chúng ta được Chúa tha thứ hết mọi lỗi lầm mà được phần thưởng bội hậu trên Nước Trời.